

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

-----380-----



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CỦA DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM
CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THÙY – GIAI ĐOẠN 2**

**Địa điểm: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
(nay là xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội).**



HÀ NỘI, THÁNG NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

-----330-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM
CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THÙY – GIAI ĐOẠN 2

Địa điểm: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
(nay là xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội).

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Bạo

HÀ NỘI, THÁNG NĂM 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	15
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	18
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	35
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	35
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	36
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	38
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	38
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	72
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	74
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	76
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	79
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	80
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)	93
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	96
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	96
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	97
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	98

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	99
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	99
2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	99
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	101
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ.....	103

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí khu vực thực hiện dự án.....	3
Hình 1. 2. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án.....	6
Hình 1. 3. Một số hình ảnh hiện trạng Dự án.....	24
Hình 1. 4. Vị trí cửa xả nước mưa.....	28
Hình 1. 5. Vị trí xây dựng Trạm XLNT và điểm xả.....	32
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án.....	39
Hình 3. 2. Hình ảnh vị trí điểm xả nước thải ra kênh tiêu Yên Cốc.....	44
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của CCN.....	45
Hình 3. 4. Hình ảnh hệ thống XLNT tập trung công suất 200m ³ /ngày đêm.....	46
Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT TT công suất 200 m ³ /ngày đêm.....	47
Hình 3. 6. Quy trình công nghệ xử lý mùi bằng hấp phụ than hoạt tính.....	72
Hình 3. 7. Kho chứa CTNH.....	79
Hình 3. 8. Hình ảnh hồ sự cố.....	83
Hình 3. 9. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố hóa chất nguy hại.....	93

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm giới hạn ranh giới khu vực thực hiện Dự án	4
Bảng 1. 2. Cơ cấu sử dụng đất của CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2.....	7
Bảng 1. 3. Thống kê quy hoạch sử dụng đất của CCN Thanh Thùy – Giai đoạn 2	9
Bảng 1. 4. Danh sách các ngành dự kiến thu hút đầu tư của CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2.....	13
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải tập trung	15
Bảng 1. 6. Nhu cầu dùng nước của Dự án	16
Bảng 1. 7. Tính toán lưu lượng nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy	17
Bảng 1. 8. Thống kê lô nhà xưởng	21
Bảng 1. 9. Tổng hợp khối lượng giao thông	23
Bảng 1. 10. Bảng tổng hợp khối lượng cấp nước và hiện trạng thực hiện.....	25
Bảng 1. 11. Bảng tổng hợp khối lượng thoát nước mưa và hiện trạng thực hiện	27
Bảng 1. 12. Chất lượng nước thải đầu vào của Trạm XLNT tập trung.....	29
Bảng 1. 13. Bảng tổng hợp khối lượng thoát nước thải và hiện trạng thực hiện	30
Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa của CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2 đã hoàn thành	39
Bảng 3. 2. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2	41
Bảng 3.3. Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom và thoát nước thải CCN.....	44
Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT tập trung công suất 200m3/ngđ	51
Bảng 3. 5. Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống XLNT.....	51
Bảng 3. 6. Danh mục thiết bị của hệ thống quan trắc tự động, liên tục	56
Bảng 3. 7. Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống XLNT tập trung.....	68
Bảng 3. 8. Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống XLNT	69
Bảng 3. 9. Danh mục thiết bị xử lý mùi	73
Bảng 3. 10. Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý mùi	73
Bảng 3. 11. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và thông thường dự kiến phát sinh tại dự án	76
Bảng 3. 12. Khối lượng chất thải nguy hại trung bình năm.....	77
Bảng 3. 13. Tổng hợp một số thay đổi so với báo cáo ĐTM	94
Bảng 5. 1. Kế hoạch VHTN dự kiến	99
Bảng 5. 2. Kinh phí quan trắc hàng năm.....	101

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

- Địa chỉ văn phòng: Số 1 ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (*nay là phường Định Công, thành phố Hà Nội*).

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

Ông Dương Văn Bạo; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- Điện thoại: 024.2219.4237/ 024.6672.9999.

- E-mail: thanglonghjsc@gmail.com.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103333258, đăng ký lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 25/5/2020. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

2. Tên dự án đầu tư

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THUY – GIAI ĐOẠN 2

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (*nay là xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội*).

- Quyết định thành lập Dự án:

+ Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

+ Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

+ Quyết định 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

+ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai (thành lập theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội).

- Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:

+ Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

+ Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2” tại thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Giấy phép xây dựng của dự án đầu tư:

+ Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 24/7/2023 Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp phép xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án.

+ Giấy phép xây dựng số 70/GPXD ngày 12/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp phép xây dựng công trình Trạm xử lý nước thải thuộc Dự án.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp (CCN).

- Quy mô của dự án đầu tư:

Theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024, Dự án có tổng vốn đầu tư là 305,983 tỷ đồng, Dự án thuộc nhóm B (căn cứ theo khoản 2 điều 10 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Phân nhóm đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường: Dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (Dự án thuộc số thứ tự 4, mục số II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Căn cứ theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai (thành lập theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội); Hợp đồng thuê đất số 28/HĐTĐ-STNMY-KTĐ ngày 23/01/2025 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội) và Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long, diện tích

sử dụng của Dự án là 77.767 m², trong đó:

- Diện tích đất cụm công nghiệp khoảng 65.795m² (bao gồm diện tích đất 875m² xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đã được quy hoạch tại Lô B thuộc cụm công nghiệp Thanh Thủy - giai đoạn 1; không bao gồm diện tích đất 80m² nghĩa trang, ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai đã được quy hoạch trong khu vực cây xanh), cụ thể:

+ Đất xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp, đất dịch vụ hỗ trợ, xây dựng trung tâm quản lý điều hành): 44.562m².

+ Đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (đất xây dựng công trình kỹ thuật, công trình giao thông, trạm xử lý nước thải tập trung (diện tích 875 m²), đất cây xanh: 21.233 m².

- Diện tích đất khu vực khấp nối hạ tầng kỹ thuật (đất đường giao thông đầu nối cụm công nghiệp, đất hành lang an toàn đường bộ): 11.972 m².

Vị trí của CCN tiếp giáp với các đối tượng tự nhiên xung quanh như sau:

- + Phía Bắc giáp CCN Thanh Thủy giai đoạn 1;
- + Phía Đông giáp đường trục kinh tế phía Nam;
- + Phía Tây giáp đất nông nghiệp xã Tam Hưng;
- + Phía Nam giáp đất nông nghiệp xã Thanh Thủy.



Hình 1. 1. Vị trí khu vực thực hiện dự án

Ranh giới đất thực hiện Dự án theo Hợp đồng thuê đất số 28/HĐTD-STNMY-KTĐ ngày 23/01/2025 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội) và Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long, cụ

thể: diện tích khu đất giới hạn bởi các mốc 1 đến 12, M10, M9, M8, M8A-M8I, 1 (không bao gồm diện tích đất 80m² đất ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai đã được quy hoạch trong khu vực cây xanh) và 875m² đất trạm xử lý nước thải đã được quy hoạch bên lô B cụm công nghiệp Thanh Thùy-GĐ1.

Tọa độ địa lý các điểm giới hạn khu đất thực hiện dự án theo hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105⁰⁰' - Múi chiều 3⁰) như sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm giới hạn ranh giới khu vực thực hiện Dự án

TT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ (hệ tọa độ VN 2000)	
		X (m)	Y (m)
I	Dự án		
1	M1	2,309,022.61	583,336.96
2	M2	2,308,968.88	583,360.30
3	M3	2,308,877.50	583,401.06
4	M4	2,308,786.22	583,441.35
5	M5	2,308,695.12	583,479.57
6	M6	2,308,676.97	583,486.35
7	M7	2,308,604.90	583,513.30
8	M8	2,308,549.88	583,526.93
9	M8A	2,308,554.83	583,546.31
10	M8B	2,308,610.83	583,532.44
11	M8C	2,308,683.97	583,505.09
12	M8D	2,308,702.49	583,498.16
13	M8E	2,308,794.13	583,459.72
14	M8F	2,308,885.62	583,419.34
15	M8G	2,308,976.94	583,378.61
16	M8H	2,309,036.55	583,352.72
17	M8I	2,309,040.11	583,350.48
18	M9	2,308,528.20	583,438.32
19	M10	2,308,580.75	583,425.45
20	M11	2,308,601.57	583,409.85
21	M12	2,308,616.26	583,391.39
22	M13	2,308,635.44	583,365.62
23	M14	2,308,653.87	583,340.47

TT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ (hệ tọa độ VN 2000)	
		X (m)	Y (m)
24	M15	2,308,679.08	583,309.53
25	M16	2,308,723.97	583,353.23
26	M17	2,308,825.19	583,184.38
27	1	2,308,821.37	583,181.44
28	2	2,308,805.89	583,207.63
29	3	2,308,769.70	583,267.86
30	4	2,308,735.82	583,327.10
31	5	2,308,724.77	583,346.38
32	6	2,308,694.68	583,317.95
33	7	2,308,681.16	583,306.08
34	8	2,308,679.84	583,306.25
35	9	2,308,651.65	583,338.89
36	10	2,308,631.14	583,362.45
37	11	2,308,612.97	583,388.80
38	12	2,308,598.62	583,407.55
II	Trạm xử lý nước thải		
1	1	2,308,863.118	583,131.291
2	2	2,3088,79.920	583,143.790
3	3	2,308,895.290	583,123.480
4	4	2,308,885.620	583,115.990
5	5	2,308,900.920	583,096.060
6	6	2,308,892.930	583,089.450
7	7	2,308,888.540	583,095.123
8	8	2,308,885.929	583,093.337

[Nguồn: VB 194/STNMT-CCQLĐĐ]

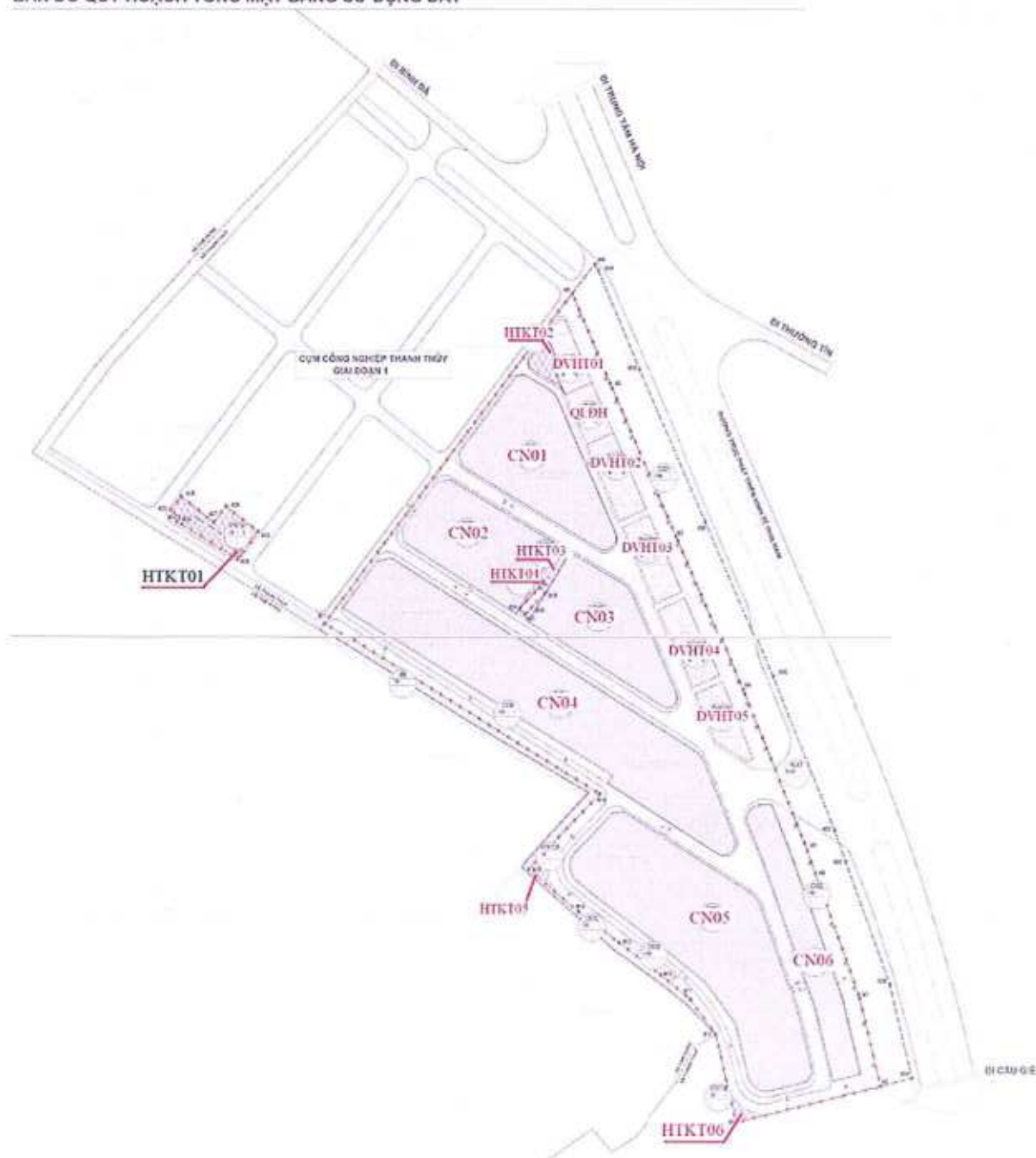
Cơ cấu sử dụng đất của Dự án căn cứ theo Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2

Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Ngày ban hành: 15/05/2024

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



Hình 1. 2. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

Bảng 1. 2. Cơ cấu sử dụng đất của CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2

TT	Loại đất	Căn cứ theo QĐ phê duyệt ĐTM số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021		Nội dung theo QĐ điều chỉnh 1/500 số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025		Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
A	Khu vực thực hiện dự án					
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	590	0,91	590	0,9	+ Giữ nguyên diện tích. + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	36.829	56,66	36.386	55,4	+ Giảm diện tích -443m ² gồm lô CN01 ÷ CN06. + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật	105	0,16	1.818	2,8	+ Tăng diện tích khoảng 1.713 m ² trong đó bổ sung diện tích đất 875m ² xây dựng Trạm XLNT (tại lô B thuộc CCN Thanh Thùy - giai đoạn 1) vào lô đất HTKT01 theo QĐ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội. + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
IV	Đất cây xanh	6.499	10,00	9.787	14,8	+ Tăng diện tích +3.288m ² để đảm bảo diện tích đất cây xanh theo QCCN 01:2021/BXD; Không bao gồm phần diện tích đất 80m ² đất nghĩa trang (ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học) theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội. + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
V	Đất dịch vụ hỗ trợ	7.143	10,99	4.126	6,2	+ Giảm diện tích khoảng -3.287 m ² . + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông	13.834	21,28	13.088	19,9	+ Giảm diện tích khoảng -746 m ² .

TT	Loại đất	Căn cứ theo QĐ phê duyệt ĐTM số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021		Nội dung theo QĐ điều chỉnh 1/500 số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025		Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
						+ Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
	Tổng diện tích thực hiện dự án	65.000	100,00	65.795	100,00	
B	Khu vực khớp nối HTKT0					
I	Đất cây xanh cách ly (CXCL)	924	7,72	924	7,7	+ Giữ nguyên diện tích. + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
II	Đất cây xanh (CX 06-07)	798	6,67	-	-	
III	Đất mặt nước	705	5,89	798	6,67	+ Tăng diện tích khoảng +93 m ² . + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
IV	Đất hành lang an toàn đường bộ	8.550	71,42	10.343	86,4	+ Tăng diện tích khoảng +1.793 m ² . + Đã hoàn thành vào tháng 6/2025.
V	Đất giao thông khớp nối khu vực	995	8,31	-	-	
	Tổng diện tích khớp nối HTKT0	11.972	100,00	11.972	100,00	+ Không thay đổi
	Khu vực nghiên cứu quy hoạch CCN làng nghề Thanh Thủy GD2	76.972		77.767		
	Khu vực nghiên cứu quy hoạch CCN Thanh Thủy GD1	54.354		54.354		

(Nguồn: Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – giai đoạn)

Bảng 1.3. Thống kê quy hoạch sử dụng đất của CCN Thanh Thủy – Giai đoạn 2

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Chỉ tiêu SDD theo QĐ 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 phê duyệt quy hoạch 1/500 (m ²)					Chỉ tiêu SDD theo QĐ 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 điều chỉnh quy hoạch 1/500 (m ²)					Ghi chú	
			Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)		
A	Khu vực thực hiện Dự án													
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý, điều hành	QLĐH	590				0,91	590				0,9		Giữ nguyên
	Đất xây dựng trung tâm quản lý, điều hành	QLĐH	590	80	5,0	4,0		590	80	5,0	6,0			
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN	36.892				56,66	36.386				55,4		
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN01	6.482	70	1-2	1,4		4.966	70	1-2	1,4		Điều chỉnh diện tích 06 lô CN01 ÷ CN06.	
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN02	4.074	70	1-2	1,4		4.047	70	1-2	1,4			
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN03	4.285	70	1-2	1,4		3.814	70	1-2	1,4			
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN04	11.226	70	1-2	1,4		10.771	70	1-2	1,4			
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN05	10.789	70	1-2	1,4		9.720	70	1-2	1,4			
2.6	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 06	CN06	-	-	-	-		3.068	70	1-2	1,4			
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		105				0,16	1.818				2,8		
3.1	Công trình kỹ thuật 01	HTKT01	105					875					Điều chỉnh diện tích 06	
3.2	Công trình kỹ thuật 02	HTKT02	-					290						

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Chỉ tiêu SDD theo QĐ 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 phê duyệt quy hoạch 1/500 (m ²)					Chỉ tiêu SDD theo QĐ 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 điều chỉnh quy hoạch 1/500 (m ²)					Ghi chú
			Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	
3.3	Công trình kỹ thuật 03	HTKT03	-					180					lô HTKT01 ÷ HTKT06.
3.4	Công trình kỹ thuật 04	HTKT04	-					181					
3.5	Công trình kỹ thuật 05	HTKT05	-					161					
3.6	Công trình kỹ thuật 06	HTKT06	-					131					
IV	Đất cây xanh		6.499				10,00	9.787				14,8	
4.1	Cây xanh 01	CX01	912					3.048					Điều chỉnh diện tích 04 lô CX01 ÷ CX04
4.2	Cây xanh 02	CX02	441					1.782					
4.3	Cây xanh 03	CX03	547					4.083					
4.4	Cây xanh 04	CX04	1.808					874					
4.5	Cây xanh 05	CX05	2.791					-					
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		7.143				10,99	4.126				6,2	
5.1	Trạm xăng dịch vụ	TXDV	812	40	1,0	0,4		-					
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ 01	DVHT01	720	80	2,0	1,6		660	80	2,0	1,6		Điều chỉnh diện tích 05 lô DVHT01 ÷ DVHT05
5.3	Công trình dịch vụ hỗ trợ 02	DVHT02	990	80	2,0	1,6		900	80	2,0	1,6		
5.4	Công trình dịch vụ hỗ trợ 03	DVHT03	810	80	2,0	1,6		900	80	2,0	1,6		
5.5	Công trình dịch vụ hỗ trợ 04	DVHT04	933	80	2,0	1,6		900	80	2,0	1,6		
5.6	Công trình dịch vụ hỗ trợ 05	DVHT05	963	80	2,0	1,6		766	80	2,0	1,6		
5.7	Công trình dịch vụ hỗ trợ 06	DVHT06	990	80	2,0	1,6		-					
5.8	Công trình dịch vụ hỗ trợ 07	DVHT07	920	80	2,0	1,6		-					
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		13.834				21,28	13.088				19,9	
6.1	Đất giao thông	GT	13.102					13.088					
6.2	Bãi đỗ xe 1	BĐX1	396										
6.3	Bãi đỗ xe 2	BĐX2	336										
	Tổng diện tích thực hiện Dự án		65.000					65.795					

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Chỉ tiêu SDD theo QĐ 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 phê duyệt quy hoạch 1/500 (m ²)					Chỉ tiêu SDD theo QĐ 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 điều chỉnh quy hoạch 1/500 (m ²)					Ghi chú
			Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	
B	Khu vực khớp nối HTKT												
	Tổng diện tích khớp nối HTKT		11.972						11.972				
	Tổng		76.972						77.767				

(Nguồn: Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 và Quyết định 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500)

** Phạm vi của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:*

- Các hạng mục công trình của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 đã được phê duyệt trong Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2020, đã xây dựng và thuộc phạm vi xin cấp phép của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

- + Hệ thống giao thông;
- + Hệ thống thu gom, thoát nước mưa;
- + Hệ thống thu gom, thoát nước thải;
- + Hệ thống cấp điện, chiếu sáng;
- + Hệ thống cấp nước;
- + Hệ thống thông tin liên lạc;
- + Hệ thống phòng cháy, chữa cháy (PCCC);
- + Cây xanh;
- + 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày (24 giờ).
- + 01 hồ sự cố dung tích khoảng 400 m³;
- + 01 Kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 4,4 m²;

- Phạm vi của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường không bao gồm: Hoạt động thu gom, xử lý nước thải phát sinh của CCN Thanh Thùy – giai đoạn 1.

** Các nội dung chủ dự án tiếp tục thực hiện theo Quyết định phê duyệt ĐTM số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2020:*

- Nước thải phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 1 sẽ được thu gom riêng với nước mưa và được xử lý đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư hạ tầng CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm của Dự án.

- Sau khi đã hoàn thành hạng mục của CCN Thanh Thùy – Giai đoạn 1 nêu trên, Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội để được xem xét cấp phép theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2” là dự án thuộc nhóm dự án về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật, không phải thuộc nhóm dự án sản xuất do đó không có công nghệ sản xuất.

Theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, các ngành nghề thu hút đầu tư vào Dự án chủ yếu:

- Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất cơ kim khí và chế biến nông sản, chế biến bảo quản sau thu hoạch thóc, gạo cho bà con nông dân các xã trên địa bàn huyện và các huyện lân cận của thành phố Hà Nội;

- Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

- Dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

Căn cứ theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, danh sách các ngành dự kiến thu hút đầu tư của Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2 như sau:

Bảng 1. 4. Danh sách các ngành dự kiến thu hút đầu tư của CCN làng nghề Thành Thủy – Giai đoạn 2.

STT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế (theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
1.	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C 10
2.	Sản xuất đồ uống	C 11
3.	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện (Không bao gồm xe gỗ và chế biến gỗ thô)	C 16
4.	Sản xuất kim loại	C 24
5.	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (Không bao gồm sản xuất vũ khí và đạn dược)	C 25 (Không bao gồm mã C 252)
6.	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C 28
7.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C 29
8.	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C 30
9.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C 31
10.	Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các máy móc, thiết bị	C 33
11.	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	G 46613
12.	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H 52
13.	Bưu chính và chuyển phát	H 53

*** Quản lý và vận hành CCN:**

Công ty CP Tập đoàn Thăng Long Việt Nam sẽ quản lý, giám sát các công tác bảo vệ môi trường đồng thời vận hành Trạm xử lý nước thải, duy tu và bảo dưỡng các công

trình hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

- Công ty CP Tập đoàn Thăng Long Việt Nam thực hiện lập Quy chế BVMT của CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 để làm cơ sở cho các nhà đầu tư thứ cấp vào CCN.

- Quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật của CCN.

- Lên kế hoạch bố trí, sắp xếp vị trí, các loại hình sản xuất trong CCN phù hợp tránh tác động lớn đến nhau theo chiều hướng xấu. Sắp xếp các loại hình sản xuất của đơn vị thứ cấp theo đúng quy hoạch ngành nghề được duyệt tại các lô đất.

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thứ cấp thực hiện các trách nhiệm liên quan đối với CCN (ví dụ như kiểm tra đôn đốc các đơn vị thứ cấp đầu nối nước thải vào đường ống thu gom nước thải của CCN..);

- Bảo vệ an ninh, trật tự, khối lượng xe ra vào CCN, quét dọn vệ sinh công cộng, thu gom rác thải sinh hoạt;

- Chăm sóc cây xanh, tưới cây, rửa đường tại các khu vực trong khuôn viên dự án;

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Quan trắc môi trường định kỳ. Bùn thải sẽ được lấy mẫu phân tích để xác định thành phần nguy hại và phân loại trước khi đem đi xử lý.

- Các nội dung quản lý khác có liên quan.

- Các đơn vị thứ cấp có trách nhiệm đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của dự án và xử lý nước thải đầu ra tại đơn vị đạt tiêu chuẩn nước đầu vào của trạm XLNT tập trung của CCN.

3.3. Sản phẩm của Dự án đầu tư

Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 và nội dung về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội, Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các sản phẩm của Dự án như sau:

- Diện tích đất thực hiện Dự án là 77.767 m², gồm:

- + Diện tích đất thuộc phạm vi cụm công nghiệp khoảng 65.795m² (bao gồm diện tích đất 875m² xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đã được quy hoạch tại Lô B thuộc cụm công nghiệp Thanh Thùy - giai đoạn 1; không bao gồm diện tích đất 80m² nghĩa trang, ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai đã được quy hoạch trong khu vực cây xanh). Hiện chưa có nhà đầu tư thứ cấp thuê, tỷ lệ lấp đầy 0%.

- + Diện tích đất khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật (đất đường giao thông đầu nối cụm công nghiệp, đất hành lang an toàn đường bộ): 11.972 m².

- Các công trình bảo vệ môi trường:

- + Trạm XLNT tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm được quy hoạch bố trí xây

dựng tại Lô HTKT01 theo Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Hiện trạng: đã xây dựng và chuẩn bị đi vào vận hành thử nghiệm. Ngoài ra, Dự án đã lắp đặt hệ thống quan trắc online và xây dựng hồ sơ cố với thể tích 400 m³ nằm trong khuôn viên xây dựng trạm XLNT.

- + Kho CTNH diện tích 4,5m² (vị trí: Lô HTKT01, cạnh Trạm XLNT tập trung).
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:
- + Hệ thống giao thông.
- + Hệ thống cấp điện và cấp nước.
- + Hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa.
- + Hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- + Mạng lưới thông tin liên lạc cho CCN.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị trong giai đoạn vận hành dự án

Dự án đi vào hoạt động chủ yếu là quản lý hạ tầng của CCN. Đối với các cơ sở hoạt động trong CCN, các máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất sẽ được các nhà đầu tư mua sắm và được đánh giá chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng cơ sở. Do đó, trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, chủ yếu là các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày đêm của CCN như: máy bơm nước, máy sục khí, máy khuấy, trạm biến áp... Ngoài ra còn một số máy móc phục vụ hoạt động của văn phòng như: máy tính, máy in...

4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất của dự án

Nguyên liệu, hóa chất được sử dụng trong giai đoạn vận hành của Dự án chủ yếu là các hóa chất phục vụ hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Khối lượng hóa chất cần sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung khi hoạt động với công suất 200 m³/ngày đêm như sau:

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Loại hóa chất	Ký hiệu	Định mức (kg/m ³)	Khối lượng (kg/ngày)
1	Poly Aluminate	PAC	0,05	5
2	Polymer	PAM	0,0005	0,05
3	Dung dịch điều chỉnh pH	H ₂ SO ₄ , NaOH	0,003	0,3
4	Chất khử trùng	Clorine	0,006	0,6
	Tổng			5,95

Các hóa chất sử dụng được lưu giữ bảo quản tại Nhà hóa chất (thuộc khu đất xây dựng trạm XLNT), hóa chất được bố trí riêng theo từng loại, lưu chứa tại các thùng/bao bì kín. Bên trong kho có hệ thống quạt thông gió và được trang bị các thiết bị chữa cháy. Các hóa chất được Dự án sử dụng là loại được phân phối rộng rãi trên thị trường Việt Nam và được đơn vị cung cấp giao theo kế hoạch vận hành hệ thống xử lý. Dự án không có nhu cầu lưu giữ hóa chất dài hạn.

Đối với các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp, tùy thuộc vào loại hình hoạt động và công nghệ sản xuất sẽ có yêu cầu về nhu cầu sử dụng hóa chất riêng biệt. Cụ thể khối lượng và thành phần hóa chất sử dụng sẽ được trình bày trong hồ sơ môi trường của mỗi cơ sở trước khi đi vào hoạt động.

4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu (điện, nước, gas/dầu)

a. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn điện: được cung cấp từ Trạm 110kV/22kV Thanh Oai do Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội quản lý theo Biên bản thỏa thuận đấu nối số 2151/BB-EVNHA NOI ngày 11/03/2025.

- Công suất điện sử dụng: Dự kiến tổng nhu cầu sử dụng điện cho Dự án khoảng 6.213,6 kVA (Nguồn: Thuyết minh điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2).

b. Nhu cầu sử dụng nước

*** Nguồn cấp nước:**

Nước sạch được cấp qua đường ống D110 từ Trạm cấp nước sạch liên xã Tam Hưng Thanh Thùy công suất 4.100 m³/ngày đêm theo văn bản số 15/CV-BQL ngày 14 tháng 04 năm 2020 của Ban QLDA Chương trình nước sạch và Vệ sinh Nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PT Nông thôn Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội, chấp thuận cho CCN được đấu nối đường ống sử dụng nước sạch tại khu vực.

*** Nhu cầu cấp nước:**

Nhu cầu sử dụng nước được tính toán chi tiết tại bảng sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu dùng nước của Dự án

Stt	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Nhu cầu (m ³ /ngày đêm)	Ghi chú
1.	Nước khu công nghiệp	3,63 ha	20 m ³ /ha/ngày đêm	72,6	Mục 4.2.3 TCVN 13606:2023
2.	Nước sinh hoạt của công nhân (không bao gồm cán bộ, nhân viên khu dịch vụ)	500 người	80 lít/người/ngày đêm	40	Bảng 4 - Mục 5.1.4 TCVN 13606:2023

Stt	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Nhu cầu (m ³ /ngày đêm)	Ghi chú
3.	Nước dịch vụ hỗ trợ	4.126 m ²	2 lít/m ² /ngày đêm	8,3	Mục 2.10.2 QCVN 01:2021/BXD; Bảng 2 - Mục 5.1.2 TCVN 13606:2023
4.	Nước trung tâm quản lý điều hành	590 m ²	10% Nước cấp sinh hoạt	4,0	Mục 2.10.2 QCVN 01:2021/BXD
5.	Tưới cây	9.787 m ²	3 lít/m ² /ngày đêm	29,3	Mục 2.10.2 QCVN 01:2021/BXD
6.	Rửa đường, bãi đỗ xe	13.088 m ²	0,4 lít/m ² /ngày đêm	5,2	Mục 2.10.2 QCVN 01:2021/BXD
7.	Nước rò rỉ dự phòng (7=12%(1+2+3+4+5+6))		12%	19,1	Bảng 2 - Mục 5.1.2 TCVN 13606:2023
8.	Công suất mạng cấp nước (8=1+2+3+4+5+6+7)			178,5	
9.	Lưu lượng nước sử dụng nhiều nhất trong ngày (9=8*K _{max})		1,2	214	
10.	Nước cho phòng cháy chữa cháy tính 1 đám cháy (dự trữ nước trong 3h) (*)			324	Điều 5 - QCVN 06:2022/BXD
	Tổng lưu lượng nước sử dụng nước lớn nhất (khi có cháy)			538	

Ghi chú:

+ TCVN 13606:2023: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế.

+ QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

(*) Lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà: 30 l/s. Thời gian chữa cháy: 3 giờ. => Lượng nước dự trữ cho chữa cháy ngoài nhà: 30 x 3 x 3,6 = 324m³

*** Lưu lượng nước thải phát sinh:**

Tính toán lưu lượng nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy (giai đoạn 2):

Bảng 1. 7. Tính toán lưu lượng nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2

STT	Đối tượng dùng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày đêm)	% xả thải (*)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày đêm)
	CCN làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2			113,8
1	Nước lô đất công nghiệp	72,6	80	59,2

STT	Đối tượng dùng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày đêm)	% xả thải (*)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày đêm)
2	Nước sinh hoạt của công nhân (không bao gồm cán bộ, nhân viên khu dịch vụ)	40	100	40
3	Nước dịch vụ hỗ trợ (trạm xăng dịch vụ và khu nhà trưng bày sản phẩm,..)	8,3	100	8,3
4	Nước trung tâm quản lý điều hành	4,0	100	4,0
D	Lưu lượng nước thải lớn nhất (Hệ số K=1,2)			137
E	Công suất Trạm XLNT tập trung			200

Ghi chú: (*) Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ Xây dựng: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Khoảng cách an toàn môi trường

- Quanh cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy-Giai đoạn 2 quy hoạch đã bố trí dải cây xanh cách ly với chiều rộng ≥ 10 m đáp ứng quy định tại mục 2.5.2 của QCVN 01:2021/BXD.

- Khoảng cách gần nhất từ Trạm XLNT tập trung đến khu dân cư phía Đông dự án khoảng 400m; khu dân cư phía Tây dự án khoảng 500m. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng cho thấy: Dự án đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường (ATVSMT) từ nguồn thải đến công trình gần nhất của khu dân cư tối thiểu 15m (theo quy định tại Bảng 2.22, mục 2.11.4 – Đối với công trình xử lý nước thải công suất 200 - 5.000 m³/ngày của CCN có công nghệ hóa lý - sinh học và có hệ thống thu gom, xử lý mùi).

5.2. Các văn bản pháp lý đã thực hiện của Dự án đầu tư

(1). Quá trình hình thành và triển khai Dự án

- Ngày 04/10/2019 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5511/QĐ-UBND về việc thành lập Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội và giao Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội nay là Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Ngày 25/12/2020 UBND huyện Thanh Oai ban hành Quyết định số 2755/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2.

- Ngày 01/03/2021 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 993/QĐ-

UBND về việc điều chỉnh tên “Chủ đầu tư” Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Ngày 15/4/2021, Dự án được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND.

- Ngày 19/01/2022 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tiến độ Dự án đầu tư xây dựng đến Quý IV/2023 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Ngày 18/05/2023 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2789/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy Giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai.

- Ngày 19/4/2024: Dự án tiến hành điều chỉnh quy mô diện tích 77.767m² và điều chỉnh tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai (thành lập theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội).

- Ngày 23/07/2024 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 3814/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 của UBND Thành phố;

- Ngày 26/12/2024, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số: 6675/QĐ-UBND về việc chuyển hình thức sử dụng đất từ “Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê” sang hình thức “Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm” tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố;

- Ngày 24/07/2024 UBND huyện Thanh Oai cấp giấy phép xây dựng số: 33/GPXD cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2;

- Ngày 03 tháng 08 năm 2024 UBND huyện Thanh Oai phối hợp với Chủ đầu tư làm lễ khởi công xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2;

- Ngày 12/11/2024 UBND huyện Thanh Oai cấp giấy phép xây dựng số: 70/GPXD cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc xây dựng trạm xử lý nước thải trong Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2;

- Ngày 26/11/2024, Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam phối hợp với đơn vị thi công trạm xử lý nước thải Công ty TNHH công nghệ xanh BKAC và các đơn vị liên quan khởi công xây dựng Trạm xử lý nước thải 200m³/ngày đêm để phục vụ xử lý nước thải cho Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2.

- Ngày 10/6/2025, Chủ dự án đầu tư điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ

1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2 và được UBND huyện Thanh Oai phê duyệt tại Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 với tổng diện tích thực hiện Dự án khoảng 77.767 m².

- Ngày 02/07/2025, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số: 3628/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Thanh Thùy - Giai đoạn 2 (thành lập tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số: 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội) (điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án).

** Các văn bản pháp lý liên quan khác:*

+ Văn bản số 1568/SNN-TL ngày 27/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận đầu nối thoát nước Dự án.

+ Văn bản số 1258/SKHCN-QLCN ngày 08/7/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội về việc phương án công nghệ trạm xử lý nước thải thuộc Dự án.

+ Biên bản nghiệm thu số 306/PYC/BGHMCTĐVSD/TL-BKAC ngày 30/6/2025 Hoàn thành bàn giao hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.

5.3. Các hạng mục công trình tiếp tục triển khai sau khi được cấp Giấy phép môi trường

5.3.1. Quy mô sử dụng đất

Tổng diện tích đất thực hiện Dự án khoảng 77.767m², trong đó:

* Diện tích khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật (HTKT): Khoảng 11.972 m², chiếm 15,55% tổng diện tích đất lập quy hoạch, gồm:

+ Đất hành lang an toàn đường bộ xây dựng đoạn đường giao thông đầu nối với CCN và đường trục phát triển phía Nam chạy dọc phía Đông Bắc của dự án có diện tích 10.343m², chiếm tỷ lệ 86,4% khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật. Đã hoàn thành xây dựng HTKT vào tháng 6/2025.

+ Đất cây xanh cách ly và đất mặt nước khoảng 1.629m² chiếm tỷ lệ 13,6% khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật. Đã hoàn thành xây dựng HTKT vào tháng 6/2025.

* Diện tích đất thuộc phạm vi Cụm công nghiệp: 65.795 m², bao gồm 06 chức năng sử dụng đất chính, cụ thể như sau:

+ **Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp:**

Tổng diện tích khoảng 36.386m² chiếm 55,4% diện tích đất dự án bao gồm 6 ô đất ký hiệu từ CN01 đến CN06.

Chức năng: các ô đất ký hiệu CN01 đến CN06 là nhà xưởng sản xuất kết hợp kho, bãi xe vận chuyển, bãi tập kết hàng hóa, văn phòng điều hành.

Chi tiết các Đất nhà xưởng theo *Bản đồ chia lô nhà máy, xí nghiệp được phê duyệt kèm Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai* như sau:

Bảng 1. 8. Thống kê lô nhà xưởng

STT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích lô đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Đất nhà xưởng 01	CN01	4.966	3.476	Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành san nền và phân Đất nhà xưởng đạt khoảng 90%
2	Đất nhà xưởng 02	CN02	4.047	2.833	
2.1	Đất nhà xưởng 02-PX01	CN02-PX1	1.000	700	
2.2	Đất nhà xưởng 02-PX02	CN02-PX2	1.000	700	
2.3	Đất nhà xưởng 02-PX03	CN02-PX3	1.000	700	
2.4	Đất nhà xưởng 02-PX04	CN02-PX4	1.047	733	
3	Đất nhà xưởng 03	CN03	3.814	2.670	
3.1	Đất nhà xưởng 03-PX01	CN03-PX1	1.000	700	
3.2	Đất nhà xưởng 03-PX02	CN03-PX2	1.000	700	
3.3	Đất nhà xưởng 03-PX03	CN03-PX3	1.814	1.270	
4	Đất nhà xưởng 04	CN04	10.771	7.540	
4.1	Đất nhà xưởng 04-PX01	CN04-PX1	1.094	765,8	
4.2	Đất nhà xưởng 04-PX02	CN04-PX2	1.000	700	
4.3	Đất nhà xưởng 04-PX03	CN04-PX3	1.000	700	
4.4	Đất nhà xưởng 04-PX04	CN04-PX4	1.485	1.039,5	
4.5	Đất nhà xưởng 04-PX05	CN04-PX5	1.000	700	
4.6	Đất nhà xưởng 04-PX06	CN04-PX6	1.000	700	
4.7	Đất nhà xưởng 04-PX07	CN04-PX7	1.000	700	
4.8	Đất nhà xưởng 04-PX08	CN04-PX8	1.000	700	
4.9	Đất nhà xưởng 04-PX09	CN04-PX9	1.000	700	
4.10	Đất nhà xưởng 04-PX10	CN04-PX10	1.192	834,4	
5	Đất nhà xưởng 05	CN05	9.720	6.804	
5.1	Đất nhà xưởng 05-PX01	CN05-PX1	1.000	700	
5.2	Đất nhà xưởng 05-PX02	CN05-PX2	1.000	700	
5.3	Đất nhà xưởng 05-PX03	CN05-PX3	1.000	700	
5.4	Đất nhà xưởng 05-PX04	CN05-PX4	1.520	1.064	
5.5	Đất nhà xưởng 05-PX05	CN05-PX5	2.000	1.400	
5.6	Đất nhà xưởng 05-PX06	CN05-PX6	1.000	700	
5.7	Đất nhà xưởng 05-PX07	CN05-PX7	1.000	700	

STT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích lô đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Ghi chú
5.8.	Đất nhà xưởng 05-PX08	CN05-PX8	1.200	840	
6	Đất nhà xưởng 06	CN06	3.068	2.148	
6.1.	Đất nhà xưởng 06-PX01	CN06-PX1	1.068	747,6	
6.2.	Đất nhà xưởng 06-PX02	CN06-PX2	1.000	700	
6.3.	Đất nhà xưởng 06-PX03	CN06-PX3	1.000	700	

(Nguồn: Bản đồ chia lô nhà máy, xí nghiệp được phê duyệt kèm Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai)

+ Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành:

Tổng diện tích khoảng 590m² gồm 01 ô đất ký hiệu QLĐH, chiếm 0,9% tổng diện tích khu vực thực hiện Dự án.

Bổ sung quy hoạch 01 tầng hầm tại ô đất quy hoạch xây dựng trung tâm quản lý điều hành ký hiệu QLĐH theo Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai.

Chức năng: Nhà điều hành trung tâm nơi làm việc của Ban quản lý Cụm công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ.

+ Đất cây xanh:

Tổng diện tích khoảng 9.787 m² (không bao gồm diện tích 80m² đất nghĩa trang (ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội), chia thành 04 lô đất ký hiệu CX01, CX02, CX03, CX04.

Tỷ lệ đất cây xanh chiếm 14,8% tổng diện tích khu vực thực hiện Dự án, đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD. Đất cây xanh có chức năng tạo cảnh quan tạo không gian xanh cho cụm công nghiệp.

+ Đất dịch vụ hỗ trợ:

Tổng diện tích khoảng 4.126m² chiếm 6,2% tổng diện tích khu vực thực hiện Dự án, gồm 05 ô đất ký hiệu DVHT01, DVHT02, DVHT03, DVHT04, DVHT05.

Chức năng các ô đất ký hiệu DVHT gồm: Công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; mật độ xây dựng thuần tối đa là 80%, tầng cao 2 tầng.

+ Đất xây dựng các công trình kỹ thuật:

Tổng diện tích khoảng 1.818 m² gồm 06 lô đất ký hiệu HTKT01 ÷ HTKT06.

Chức năng:

- Lô HTKT01: đất xây dựng công trình Trạm XLNT tập trung của CCN.
- Lô HTKT02: đất xây dựng Bể chứa nước ngầm, trạm bơm tăng áp và PCCC.
- Lô HTKT03 và HTKT04: dự kiến khu vực đặt Trạm biến áp 1 và máy phát điện.

- Lô HTKT05, HTKT06: dự kiến khu vực bố trí các công trình kỹ thuật khác.

+ Đất xây dựng các công trình giao thông:

Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp và các công trình giao thông, có tổng diện tích 13.088m², chiếm tỷ lệ 19,9% tổng diện tích Dự án.

5.3.2. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và công trình bảo vệ môi trường

Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và công trình bảo vệ môi trường đã được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và hoàn thiện theo đúng tiến độ tại Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Chi tiết như sau:

(1). Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông nội bộ: Quy hoạch 06 tuyến đường được ký hiệu TVG1, TVG2, TVG3, TVG4, TVG5, TVG6 có mặt cắt ngang đường rộng khoảng từ 3,5m đến 12,0m.

Bảng 1. 9. Tổng hợp khối lượng giao thông

STT	Tên đường	Mặt cắt	Mặt cắt ngang (m)		Chi giới đường đỏ (m)	Chiều dài (m)	Ghi chú
			Lòng đường	Via hè			
1	TVG3	1-1	2×3m	2×3m	12,00	290,37	Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành đạt khoảng 80%
2	TVG2	2-2	2×3,75m	2×1,5m	10,50	138,89	
3	TVG1	2A-2A	2×3,75m	2×1,5m	10,50	206,90	
4	TVG1	2B-2B	2×3,75m	2×1,5m	10,50	107,5	
5	TVG4	3-3	2×3,75m	0+1,5m	9,00	107,12	
6	TVG1	4A-4A	3,5m	0+1,5m	5,00	153,4	
7	TVG6	5-5	5,5m	0+1,5m	7,00	223,15	
8	TVG5	4-4	3,5m	0,00	3,50	288,39	
9	TVG4	4B-4B	3,5m	0,00	3,50	206,7	
Tổng chiều dài đường giao thông						13.088	
Phần hành lang đường trực phát triển kinh tế phía Nam						10.343	

(Nguồn: Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông và chi giới đường đỏ, chi giới xây dựng được phê duyệt kèm QĐ số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025)

Một số hình ảnh hiện trạng Dự án như sau:



Hình ảnh tuyến đường nội bộ đã hoàn thiện và khu vực cây xanh



Hình ảnh tuyến đường nội bộ đang thi công và khu vực cây xanh

Hình 1. 3. Một số hình ảnh hiện trạng Dự án

(2). Hệ thống cấp nước và PCCC

- Nguồn nước cấp đầu nối từ đường ống hố van hiện trạng phía Bắc cụm công nghiệp, trên đường ống cấp nước D110 từ trạm cấp nước sạch liên xã Tam Hưng - Thanh Thùy đến.

- Tại các vị trí có sự đổi hướng dòng chảy (Tê, cút...) xây bể, đổ bê tông gối đỡ.
- Trên tuyến có bố trí các trụ lấy nước chữa cháy DN110 loại 3 họng lấy nước.
- Ống phân phối sử dụng nhựa HDPE, đạt tiêu chuẩn, ISO 4427 PN10, chịu áp lực $PN=10\text{kg/cm}^2$.
- Ống dịch vụ sử dụng ống nhựa HDPE, đạt tiêu chuẩn, ISO 4427 – PN8 chịu áp lực $PN=8\text{kg/cm}^2$.

Sử dụng vật tư, phụ kiện, van đạt tiêu chuẩn DIN 3352, chịu áp lực $PN = 10\text{kg/cm}^2$.

- Bể chứa nước: Bể chứa nước hình dáng hình học bao gồm 2 khối:
 - + Khối hình chữ nhật: kích thước xây dựng $D \times R \times C = 8 \times 6,5 \times 7,0\text{m}$.
 - + Khối hình thang: kích thước xây dựng $D \times R \times C = (6,5; 3,8) \times 3,75 \times 7,0\text{m}$ (kích thước dài (cạnh dưới; cạnh trên) + rộng + chiều cao)
- + Bể chứa nước xây kiểu bể ngầm.
- + Kết cấu bể : bê tông cốt thép mác 300#. Đáy bể BTCT dày 250mm. Thân tường BTCT dày 250mm. Nắp bể BTCT dày 150mm.

Bên trong bể chia tường ngăn bằng bê tông cốt thép để tăng khả năng chịu lực cho phần nắp bể, khoảng cách giữa các tường ngăn 7,0m tính đến tim tương, tại vị trí đáy các

tường ngăn bố trí các cửa thông nước kích thước 1,5x1,0mm. Vị trí tiếp giáp với nắp bể bố trí các cửa thông khí.

- Trạm bơm nước: kích thước xây dựng $D \times R \times C = 8,0 \times 5,25$ (kích thước dài x rộng) cao 02 tầng. Kết cấu: Thân tường trạm bơm xây gạch 220. Mái trạm bơm lợp tôn cách nhiệt. Trong trạm bơm bố trí 2 cụm bơm : bơm sinh hoạt và bơm cứu hỏa.

*** Phương án PCCC**

Theo hồ sơ thiết kế phần hạ tầng kỹ thuật đã được Phòng Cảnh sát phóng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an thành phố Hà Nội thẩm duyệt tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 412/TD- PCCC ngày 21/4/2022 và Văn bản số 207/TD-PCCC ngày 04/3/2025 về việc thẩm duyệt đối với hồ sơ thiết kế điều chỉnh về PCCC (đính kèm phụ lục báo cáo), cụ thể:

- Thiết kế hạ tầng kỹ thuật CCN về cung cấp nước chữa cháy, từ các trụ lấy nước cứu hỏa đặt dọc theo các tuyến đường, nhằm đảm bảo khi cần các xe chữa cháy đến lấy nước khi có cháy xảy ra tại các công trình, nhà máy, xí nghiệp trong Khu công nghiệp.

- Mỗi công trình, nhà máy, xí nghiệp được cấp phép xây dựng trong CCN, tùy thuộc vào quy mô xây dựng, khối tích các công trình, bậc chịu lửa của công trình..., vẫn cần phải thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy cả bên trong và bên ngoài công trình trong phạm vi xây dựng, để chủ động phòng cháy và chữa cháy khi có cháy xảy ra trước khi cần đến sự hỗ trợ của lực lượng cảnh sát chữa cháy.

- Các trụ lấy nước cứu hỏa trên các tuyến đường được thiết kế lấy nước từ mạng cấp nước sản xuất và cấp nước sinh hoạt chung cho cả Khu công nghiệp.

- Trên các trục đường sẽ đặt các trụ cứu hỏa với khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không lớn hơn 400m (QCVN 06:2022/BXD). Các họng cứu hỏa được bố trí nổi ở các vị trí sao cho xe cứu hỏa có thể tiếp cận lấy nước dễ dàng khi có cháy xảy ra.

+ Khoảng cách tối đa giữa các họng cứu hỏa là không lớn hơn 400m.

+ Bố trí không quá 5 họng cứu hỏa trên một đoạn ống.

+ Các đoạn ống cắt, thiết kế không dài quá 200m.

+ Áp lực nước tối thiểu tại mỗi họng là 10m cột nước.

*** Hiện trạng thực hiện:** Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành hạng mục cấp nước đạt 100%, cụ thể như sau:

Bảng 1. 10. Bảng tổng hợp khối lượng cấp nước và hiện trạng thực hiện

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Thiết kế	Đã thi công	Tỷ lệ hoàn thành
1	Ống cấp nước phân phối D110	m	2417	2417	100%
2	Ống cấp nước dịch vụ D50	m	1681	1681	100%

3	Bể chứa nước khoảng 400 m ³ (sinh hoạt và PCCC)	Bể	01	1874	100%
4	Trạm bơm tăng áp + cứu hỏa	Trạm	01	728	100%
5	Trụ chữa cháy	Bộ	16	16	100%

(Nguồn: Thuyết minh dự án)

(3). Hệ thống cấp điện, chiếu sáng

- Nguồn điện: được cung cấp từ Trạm 110kV/22kV Thanh Oai do Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội quản lý theo Biên bản thỏa thuận đấu nối số 2151/BB-EVNHA NOI ngày 11/03/2025.

- Giải pháp đấu nối mạng trung thế: Ngày 11/03/2025, Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam đã thỏa thuận đấu nối với Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội tại Biên bản số 2151/BB-EVNHA NOI, cụ thể: nguồn điện từ cột điện hiện trạng trung thế 22kV - cột số 98 (cột số 96 mới) phía Tây Bắc khu quy hoạch lộ 461 E1.39 về trạm TBA-TT01 công suất 2x1250KVA, trạm biến áp TBA-TT02 công suất và trạm biến áp TBA-TT03 công suất 1x1250KVA rồi kết nối vào cột số 103 (cột số 101 mới) lộ 461 E1.39 (trạm 110kV Thanh Oai) tại vị trí phía Đông Nam khu đất dự án.

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 3 trạm biến áp TBA-TT01 công suất 2x1250KVA và TBA-TT02 công suất 2x1250KVA và TBA-TT03 công suất 1x1250KVA.

+ Lưới điện trung thế: Toàn bộ tuyến cáp trung thế bên trong dự án xây dựng mới sử dụng cáp ngầm bảo vệ cách điện bằng XLPE/PVC có đai thép bảo vệ và có đặc tính chống thấm dọc.

+ Lưới điện hạ thế: Toàn bộ tuyến cáp ngầm hạ thế sử dụng cáp ngầm loại 0,6/1kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC. Toàn bộ mạng cáp ngầm hạ thế được đi trong hào kỹ thuật hoặc được chôn trực tiếp trong đất.

+ Lưới điện chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng được bố trí trên các tuyến đường quy hoạch và các thảm cỏ để chiếu sáng cho cây xanh và sân, đường nội bộ bên trong dự án. Toàn bộ mạng cáp ngầm chiếu sáng được đi trong hào kỹ thuật hoặc được chôn trực tiếp trong đất. Bóng đèn chiếu sáng sử dụng loại bóng LED Nguồn điện dùng cho chiếu sáng hệ thống giao thông được cấp từ các trạm biến áp trong khu vực lập quy hoạch.

+ Hệ thống trạm sạc điện: Xây dựng mới hệ thống trạm sạc nằm trên hành lang cây xanh (khoảng cách an toàn môi trường) giáp với hành lang an toàn đường bộ trục đường phát triển kinh tế phía Nam để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ khí thải xăng dầu theo khuyến nghị của Nhà nước.

* **Hiện trạng thực hiện:** Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành hạng mục cấp điện chiếu sáng đạt khoảng 80%.

(4). Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn lắp ghép có đường kính D(600÷800) và kết hợp hệ thống rãnh đan B600 bố trí dọc theo các tuyến đường của dự án. Trên tuyến bố trí các ga thăm, thu kết hợp; lắp đặt nắp ga gang, song chắn rác.

- Hướng thoát nước mưa: hướng thoát nước mưa theo độ dốc địa hình từ Đông sang Tây và được phân chia thành 03 lưu vực thoát nước chính như sau:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Đông Bắc bằng hệ thống cống dọc thoát nước D800 (độ dốc $i=0,13\%$) dẫn nước về phía kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án thông qua cửa xả CX1 theo phương thức tự chảy. Tọa độ cửa xả CX1: $X = 2.308.822,998$; $Y = 583.184,081$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh độ 105^000 , múi chiều 3^0)

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Đông dự án chảy vào hệ thống cống BTCT D600 (độ dốc $i=0,17\%$) và tuyến rãnh B600 (độ dốc $i=0,17\%$) dọc các tuyến đường nội bộ TVG 2, TVG 3 và phần phía Bắc tuyến đường TVG 1 sau đó chảy vào tuyến cống chung D800 (độ dốc $i=0,13\%$) cùng với nước mưa khu vực hành lang an toàn đường bộ trực phát triển kinh tế phía Nam Dự án thu gom nước mưa rãnh xây B600 (độ dốc $i=0,17\%$) chạy dọc, sát ranh giới phía Đông Dự án đầu nối vào tuyến cống ngang hiện trạng D1000 theo phương thức tự chảy qua 01 cửa xả CX4. Tọa độ cửa xả CX4: $X = 2.308.699,8$; $Y = 583.508,5$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh độ 105^000 , múi chiều 3^0)

+ Lưu vực 3: Thu gom nước mưa phần còn lại phía Tây của Dự án bằng hệ thống ga, hồ thu gom nước mặt bằng chảy vào hệ thống cống chính kết cấu BTCT có kích thước D600 (độ dốc $i=0,17\%$) và D800 (độ dốc $i=0,17\%$) dọc các tuyến đường nội bộ TVG 4, TVG 5 và phần phía Nam tuyến đường TVG 1 cuối cùng tiêu thoát ra sau đó thoát ra tuyến kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án qua cửa xả CX2 và CX3 theo phương thức tự chảy. Tọa độ cửa xả CX2: $X = 2.308.727,321$; $Y = 583.346,301$; CX3: $X = 2.308.544,157$; $Y = 583.503,540$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh độ 105^000 , múi chiều 3^0)

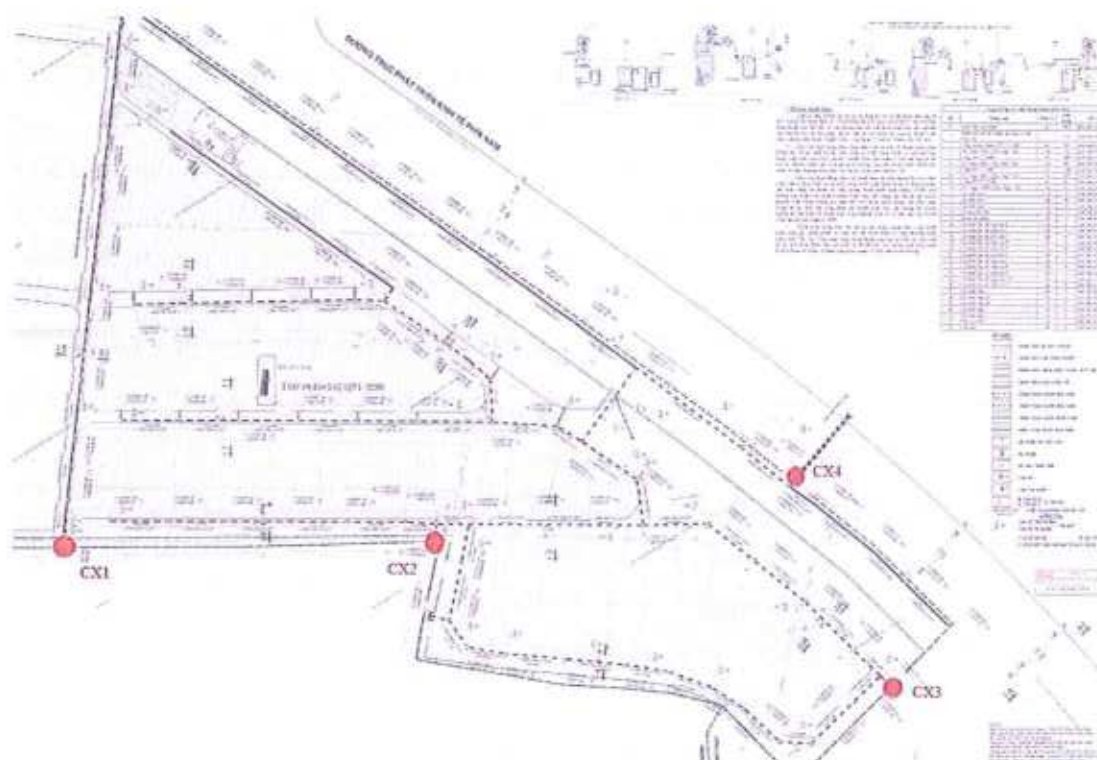
*** Hiện trạng thực hiện:** Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành hạng mục thoát nước mưa đạt 100%, cụ thể như sau:

Bảng 1. 11. Bảng tổng hợp khối lượng thoát nước mưa và hiện trạng thực hiện

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng thiết kế	Ghi chú
1.	Rãnh nắp đan B600	m	558,5	Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành 100%
2.	Rãnh nắp đan nối máng thu nước về ga thăm thu	m	31,1	
3.	Cống ngang đường BTCT B300	m	102	
4.	Cống BTCT D600	m	489	
5.	Cống BTCT D800	m	1210	
6.	Cống BTCT D1000	m	6	

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng thiết kế	Ghi chú
7.	Đế cống D300 (2,5m cống 3 đế)	Cái	122	
8.	Đế cống D600 (2,5m cống 3 đế)	Cái	587	
9.	Đế cống D800 (2,5m cống 3 đế)	Cái	1452	
10.	Đế cống D1000 (2,5m cống 3 đế)	Cái	7	
11.	Ga rãnh	Cái	19	
12.	Ga thu trực tiếp	Cái	17	
13.	Máng thu nước	Cái	53	
14.	Ga thăm thu kết hợp	Cái	53	
15.	Ga thăm	Cái	7	
16.	Cửa xả	Cái	04	
17.	Cửa thu	Cái	1	

(Nguồn: Thuyết minh Dự án)



Hình 1. 4. Vị trí cửa xả nước mưa

(5). Hệ thống thu gom, thoát nước thải

a. Phương án thu gom, thoát nước thải:

- Toàn bộ nước thải phát sinh của các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN khi xả nước thải công nghiệp ra hệ thống thoát nước thải của CCN phải đảm bảo tiêu chuẩn đầu nổi

của CCN (theo thoả thuận với đơn vị quản lý hạ tầng), dự kiến tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của CCN như sau:

Bảng 1. 12. Chất lượng nước thải đầu vào của Trạm XLNT tập trung

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C (Tiêu chuẩn cho phép CCN)
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2.	Màu	Pt/Co	150
3.	pH	-	5,5 đến 9
4.	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	50
5.	COD	mg/l	150
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7.	Asen	mg/l	0,1
8.	Thủy ngân	mg/l	0,01
9.	Chì	mg/l	0,5
10.	Cadimi	mg/l	0,1
11.	Crom (VI)	mg/l	0,1
12.	Crom (III)	mg/l	1
13.	Đồng	mg/l	2
14.	Kẽm	mg/l	3
15.	Niken	mg/l	0,5
16.	Mangan	mg/l	1
17.	Sắt	mg/l	5
18.	Tổng Xianua	mg/l	0,1
19.	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21.	Sunfua	mg/l	0,5
22.	Florua	mg/l	10
23.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24.	Tổng Nito	mg/l	40
25.	Tổng Photpho	mg/l	6
26.	Clorua	mg/l	1000
27.	Clo dư	mg/l	1000

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C (Tiêu chuẩn cho phép CCN)
28.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30.	Tổng coliform	MPN/100ml	5.000
31.	Tổng PCB	mg/l	0,01
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

(Nguồn: Quy chế bảo vệ môi trường CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2, ban hành kèm theo Quyết định số 68/2025-CCNTT ngày 20/8/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam)

* Về cơ chế quản lý lưu lượng, chất lượng nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2 để dẫn về trạm xử lý nước thải:

- + Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước đầu vào tại các nhà máy thứ cấp.
- + Thực hiện ghi lại số đo đồng hồ đầu kỳ và cuối kỳ đối với nước cấp.
- + Lưu lượng nước thải được tính bằng 80% lưu lượng nước cấp (qua đồng hồ đo) và được gửi hóa đơn phí xử lý nước thải cho các nhà máy vào đầu tháng tiếp theo.

+ Yêu cầu các nhà máy thực hiện quan trắc định kỳ, so sánh với tiêu chuẩn đầu vào của CCN và thực hiện gửi kết quả về Ban quản lý CCN theo quý, nếu chất lượng nước thải có các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định sẽ thông báo lại Công ty và đề nghị nhà máy thứ cấp bổ sung về chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn.

- Hệ thống thoát nước thải thiết kế là hệ thống thoát nước riêng, toàn bộ nước thải được thu gom sẽ tập trung về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) và thoát ra kênh tiêu Yên Cốc theo phương thức tự chảy bằng đường ống uPVC D200 qua 01 điểm xả.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2.308.822,998; Y = 583.184,081 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh độ 105⁰⁰, múi chiếu 3⁰)

* **Hiện trạng thực hiện:** Tính đến tháng 06/2025, khối lượng hoàn thành hạng mục thoát nước thải tại cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2 đạt khoảng 100%, cụ thể như sau:

Bảng 1. 13. Bảng tổng hợp khối lượng thoát nước thải và hiện trạng thực hiện

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đã thi công	Ghi chú
1.	Cống D300	m	1.562	1.562	Tính đến tháng 06/2025, khối lượng
2.	Đế cống D300 (2,5m/3 đế)	m	1.874	1.874	
3.	Cống BTCT D400	m	607	607	

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đã thi công	Ghi chú
4.	Đế cống D400 (2,5m/3 đế)	m	728	728	hoàn thành tại cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy-GĐ2 đạt 100%
5.	Trạm xử lý nước thải công suất 200 m ³ /ngày đêm	Trạm	1	1	
6.	Ga thoát nước thải loại 1	Ga	7	7	
7.	Ga thoát nước thải loại 2	Ga	47	47	
8.	Ga thoát nước thải loại 3	Ga	5	5	
9.	Ga thoát nước thải loại 4	Ga	1	1	
10.	Ga thoát nước thải loại 5	Ga	1	1	
11.	Ga thoát nước thải loại 6	Ga	4	4	
12.	Ga thoát nước thải loại 7	Ga	1	1	
13.	Ga thoát nước thải loại 8	Ga	6	6	
14.	Ga thoát nước thải loại 9	Ga	5	5	
15.	Ga thoát nước thải loại 10	Ga	4	4	

(Nguồn: Thuyết minh Dự án)

b. Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm:

+ Vị trí: Lô đất HTKT 01, phía Tây dự án.

+ Công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý kết hợp vi sinh.

+ Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể gom → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) → Kênh tiêu Yên Cốc.

c. Trạm quan trắc tự động

Công ty cam kết sẽ tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động theo quy định giám sát chất lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải gồm các chỉ tiêu như: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni. Lắp đặt thiết bị lấy mẫu nước thải tự động và camera giám sát và truyền số liệu online về hệ thống điều khiển trung tâm của nhà máy và Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

- Trạm quan trắc tự động sẽ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật kết nối để truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội để theo dõi, quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

+ Chất thải phát sinh: định kỳ 01 lần/năm tiến hành thay thế than hoạt tính, lượng than hoạt tính thay thế được thu gom và xử lý cùng chất thải nguy hại phát sinh.

(3). Biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

** Các nhà máy, doanh nghiệp thứ cấp trong CCN sẽ được yêu cầu:*

- Thu gom, phân loại CTR sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa, bao bì theo quy định; Các thùng chứa CTR do các nhà máy, doanh nghiệp tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong nhà máy, doanh nghiệp. Bố trí kho lưu giữ CTR đảm bảo các yêu cầu về BVMT theo quy định.

- Các doanh nghiệp nhà máy thực hiện ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (*Chủ dự án không thực hiện bố trí trạm trung chuyển cho các doanh nghiệp, nhà máy thứ cấp trong CCN*).

- Chi tiết về vị trí, quy mô kho chứa được thể hiện trong báo cáo ĐTM, GPMT hoặc đăng ký môi trường riêng của từng doanh nghiệp, nhà máy.

** Đối với khu trung tâm quản lý, điều hành CCN:*

- Chủ đầu tư bố trí 09 thùng rác thể tích 60 lit/thùng tại khu vệ sinh của khu văn phòng và khu làm việc tại trung tâm quản lý điều hành (mỗi vị trí đặt 03 thùng rác, chất thải sẽ được phân loại thành 03 loại: chất thải hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ hoa quả); chất thải có khả năng tái chế và chất thải không có khả năng tái chế).

- Chất thải rắn sinh hoạt cuối ngày sẽ được nhân viên vệ sinh vận chuyển xuống tầng 01 và chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng sẽ thu gom vận chuyển để xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 ngày/lần.

b. Đối với chất thải rắn công nghiệp

** Các nhà máy, doanh nghiệp thứ cấp trong CCN sẽ được yêu cầu:*

- Thu gom vào các thùng chứa quy định, thùng chứa do các nhà máy thành viên tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong nhà máy để xe chở rác của đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Tự hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

** Đối với Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm:*

- Đối với khu cây xanh và các trục đường nội bộ: Bố trí các thùng chứa rác dung tích 120 lít có nắp đậy tại các vị trí thích hợp, khoảng cách giữa các thùng rác khoảng cách dự kiến từ 100-150m/thùng.

- Đối với bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và bùn bể tự hoại: lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ cho đơn vị có đủ năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 tuần/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

c. Biện pháp thu gom, lưu giữ CTNH tại Dự án

** Các nhà máy, doanh nghiệp thứ cấp trong CCN*

Từng doanh nghiệp thứ cấp trong CCN phải có trách nhiệm tự thu gom quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất về kho lưu trữ chất thải nguy hại của từng doanh nghiệp có dán biển tên, cảnh báo, phân loại cụ thể thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đến vận chuyển và đưa đi xử lý.

** Đối với hoạt động vận hành CCN:*

- Đối với bùn thải hóa lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: được lưu giữ trực tiếp tại bể chứa bùn hóa lý thể tích 11,44 m³.

- Đối với các loại CTNH khác: Thu gom, lưu chứa tại 01 kho chứa CTNH có diện tích khoảng 4,4 m² tại khu HTKT01, các loại chất thải sẽ được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt (dự kiến sử dụng 06 thùng chứa bằng nhựa, dung tích khoảng 60 lit/thùng) và bao bì mềm PP, PE. Trên mỗi thùng chứa đều có mã quản lý CTNH, đáp ứng yêu cầu tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:* Dự án phù hợp với phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

+ Bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; bảo đảm tính mở và linh hoạt, phòng ngừa các vấn đề môi trường từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường nhằm hạn chế tác động đối với môi trường và sức khỏe con người.

+ Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

** Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tại* Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó:

- Dự án thuộc mục số 10 Phụ lục IV Phương án phát triển các cụm công nghiệp thủ đô Hà Nội thời kỳ 2011 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo Quyết định số 1659//QĐ-TTg.

- Dự án thực hiện đảm bảo mục tiêu đối với môi trường theo quy định tại khoản 4 mục II Điều 1 Quyết định số 1659/QĐ-TTg: “Giải quyết căn bản ô nhiễm môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải bằng công nghệ hiện đại, tuần hoàn, thân thiện với môi trường; xóa bỏ tình trạng ngập, úng cục bộ; làm sống lại các dòng sông, khai thác tiềm năng lợi thế không gian mặt nước của hệ thống sông, ao hồ... thành nguồn lực phát triển. Phát triển xanh, tăng diện tích cây xanh, xanh hóa khu vực nội đô; giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng sạch, tham gia thị trường các - bon, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của quốc gia”

- Dự án đã thực hiện đầu tư xây dựng 01 hệ thống tập trung công suất 200 m³/ngày đêm (có hệ thống xử lý mùi, khí thải), nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 6 mục VI Điều 1 Quyết định số 1659/QĐ-TTg: “Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.”

- Dự án phù hợp theo Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

** Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án quy hoạch khác của địa phương:*

- Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:

+ Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

+ Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2” tại thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2 là cụm công nghiệp đa ngành nghề, bao gồm: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất cơ kim khí và chế biến nông sản, chế biến bảo quản sau thu hoạch thóc, gạo cho bà con nông dân các xã trên địa bàn huyện và các huyện lân cận của thành phố Hà Nội; các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu),... nước thải phát sinh tương đối phức tạp, vì vậy việc đầu tư các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án là cần thiết.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án chỉ phát sinh nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm. Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là kênh tiêu Yên Cốc và chảy ra hệ thống sông Nhuệ - Đáy, không có sự thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong Chương II của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà

Nội và không có thay đổi. Vì vậy, trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, chủ dự án không tiến hành đánh giá.

Đối với công nghệ xử lý nước thải đã được chấp thuận tại Văn bản số 1258/SKHCN-QLCN ngày 08/7/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội về việc phương án công nghệ trạm xử lý nước thải thuộc Dự án.

Nguồn tiếp nhận nước sau xử lý đã được xác nhận tại Văn bản số 1568/SNN-TL ngày 27/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận đầu nối thoát nước Dự án. Theo đó, nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án: nước thải sau khi đã được xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_f=1,1$; $K_q=0,9$) (nay là: QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)) sau đó xả ra kênh tiêu Yên Cốc.

1033.
CÔNG
CƠ P
TẬP
TỈNH
VIỆT
NG M

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải. Hiện nay, Dự án đã xây dựng hoàn thiện 100% hệ thống thu gom, thoát nước mưa, cụ thể như sau:

- Hướng thoát nước mưa: hướng thoát nước mưa theo độ dốc địa hình từ Đông sang Tây phù hợp với tình hình hiện trạng khu vực, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng. Nước mưa của Dự án và khu vực lân cận được phân chia thành 03 lưu vực thoát nước chính như sau:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Đông Bắc thoát nước cho khu vực lân cận ngoài ranh giới dự án chảy sang bằng hệ thống cống dọc thoát nước D800 (độ dốc $i=0,13\%$) chạy dọc tuyến đường TVG 6 dẫn nước về phía kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án thông qua cửa xả CX1 theo phương thức tự chảy.

Tọa độ cửa xả CX1: $X = 2.308.822,998$; $Y = 583.184,081$

+ Lưu vực 2: Thu gom nước mưa phần phía Đông dự án (tại toàn bộ các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp (CN01 đến CN03), đất trung tâm quản lý điều hành (QLĐH), đất dịch vụ hỗ trợ (TXDV, DVHT01 đến DVHT04) và thu gom nước mưa một phần lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp (CN04)) bằng hệ thống ga, hố thu gom nước mặt bằng chảy vào hệ thống cống chính kết cấu BTCT có kích thước D600 (độ dốc $i=0,17\%$) và tuyến rãnh B600 (độ dốc $i=0,17\%$) dọc các tuyến đường nội bộ TVG 2, TVG 3 và phần phía Bắc tuyến đường TVG 1 sau đó chảy vào tuyến cống tuyến cống chung D800 (độ dốc $i=0,13\%$) cùng với nước mưa khu vực hành lang an toàn đường bộ trực phát triển kinh tế phía Nam Dự án thu gom nước mưa rãnh xây B600 (độ dốc $i=0,17\%$) chạy dọc, sát ranh giới phía Đông Dự án đầu nối vào tuyến cống ngang hiện trạng D1000 theo phương thức tự chảy.

Tọa độ điểm đầu nối nước mưa phần phía Đông dự án vào tuyến cống chung D800: $X = 2.308.747,675$; $Y = 583.476,207$

Tọa độ điểm đầu nối nước mưa từ tuyến cống chung D800 vào tuyến cống ngang hiện trạng D1000 (Cửa xả CX4): $X = 2.308.658,522$; $Y = 583.518,021$

+ Lưu vực 3: Thu gom nước mưa phần còn lại phía Tây của Dự án (tại toàn bộ các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp (CN05), đất dịch vụ hỗ trợ (DVHT05 đến DVHT07) và thu gom nước mưa một phần lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp (CN04)) bằng hệ thống ga, hố thu gom nước mặt bằng chảy vào hệ thống cống chính kết cấu BTCT có kích thước D600 (độ dốc $i=0,17\%$) và D800 (độ dốc $i=0,17\%$) dọc các tuyến đường nội bộ TVG 4, TVG 5 và phần phía Nam tuyến đường TVG 1 cuối cùng tiêu thoát ra sau đó thoát ra tuyến kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án qua cửa xả CX2 và CX3 theo phương thức tự chảy.

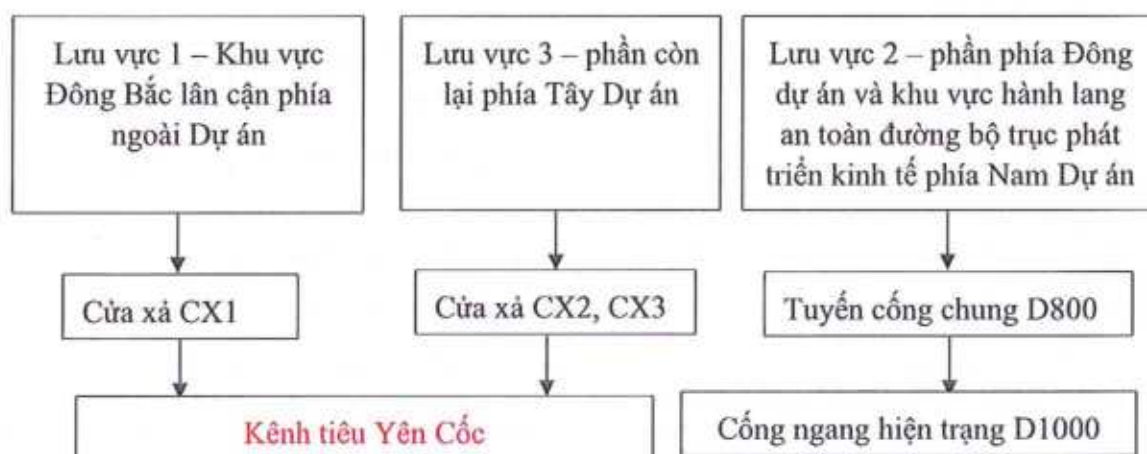
Tọa độ cửa xả CX2: X = 2.308.727,321; Y = 583.346,301

Tọa độ cửa xả CX3: X = 2.308.544,157; Y = 583.503,540

(Phương án thoát nước đã được UBND huyện Thanh Oai phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; Sở Xây dựng phê duyệt thiết kế cơ sở theo Thông báo thẩm định số 7932/SXD-QLXD ngày 04/10/2021. Riêng đối với các cửa xả CX1 đến CX3 do thoát ra kênh tiêu Yên Cốc nên đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ý kiến và chấp thuận tại Văn bản số 1568/SNN-TL ngày 27/5/2020 – Chi tiết xem Bản đồ Tổng mặt bằng thoát nước mưa được đính kèm Phụ lục của Báo cáo)

- Chủ dự án đã xây dựng các giếng thu nước kiểu thu trực tiếp và thu thăm kết hợp nước mưa vào các tuyến cống tròn BTCT. Giếng thăm (giếng kỹ thuật) được bố trí tại các vị trí đường cống chuyển hướng, thay đổi độ dốc hoặc tại các vị trí cống giao nhau với khoảng cách trung bình 25-32m.

- Dưới đây là sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án:



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án

Định kỳ 03 tháng/lần, Chủ dự án tiến hành kiểm tra, nạo vét hệ thống cống thoát và các hố ga lắng cặn nước mưa, thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa của CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2 đã hoàn thành

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh nắp đan B600	m	558,5	18	Ga thăm thu kết hợp loại 3	Cái	21
2	Rãnh nắp đan nối máng thu nước về ga thăm thu		31,1	19	Ga thăm thu kết hợp loại 4	Cái	2
3	Cống ngang đường BTCT D300	m	102	20	Ga thăm thu kết hợp loại 5	Cái	4

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
4	Đế cống D300 (2,5m cống 3 đế)	Cái	122	21	Ga thăm thu kết hợp loại 6	Cái	2
5	Cống BTCT D600	m	489	22	Ga thăm thu kết hợp loại 7	Cái	9
6	Đế cống D600 (2,5m cống 3 đế)	Cái	587	23	Ga thăm thu kết hợp loại 8	Cái	4
7	Cống BTCT D800	m	1210	24	Ga thăm thu kết hợp loại 9	Cái	3
8	Đế cống D800 (2,5m cống 3 đế)	Cái	1452	25	Ga thăm thu kết hợp loại 10	Cái	1
9	Cống BTCT D1000	m	6	26	Ga thăm thu kết hợp loại 11	Cái	1
10	Đế cống D1000 (2,5m cống 3 đế)	Cái	7	27	Ga thăm loại 1	Cái	1
11	Ga rãnh loại 1	Cái	2	28	Ga thăm loại 1A	Cái	1
12	Ga rãnh loại 2	Cái	16	29	Ga thăm loại 1B	Cái	1
13	Ga rãnh loại 3	Cái	1	30	Ga thăm loại 2	Cái	3
14	Ga thu trực tiếp	Cái	17	31	Ga thăm loại 3	Cái	1
15	Máng thu nước	Cái	53	32	Cửa xả nước	Cái	3
16	Ga thăm thu kết hợp loại 1	Cái	1	33	Cửa thu	Cái	1
17	Ga thăm thu kết hợp loại 2	Cái	5				

Nguồn: Bản đồ Tổng mặt bằng thoát nước mưa

2.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải và lưu lượng nước thải cần xử lý

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ khu vệ sinh của trung tâm quản lý điều hành (QLĐH) và nhà điều hành trạm xử lý nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó dẫn về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2 có công suất 200 m³/ngày đêm.

- Nước thải (sinh hoạt và công nghiệp) phát sinh từ các đơn vị thứ cấp hoạt động trong CCN Thanh Thùy giai đoạn 2 phải được xử lý cục bộ đảm bảo nước thải sau xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối của CCN trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của CCN sau đó dẫn về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung CCN Thanh

Thùy - Giai đoạn 2 có công suất 200 m³/ngày đêm.

Bảng 3. 2. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C (TCCP CCN)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Tổng crom	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng Xianua	mg/l	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng Photpho	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng coliform	MPN/100ml	5.000
31	Tổng PCB	mg/l	0,01

- Phương án quản lý, giám sát lưu lượng xả thải của các đơn vị trong CCN: đối với cơ sở hoạt động của Giai đoạn 2, chủ dự án giám sát lưu lượng của từng cơ sở thông qua đồng hồ đo nước cấp đầu vào. Chỉ tiêu phát sinh nước thải được tính bằng 80% chỉ tiêu cấp nước theo QCVN 01:2021/BXD.

- Để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra từ các nhà máy thành viên BQL CCN sẽ thường xuyên lấy mẫu định kỳ, kiểm soát chất lượng nước thải của toàn bộ khách hàng trong CCN. Vị trí lấy mẫu tại hồ ga nước thải phía ngoài hàng rào của các nhà máy thành viên. Việc lấy mẫu nước thải của các nhà máy thành viên trong CCN được thực hiện định kỳ 03 tháng/lần hoặc khi có sự cố. Kết quả phân tích mẫu nước thải sẽ xác định cho phép nước thải của nhà máy thành viên đó được xả vào hệ thống nước thải tập trung hay không. Nếu nồng độ thông số xác định vượt tiêu chuẩn đầu vào của CCN thì

buộc nhà máy đó phải hoàn thiện lại hệ thống xử lý sơ bộ của mình, đồng thời kết quả phân tích cũng là cơ sở để đánh giá chi phí xử lý nước thải. Các nhà máy thành viên sẽ phải trả lệ phí sử dụng dịch vụ XLNT tập trung của CCN và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

** Tính toán lưu lượng nước thải phát sinh và đánh giá khả năng đáp ứng về công suất của trạm xử lý nước thải tập trung:*

Lưu lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý của CCN giai đoạn 2 đã được tính toán tại **Bảng 1. 7** như sau:

- Lưu lượng nước thải trung bình là $113,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Lưu lượng nước thải lớn nhất là $137 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (đã tính đến hệ số không điều hòa $K=1,2$).

Như vậy, trạm xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ do Dự án đầu tư hoàn toàn có khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ lưu lượng nước thải phát sinh từ Cụm công nghiệp.

b. Hệ thống thu gom nước thải

Hệ thống thu gom nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 được xây dựng tách biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa, hiện nay đã hoàn thành xây dựng 100%. Điểm đầu nối nước thải của các nhà máy thành viên với cống thu gom nước thải của CCN có hố ga nằm ngoài tường rào của các nhà máy phục vụ cho mục đích lấy mẫu, giám sát chất lượng nước thải và đo lưu lượng (ng nghiêm cấm việc xả nước thải sau xử lý của các nhà máy thành viên vào hệ thống thoát nước mưa của CCN).

- Hướng thoát nước thải: Hệ thống cống thoát nước thải hoạt động theo nguyên tắc tự chảy từ Nam ra Bắc, từ Đông sang Tây về bể gom nước thải tại trạm XLNT TT công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ở phía Tây Bắc:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của khu nhà điều hành trạm xử lý nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó tự chảy về bể gom thuộc trạm xử lý nước thải công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ bằng đường ống D110.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của trung tâm quản lý điều hành (QLĐH) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải D300 – D400 (độ dốc $i=0,25 - 0,33\%$) của CCN rồi tự chảy về bể gom thuộc trạm xử lý nước thải công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nước thải (sinh hoạt và công nghiệp) phát sinh từ các đơn vị thứ cấp hoạt động trong CCN Thanh Thùy – giai đoạn 2 được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối của CCN trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải D300 – D400 (độ dốc $i=0,25 - 0,33\%$) của CCN rồi tự chảy về bể gom thuộc trạm xử lý nước thải công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hệ thống thu gom nước thải CCN Thanh Thùy - Giai đoạn 2: được xây dựng đi ngầm dưới vỉa hè đường và dải cây xanh, mạng lưới sử dụng cống tròn BTCT có đường kính D300 và D400, độ dốc $i=0,25-0,33\%$ với chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,5m tính

từ mặt hè đến đáy cống. Trên các trục đường tuyến thu gom nước thải bố trí hệ thống hố thu khoảng cách trung bình giữa các giếng từ 30-50m để đảm bảo phục vụ cho mọi lô đất và tránh giao cắt nhiều với các đường dây, đường ống kỹ thuật khác.

c. Hệ thống thoát nước thải

Các loại nước thải sau khi đã được xử lý sơ bộ được tiếp tục thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN, công suất 200m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) và thoát ra kênh tiêu Yên Cốc theo phương thức tự chảy bằng đường ống uPVC D200 qua 01 điểm xả.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2.308.822,998; Y = 583.184,081 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh độ 105⁰00, múi chiếu 3⁰)

- Yêu cầu kỹ thuật đối với điểm xả thải: đã lắp đặt biển báo có ghi rõ tọa độ xả nước thải tại vị trí điểm xả đáp ứng quy định tại quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24/24 giờ.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 137 m³/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án thuộc xã Tam Hưng thuộc hệ thống thủy lợi do Công ty TNHH MTV Đầu tư – Phát triển Thủy lợi Sông Đáy quản lý hệ thống tiêu thoát ở khu vực phía Tây, Tây Nam Hà Nội (bao gồm huyện Thanh Oai cũ).

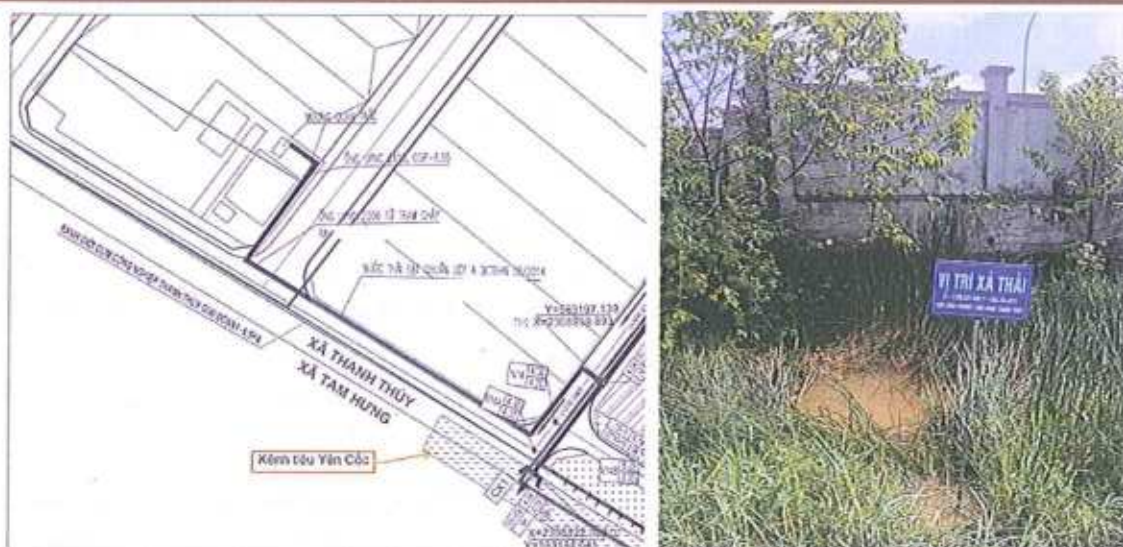
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi:

+ Dự án cam kết chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

+ Cam kết không có hoạt động không gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng chảy, chức năng sử dụng, kết cấu công trình của kênh, cũng như không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

+ Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát môi trường định kỳ và liên tục đáp ứng quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và cam kết vận hành trạm an toàn, đúng kỹ thuật.

+ Hiện nay, Chủ dự án đang thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật và chỉ vận hành trạm xử lý nước thải khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.



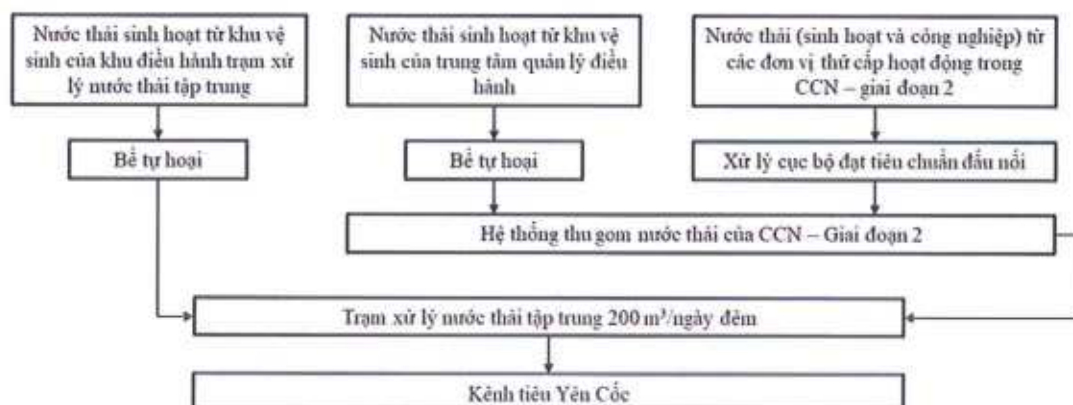
Hình 3. 2. Hình ảnh vị trí điểm xả nước thải ra kênh tiêu Yên Cốc

Bảng 3.3. Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom và thoát nước thải CCN

STT	Các hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1.	Cống D300	m	1.562
2.	Đế cống D300 (2,5m/3 đế)	m	1.874
3.	Cống BTCT D400	m	607
4.	Đế cống D400 (2,5m/3 đế)	m	728
5.	Trạm xử lý nước thải công suất 200 m ³ /ngày đêm	Trạm	1
6.	Ga thoát nước thải loại 1	Ga	7
7.	Ga thoát nước thải loại 2	Ga	47
8.	Ga thoát nước thải loại 3	Ga	5
9.	Ga thoát nước thải loại 4	Ga	1
10.	Ga thoát nước thải loại 5	Ga	1
11.	Ga thoát nước thải loại 6	Ga	4
12.	Ga thoát nước thải loại 7	Ga	1
13.	Ga thoát nước thải loại 8	Ga	6
14.	Ga thoát nước thải loại 9	Ga	5
15.	Ga thoát nước thải loại 10	Ga	4

Nguồn: Bản vẽ Tổng mặt bằng thoát nước thải

(Quy mô và công nghệ vận hành của các hệ thống xử lý nước thải được trình bày chi tiết tại mục 1.3 của báo cáo)



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của CCN

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

Chủ dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý: hóa lý kết hợp sinh học. Chức năng của trạm: xử lý nước thải phát sinh tại Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy đảm bảo đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) trước khi thoát ra môi trường.

Hệ thống xử lý nước thải được bố trí tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (HTKT01) tổng diện tích 875 m². Trong đó, công trình hệ thống xử lý nước thải được xây dựng nửa nổi nửa chìm, nhà điều hành được bố trí giáp các bể xử lý nước thải.

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần HD Thủ Đô.
- Đơn vị thi công: Công ty TNHH công nghệ xanh BKAC.
- Đơn vị giám sát thi công: Công ty cổ phần khoa học công nghệ xây dựng VINAHADA.



Hình ảnh mặt bằng các khối bể xử lý



Hình ảnh bể gom



Hình ảnh mương quan trắc



Nhà hóa chất



Nhà đặt máy thổi khí và HTXL mùi



Tủ điện điều khiển

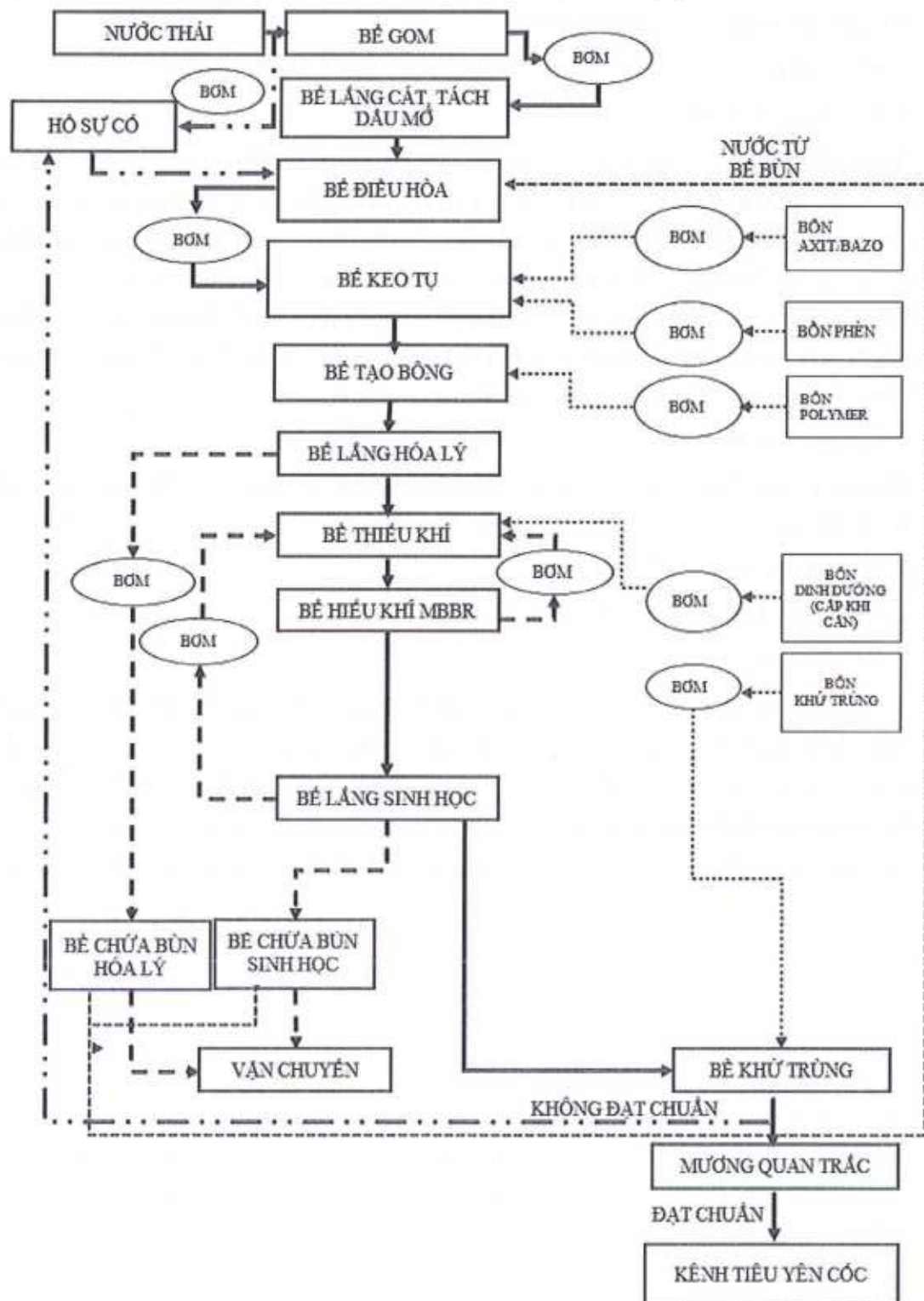


Tủ quan trắc

Hình 3. 4. Hình ảnh hệ thống XLNT tập trung công suất 200m³/ngày đêm

a. Sơ đồ công nghệ

Phương án lựa chọn công nghệ hạng mục trạm XLNT đã được Sở KH&CN thẩm định và chấp thuận tại Văn bản số 1258/SKH&CN-QLCN ngày 08/7/2021.



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT TT công suất 200 m³/ngày đêm

b. Thuyết minh quy trình

Cụm bể xử lý nước thải được xây dựng chìm bao gồm 03 công đoạn xử lý chính:

Hệ tiền xử lý

Hệ xử lý sinh học

Khử trùng

Quy trình công nghệ xử lý như sau:

Xử lý sơ bộ

*** Song chắn rác thô**

Trong hầu hết các công trình xử lý nước thải bằng biện pháp xử lý cơ học đều có song chắn rác thô (bar-rack/screen). Song chắn rác là hạng mục công trình xử lý sơ bộ đầu tiên nhằm ngăn giữ rác bần thô có kích thước trên 10mm gồm giấy, bọc nylon, chất dẻo, cỏ cây, vỏ đồ hộp, gỗ,... Các loại rác này có thể làm tắc nghẽn đường dẫn nước hoặc làm hư hỏng máy bơm. Song chắn rác là một hay nhiều lớp thanh đan xen kẽ với nhau (còn gọi là mắc song) đặt ngang đường dẫn nước thải. Rác sau khi lấy ra khỏi nước thải được thu gom và xử lý bởi đơn vị có chức năng

*** Bể thu gom nước thải**

Hố bơm nước thải có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải và bơm nước thải vào bể tách rác, tách dầu-mỡ.

*** Bể tách rác, tách dầu mỡ**

Có tác dụng loại bỏ rác, tách dầu-mỡ ra khỏi nước thải.

*** Bể điều hoà**

Nước thải tập trung về hệ thống xử lý luôn có sự thay đổi khá lớn về lưu lượng cũng như chất lượng theo thời gian phụ thuộc vào chu kỳ xả nước các nguồn phát sinh. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành của hệ thống như quá tải thủy lực, gây sốc cho hệ vi sinh.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa nước thải về lưu lượng và nồng độ, giúp làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải.

*** Cụm bể phản ứng (bể keo tụ, bể tạo bông)**

Cụm bể phản ứng chia làm 02 ngăn, mỗi ngăn có thiết bị khuấy trộn để trộn đều nước thải với hoá chất. Ngăn thứ nhất nước thải được bổ sung hóa chất là axit hoặc kiềm để điều chỉnh pH = 7 – 8 đồng thời bổ sung phèn tạo phản ứng đông keo tụ các chất ô nhiễm và các chất rắn lơ lửng. Ngăn thứ hai nước thải được bổ sung chất trợ bông keo tụ là polymer tạo các bông cặn lớn dễ lắng. Sau bể phản ứng nước thải tiếp tục được dẫn vào bể lắng hoá lý.

*** Bể lắng hoá lý**

Bể lắng hoá lý có tác dụng tách các chất rắn lơ lửng đã được kết thành bông keo trong dòng thải. Dưới tác dụng của lực trọng trường chất rắn lơ lửng tách ra khỏi dòng thải đi xuống phía đáy, nước trong đi lên và tràn qua vách tràn của bể lắng hoá lý. Bể lắng hoá lý được thiết kế dạng bể vuông để tiết kiệm diện tích và hiệu quả lắng cao.

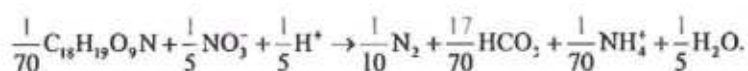
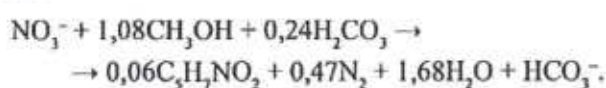
Bùn lắng được thu dưới đáy bằng hệ thống cào bùn và dùng bơm chìm chuyên dụng hút bùn đưa vào bể chứa bùn. Nước sau lắng hóa lý được chảy sang cụm bể xử lý sinh học.

Xử lý sinh học

* Bể thiếu khí

Bể thiếu khí là nơi diễn ra quá trình anoxic hay còn gọi là quá trình denitrat giúp khử nitơ tổng. Tại đây NO_3^- được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp bởi các vi sinh vật thiếu khí. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được Nitơ trong Nước thải. Bể được lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào bể thiếu khí và đảm bảo khả năng tiếp xúc của vi sinh vật với các chất trong nước. Nước tuần hoàn và bùn hoạt tính sẽ được bơm về bể thiếu khí để bổ trợ tăng cường cho bể thiếu khí để xử lý nitơ và bổ sung lượng vi sinh cần thiết.

Tại bể thiếu khí diễn ra đồng thời phản ứng chuyển hóa nitrat, nitrit thành nitơ không khí và quá trình tổng hợp tế bào. Trong đó các vi sinh này cần nguồn cung là hợp chất hữu cơ để thực hiện 2 quá trình trên. Phản ứng tại bể anoxic có thể được biểu diễn như sau:



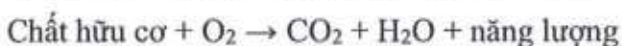
* Bể hiếu khí

Bể hiếu khí sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải. Trong bể này, vi sinh vật (còn gọi là bùn hoạt tính) tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxy và chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ & Photpho để tổng hợp tế bào mới, CO_2 , H_2O và giải phóng năng lượng.

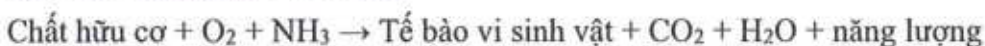
Ngoài quá trình tổng hợp tế bào mới, tồn tại phản ứng phân hủy nội sinh (tế bào vi sinh vật già sẽ tự phân hủy) làm giảm số lượng bùn hoạt tính. Tuy nhiên quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế do trong bể duy trì các điều kiện tối ưu vì vậy số lượng tế bào mới tạo thành nhiều hơn tế bào bị phân hủy và tạo thành bùn dư cần phải được thải bỏ định kỳ.

Các phản ứng chính xảy ra trong bể xử lý sinh học hiếu khí gồm:

Quá trình Oxy hóa và phân hủy chất hữu cơ:



Quá trình tổng hợp tế bào mới:



Quá trình phân hủy nội sinh:



Bên cạnh quá trình khử BOD, phân hủy hợp chất hữu cơ, tại bể hiếu khí còn diễn ra quá trình nitrat hóa. Đây là phản ứng quan trọng chuyển hóa amoni, nitơ hữu cơ thành

nitrat, được thực hiện bởi 02 chủng vi sinh chính là nitrobacter và nitrosonomas. Nitrat tạo thành sau phản ứng sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để thực hiện quá trình khử thành nito không khí, khép kín quá trình AO xử lý nito. Phản ứng của quá trình được mô phỏng như sau



Do quá trình nitrat hóa có tạo hành ion H^+ nên đôi khi làm giảm đáng kể pH của nước thải, kìm hãm khả năng sinh lý của vi sinh, vì vậy cần bổ sung một lượng NaOH nhất định để duy trì pH của bể hiếu khí.

* Bể lắng sinh học

Nước thải từ bể hiếu khí tự chảy sang bể lắng bùn sinh học dưới dạng hỗn hợp nước bùn. Tại bể lắng phần bùn hoạt tính được thu hồi ở đáy, một phần bùn hoạt tính này được bơm tuần hoàn về bể anoxic duy trì mật độ vi sinh trong các công trình xử lý sinh học. Dòng tuần hoàn này thường đạt 40 – 100% lưu lượng trung bình của hệ thống. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn sau đó nén ép và mang đi xử lý. Nước trong sẽ chảy qua máng tràn về bể khử trùng.

Khử trùng

* Bể khử trùng

Nước sau xử lý còn lại một dư lượng lớn vi sinh vật, gây ảnh hưởng lên chỉ số coliform. Vì vậy để nước thải sau xử lý đảm bảo an toàn, không phát tán vi sinh gây bệnh, chất có tính diệt khuẩn mạnh được thêm vào bể khử trùng là Chlorine.

* Mương quan trắc:

Nước thải sau xử lý từ bể khử trùng sẽ được dẫn ra mương quan trắc để lấy mẫu quan trắc tự động các thông số: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni hoặc lấy mẫu quan trắc định kỳ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Xử lý bùn

* Bể chứa bùn sinh học và bể chứa bùn hóa lý

Quá trình xử lý nước thải sẽ sinh ra chất thải thứ cấp là bùn thải từ quá trình xử lý sơ bộ (bùn hóa lý) và quá trình xử lý sinh học (bùn sinh học) được chứa trong 02 bể riêng biệt.

Bùn thải từ quá trình xử lý sơ bộ chứa thành phần chủ yếu là các chất vô cơ và hữu cơ không tan sẽ được đưa về bể làm đặc bùn. Tại bể này bùn sẽ tách thành 2 phần: phần bùn đặc lắng xuống đáy đạt hàm lượng chất rắn khoảng 2 – 3% sẽ được đưa đến thiết bị tách nước. Phần nước trong bên trên sẽ được thu về bể gom nước thải.

Bùn tại 02 bể chứa bùn định kỳ cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

Bùn thải từ quá trình xử lý hóa lý có thể chứa một số kim loại nặng và sẽ được thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy được đưa về bể phân hủy bùn sinh học lợi dụng quá trình phân hủy nội sinh của vi

sinh vật trong điều kiện thiếu cạn kiệt nguồn thức ăn. Loại bùn này sẽ được thu gom và xử lý như chất thải rắn thông thường.

*** Hồ sự cố**

Chủ đầu tư đã xây dựng hồ sự cố có thể tích khoảng 400 m³ cho hệ thống xử lý công suất 200 m³/ngày đêm, đảm bảo nước thải không rò rỉ ra ngoài môi trường, hồ có khả năng quay vòng nước thải, dung tích hồ đảm bảo lưu chứa nước thải trong trường hợp khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tối đa 2 ngày đảm bảo không xả nước thải ra môi trường, trong trường hợp có sự cố của hệ thống XLNT để đảm bảo thời gian khắc phục sự cố sau đó nước thải được bơm lại hệ thống để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT tập trung công suất 200m³/ngđ

TT	Tên bể	Ký hiệu	Kích thước các bể (dài, rộng, cao)			Số lượng (bể/ ngăn)	Thể tích bể (m ³)
			L (m)	W (m)	H (m)		
A	Khối bể xử lý						
1	Bể gom	HG	2,5	2,5	4	1	25
2	Bể lắng cát, tách mỡ	T-01	5	1	4	1	20
3	Bể điều hòa	T-02	4,7	3	4	1	56,4
4	Bể keo tụ	T-03A	1,5	1,4	4	1	8,4
5	Bể tạo bông	T-03B	1,5	1,4	4	1	8,4
6	Bể lắng hóa lý	T-04	3	3	4	1	36
7	Bể thiếu khí	T-05	4,7	2,2	4	1	41,36
8	Bể hiếu khí	T-06	5,4	4,2	4	1	90,72
9	Bể lắng sinh học	T-07	3	3	4	1	36
10	Bể khử trùng	T-08	3	1	4	1	12
B	Khối phụ trợ						
1	Bể bùn hóa lý	T-09A	2,2	1,3	4	1	11,44
2	Bể bùn sinh học	T-09B	3	1,3	4	1	15,6
3	Hồ sự cố	-	S _{bề mặt} = 174 m ²		2,3	1	400
4	Mương quan trắc	-	4	1,2	1,7	1	8,16

Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 5. Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống XLNT

TT	Thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhà sản xuất	ĐV	Số lượng
I	Bể gom				
1.1	Bơm chìm nước thải bể gom	- Lưu lượng: 13-16 m³/h - Công suất: 0,75kW/380v - Cột áp: 5-10m H₂O - Kiểu cánh bơm: cánh hở - Chất liệu: nắp thân/cánh bằng gang, thân/trục bằng inox	Evergush/IMIZU/Đài Loan	Cái	2,00
1.2	Bộ khớp nối nhanh, Thanh dẫn hướng, Xích kéo	- Khớp nối nhanh: Gang Đúc - Thanh dẫn hướng, Xích kéo: Inox	VN	Bộ	2,00
1.3	Phao báo mức	- Phao báo dạng quả - Xuất xứ: MAC 3 - Italy	MAC3/Italia hoặc tương đương	Bộ	1,00
1.4	Hộp tách rác thủ công	- Vật liệu: Inox SUS304	VN	Bộ	1,00
1.5	Đồng hồ đo lưu lượng điện tử	- Dạng cơ, DN50	ENVILINK/China/Việt Nam	Cái	1,00
II.	Ngăn bể điều hòa				
2.1	Bơm chìm nước thải bể điều hòa	- Loại: Bơm chìm - Q=8,5-10m³/h, H=5-9m - Công suất 0.37kW, 3 pha 50Hz; - Kiểu cánh bơm: Cánh hở - Chất liệu: nắp thân/cánh bằng gang, thân/trục bằng inox	Evergush/IMIZU/Đài Loan	Cái	2,00
2.2	Bộ khớp nối nhanh, Thanh dẫn hướng, Xích kéo	- Khớp nối nhanh: Gang Đúc - Thanh dẫn hướng, Xích kéo: Inox	VN	Bộ	2,00
2.3	Phao báo mức	- Phao báo dạng quả - Xuất xứ: MAC 3 - Italy	MAC3/Italia hoặc tương đương	Bộ	1,00

TT	Thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhà sản xuất	ĐV	Số lượng
2.4	Đĩa phân phối khí	Thông số kỹ thuật: Dạng: Phân phối khí thô Lưu lượng hoạt động: 100-450 lít/phút Tồn thất áp lực: 10 -40 hPa Đường kính đĩa : 5 inch (144 mm) Vật liệu: + Màng: Cao su EPDM + Khung nhựa ABS	Heywel/ Đài loan	Cái	15,00
III.	Cụm bể trộn hóa chất				
3,1	Thiết bị đo pH Online, Điện cực đo PH online	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0- 14 Bao gồm: Đầu dò và bộ truyền tín hiệu) Cáp đầu dò dài 5m - Tín hiệu đầu ra: 2 điểm on/off - Nguồn điện 1 pha/220v	Horiba/ Hanna/ WTW/tur ơng đương	Bộ	1,00
3,2	Động cơ khuấy	Loại: đứng Tốc độ: <70 vòng/phút Công suất: 0.75 kW, 380v/3ph/50Hz IP55	Tunglee/ Dolin/Đài i Loan/tươ ng đương	Cái	2,00
3,3	Trục và cánh khuấy	Vật liệu: Inox 304; giá đỡ động cơ: SS400 sơn Epoxy Cánh khuấy dạng mái chèo Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2,00
IV.	Bể lắng hóa lý				
4.1	Bơm bùn bể lắng	Loại: Bơm chìm Q=5m ³ /h, H=5-9m Công suất 0.37kW, 3 pha 50Hz; - Chất liệu: nắp thân/cánh bằng gang, thân/trục bằng inox	Evergus h/IMIZU /Đài Loan/tươ ng đương	Cái	2,00
4.2	Bộ khớp nối nhanh, Thanh dẫn hướng, Xích kéo	- Khớp nối nhanh: Gang Đúc - Thanh dẫn hướng, Xích kéo: Inox	VN	Bộ	2,00
4.3	Hệ thống thu nước máng răng cưa và tấm chắn bọt	- Vật liệu: Inoxx SUS 304	Việt Nam	hệ	1,00

TT	Thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhà sản xuất	ĐV	Số lượng
4.4	Ống trung tâm phân phối nước vào	- Vật liệu: Inoxx SUS 304	Việt Nam	hệ	1,00
V	Ngăn bể thiếu khí Anoxic				
5,1	Máy khuấy chìm	Công suất: 0.4kW. - Điện áp: 3Pha/380V/50hz. - Lưu lượng: 108 m ³ /h - Vòng quay: 1.78 RPM - Cấp độ bảo vệ: IP68. - Vỏ động cơ: SUS304 - Trục máy: INOX SUS304.. - Cánh khuấy: Gang xám	Evergush/IMIZU/Đài Loan/tương đương		2,00
5,2	Bộ thanh dẫn hướng, xích kéo	Vật liệu: Inox SUS304	VN	Bộ	2,00
VI.	Ngăn bể hiếu khí MBBR				
6.1	Bơm chìm nước thải	Loại: Bơm chìm Q=12m ³ /h, H=9m Công suất 0.75kW, 3 pha 50Hz; - Kiểu cánh bơm: Cánh hở - Chất liệu: nắp thân/cánh bằng gang, thân/trục bằng inox	Evergush/IMIZU/Đài Loan/tương đương	Cái	2,00
6.2	Đĩa phân phối khí	Đặc tính: Đĩa phân phối khí tinh Đường kính đĩa: 9 inch, 270mm Đường kính hoạt động: 250 mm Lưu lượng : 2-6m ³ /h Vật liệu: + Màng: Cao su EPDM + Khung nhựa PP/ABS Đầu nổi ren : 3/4" BSPT ~27mm	Heywel/Đài loan	Cái	19,00
6.3	Bộ khớp nối nhanh, Thanh dẫn hướng, Xích kéo	- KHớp nối nhanh:Gang Đúc - Thanh dẫn hướng, Xích kéo: Inox	VN	Bộ	4,00
VII	Ngăn bể lắng sinh học				
7.1	Bơm bùn bể lắng	Loại: Bơm chìm Q=5m ³ /h, H=5-9m Công suất 0.37kW, 3 pha 50Hz;	Evergush/IMIZU/Đài	Cái	2,00

TT	Thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhà sản xuất	ĐV	Số lượng
		- Chất liệu: nắp thân/cánh bằng gang, thân/trục bằng inox	Loan/tương đương		
7.2	Bộ khớp nối nhanh, Thanh dẫn hướng, Xích kéo	- Khớp nối nhanh: Gang Đúc - Thanh dẫn hướng, Xích kéo: Inox	VN	Bộ	2,00
7.3	Hệ thống thu nước máng răng cưa và tấm chắn bọt	- Vật liệu: Inox SUS 304	Việt Nam	hệ	1,00
7.4	Ổng trung tâm phân phối nước vào	- Vật liệu: Inox SUS 304	Việt Nam	hệ	1,00
VIII	Nhà Vận hành				
8.1	Máy thổi khí	- Loại: Roots - Q=7,63m ³ /phút, H= 4mH ₂ O - Công suất: 11kW/3phase/380V/50Hz - Đã bao gồm giảm thanh đầu đẩy, giảm thanh đầu hút, van an toàn, khớp nối mềm, V belt	Longtech/Đài Loan	Cái	2,00
8.2	Động cơ + trục cánh khuấy bồn hoá chất (A-polyme, PAC, NaOH)	- Loại: Đứng - Tốc độ: ~70 vòng/phút - Công suất: 0.4kW, 380v/3pha/50Hz - IP55 - Trục cánh khuấy: Inox 304	Tunglee/Dolin/Đài Loan	Bộ	3,00
8.3	Bơm định lượng hóa chất	- Kiểu bơm có màng - Lưu lượng: 49 lít/h - Áp suất cao nhất: 10PSI - Vật liệu/màng: nhựa pp/ teflon - Đầu bơm bằng nhựa PP chịu hóa chất - Công suất: 0,37kW/220V/50Hz	OBL-Ý	Bộ	5,00
8.4	Bồn chứa hóa chất	- Thể tích: V=500L - Vật liệu: PVC/PE	Tân Á/ Việt Nam	Cái	5,00
IX	Hệ thống xử lý mùi				

TT	Thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhà sản xuất	ĐV	Số lượng
9.1	Tháp khử mùi	Vật liệu:(FRP, Inox, thép, ...) Thiết kế theo bản vẽ thiết kế chi tiết - Than hoạt tính cấp cho tháp khử mùi	Việt Nam	Bộ	1,00
9.2	Quạt hút khí	- Quạt thu khí: Q= 2.400 – 2.700 m ³ /h, - Áp suất: 400-600pa - Công suất: 0.75kW	Phuong Linh-Việt Nam	Bộ	1,00
X	Hồ sự cố				
10.1	Bơm nước thải hồ sự cố	-Loại: Bơm cặn -Q=15-25m ³ /h, H=8-15m -Công suất 1,5kW, 3 pha 50Hz; - Kiểu cánh bơm: Cánh hở - Chất liệu: nắp thân/cánh bằng gang, thân/trục bằng inox	Evergush/IMIZU/Đài Loan/tương đương	Cái	2,00

Bảng 3. 6. Danh mục thiết bị của hệ thống quan trắc tự động, liên tục

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐV	Số lượng
1	Bộ đo đa chỉ tiêu			Hệ	1,00
2	Máy đo COD, TSS	Phạm vi đo COD: 0-9999.9999 mg/L (tối đa) Phạm vi đo TSS: -9999.9999 đến 9999.9999 mg/L (tối đa)	Horiba/Japan	Cái	1,00
3	Điện cực pH chuẩn công nghiệp tích hợp đo nhiệt độ	Máy đo pH Online HP-480 Phạm vi đo pH: 0-14pH, độ phân giải 0.01pH, Độ chính xác: ±0,03pH	Horiba/Japan	hệ	1,00
4	Máy phân tích NH ₄ ⁺	Màn hình đồ họa OLED Độ phân giải 128 x 64 pixel với menu văn bản thuần túy đơn giản Đầu ra Analog 2x 0 (4) đến 20 mA Điều khiển đầu ra 2 tiếp điểm công tắc giới hạn, Tiếp điểm CO, tối đa. 250 V AC / 5 A; Bộ điều khiển PID, hai chiều (độ dài xung hoặc bộ điều khiển tương tự)	Nhà sản xuất: Pronova -Đức	Bộ	1,00

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐV	Số lượng
		Nguồn cấp 100 đến 240 V AC, Thiết kế lắp đặt Vỏ nhôm để treo tường Cấp bảo vệ IP65			
5	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra	Đo lưu lượng: • Dải MAX: 30 m (tùy thuộc chọn ăng ten radar) • Độ chính xác: Cone & PTFE seal $\pm$ 2mm; Rod $\pm$ 3mm • Độ lặp lại: $\pm$ 1mm • Khoảng đo: 1 giây • Tốc độ theo dấu: tối đa 2 phút/giây • Hiển thị: 5 chữ số LCD, có menu điều khiển • Nguồn điện, tín hiệu ra: • Nguồn điện: DC10,5V ~ 36V • Tín hiệu ra: 4 ~ 20mA với giao thức HART • Cảnh báo: hold, 22mA hoặc 3,6mA	Xuất xứ: Tokyo keiki/ Nhật	Hệ	1,00
6	Đồng hồ đo lưu lượng điện từ	Đo lưu lượng đầu vào đầu ra điện từ DN50 Độ chính xác $\pm$0.5% EX-PROOF Ex db IIB T6 Gb Lớp lót lòng (Liners) PTFE Chất liệu điện cực HC (Hastelloy C-276) Nhiệt độ hoạt động -10 đến 120 độ C Cấp bảo vệ IP65 Giao thức truyền thông RS485	Hãng sản xuất: ENVIL INK / Xuất xứ: China	Hệ	1,00
7	Thiết bị lấy và lưu mẫu tự động	Máy lấy mẫu nước tự động AWS 12-3 Phương pháp lấy mẫu bơm nhu động, thể tích lấy mẫu 20-350 ml Độ chính xác lấy mẫu < 2,5 % hoặc $\pm$ 3 ml Chiều cao hút mẫu tối đa 5m (tại áp suất 1013hPa) Tốc độ bơm >0,5 m/s tại chiều cao hút tới 7,8m. Lưu lượng bơm có thể điều chỉnh	Hãng sản xuất: ENVIL INK / Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1,00

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐV	Số lượng
8	Tủ điện và hệ thống lấy mẫu nước	01 bồn chứa mẫu phân tích vật liệu SS304 -02 bơm hút mẫu (Dự phòng trong trường hợp nước chảy xuống bồn chứa mẫu không đạt yêu cầu) tránh sai số do bọt khí, không bị hút nước và hoạt động bền lâu, ống lấy mẫu bằng PVC, các van đóng mở bằng tay on-off	Xuất xứ: Việt Nam		
9	Tủ điện quan trắc			hệ	1,00
10	Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu về trạm trung tâm/ sở TNMT	Bộ ghi và truyền dữ liệu TTVN 10 Đầu vào analog: 8 -Hỗ trợ giao diện RS-232 -Là hệ thống thu nhận dữ liệu môi trường thông minh -Phần mềm đa nhiệm-không bị mất dữ liệu -Phần mềm đa nhiệm giúp người dùng tương tác mà không làm gián đoạn quá trình thu thập dữ liệu Cấu hình cơ bản: Dual-Core 1.86GHz, 4GB DDR3, 4S, 5USB, 2GbE, VGA, Audio, CF+PCIe mini-card Socket, và 2.5" SATA SSD 120GB Intel, Win 7 Pro	Hãng sản xuất: ENVIL INK / Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1,00
11	Bộ lưu điện UPS	Bộ lưu điện UPS 2KVA	Xuất xứ: Trung Quốc	Hệ	1,00
12	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống camera giám sát Bao gồm: 1 cam quang quét, 1 cam thường, đầu ghi 2TB	Hãng sản xuất: hivi sion / Xuất xứ: China	Hệ	1,00
13	Hóa chất chuẩn	Hóa chất chuẩn bao gồm: Dung dịch COD, TSS, pH, Amoni		-	-

(CO/CQ của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Phụ lục của báo cáo)

Ghi chú:

Hiện tại Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam đã lắp đặt trạm quan

trắc nước thải tự động liên tục và đang tiến hành các thủ tục xin tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường từ trạm quan trắc nước thải tự động. Bao gồm 06 thông số quan trắc tự động: Lưu lượng đầu vào (Flow in l), Lưu lượng đầu ra (Flow out l), pH, nhiệt độ, nhu cầu oxi hóa học (COD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH_4^+).

c. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung

1/ Trường hợp hệ thống chạy quá tải với lưu lượng theo thiết kế – Lớn hơn 100% công suất thiết kế (kịch bản khi có nhà đầu tư thứ cấp xả thải đột xuất vượt mức lưu lượng xả thải đăng ký)

Bể gom

Bơm bể gom :

Chế độ tự động : chuyển nút vận sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển, hệ thống này điều khiển tự động các thông số sau:

Tự động luân phiên đổi bơm, theo cài đặt người vận hành (hoặc có thể thay đổi thời gian luân phiên tùy theo người vận hành)

Hoạt động theo mức: khi chọn chế độ này 02 bơm sẽ tự động hoạt động phụ thuộc vào mực nước trong bể. Có 2 mực nước khống chế số lần hoạt động của bơm, ta gọi đó là mực nước cao (H) và mực nước thấp (L). Bơm hoạt động như sau:

+ Nếu $L < \text{mực nước} < H$: 01 trong 02 bơm sẽ duy trì hoạt động và luân phiên nhau 01 bơm chạy 01 bơm nghỉ

+ Nếu mực nước $> H$: cả 02 bơm sẽ cùng hoạt động

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Lưu ý: vì lưu lượng hiện vượt quá mức công suất của hệ thống nên nhân viên vận hành phải trực ở trạm (đặc biệt là vào các giờ cao điểm thải nước) để điều chỉnh lưu lượng nước đầu vào của bể thu gom, bể điều hòa và hồ sơ cố bằng cách điều chỉnh van khoá mở/ngắt nước ở đường ống nhánh từ bơm bể thu gom đến bể thu gom và nhánh đến hồ sơ cố.

Bể Điều hòa

Bơm điều hòa :

Chế độ tự động : chuyển nút vận sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển, hệ thống này điều khiển tự động các thông số sau:

Tự động luân phiên đổi bơm, theo cài đặt người vận hành (hoặc có thể thay đổi thời gian luân phiên tùy theo người vận hành)

Hoạt động theo mức: khi chọn chế độ này 02 bơm sẽ tự động hoạt động phụ thuộc vào mực nước trong bể. Có 2 mực nước khống chế số lần hoạt động của bơm, ta gọi đó là mực nước cao (H) và mực nước thấp (L). Bơm hoạt động như sau:

+ Nếu $L < \text{mức nước} < H$: 01 trong 02 bơm sẽ duy trì hoạt động và luân phiên nhau 01 bơm chạy 01 bơm nghỉ

+ Nếu mức nước $> H$: cả 02 bơm sẽ cùng hoạt động

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Máy thổi khí

Chế độ tự động:

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai máy hoạt động luân phiên theo chế độ cài đặt chạy 2h đổi máy 1 lần (hoặc điều chỉnh thời gian theo chế độ của người vận hành)

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Cum bể phản ứng (keo tu, tạo bông):

Máy khuấy đảo trộn hóa chất

Chế độ tự động :

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động khi một trong hai bơm điều hòa hoạt động.

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O

Bơm định lượng hóa chất điều chỉnh pH

Chế độ tự động :

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động sự điều khiển của đầu đo pH. Khi pH ở dưới ngưỡng cài đặt, bơm định lượng hóa chất điều chỉnh pH chạy đến khi pH về ngưỡng cài đặt thì dừng.

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O

Bơm định lượng hóa chất PAC

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chế độ A.

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động khi một trong hai bơm điều hòa hoạt động và thông qua mức nước trong bồn hóa chất.

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O

Máy khuấy pha hóa chất điều chỉnh pH

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có

thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Máy khuấy pha hóa chất PAC

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Bơm định lượng hóa chất Polymer -A

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chế độ A.

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động khi một trong hai bơm điều hòa hoạt động và thông qua mực nước trong bồn hóa chất.

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O

Máy khuấy pha hóa chất Polymer -A

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Bể lắng hóa lý

Bơm bùn dư

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai bơm hoạt động luân phiên và dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Cụm bể sinh học (thiếu khí và hiếu khí):

Bể thiếu khí:

Máy khuấy đảo trộn chìm

Chế độ tự động :

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai máy khuấy chìm hoạt động luân phiên, thời gian cài đặt 60 phút đổi máy 1 lần (hoặc thời gian luân phiên có thể thay đổi tùy theo người vận hành)

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O

Bể hiếu khí:

Bao gồm 02 máy thổi khí.

Chế độ tự động:

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động liên tục 24/24 theo cài đặt. 1 trong 2 máy thổi khí sẽ tự động hoạt động luân phiên xen kẽ nhau thời gian chuyển đổi giữa các máy theo chế độ cài đặt của người vận hành.

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Bơm chìm tuần hoàn

Chế độ tự động: vận nút công tắc chuyển sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động theo thời gian cài đặt (thời gian luân phiên có thể thay đổi tùy theo người vận hành)

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Bể lắng sinh học

Bơm bùn hồi lưu

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai bơm hoạt động luân phiên và dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Bể khử trùng

Bơm nước thải

Chế độ chạy tự động: vận nút công tắc về chế độ A. Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển, hệ thống này điều khiển tự động các thông số sau:

Tự động luân phiên đổi bơm, theo cài đặt người vận hành (hoặc có thể thay đổi thời gian luân phiên tùy theo người vận hành)

Hoạt động theo mức: khi chọn chế độ này 02 bơm sẽ tự động hoạt động phụ thuộc vào mực nước trong bể. Có 2 mực nước khống chế số lần hoạt động của bơm, ta gọi đó là mực nước cao (H) và mực nước thấp (L). Bơm hoạt động như sau:

+ Nếu $L < \text{mức nước} < H$: 01 trong 02 bơm sẽ duy trì hoạt động và luân phiên nhau 03 bơm chạy 01 bơm nghỉ

+ Nếu mức nước $> H$: cả 02 bơm sẽ cùng hoạt động

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

Hệ thống xử lý mùi:

Bao gồm 01 quạt hút mùi.

Chế độ tự động: Quạt hút mùi được cài đặt chạy theo chế độ của PLC. Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động.

Chế độ bằng tay : Vận nút công tắc chuyển hướng về chế độ M. Hệ thống sẽ được vận hành bằng tay. Dừng hệ thống chuyển nút vận sang chữ O.

2/ Trường hợp hệ thống chạy với lưu lượng theo thiết kế (đủ tải) – kích bản tỷ lệ lấp đầy CCN 50 – 100%

Tương tự với trường hợp chạy quá tải, lưu ý trong trường hợp này do lưu lượng phù hợp với dung tích của khối bể nên nhân viên vận hành không mở van đưa nước thải từ bể gom ra hồ sơ cố.

3/ Trường hợp hệ thống chạy với lưu lượng thấp hơn nhiều so với thiết kế (non tải) – kích bản tỷ lệ lấp đầy CCN 20-50%

Bể thu gom:

Bơm bể gom :

Chế độ tự động : chuyển nút vận sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển, hệ thống này điều khiển tự động các thông số sau:

Tự động luân phiên đổi bơm, theo cài đặt người vận hành (hoặc có thể thay đổi thời gian luân phiên tùy theo người vận hành)

Hoạt động theo mức: khi chọn chế độ này 02 bơm sẽ tự động hoạt động phụ thuộc vào mức nước trong bể. Có 2 mức nước khống chế số lần hoạt động của bơm, ta gọi đó là mức nước cao (H) và mức nước thấp (L). Bơm hoạt động như sau:

+ Nếu mức nước $< L$: 02 bơm ngừng hoạt động

+ Nếu $L < \text{mức nước} < H$: 01 trong 02 bơm sẽ duy trì hoạt động và luân phiên nhau 01 bơm chạy 01 bơm nghỉ

Khi hệ thống chạy non tải : Tùy vào lưu lượng thực tế sẽ điều chỉnh mức nước không chế mức nước cao (H) và mức nước thấp (L) phù hợp đảm bảo thiết bị bơm hoạt động ổn định.

Bể Điều hòa:

Bơm điều hòa :

Chế độ tự động : chuyển nút vận sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển, hệ thống này điều khiển tự động các thông số sau:

Tự động luân phiên đổi bơm, theo cài đặt người vận hành (hoặc có thể thay đổi thời gian luân phiên tùy theo người vận hành)

Hoạt động theo mức: khi chọn chế độ này 02 bơm sẽ tự động hoạt động phụ thuộc vào mực nước trong bể. Có 2 mực nước khống chế số lần hoạt động của bơm, ta gọi đó là mực nước cao (H) và mực nước thấp (L). Bơm hoạt động như sau:

+ Nếu mực nước < L: 02 bơm ngừng hoạt động

+ Nếu $L < \text{mực nước} < H$: 01 trong 02 bơm sẽ duy trì hoạt động và luân phiên nhau 01 bơm chạy 01 bơm nghỉ

Khi hệ thống chạy non tải : Tùy vào lưu lượng thực tế sẽ điều chỉnh mực nước không chế mực nước cao (H) và mực nước thấp (L) phù hợp đảm bảo thiết bị bơm hoạt động ổn định.

Máy thổi khí

Chế độ tự động:

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai máy hoạt động luân phiên theo chế độ cài đặt chạy 2h đổi máy 1 lần (hoặc điều chỉnh thời gian theo chế độ của người vận hành)

Khi thống chạy non tải : Tùy vào lưu lượng thực tế sẽ điều chỉnh giảm thời gian chạy và tăng thời gian nghỉ của máy thổi khí cho phù hợp.

Cum bể phản ứng (keo tụ, tạo bông):

Bể keo tụ:

Máy khuấy đảo trộn hóa chất

Chế độ tự động :

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động khi một trong hai bơm điều hòa hoạt động.

Bơm định lượng hóa chất điều chỉnh pH

Chế độ tự động :

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động sự điều khiển của đầu đo pH. Khi pH ở dưới ngưỡng cài đặt, bơm định lượng hóa chất điều chỉnh pH chạy đến khi pH về ngưỡng cài đặt thì dừng.

Bơm định lượng hóa chất PAC

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chế độ A.

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động khi một trong hai bơm điều hòa hoạt động và thông qua mực nước trong bồn hóa chất.

Máy khuấy pha hóa chất điều chỉnh pH

Chế độ tự động : vận nút công tác sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Máy khuấy pha hóa chất PAC

Chế độ tự động : vận nút công tác sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Bể tạo bông:

Bơm định lượng hóa chất Polymer -A

Chế độ tự động : vận nút công tác sang chế độ A.

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động khi một trong hai bơm điều hòa hoạt động và thông qua mực nước trong bồn hóa chất.

Máy khuấy pha hóa chất Polymer -A

Chế độ tự động : vận nút công tác sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động.

Bể lắng hóa lý:

Bơm bùn dư

Chế độ tự động : vận nút công tác sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai bơm hoạt động luân phiên và dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động .

Cụm bể sinh học (thiếu khí và hiếu khí):

Bể thiếu khí:

Máy khuấy đảo trộn chìm

Chế độ tự động :

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai máy khuấy chìm hoạt động luân phiên, thời gian cài đặt 60 phút đổi máy 1 lần (hoặc thời gian luân phiên có thể thay đổi tùy theo người vận hành).

Bể hiếu khí:

Bao gồm 02 máy thổi khí.

Chế độ tự động:

Hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động liên tục 24/24 theo cài đặt. 1 trong 2 máy thổi khí sẽ tự động hoạt động luân phiên xen kẽ nhau thời gian chuyển đổi giữa các máy theo chế độ cài đặt của người vận hành.

Khi thống chạy non tải : Tùy vào lưu lượng thực tế sẽ điều chỉnh giảm thời gian chạy và tăng thời gian nghỉ của máy thổi khí cho phù hợp.

Bơm chìm tuần hoàn

Chế độ tự động: vận nút công tắc chuyển sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hoạt động theo thời gian cài đặt (thời gian luân phiên có thể thay đổi tùy theo người vận hành)

Khi thống chạy non tải : Tùy vào lưu lượng thực tế sẽ điều chỉnh giảm thời gian chạy và tăng thời gian nghỉ của bơm tuần hoàn cho phù hợp.

Bể lắng sinh học:

Bơm bùn hồi lưu

Chế độ tự động : vận nút công tắc sang chữ A

Bơm hoạt động do hệ thống PLC điều khiển,

Hai bơm hoạt động luân phiên và dừng nghỉ theo thời gian cài đặt trong chương trình, thời gian này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế khi hoạt động.

Khi thống chạy non tải: Tùy vào lưu lượng thực tế sẽ điều chỉnh giảm thời gian chạy và tăng thời gian nghỉ của bơm hồi lưu cho phù hợp.

d. Định mức sử dụng hoá chất, điện năng tiêu thụ của hệ thống XLNT

Biện pháp pha chế hóa chất và phương án pha tỷ lệ hóa chất khi thành phần nước thải đầu vào có thay đổi:

1. Xút (NaOH)

Kiểm (xút vảy) sử dụng ở đây là dạng nguyên chất dùng trong công nghiệp. Trong công trình này công dụng xút được dùng để trung hòa nâng pH của nước thải.

Nồng độ xút thích hợp dùng trung hòa nước thải từ 40 g/m³.

- Liều lượng xút cần dùng: 40 g/m³ x 200 m³ = 8 kg/ ngày đêm.

Cách pha hoá chất:

- Cấp nước vào bồn chứa khoảng 1/2 bồn.

- Từ từ cấp 8 kg NaOH vào bồn chứa.

- Tiếp tục cấp nước vào bồn chứa đến mức 500 lít.

- Bật bơm hóa chất chạy bình thường

- Khi pH trong hệ thống ko ở mức trung hoà, cấp lượng hoá chất đưa pH về khoảng trung hoà (7~8,5).

2. Phèn PAC

Phèn dùng trong trường hợp này là PAC (Poly Aluminium Chloride)

Nồng độ phèn thích hợp cho phản ứng keo tụ khoảng 20 g/m³.

- Liều lượng phèn cần dùng: $200 \text{ g/m}^3 \times 200 \text{ m}^3 = 40 \text{ kg/ ngày đêm}$.

- Nồng độ phèn pha nên dùng khoảng 10 %.

Cách pha hoá chất:

- Cấp nước vào bồn chứa khoảng 1/2 bồn.

- Từ từ cấp 40 kg PAC vào bồn chứa.

- Tiếp tục cấp nước vào bồn chứa đến mức 500 lít.

- Bật bơm hóa chất chạy bình thường

- Khi thành phần kim loại nặng vẫn xuất hiện trong nước thải đầu vào, cần cấp hoá chất liên tục, liều lượng tùy thuộc vào lưu lượng nước thải có trong hệ thống.

3. Polymer Anion

Polimer anion dùng ở đây là: A1120 tinh thể trắng đục, độ hòa tan khá thấp.

Nồng độ polymer thích hợp cho phản ứng keo tụ khoảng 2.5 g/m³.

Liều lượng polymer cần dùng: $2.5 \text{ g/m}^3 \times 200 \text{ m}^3 = 0,5 \text{ kg/ ngày đêm}$.

Cách pha hoá chất:

- Cấp nước vào bồn chứa khoảng 1/2 bồn.

- Từ từ cấp 0,5kg Polymer vào bồn chứa.

- Tiếp tục cấp nước vào bồn chứa đến mức 500 lít.

- Bật bơm hóa chất chạy bình thường

- Khi thành phần kim loại nặng vẫn xuất hiện trong nước thải đầu vào, cần cấp hoá chất liên tục, liều lượng tùy thuộc vào lưu lượng nước thải có trong hệ thống.

4. Polymer Cation

Polimer cation dùng ở đây là: C1492 tinh thể trắng đục

Nồng độ polymer thích hợp cho phản ứng keo tụ khoảng 2.5 g/m³.

5. Chlorine 10%

Dung dịch Chlorine được dùng làm tác nhân oxid hóa chất hữu cơ khử trùng nước thải.

Nồng độ Chlorine thích hợp dùng khử trùng nước thải khoảng 5 g/m³.

Liều lượng cần dùng khoảng: $5 \text{ g/m}^3 \times 200 \text{ m}^3 = 10 \text{ kg/ ngày đêm}$.

Nồng độ Chlorine nên dùng trực tiếp dạng 10 %.

Cách pha hoá chất:

- Cấp nước vào bồn chứa khoảng 1/2 bồn.

- Từ từ cấp 1 kg Chlorine vào bồn chứa.

- Tiếp tục cấp nước vào bồn chứa đến mức 500 lít.

- Bật bơm hóa chất chạy bình thường

- Cấp đều hoá chất khi hệ thống hoạt động bình thường, lượng hoá chất tùy thuộc vào lượng nước thải có trong hệ thống

6. Men vi sinh (đường glucose)

Men vi sinh được sử dụng chủ yếu ở bể xử lý sinh học

Liều lượng cần dùng: $0.03 \text{ kg/m}^3 \times 200 \text{ m}^3 = 6 \text{ kg/ ngày đêm}$.

Cách pha hoá chất:

- Cấp nước vào bồn chứa khoảng 1/2 bồn.
- Từ từ cấp 6 kg Men vào bồn chứa.
- Tiếp tục cấp nước vào bồn chứa đến mức 500 lít.
- Bật bơm hóa chất chạy bình thường
- Cấp đều hoá chất khi hệ thống hoạt động bình thường, lượng hoá chất tùy thuộc vào lượng nước thải có trong hệ thống

Bảng 3. 7. Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống XLNT tập trung

STT	Loại hóa chất	Ký hiệu	Định mức (kg/m ³)	Khối lượng (kg/ngày)
1	Poly Aluminate	PAC	0,05	5
2	Polymer	PAM	0,0005	0,05
3	Dung dịch điều chỉnh pH	H ₂ SO ₄ , NaOH	0,003	0,3
4	Chất khử trùng	Clorine	0,006	0,6
	Tổng			5,95

Bảng 3. 8. Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống XLNT

T	Thiết bị sử dụng điện	Đơn vị	Số lượng	SL thiết bị hoạt động trong 1 chu trình	Công suất kW hoạt động (kW/h)	Thời gian hoạt động (h/ngày)	Điện năng tiêu thụ	Chế độ hoạt động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5)*(6)*(7)	(9)
I CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TIÊU THỤ								
1	Bơm nước thái hồ bơm	cái	2	1	0.75	18.0	13.5	1 chạy, 1 nghỉ luân phiên
2	Bơm nước thái bể điều hòa	cái	2	1	0.75	18.0	13.5	1 chạy, 1 nghỉ luân phiên
3	Bơm hồ sự cố	cái	2	1	0.75	0.1	0.1	chạy theo nhu cầu thực tế
4	Bơm định lượng hoá chất điều chỉnh pH	cái	1	1	0.20	4.0	0.8	chạy theo đầu đo pH
5	Động cơ giảm tốc bể keo tụ	cái	1	1	0.75	18.0	13.5	vận hành tự động theo bơm bể điều hoà
6	Động cơ khuấy bồn chứa PAC	cái	1	1	0.40	0.1	0.0	Pha hoá chất định kỳ
7	Bơm định lượng PAC	cái	2	1	0.20	18.0	3.6	1 chạy, 1 nghỉ luân phiên theo bơm bể điều hoà
8	Động cơ giảm tốc bể tạo bông	cái	1	1	1.50	18.0	27.0	vận hành tự động theo bơm bể điều hoà
9	Động cơ khuấy bồn chứa A-polyme	cái	1	1	0.40	0.1	0.0	Pha hoá chất định kỳ

T	Thiết bị sử dụng điện	Đơn vị	Số lượng	SL thiết bị hoạt động trong 1 chu trình	Công suất kW hoạt động (kW/h)	Thời gian hoạt động (h/ngày)	Điện năng tiêu thụ	Chế độ hoạt động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5)*(6)*(7)	(9)
10	Bơm định lượng A-polyme	cái	2	1	0.20	18.0	3.6	1 chạy, 1 nghỉ luân phiên theo bơm bể điều hoà
11	Bơm bùn bể lắng sơ cấp	Cái	2	1	0.37	4.00	1.5	Theo chế độ bể lắng
12	Máy khuấy chìm bể thiếu khí	cái	4	2	0.40	12.0	9.6	Hoạt động 2 giờ chạy, 2 giờ nghỉ, hoạt động luân phiên
13	Máy thổi khí bể điều hòa	cái	2	1	4.00	24.0	96.0	2 chạy, 1 nghỉ luân phiên
14	Máy thổi khí bể hiếu khí	cái	2	1	7.50	24.0	180.0	2 chạy, 1 nghỉ luân phiên
15	Bơm tuần hoàn nước thải bể hiếu khí	cái	2	1	11.00	18.00	198.0	1 chạy, 1 nghỉ luân phiên
16	Bơm bùn bể lắng thứ cấp	Cái	2	1	0.37	4.00	1.5	Theo chế độ bể lắng
17	Bơm lọc	cái	2	1	3.70	0.1	0.3	Theo chế độ rửa lọc
18	Bơm định lượng NaOCL	cái	2	1	0.20	18.00	3.6	Theo bơm bể điều hoà
21	Động cơ khuấy bùn chứa C-polyme	cái	1	1	0.40	0.1	0.0	Pha hoá chất định kỳ

T	Thiết bị sử dụng điện	Đơn vị	Số lượng	SL thiết bị hoạt động trong 1 chu trình	Công suất kW hoạt động (kW/h)	Thời gian hoạt động (h/ngày)	Điện năng tiêu thụ	Chế độ hoạt động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5)*(6)*(7)	(9)
22	Bơm định lượng C-polyme	cái	1	1	0.20	4.0	0.8	Chạy theo máy ép bùn
23	Quạt thu khí	Cái	1	1	1.50	4.0	6.0	Chạy theo thực tế
24	Chiếu sáng nhà điều hành & trạm xử lý	ht	4	2	0.05	10.00	0.9	Vận hành từ 18h đến 6h sáng ngày hôm sau
II	TỔNG CỘNG TIÊU THỤ ĐIỆN					Kwh	597.4	
III	TỔNG CỘNG TIÊU THỤ ĐIỆN THỰC TẾ (85% công suất ghi trên thiết bị)					Kwh	507.8	

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải của chủ dự án

* Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Tuân thủ nghiêm chỉnh về thiết kế kỹ thuật hệ thống đường giao thông nội bộ và các nút giao thông với các trục đường chính trong khu vực

Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước trên tuyến đường nội bộ để giảm thiểu lượng bụi phát sinh do các phương tiện ra vào CCN, đặc biệt vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng.

Tổ chức giao thông hợp lý, chỉ sử dụng phương tiện vận tải có nguồn gốc, các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Bố trí trồng cây xanh quanh trạm xử lý.

2.2. Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống XLNT tập trung và khu vực lưu giữ chất thải của CCN

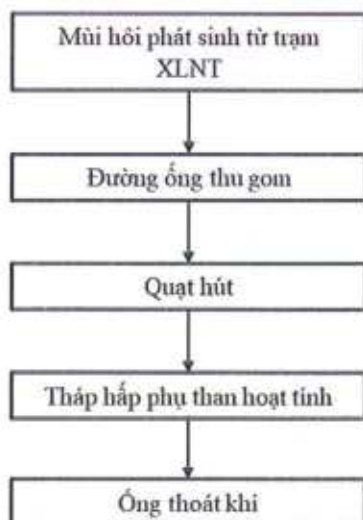
a. Mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp được bố trí cách xa các công trình công cộng, tuân thủ theo yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD. Các bể xử lý của trạm được bố trí nửa chìm nửa nổi, có nắp bể, trong quy trình xử lý có sử dụng các máy bơm chìm, giúp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống.

- Các nắp hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, mùi phát sinh chủ yếu từ bể thu gom nước thải, bể điều hòa và bể chứa bùn. Chủ dự án đã bố trí lắp đặt hệ thống xử lý mùi bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính. Hệ thống xử lý mùi được bố trí lắp đặt đồng bộ với các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Cụ thể quy trình như sau:



Hình 3. 6. Quy trình công nghệ xử lý mùi bằng hấp phụ than hoạt tính

Thuyết minh quy trình xử lý mùi bằng than hoạt tính:

Mùi và các sol khí phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống thu gom bằng đường ống uPVC D140 (đường ống thu khí được lắp đặt từ bể điều hòa, sẽ được quạt hút có công suất 0.75kW (01 quạt) đưa về hệ thống tháp hấp phụ bằng than hoạt tính xử lý mùi (khử mùi). Tháp hấp phụ đường kính D1100mm, cao 2000mm. Vật liệu thép CT3.

Hệ thống ống hút Φ140 để hút luồng khí thải, mùi đến màng lọc chứa than hoạt tính. Màng lọc chứa than hoạt tính có tác dụng khử mùi, hấp phụ các khí gây mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, mùi được giữ lại trên bề mặt than hoạt tính. Để lọc không khí, than hoạt tính được sử dụng dưới dạng hạt có kích cỡ 1-2mm. Kích thước của từng lớp than: lớp 1 dày 30cm, lớp 2 dày 20cm, lớp 3 dày 20cm. Các khí được hút qua bởi quạt hút và được thu vào tháp hấp phụ, qua từng lớp than và khí sạch thoát ra ống thoát khí theo đường ống dẫn ra ngoài môi trường bởi ống thoát khí.

Ống thoát khí có cấu tạo hình trụ, uPVC D140, chiều cao so với mặt đất là 3,5m.

Bảng 3. 9. Danh mục thiết bị xử lý mùi

TT	Thiết bị	Quy cách	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Tháp hấp phụ	- Thân tháp FRP: dày 7mm. Mặt bích FRB dày 10mm; sàn đỡ dày 10mm - Kích thước: D×H = 1100×2000mm - 4 góc đế tháp có gân tăng cứng 1 góc 45 độ	Bộ	1	Việt Nam
2	Quạt hút khí	- Quạt thu khí: Q = 2.400 – 2.700 m ³ /h - Công suất: 0,75kW - Vật liệu: Thép	Cái	1	Việt Nam

Hệ thống xử lý mùi được vận hành đồng bộ với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của cụm công nghiệp. Trong quá trình vận hành chỉ sử dụng than hoạt tính cho quá trình hấp phụ tại tháp hấp phụ và không sử dụng hóa chất.

Bảng 3. 10. Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý mùi

TT	Thiết bị	Nguyên liệu/hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Tháp hấp phụ	Than hoạt tính	Kg/lần	366	Việt Nam

Khối lượng than hoạt tính sử dụng được tính toán như sau:

Theo thiết kế tháp hấp phụ, đường kính tháp D=1100 mm, tổng chiều cao lớp than hoạt tính (3 lớp) là 0,7m (H_{than}).

- Diện tích tiết diện của lớp than là: $S_{than} = \pi D^2 = \pi \times 0,55^2 = 0,95 \text{ m}^2$

- Thể tích lớp than hoạt tính là: $V = S_{than} \times H_{than} = 0,95 \text{ m}^2 \times 0,7 \text{ m} = 0,66 \text{ m}^3$

Với khối lượng riêng của than hoạt tính là 400 - 650 kg/m³ (chọn trung bình là 550

kg/m³). Tổng khối lượng than tương ứng với 0,66 m³ than là: 366 kg.

Định kỳ 12 tháng/lần sẽ tiến hành thay than hoạt tính. Than hoạt tính thải được thu gom vào kho CTNH, định kỳ chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Mùi từ khu vực lưu giữ chất thải của cụm công nghiệp

- Yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp lưu giữ CTR sinh hoạt bằng các thùng chứa rác (loại thùng kín) đặt tại khu vực kho lưu giữ của mỗi đơn vị

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển hàng ngày để hạn chế mùi phát sinh

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải và từ kho lưu giữ chất thải. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Khí thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân: tại các đơn vị có bếp ăn tập trung cần tự bố trí hệ thống máy hút khử mùi tại các khu vực nhà bếp.

2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải của nhà đầu tư thứ cấp

Các nhà đầu tư vào CCN khi có phát sinh khí thải phải thực hiện theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các quy định khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, có sản thao tác đảm bảo an toàn tại vị trí lấy mẫu khí thải;

- Thực hiện quan trắc khí thải theo đúng quy định;

- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Tuân thủ tỉ lệ diện tích cây xanh trong từng nhà máy thành viên theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD;

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành, định lượng chính xác nguyên liệu, chấp hành đúng quy trình công nghệ để giảm thiểu tiêu hao nguyên liệu, giảm phát thải;

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, áp dụng công nghệ ít phát sinh bụi, khí thải và khuyến khích sử dụng các loại nhiên liệu sạch, nhiên liệu sinh học;

- Áp dụng các biện pháp an toàn phòng chống sự cố cháy nổ tại khu vực sản xuất;

- Xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế hoặc đổi mới các máy móc thiết bị sản xuất kịp thời nhằm tránh rò rỉ các chất ô nhiễm, các chất độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ cháy nổ.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công tác quản lý CTR công nghiệp và chất thải sinh hoạt tại các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp và quá trình vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật của Chủ Dự án được thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

*** Đối với chủ dự án (Đối với hoạt động quản lý vận hành CCN)**

Dự kiến số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại khu nhà điều hành CCN là khoảng 20 người.

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thành phần, khối lượng phát sinh:

Thành phần CTRSH phát sinh chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, vỏ lon/chai nước, vỏ hoa quả, nilon, sinh khối thực vật (lá cây, cành cây)...

Căn cứ theo định mức tại Bảng 2.23 – QCVN 01:2021/BXD (tương ứng với khu vực huyện Thanh Oai, thuộc nhóm đô thị loại V), định mức CTR phát sinh là 0,8 kg/người.ngày. Như vậy, tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh của khu nhà điều hành là: $0,8 \text{ kg/người.ngày} \times 20 \text{ người} = 16 \text{ kg/ngày}$ tương đương 5,76 tấn/năm.

- Biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, xử lý:

Thu gom, phân loại tại nguồn: Chủ đầu tư bố trí 09 thùng rác thể tích 60 lit/thùng tại khu vệ sinh của khu văn phòng và khu làm việc tại trung tâm quản lý điều hành (mỗi vị trí đặt 03 thùng rác, chất thải sẽ được phân loại thành 03 loại: chất thải hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ hoa quả); chất thải có khả năng tái chế và chất thải không có khả năng tái chế).

Chất thải rắn sinh hoạt cuối ngày sẽ được nhân viên vệ sinh vận chuyển xuống tầng 01 và chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng sẽ thu gom vận chuyển để xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 ngày/lần (Dự án không bố trí điểm tập kết do khối lượng chất thải phát sinh rất nhỏ và rác thải phát sinh được thu gom và vận chuyển xử lý hằng ngày, không lưu giữ lâu dài tại dự án nên không cần thiết đầu tư, tránh lãng phí).

*** Đối với nhà đầu tư thứ cấp:**

Các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN sẽ được yêu cầu:

+ Các nhà đầu tư thứ cấp tự bố trí khu vực lưu giữ CTR sinh hoạt tạm thời trong đơn vị, đảm bảo các yêu cầu về BVMT theo quy định.

+ Tự thu gom, phân loại, bố trí khu vực lưu giữ và ký hợp đồng đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

b. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

*** Đối với chủ dự án:**

- Khối lượng phát sinh:

Thành phần chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

+ Hoạt động dọn dẹp vệ sinh của khu cây xanh, đường giao thông chủ yếu là sinh khối thực vật nội bộ ước tính khoảng 200 kg/ngày.

+ Bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: theo tính toán tại mục 3.3.1.1.2.c chương III của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây

dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Thanh Thủy – Giai đoạn 2” (trang 186) ước tính khoảng 8 kg/ngày.

+ Bùn thải từ bể tự hoại: Số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại khu nhà điều hành CCN là khoảng 20 người. Lượng bùn từ bể tự hoại khoảng $20 \times 0,05 = 1$ (Lít/ngày) $\approx 1,5$ kg/ngày (làm tròn 2 kg/ngày) tương đương 0,55 tấn/năm (định mức tính toán căn cứ theo TCXDVN 51:2008 lượng bùn cặn lắng là 0,05 Lít/người/ngày; khối lượng riêng của bùn thải: $1m^3 \approx 1,5$ tấn).

Như vậy, tổng khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh của Dự án là khoảng 14 kg/ngày tương đương 0,42 tấn/tháng.

- Biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, xử lý:

+ Đối với khu cây xanh và các trục đường nội bộ: Bố trí các thùng chứa rác dung tích 120 lít có nắp đậy tại các vị trí thích hợp, khoảng cách giữa các thùng rác khoảng cách dự kiến từ 100-150m/thùng.

+ Đối với bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và bùn bể tự hoại: lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ cho đơn vị có đủ năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 tuần/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

Bảng 3. 11. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và thông thường dự kiến phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	16
2	Sinh khối thực vật	200
3	Bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	8
4	Bùn thải từ bể tự hoại	2
Tổng cộng		226

* Đối với nhà đầu tư thứ cấp:

- Các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN tự chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tiến hành phân loại CTR sản xuất tại nguồn để thu gom các loại CTR có thể tái sử dụng trong các công đoạn sản xuất hoặc bán cho các đơn vị thu mua để tái chế.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Đối với chủ dự án:

- Nguồn và khối lượng chất thải phát sinh:

Chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động bao gồm: Giẻ lau găng tay dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng nhựa/kim loại, than hoạt tính thải,... Khối lượng phát sinh CTNH của dự án trong 1 năm như sau:

Bảng 3. 12. Khối lượng chất thải nguy hại trung bình năm

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Nguồn phát sinh
1	Dầu thải, dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn, lỏng	17 02 03	5	Khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (giẻ lau dính dầu)	Rắn	18 02 01	10	Từ quá trình bảo dưỡng phương tiện đi lại, máy móc thiết bị
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	15	Từ bao bì đựng hóa chất
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	10	
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5	Bóng đèn cháy, hỏng
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5	Từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	366	Từ quá trình xử lý khí thải của hệ thống XLNT
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể bùn hóa lý)	Rắn	12 06 05	9.345,6	Từ quá trình xử lý nước thải tập trung
Tổng cộng				9.761,6	

Ghi chú:

- STT 1 - 6: Loại, khối lượng phát sinh chất thải nguy hại của Dự án được tham khảo từ Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường số 99/GPMT-STNMT ngày 08/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho Cụm công nghiệp Ninh Sở - Giai đoạn 2 của Công ty CP Confitech Tân Đạt địa chỉ tại xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- STT 7: Khối lượng than hoạt tính thải bỏ được xác định dựa trên tính toán khối lượng than hoạt tính tại mục 2.2.a chương III.

- STT 8: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể bùn hóa lý) theo tính toán tại

mục 3.3.1.1.2.c chương III của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Thanh Thùy – Giai đoạn 2” (trang 186) là 778,8kg/tháng tương đương 9.345,6 kg/năm.

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và vận chuyển CTNH:

+ Đối với bùn thải hóa lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: được lưu giữ trực tiếp tại bể chứa bùn hóa lý thể tích 11,44 m³.

+ Đối với các loại CTNH khác: Đã xây dựng 01 kho chứa CTNH có diện tích khoảng 4,4 m² tại khu HTKT01 được xây bằng gạch kích thước dày 220 mm, chiều cao 3,2m; nền và mái đổ bê tông, có biển báo, vách ngăn. Khi dự án đi vào hoạt động, các loại chất thải sẽ được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt (dự kiến sử dụng 06 thùng chứa bằng nhựa, dung tích khoảng 60 lit/thùng) và bao bì mềm PP, PE. Trên mỗi thùng chứa đều có mã quản lý CTNH, đáp ứng yêu cầu tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Kho chứa CTNH được bố trí thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

- Đánh giá khả năng đáp ứng của kho, bể chứa CTNH:

+ Đối với bùn thải: thể tích của bể chứa bùn hóa lý là 11,44 (m³). Tỷ trọng riêng của bùn thải: 1m³ ≈ 1,5 tấn, vậy sức chứa tối đa của bể chứa bùn hóa lý là 11,44 x 1.500 = 17.160 kg. Với khối lượng bùn dự kiến phát sinh 1 năm khoảng 9.345,6 kg thì thời gian bể chứa có thể lưu giữ tối đa lượng chất thải là 17.160/9.345,6 = 1,8 năm.

+ Đối với các loại CTNH khác: kho chứa CTNH diện tích là 4,4 m², xây tường cao 3,2m, sức chứa tối đa là 4,4 x 3,2 = 14,08 (m³). Ước tính tỷ trọng riêng của các loại CTNH từ 250 – 950 kg/m³, lựa chọn tỷ trọng tối thiểu để tính toán → sức chứa tối đa của kho chứa là 14,08 x 250 = 3.520 kg. Theo Bảng 3.11, khối lượng CTNH (không bao gồm bùn thải) dự kiến phát sinh 1 năm khoảng 2.030 kg thì thời gian kho chứa có thể lưu giữ tối đa lượng chất thải là 3.520/2.030 = 1,7 năm.

+ Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển định kỳ đi xử lý theo quy định. Tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.



Hình 3. 7. Kho chứa CTNH

4.2. Đối với nhà đầu tư thứ cấp:

- Các nhà đầu tư thứ cấp tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại; bố trí kho lưu giữ đảm bảo các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại.

- Có phương án phòng chống sự cố, đảm bảo an toàn trong khu vực lưu giữ.

- Lưu giữ các liên chứng từ liên quan đến CTNH; hằng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong đó có nội dung thống kê khối lượng, mã CTNH phát sinh và đã vận chuyển xử lý với CCN Thanh Thùy – Giai đoạn 2 và các cơ quan chức năng.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn từ hoạt động giao thông vận tải ra vào CCN: Các phương tiện vận tải ra vào CCN làm nhiệm vụ chuyên chở hàng hóa, nguyên vật liệu tới các nhà máy, xí nghiệp trong CCN phải giảm tốc độ, không sử dụng còi, không chở quá tải trọng quy định và khi dừng, đỗ chờ bốc xếp hàng phải tắt máy nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung;

- Đối với hoạt động phương tiện cá nhân của người lao động: Các doanh nghiệp được khuyến khích sử dụng phương tiện đưa đón CBCNV nhằm hạn chế phương tiện cá nhân ra vào CCN nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh;

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại các nhà máy xí nghiệp hoạt động trong CCN: Yêu cầu các nhà máy định kỳ kiểm tra, kiểm định, bảo dưỡng các thiết bị nhằm thay thế hoặc tra dầu kịp thời khi thiết bị hư hại, khô kẹt nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh trong quá trình làm việc. Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất cần lắp đệm, răng cao su nhằm hạn chế độ rung khi hoạt động. Ngoài ra phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân lao động trực tiếp trong khu vực

có nguy cơ tiếng ồn cao;

- Đối với các thiết bị gây ồn như máy bơm, máy nén khí, máy sục khí tại khu xử lý nước thải tập trung được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và sử dụng các bơm chìm sẽ hạn chế được tiếng ồn phát sinh;

- Tăng cường diện tích trồng cây xanh của CCN nói chung và từng nhà máy, xí nghiệp trong CCN theo đúng quy định về quy hoạch xây dựng.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Đối với sự cố hệ thống hệ thống xử lý nước thải

Sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có khả năng xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải của CCN bao gồm:

- Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải
- Sự cố khi nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn quy định
- Sự cố khi tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào vượt quá giới hạn thiết kế của hệ thống
- Sự cố về an toàn lao động
- Sự cố tràn đổ hóa chất ra môi trường
- Sự cố về điện và phòng cháy chữa cháy

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN được trình bày chi tiết như sau:

*** Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải**

Đây là sự cố thường gặp nhất trong các loại sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoạt động liên tục. Do đó, các sự cố này cần được khắc phục kịp thời, tránh tình trạng phải dừng hoạt động. Quy trình ứng phó như sau:

Bước 1: Phát hiện sự cố, tạm ngừng hoạt động của trạm, tích nước thải phát sinh vào bể điều hòa và hồ sự cố

Bước 2: Tiến hành kiểm tra, phát hiện các máy móc, thiết bị hư hỏng

Bước 3: Kiểm tra kho chứa có thiết bị, vật tư dự phòng để lập tức tiến hành thay thế, nhanh chóng đưa hệ thống xử lý đi vào hoạt động trở lại. Sau đó đưa máy móc đi sửa chữa, kiểm tra nguyên nhân gây hư hỏng để đưa ra phương án vận hành phù hợp hơn.

Bước 4: Trường hợp máy móc hư hỏng không có vật tư thay thế tại chỗ. Chủ dự án phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị tiến hành thay thế, sửa chữa nhanh nhất có thể để đưa nhà máy xử lý vào hoạt động trở lại

Bước 5: Trường hợp sự cố kéo dài, không thể khắc phục trong vòng 01 ngày chủ dự án sẽ hợp đồng thuê đơn vị có chức năng vận chuyển nước thải đến xử lý tại các KCN hoặc CCN trên địa bàn thành phố HN có hệ thống XLNT tập trung lớn có thể đáp ứng được. Chủ dự án cam kết thực hiện đúng quy trình vận hành XLNT, thường xuyên duy tu bảo dưỡng để hạn chế tối đa khả năng xảy ra tình huống này.

Bước 6: Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ

các yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

Để hạn chế, phòng ngừa sự cố trên, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp:

- Thực hiện nghiêm ngặt chế độ duy tu, bảo dưỡng; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của đơn vị chuyên giao công nghệ
- Hệ thống xử lý nước thải phải được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị và đơn vị thiết kế. Các thiết bị phải được thay thế khi đến niên hạn. Đối với các công trình xây dựng, các bể phải được theo dõi định kỳ nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa, cải tạo. Cụ thể 3 tháng 1 lần sẽ tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước của CCN.
- Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải như: hệ thống các bơm nước thải, máy thổi khí đều phải có thiết bị dự phòng
- Với các thiết bị đặt chìm như bơm chìm, chủ dự án đã đầu tư hệ thống ròng rọc để có thể dễ dàng nâng bơm lên trong quá trình sửa chữa
- Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được kết nối với Aptomat để tránh hiện tượng chập điện, cháy nổ

**** Sự cố nước thải đầu vào vượt giới hạn thiết kế của hệ thống XLNT***

Khi thành phần nước thải đầu vào vượt quá giới hạn thiết kế của hệ thống XLNT sẽ gây ra tình trạng quá tải tại các bể xử lý, đặc biệt là tại bể xử lý sinh học.

Quy trình ứng phó sự cố như sau:

- Hàng ngày cán bộ vận hành phải theo dõi lưu lượng nước thải đầu vào, DO, tổng lượng COD của dòng nước thải đầu vào hoặc theo dõi kết quả quan trắc định kỳ. Khi phát hiện sự cố nước thải đầu vào vượt chuẩn lập tức dừng, bơm nước thải về bể điều hòa và hồ sự cố.

- Phân loại, lập danh sách các nhóm đơn vị thứ cấp có lưu lượng nước thải lớn và phát sinh nước thải sản xuất có hàm lượng ô nhiễm cao để lưu ý giám sát. Nhanh chóng kiểm tra hồ ga thu nước thải của từng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đã lập danh sách, từ đó có thể phát hiện được doanh nghiệp nào đang xả thải với tải lượng bất thường. Khi phát hiện sẽ yêu cầu doanh nghiệp rà soát lại hệ thống xử lý nước thải sơ bộ, tiến hành hiệu chỉnh hệ thống để các thông số đầu ra đạt tiêu chuẩn hiện hành.

- Chủ đầu tư yêu cầu các doanh nghiệp xả thải với tính chất đặc biệt tiến hành rà soát và điều chỉnh hoạt động sản xuất nhằm đảm bảo nước thải đầu ra không vượt tiêu chuẩn thiết kế của hệ thống XLNT tập trung của CCN.

Một số biện pháp kiểm soát quá trình đầu nối nước thải sau xử lý sơ bộ của các doanh nghiệp như sau:

- Yêu cầu nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong CCN phải được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Thanh Thùy theo văn bản thỏa thuận giữa Chủ đầu tư dự án và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của CCN trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải để tiếp tục xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của CCN. Dự kiến tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN

Thanh Thùy - Giai đoạn 2 đã được trình bày tại Bảng 3.2.

- Kiểm tra hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của các doanh nghiệp, đánh giá về sự phù hợp của hệ thống này so với các thông số ô nhiễm đặc trưng của doanh nghiệp đó

- Kiểm tra báo cáo quan trắc môi trường hàng năm của các doanh nghiệp

- Định kỳ lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải sau xử lý sơ bộ của các doanh nghiệp đang hoạt động trong CCN

*** Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định**

- Khi phát hiện xảy ra hiện tượng nước thải sau xử lý không đạt, chủ dự án sẽ tiến hành các bước sau:

- + Lưu giữ nước thải tại các công trình xử lý sơ bộ và hồ sự cố của hệ thống xử lý nước thải, không để xả thải nước thải không đạt yêu cầu vào nguồn tiếp nhận

- + Tổ kỹ thuật cần nhanh chóng khắc phục sự cố, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Cần khắc phục nhanh sự cố trên để sớm nhất có thể đưa hệ thống xử lý nước thải vào hoạt động bình thường trở lại

- + Trong trường hợp không thể khắc phục được trong thời gian ngắn, cần báo cho chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để cùng phối hợp khắc phục sự cố

- Tùy theo từng thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép mà có sự kiểm tra, điều chỉnh như sau:

- + Nếu hàm lượng Mn, Fe vượt ngưỡng QCVN hiện hành, kiểm tra khâu sục khí để kiểm tra hiệu quả oxy hóa Mn, Fe

- + Nếu hàm lượng cặn lơ lửng vượt QCVN hiện hành, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể khuấy trộn và hiệu quả lắng của thiết bị lắng

- Để hạn chế, phòng ngừa sự cố trên, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp:

- + Thường xuyên kiểm tra theo dõi tình trạng làm việc của các thiết bị, máy móc

- + Thường xuyên kiểm tra theo dõi cơ chế xuống cấp của các cấu kiện: Sơn chống rỉ, mối nối hàn, số lượng đinh ốc, bu lông,... để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng

- + Thực hiện chế độ vận hành theo đúng hướng dẫn

Phương án xả nước thải về hồ sự cố:

Như vậy, nước thải sẽ được bơm về hồ sự cố trong các trường hợp:

- Trường hợp 1: Khi máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT bị hỏng phải dừng toàn hệ thống để thay thế/sửa chữa

- Trường hợp 2: Khi tải lượng ô nhiễm đầu vào vượt giới hạn thiết kế của hệ thống XLNT

- Trường hợp 3: Nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định

Chủ dự án đã xây dựng hoàn thiện hồ sự cố đồng bộ với hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN. Với dung tích khoảng 400m³ đảm bảo thời gian lưu giữ được 02 ngày (thực hiện đúng theo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/04/2021 của UBND thành phố Hà Nội) được bố trí tại khu đất HTKT01, cạnh nhà

điều hành. Bố trí dòng dẫn thải từ bể gom và từ đường ống dẫn nước sau bể khử trùng (trước khi chảy vào mương quan trắc) về hồ sự cố theo phương thức tự chảy do cos xả của hệ thống cao hơn cos của hồ sự cố. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể lắng cát, tách mỡ bằng đường ống uPVC D75 bằng 02 máy bơm: $Q = 15 - 25 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 8 - 15\text{m}$, $P = 1,5\text{kW}$.

Hồ sự cố đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng. Thông số kỹ thuật cơ bản của hồ sự cố:

- + Diện tích bề mặt: $S_{\text{bề mặt}} = 174 \text{ m}^2$
- + Chiều cao: $H = 2,3\text{m}$.
- + Đáy hồ gồm các lớp kết cấu từ dưới lên như sau:
Đáy hồ BTCT M250#, dày 0,25m
Lớp bê tông lót M100#, dày 0,2m
+ Cấu tạo thành hồ: xây gạch vữa xi măng M250#.



Hình 3. 8. Hình ảnh hồ sự cố

*** Sự cố đối với hệ thống xử lý mùi của hệ thống XLNT tập trung**

- Sự cố tích tụ CH_4 , H_2S từ hệ thống xử lý nước thải; chủ yếu do quá trình yếm khí gây ra. Phương án phòng tránh sự tích tụ CH_4 , H_2S trong hệ thống xử lý mùi:

+ Thường xuyên kiểm tra các thiết bị khuấy, hệ thống sự khí chìm đảm bảo hoạt động ổn định;

+ Có kế hoạch kiểm tra, hút bùn, vệ sinh bể chứa bùn định kỳ đảm bảo không xảy ra quá trình yếm khí.

- Sự cố hỏng quạt hút: lập tức tiến hành thay thế quạt hút, trường hợp không khắc phục kịp thời phải tạm ngưng vận hành hệ thống XLNT.

- Sự cố than hoạt tính bão hòa giảm khả năng hấp phụ: luôn tính toán, dự phòng khối lượng than để thay thế trong trường hợp bão hòa.

*** Sự cố hồ sự cố bị quá tải**

Trường hợp trong điều kiện thời tiết bất thường (mưa lớn, lũ lụt...) hồ sự cố có thể

bị ngập nước do nước mưa tiến hành huy động bơm di động hoặc máy bơm bằng xăng tiến hành hút nước tại hồ sự cố đảm bảo chức năng chứa nước thải của hồ khi hệ thống XLNT gặp sự cố.

*** Các sự cố thường gặp và cách xử lý trong cụm xử lý nước thải**

- Đối với máy thổi khí

STT	Biểu hiện	Nguyên nhân	Biện pháp
1	Tiếng ồn khác thường	a) Dây đai không thẳng b) Lỗi do bộ đỡ c) Vật lạ vào bánh răng	a) Đo và chỉnh lại b) Thay đổi c) Làm sạch bánh răng
2	Máy thổi khí không quay	Roto bị rỉ hoặc có vật thể lạ trong máy Dây curoa bị trượt hoặc bật ra ngoài Lỗi động cơ	Làm sạch roto, sạch máy Điều chỉnh lại độ dẫn dây curoa hoặc thay mới Kiểm tra động cơ và nguồn điện
3	Máy thổi khí nóng	a) Do dây đai bị nhiễm bẩn b) Bị kẹt các khe c) Quá tải	a) Làm sạch hay thay mới b) Làm sạch và thông các khe c) Điều chỉnh hay tháo bớt
4	Dòng khí ra ít	a) Rò rỉ trên đường ống b) Khí thoát ra van an toàn c) Ống giảm ồn bị nghẹt d) Dây đai bị trượt e) Áp suất tăng không bình thường	a) Làm lại các khớp nối b) Chỉnh lại van an toàn c) Thay thế hay làm sạch ống giảm ồn d) Chỉnh căng lại dây đai e) Chỉnh lại và rửa sạch chốt cho bạc đạn.
5	Dây đai bên ngoài rung	Mòn dây đai	Kiểm tra kỹ hay thay mới nếu cần
6	Động cơ máy thổi khí nóng	a) Quá tải b) Nguồn điện không ổn định	a) Điều chỉnh áp suất ra b) Cải thiện thiết bị cung cấp điện
7	Dầu chảy	Dầu trong hộp số nhiều	Chỉnh lại mức dầu

* Đối với máy bơm thả chìm

HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH XỬ LÝ
Bơm không khởi động được hoặc khởi động được nhưng ngừng ngay.	Nguồn điện cung cấp không phù hợp. Bảng điều khiển bị sự cố. Có vật lạ vướng vào cánh bơm. Motor bị hỏng. Hở mạch.	Nối với nguồn của cty hoặc xưởng. Tìm ra nguyên nhân để sửa chữa. Kiểm tra bơm và lấy vật lạ ra khỏi cánh bơm nếu có. Sửa chữa hoặc thay thế.

HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH XỬ LÝ
	Phao bơm bị sự cố.	Thay thế hoặc nối với dây nguồn khác. Loại bỏ những sự cố và kiểm tra lại sự hoạt động của phao bơm.
Thiết bị bảo vệ motor ngắt.	Motor bị hỏng. Làm việc ở tần số 50 Hz, nhưng lại dùng 60 Hz. Nhiệt độ của nước > 40°C . Bơm hoạt động trong không khí 1 thời gian dài. Do mực nước quá cạn. Cường độ dòng điện bị quá tải Phao chế độ ngừng bị hư.	Sửa chữa hoặc thay thế. Kiểm tra lại bảng tên và thay thế bơm. Làm giảm nhiệt độ nguồn nước. Dừng bơm sau đó kiểm tra lại mức nước. Kiểm tra lại hệ thống: bơm, đường ống, van... Kiểm tra sự cố và kiểm tra sự hoạt động của phao dừng.
Bơm vẫn hoạt động nhưng không có nước.	Có không khí trong bơm. Bơm hoặc ống bị nghẹt. Ống bị nghẹt cục bộ hoặc van hoạt động không đúng cách. Motor quay ngược chiều.	Dừng bơm ngay tức khắc sau đó khởi động lại hoặc loại bỏ không khí ra khỏi bơm. Làm sạch những vật gây nghẹt. Loại bỏ vật gây nghẹt hoặc sửa chữa hoặc thay thế van. Đổi đầu dây nguồn cung cấp.
Lượng nước bơm được không nhiều.	Cánh bơm hoặc vỏ bơm bị mòn, hỏng. Tổn thất đường ống quá lớn. Mực nước quá thấp, nước bơm lên có lẫn không khí. Bơm sử dụng 60 Hz, nhưng lại dùng 50 Hz. Đường ống bị rò rỉ. Ống hoặc bơm bị nghẹt bởi vật lạ.	Sửa chữa hoặc thay thế. Xem xét lại cách bố trí đường ống. Nâng cao mực nước lên. Hoặc hạ thấp vị trí của bơm xuống. Kiểm tra bảng tên và thay thế bơm hoặc cánh bơm. Kiểm tra và sửa chữa. Làm sạch vật lạ vướng vào bơm.
Dòng điện quá tải	Điện áp nguồn cung cấp không ổn định. Giảm điện áp. Bị mất pha. Bơm dùng 50 Hz, nhưng sử dụng 60 Hz. Motor quay ngược chiều. Bơm bị vướng vật lạ.	Nối với nguồn điện của công ty. Kiểm tra sự tiếp xúc của công tắc điện. Kiểm tra bảng tên và thay thế bơm. Đổi đầu dây nguồn. Loại bỏ vật lạ vướng vào bơm. Tháo bơm ra và thay bạc đạn.

HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH XỬ LÝ
	Bạc đạn của motor bị hỏng.	
Bơm làm việc ở chế độ tự động nhưng không ngừng được.	Chế độ khởi động và dừng của phao bơm có vấn đề. Công tắc của phao bơm bị hỏng. Mức nước cài đặt chế độ ngừng thấp hơn mức nước tối thiểu để bơm hoạt động.	Loại bỏ sự cố, hoặc thay thế phụ tùng. Cài đặt lại mực nước của phao dừng cao hơn mức nước tối thiểu để bơm hoạt động.
Bơm vận hành không đúng.	Cài đặt phao chưa đúng. Có bộ phận của bơm bị sự cố.	Cài đặt lại mực nước cho đúng. Sửa chữa hoặc thay thế bơm.

* Đối với bơm định lượng

- Một số sự cố thường xảy ra khi khởi động bơm

1. Bơm không bơm được dung dịch

Nguyên nhân	Cách khắc phục
Không khí đi vào đường ống hút qua các vị trí đấu nối	Kiểm tra lại các mối nối
Không khí bị giữ lại trong bơm	Tổng lưu lượng của bơm nên lớn nhất, nếu không thì nối lỏng đầu đẩy của bơm đến khi có dung dịch chảy ra
Chiều sâu hút quá lớn	Giảm bớt chiều sâu hút
Áp suất bay hơi của dung dịch quá cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
Độ nhớt dung dịch quá cao	Lắp đặt đường ống hút có đường kính lớn hơn. Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
Đường ống hút bị tắc hoặc van đóng	Kiểm tra lại
Bộ lọc ở đầu hút bị tắc	Vệ sinh lại
Van bơm bị tắc do các chất bẩn đi vào từ đầu hút	Tháo van và vệ sinh một cách cẩn thận

2. Lưu lượng bất thường hoặc cao hơn so với yêu cầu

Nguyên nhân	Cách khắc phục
Áp lực thủy tĩnh đầu hút cao hơn áp lực đầu đẩy	Tăng áp lực đầu đẩy bằng cách lắp van tạo áp lực ngược
Van tạo áp lực ngược bị tắc ở vị trí mở hoặc áp lực đặt quá thấp so với áp lực đầu hút	Kiểm tra
Van của bơm bị kẹt ở vị trí mở	Kiểm tra

- Một số sự cố xảy ra khi vận hành

1. Lưu lượng thấp hơn yêu cầu

Nguyên nhân	Cách khắc phục
Không khí đi vào đường ống hút qua các vị trí đấu nối	Kiểm tra lại các mối nối
Không khí bị giữ lại trong bơm	Cho bơm chạy lại với lưu lượng tối đa trong thời gian ngắn
Chiều sâu hút quá lớn	Giảm bớt chiều sâu hút
Áp suất bay hơi của dung dịch quá cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
Độ nhớt dung dịch quá cao	Lắp đặt đường ống hút có đường kính lớn hơn. Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
Nhiệt độ bơm cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
Đường ống hút bị tắc hoặc van đóng	Kiểm tra lại
Bộ lọc ở đầu hút bị tắc	Vệ sinh lại
Van an toàn cài đặt áp suất quá thấp	Kiểm tra lại
Thùng chứa kín khít, hoặc không có lỗ thông hơi	Kiểm tra

2. Lưu lượng không đúng hoặc cao hơn yêu cầu

Nguyên nhân	Cách khắc phục
Áp suất đầu hút cao hơn áp suất đầu đẩy	Tăng áp suất đầu đẩy thấp hơn so với đầu hút 0.3 - 0.5 kg/cm ²
Van tạo áp lực ngược bị kẹt tại vị trí mở vì bẩn hoặc áp lực cài đặt quá thấp	Kiểm tra
Van của bơm bị kẹt ở vị trí mở	Kiểm tra

3. Thân bơm và động cơ quá nóng

Nguyên nhân	Cách khắc phục
Lắp điện sai	Kiểm tra
Bơm làm việc ở áp lực cao hơn áp lực cho phép	Kiểm tra áp lực lớn nhất tại đầu đẩy bằng đồng hồ đo áp lực
Áp suất cao hơn quy định	Giảm áp suất đầu đẩy hoặc lắp đặt thiết bị tiêu xung ở đầu đẩy của bơm
Mặt bích bơm bị nén quá chặt	Nới lỏng ống nối với đầu bơm và kiểm tra
Đường ống đẩy tắc hoặc van bị đóng	Kiểm tra

Van tạo áp lực ngược cài đặt áp suất cao hơn yêu cầu cho phép	Kiểm tra
Mức dầu trong hộp số thấp	Cho thêm dầu vào

* Đối với cụm bể hóa lý

- Sự cố với máy khuấy:

Biểu hiện	Nguyên nhân	Biện pháp
(1) Máy khuấy không khởi động được hay vừa hoạt động thì dừng ngay.	(a) Chưa có điện (b) Bảng điều khiển (c) Cánh khuấy bị kẹt	(a) Nối điện (b) Kiểm tra tủ điện điều khiển (c) Kiểm tra cánh khuấy, làm sạch và bôi mỡ đầu khớp
(2) Lưu lượng không có.	(a) Bị nghẹt rác (b) Chưa mở hết van. (c) Lỗi do kết nối điện	(a) Bộ lọc rác dưới bơm (b) Mở van trước khi bơm hoạt động. (c) Nối điện lại
(3) Đèn báo trên tủ điện liên tục báo lỗi.	(a) Lỗi dò mức cảm ứng. (b) Tắc nghẽn cánh khuấy	(a) Kiểm tra dòng điện và tủ điện (b) Làm sạch, bôi trơn.
(4) Tốc độ khuấy không liên tục	(a) Điện chập chờn. (b) Cánh khuấy bị kẹt, vướng vật lạ.	(a) Kiểm tra đầu nối điện. (b) Kiểm tra đầu khớp nối cánh khuấy và thân động cơ
(5) Máy hoạt động gây ồn	(a) Vòng bi bị mòn, khớp răng nối bị kẹt (b) Đặt không vững, bị nghiêng	(a) Kiểm tra lại và thay mới nếu cần (b) Đặt lại cho động cơ và cánh khuấy thẳng góc

- Sự cố khác:

SỰ CỐ	NGUYÊN NHÂN	CÁCH KHẮC PHỤC
Bể trộn hóa chất	- Xem pH có được điều chỉnh về giá trị vận hành. Hiệu quả xử lý đến đâu	Kiểm tra lượng hóa chất có đầy đủ hay không. Lưu lượng có vượt qua thiết kế hay không Máy đo PH có bị hư hỏng gì không nếu có phải sửa chữa gấp Kiểm tra như thế nào ?
Bể lắng hóa lý: Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	Bể lắng hoạt động không hiệu quả. Bùn nổi nhiều trên mặt bể.	Kiểm tra chế độ phân phối nước vào. Kiểm tra hiệu quả xử lý hóa lý trước đó.

		Hút bùn trong bể. Kiểm tra như thế nào?
--	--	--

* Đối với cụm bể sinh học – bùn hoạt tính

SỰ CỐ	NGUYÊN NHÂN	CÁCH KHẮC PHỤC
Váng bọt màu trắng, cứng, cuộn cuộn hoặc sùi bọt trắng xóa phủ 1 vùng lớn hoặc toàn bộ bể hiếu khí MBR 	BOD cao gây sốc tải, tỷ lệ F/M cao và thời gian lưu bùn thấp (F/M: tỷ lệ cung cấp thức ăn cho vi sinh vật bùn hoạt tính bể hiếu khí) hay còn gọi là tỷ lệ thức ăn/sinh khối. Lưu lượng xả bùn dư quá nhiều Do các chất thải độc hại lẫn vào nguồn thải hoặc sốc do nhiệt độ Dòng tuần hoàn bùn không đủ lưu lượng hoặc bị tắc Dầu mỡ quá nhiều, chất tẩy rửa hoặc các vật liệu tạo bọt khác, các chất hoạt động bề mặt	Tăng lưu lượng bùn tuần hoàn (tăng thời gian chạy của bơm THN) hoặc giảm lượng bùn xả bỏ (bằng cách giảm hoặc tạm dừng hệ thống xả bùn dư Airlift pump) cho đến khi tỷ lệ F/M đạt đến giá trị thích hợp (0.15-0.5) Giảm lượng bùn dư và điều chỉnh lưu lượng bùn tuần hoàn cho tới khi đạt điều kiện bình thường. Thiết lập lại hệ vi sinh, thải bỏ bùn chết, nuôi cấy hoặc bổ sung bùn mới vào hệ thống Thiết lập lại tốc độ dòng tuần hoàn bùn thích hợp Xử lý sơ bộ bằng các phương pháp hóa lý, tuyển nổi, cải thiện việc loại bỏ dầu mỡ
Váng bọt có màu nâu đậm xuất hiện nhiều trên bề mặt bể hiếu khí 	Bể hiếu khí hoạt động tại điều kiện tải trọng F/M thấp, do thiếu việc xử lý lượng bùn dư. DO bể hiếu khí không đảm bảo. Thiếu hụt nguồn Cacbon, bể hiếu khí đang làm việc dưới tải nghiêm trọng. (Hệ thống làm việc ở trạng thái duy trì, cán bộ vận hành sẽ bổ sung hóa chất vào thùng hóa chất số 2, BDL sẵn sàng bơm, tùy vào khả năng trực của nhà máy mà có cách tính toán lưu lượng bơm và nồng độ dd cho phù hợp)	Tăng lượng bùn xả bỏ cho đến khi đạt được kiểm soát các thông số thông thường. (Sinh khối MLSS, Tỷ lệ F/M, chỉ số SVI) Mục 4.3 Kiểm tra DO bằng thiết bị đo DO online, kiểm tra máy thổi khí, điều chỉnh tăng biến tần, ktra HT PPK, van khóa. Kiểm tra tối ưu các chỉ tiêu MLSS, F/M và MCRT Bổ sung thêm nguồn C vào hệ thống (sử dụng ri đường, Etanol,..) Kiểm tra lại MLSS và F/M để tối ưu hóa các thông số

Mất bùn hoạt tính đột ngột, chỉ số SVI giảm mạnh	Có thể mất bùn do bùn lắng ở bề thiếu khí Bùn lắng ở bề kỵ khí Bơm bùn dư /thiết bị bơm bùn dư gặp sự cố, chạy quá mức cho phép	Kiểm tra hoạt động của máy khuấy chìm/hệ thống PPK thô Kiểm tra cốt mực nước giữa các ngăn Kỵ khí – Thiếu khí – Hiếu khí và đưa ra các biện pháp làm tăng cốt mực nước ở bề kỵ khí Kiểm tra lại hoạt động của bơm bùn dư, đối với bơm bùn dư Ari-lift phải kiểm tra xem có hiện tượng bình thông nhau khi van điện đã khóa hay không
Bùn nổi, lớp bùn dày, nhờn, màu nâu đậm xuất hiện ở hệ thống có bề thiếu khí 	Do chủng VSV dạng sợi phát triển (<i>Norcadia M.parvicella</i>)	Tăng cường lượng bùn thải Kiểm tra lại hoạt động của bề thiếu khí, dư thừa quá nhiều nguồn C dẫn đến sự phát triển của VSV dạng sợi, bông bùn nổi lên dẫn đến quá trình thoát khí N ₂ ra ngoài MT
Bông bùn điểm/phân tán, nước thải đầu ra có màu nhờn nhờn 	Hệ thống hoạt động dưới tải, tỷ lệ F/M rất thấp Sự xuất hiện của các chất độc hại Có thể tấm màng bị hở, dây ti-ô bong ra hoặc hệ thống van khóa, đường ống bị hở	Tăng dần lưu lượng dòng vào, bổ sung nguồn Cacbon, xả bớt bùn dư cố gắng cân bằng tỷ lệ F/M Ngăn chặn sự xuất hiện của các chất độc hại, không tốt cho hệ VSV Ktra lại hệ thống van khóa, test từng Modul màng riêng biệt xem cụm nào có vấn đề sau đó tìm biện pháp khắc phục

6.2. Đối với sự cố cháy nổ, chập điện

- Xây dựng nội quy PCCC chung cho CCN Thanh Thùy, chủ dự án yêu cầu các nhà máy thứ cấp trong CCN phải xây dựng phương án và trang thiết bị PCCC cho từng nhà máy

- Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho bảo vệ, nhân viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra

- Thường xuyên bổ sung phương án PCCC và tổ chức tập huấn phương án chữa cháy chung cho toàn CCN

6.3. Đối với sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông

* Biện pháp đảm bảo an toàn lao động:

Chủ đầu tư Dự án phối hợp, nhắc nhở các nhà máy thứ cấp thực hiện các biện pháp như sau:

- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, người quản lý và người lao động theo quy định trước khi vào làm việc;

- Kiểm tra sức khỏe của người lao động trước khi vào làm việc, khám sức khỏe định kì 1 lần/năm cho người lao động;

- Xây dựng và niêm yết nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động;

- Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các loại máy, thiết bị vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động trước khi đưa vào sử dụng, đăng kí sử dụng và kiểm định kỹ thuật định kỳ theo quy định;

- Định kỳ đo, kiểm tra môi trường lao động

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, các trang phục này bao gồm quần áo bảo hộ lao động, mũ, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, găng tay, ủng, kính bảo vệ mắt cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động;

- Phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Các thiết bị máy móc phải được kiểm tra định kỳ;

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã, điện giật;

- Thường xuyên có những đợt tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên;

- Thường xuyên khám bệnh định kì cho tất cả công nhân lao động trực tiếp;

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh lao động;

- Xây dựng nội quy về an toàn và bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở xưởng sản xuất cũng như các khu vực của công ty;

* Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông:

- CBCNV phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ;

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho các cán bộ công nhân viên làm việc trong Công ty về an toàn giao thông đường bộ;

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc tham gia giao thông để tránh những tai nạn giao thông khi tham gia trên đường;

- Các loại xe vận tải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các Trung tâm Nhà nước, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải;

- Tuyệt đối không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải;

- Nghiêm cấm dùng các loại xe vận tải chở người đi đến nơi làm việc hoặc về nơi nghỉ và cấm chở người trên thùng xe trong khi hoạt động;

- Cấm người ngồi trên mui xe hoặc đứng bám sát vào thành xe;
- Cấm người lên xuống xe khi xe chưa dừng hẳn.

Để giảm thiểu tác động do việc gia tăng lưu lượng phương tiện giao thông và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông, Chủ đầu tư khuyến khích các doanh nghiệp tuyển dụng lao động địa phương xung quanh Dự án có điều kiện đi làm bằng xe đạp hoặc đi bộ sẽ giảm thiểu đáng kể lượng phương tiện cá nhân góp phần giảm thiểu áp lực lên giao thông khu vực và ô nhiễm môi trường xung quanh. Tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật lệ an toàn giao thông khi tham gia giao thông cho các cán bộ, công nhân viên (không chở 3, 4 người, đội mũ bảo hiểm, bật tín hiệu xin đường khi chuyển hướng đặc biệt tại các nút giao thông, cổng ra vào, ...) sẽ hạn chế được các rủi ro khi tham gia giao thông để bảo vệ chính mình và những người tham gia giao thông trên đường.

6.4. Đối với sự cố hóa chất

Để tránh các sự cố, rủi ro do hóa chất cho công nhân khi làm việc tiếp xúc với hóa chất thường xuyên cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất:

- Luôn mặc đồ bảo hộ lao động, tuân thủ hướng dẫn khi sử dụng, sử dụng đúng liều lượng theo khuyến cáo, bố trí phương tiện biện pháp dự phòng, học cách ứng cứu tại chỗ khi có người bị nhiễm độc.

- Chứa hóa chất trong các thiết bị chịu ăn mòn, áp lực. Vật chứa, bao bì phải đảm bảo kín và chắc chắn. - Hòa chất đóng bao phải xếp trên bục hoặc giá đỡ.

- Không để hóa chất dễ cháy nổ, cùng chỗ với các chất duy trì sự cháy. Thiết bị chứa hóa chất dễ cháy, nổ phải giữ đúng hệ số đầy theo quy định. Thiết bị lớn phải có van xả một chiều, van ngắt an toàn kèm biện an toàn phòng nổ.

- Đối với các rủi ro, sự cố khi công nhân tiếp xúc với hóa chất trong hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư Dự án cần kiểm soát việc sử dụng hóa chất, loại trừ hoặc giảm tối đa mức thấp nhất mọi rủi ro bởi các hóa chất nguy hiểm, các sản phẩm từ hóa chất gây ra cho con người và môi trường. Áp dụng các nguyên tắc trong kiểm soát để loại trừ hoặc giảm khả năng tiếp xúc với hóa chất được đặt ra như sau:

- + Quy định khoảng cách hoặc che chắn giữa người lao động và hóa chất nhằm ngăn chặn mọi nguy cơ liên quan đến hóa chất đối với người lao động.

- + Trang thiết bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động nhằm ngăn ngừa việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất

- + Sử dụng hệ thống thông gió thích hợp để di chuyển hoặc làm giảm nồng độ độc hại trong không khí chẳng hạn như khói, khí, bụi, mù.

- +Loại bỏ các chất hoặc quá trình độc hại, nguy hiểm hoặc thay thế bằng các chất ít nguy hiểm hơn hoặc không còn nguy hiểm nữa.

- Ứng phó rủi ro khi tiếp xúc với hóa chất:

- + Sau khi tiếp xúc với da; rửa sạch bằng nhiều nước, đến ngay cơ quan y tế gần nhất hoặc gọi bác sĩ phụ trách ngay lập tức.

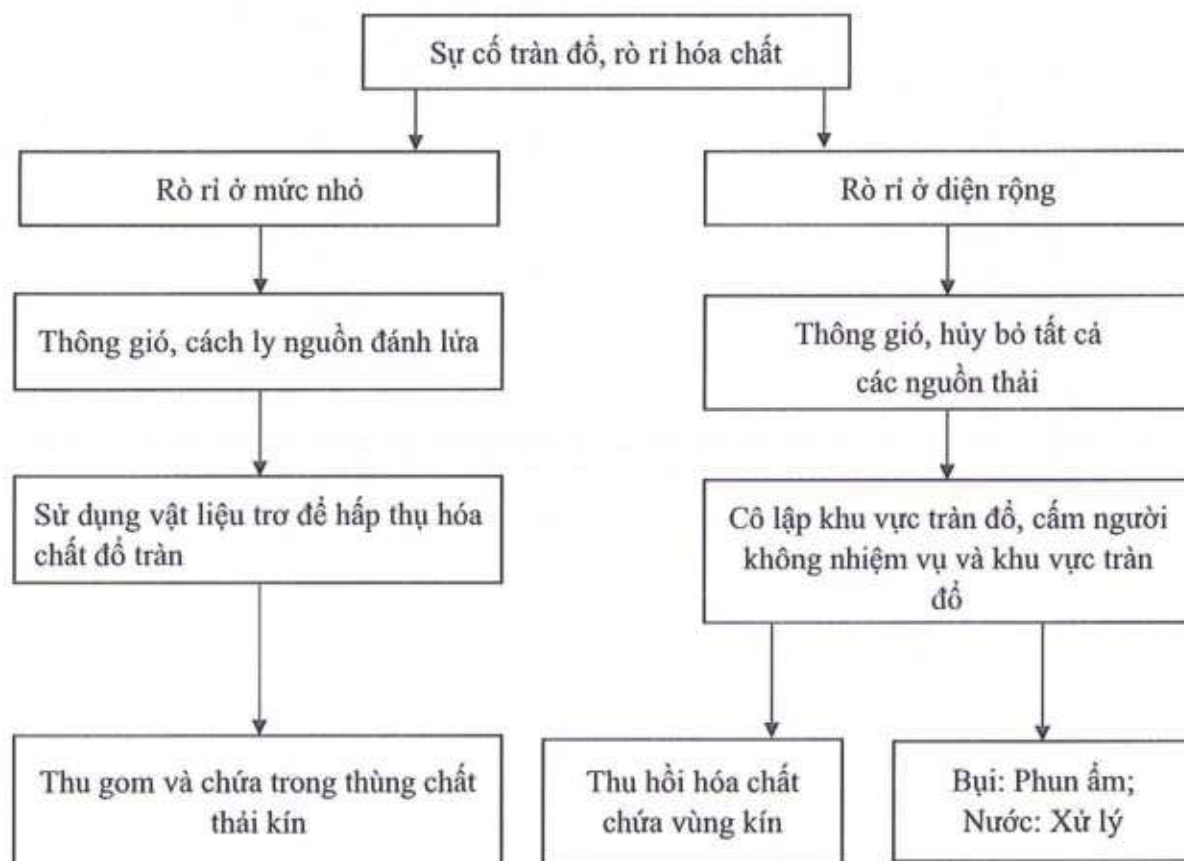
+ Sau khi tiếp xúc với mặt; rửa sạch bằng nhiều nước, đến ngay cơ quan y tế gần nhất hoặc gọi bác sĩ phụ trách ngay lập tức,

+ Nếu uống vào: Uống nước (hai cốc). Gọi điện cho cơ quan y tế ngay lập tức, trường hợp không có, gây nôn đối với các trường hợp còn nhận thức.

** Biện pháp khắc phục sự cố trong quản lý hóa chất*

+ Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng vật liệu trơ (ví dụ cát hoặc đất) sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.



Hình 3. 9. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố hóa chất nguy hại

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Trong quá trình triển khai xây dựng dự án có phát sinh một số thay đổi so với Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án. Chi tiết như sau:

Bảng 3. 13. Tổng hợp một số thay đổi so với báo cáo ĐTM

TT	Các nội dung đã được phê duyệt trong ĐTM	Hiện trạng các hạng mục, công trình thay đổi	Giải thích nguyên nhân thay đổi
1	Tổng diện tích dự án khoảng 76.972 m², trong đó: - Diện tích đất thuộc phạm vi CCN: 65.000 m², cụ thể: + Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp: diện tích khoảng 36.829 m². + Đất xây dựng trung tâm quản lý, điều hành: diện tích 590 m². + Đất cây xanh: diện tích khoảng 6.499 m². + Đất dịch vụ hỗ trợ: diện tích khoảng 7.143 m². + Đất xây dựng các công trình HTKT: diện tích khoảng 105 m². + Đất xây dựng các công trình giao thông: diện tích khoảng 13.834 m². - Diện tích đất khớp nối HTKT khoảng 11.972 m².	Tổng diện tích dự án khoảng 77.767 m², trong đó: - Diện tích đất thuộc phạm vi CCN: 65.795 m², cụ thể: + Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp: diện tích khoảng 36.386 m². + Đất xây dựng trung tâm quản lý, điều hành: diện tích 590m². + Đất cây xanh: diện tích khoảng 9.787 m². + Đất dịch vụ hỗ trợ: diện tích khoảng 4.126 m². + Đất xây dựng các công trình HTKT diện tích khoảng 1.818m². + Đất xây dựng các công trình giao thông: diện tích khoảng 13.088m². - Diện tích đất khớp nối HTKT khoảng 11.972m².	- Lý do điều chỉnh: Bổ sung diện tích 875m² xây dựng trạm XLNT vào lô đất HTKT01 và không bao gồm diện tích đất 80 m² nghĩa trang theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai (thành lập theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội) và Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Thanh Oai. - Căn cứ theo điểm c khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường 2020 nội dung thay đổi được tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
2	Tổng vốn đầu tư: 147,660 tỷ đồng	Tổng vốn đầu tư: 305,983 tỷ đồng	Lý do thay đổi: Căn cứ theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai

TT	Các nội dung đã được phê duyệt trong ĐTM	Hiện trạng các hạng mục, công trình thay đổi	Giải thích nguyên nhân thay đổi
3	Quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → bể gom → bể tách váng mỡ → bể điều hòa → bể hóa lý → bể lắng hóa lý → bể thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng → mương quan trắc → nguồn tiếp nhận.	Quy trình công nghệ điều chỉnh: Nước thải sau xử lý sơ bộ → bể gom → bể lắng cát, tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → mương quan trắc → nguồn tiếp nhận.	1. Thay đổi tên bể (bể lắng cát, tách dầu mỡ) tách bể hóa lý thành 02 bể keo tụ và bể tạo bông không làm thay đổi tính chất, chức năng của bể. 2. Lược bỏ bể trung gian và bồn lọc áp lực: thay đổi này đã được chấp thuận theo Văn bản số 1258/SKH-CN-QLCN ngày 08/7/2021 của Sở KH&CN V/v phương án công nghệ trạm xử lý nước thải thuộc dự án ĐTXD HTKT01 cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai.
4	Chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$)	Chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)	Căn cứ theo Khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT: Kể từ ngày 01/9/2025, dự án đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường phải áp dụng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT
5	Diện tích kho chứa CTNH: 10 m ²	Diện tích kho chứa CTNH: 4,5 m ²	Do diện tích đất HTKT01 hạn chế, Chủ dự án đã điều chỉnh diện tích xây dựng kho. Đã trình bày tính toán, đánh giá khả năng đáp ứng của kho (xem chi tiết mục 4.1 chương III); khối lượng CTNH (không bao gồm bùn thải) dự kiến phát sinh 1 năm khoảng 2.030 kg thì thời gian kho chứa có thể lưu giữ tối đa lượng chất thải 1,7 năm. Với tần suất vận chuyển CTNH 6 tháng/lần là hoàn toàn đáp ứng.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của trung tâm quản lý điều hành (QLDH);
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của khu nhà điều hành trạm xử lý nước thải;
- + Nguồn số 03: Nước thải (sinh hoạt và công nghiệp) từ các đơn vị thứ cấp trong CCN giai đoạn 2.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 137 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung.
- Các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: chất lượng nước thải sau xử lý phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT (cột A), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Nhiệt độ	°C	≤40	-	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Các chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.
2.	pH	mg/l	6-9		
3.	TSS	mg/l	≤40		
4.	COD	mg/l	≤65		
5.	Amoni	mg/l	≤5		
6.	Màu	P/C ₀	≤50	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
7.	BOD ₅	mg/l	≤40		
8.	Asen	mg/l	≤0,05		
9.	Thủy ngân	mg/l	≤0,001		
10.	Chì	mg/l	≤0,1		
11.	Cadimi	mg/l	≤0,02		
12.	Crom (VI)	mg/l	≤0,1		
13.	Tổng Crom	mg/l	≤0,5		
14.	Đồng	mg/l	≤1		
15.	Kẽm	mg/l	≤1		
16.	Niken	mg/l	≤0,1		
17.	Mangan	mg/l	≤2		
18.	Sắt	mg/l	≤2		
19.	Tổng xianua	mg/l	≤0,2		
20.	Tổng phenol	mg/l	≤1		
21.	Tổng Nito	mg/l	≤20		
22.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤1		

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
23.	Sunfua	mg/l	≤0,2		
24.	Florua	mg/l	≤3		
25.	Tổng P	mg/l	≤4		
26.	Clorua	mg/l	≤500		
27.	Clo dư	mg/l	≤1		
28.	Coliform	MPN/100ml	≤3.000		
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	≤0,05	01 năm/lần	
30.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	≤0,3		
31.	Tổng PCB	mg/l	≤0,003		

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án thuộc xã Tam Hưng, sau đó thoát ra sông Đáy.

- Vị trí xả thải: Điểm xả cuối trước khi xả ra kênh tiêu Yên Cốc phía Tây Dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°):

2.308.822,998; Y = 583.184,081

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24/24 giờ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn số 01: Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý mùi được thoát theo đường ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Lưu lượng khí thải lớn nhất: 2.700m³/giờ.

- Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Tọa độ vị trí xả khí thải sau xử lý (VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°)

X = 2.308.887,385; Y = 583.124,314.

- Phương thức xả thải: xả cưỡng bức.

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24/24 giờ.

- Các chất ô nhiễm theo dòng khí thải và giá trị giới hạn: Khí thải sau xử lý phải đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	≤15	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	H ₂ S	mg/Nm ³	≤8		
3	NH ₃	mg/Nm ³	≤25		

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực nhà đặt máy máy thổi khí và hệ thống xử lý mùi.

* Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰0', múi chiều 3⁰):

+ Nguồn số 01: Tọa độ X= 2.308.886,525; Y = 583.125,451.

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

* Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	70	55	Khu vực thông thường

* Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được căn cứ dựa trên thời gian hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình và tỷ lệ lấp đầy CCN: Dự kiến bắt đầu từ tháng 01/2026 đến tháng 03/2026 (trong vòng 03 tháng). Dự kiến kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường của Dự án như sau:

Bảng 5. 1. Kế hoạch VHTN dự kiến

TT	Công trình VHTN	Công suất dự kiến khi kết thúc vận hành	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm (dự kiến)	Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm (dự kiến)
1	Trạm xử lý nước thải công suất 200 m ³ /ngày đêm.	30-50%	01/2026	03/2026

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Để thực hiện công tác quan trắc chất thải phục vụ quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý chất thải, Chủ dự án dự kiến phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để khảo sát, lấy mẫu đo đạc, phân tích các mẫu môi trường để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải, cụ thể như sau:

Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

- Địa chỉ văn phòng: 54 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Ô DV-04, lô số 25, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Quyết định số 55/GCN-BTNMT ngày 22/12/2023 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (VIMCERTS số 276).

- Quyết định về việc công nhận phòng thí nghiệm số 1792/QĐ-VPCNCL ngày 07/9/2023 của Giám đốc Văn phòng công nhận chất lượng (VILAS 1332).

Căn cứ khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT- Quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Dự án thuộc đối tượng chủ dự án tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch lấy mẫu, đánh giá hiệu suất của hệ thống xử lý nước thải như sau:

** Giai đoạn điều chỉnh*

- Thời gian đánh giá: 75 ngày
- Chủ cơ sở chịu trách nhiệm lấy mẫu đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh để có các giải pháp cải thiện hệ thống xử lý nước thải theo hướng tốt hơn

** Giai đoạn vận hành ổn định*

- Thời gian đánh giá: 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh
- Tần suất lấy mẫu: 1 ngày/lần trong vòng 3 ngày liên tiếp (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu vào: Nước thải đầu vào được lấy tại hố gom.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: Nước thải đầu ra được lấy tại mương quan trắc.

- Thông số: 31 thông số quy định tại mục 1 chương IV của Báo cáo.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

2.1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

(1). Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Vị trí quan trắc nước thải:

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu vào: Nước thải đầu vào được lấy tại hố thu gom.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: Nước thải đầu ra được lấy tại mương quan trắc.

- Thông số quan trắc:

+ Tổng hóa chất BVTX clo hữu cơ, tổng hóa chất BVTX photpho hữu cơ, tổng PCB. Tần suất lấy mẫu: 01 năm/lần.

+ Màu, BOD₅, As, Hg, Cd, Cr(VI), tổng Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng xianua, tổng phenol, tổng N, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, tổng P, clorua, clo dư, coliform. Tần suất lấy mẫu: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

(2). Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Hệ thống quan trắc tự động nước thải sau xử lý được kết nối internet để truyền dữ liệu về hệ thống giám sát môi trường của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.

Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam hiện tại đã hoàn thành lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động liên tục và đang tiến hành các thủ tục xin tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường từ trạm quan trắc nước thải tự động.

- Các thông số giám sát: Lưu lượng đầu vào (Flow in l), Lưu lượng đầu ra (Flow

out 1), pH, Nhiệt độ (Temp), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) và Amoni (NH_4^+).

- Vị trí lấy mẫu: mẫu nước tại mương quan trắc trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;
- Tần suất giám sát: tự động, liên tục 24h/24h.
- Tần suất truyền: 5 phút/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án
Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc môi trường định kỳ và Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường, dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Dự án như sau:

Bảng 5. 2. Kinh phí quan trắc hàng năm

TT	Nội Dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền
					(VNĐ)
1	Màu	81.257	2	4	650.056
2	BOD5 (20 ⁰ C)	265.643	2	4	2.125.144
3	As	712.951	2	4	5.703.608
4	Hg	881.142	2	4	7.049.136
5	Cd	176.396	2	4	1.411.168
6	Cr(VI)	425.654	2	4	3.405.232
7	Cr(III)	425.654	2	4	3.405.232
8	Cu	506.363	2	4	4.050.904
9	Ni				
10	Mn				
11	Fe				
12	Tổng xianua	443.937	2	4	3.551.496
13	Tổng phenol	1.004.087	2	4	8.032.696
14	Tổng dầu mỡ khoáng	595.678	2	4	4.765.424
15	Sunfua	514.959	2	4	4.119.672
16	Florua	480.954	2	4	3.847.632
17	Tổng nito	371.187	2	4	2.969.496
18	Tổng P	463.578	2	4	3.708.624

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2

TT	Nội Dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền
					(VNĐ)
19	Clorua	303.541	2	4	2.428.328
20	Clo dư	471.798	2	4	3.774.384
21	Tổng hóa chất BVTV clo hữu cơ	1.965.214	2	4	15.721.712
22	Tổng hóa chất BVTV photpho hữu cơ	1.966.821	2	4	15.734.568
23	Coliform	791.406	2	4	6.331.248
Tổng chi phí					102.785.760

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam cam kết cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin nêu trong Báo cáo. Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ những biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra; các văn bản pháp luật, quy định chung về BVMT; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, các cam kết với cộng đồng như đã nêu trong Báo cáo. Cụ thể:

- Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND TP. Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Cam kết thực hiện đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết hoàn thành các công trình xử lý và bảo vệ môi trường, vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động chính thức; giám sát hiệu quả hoạt động của các thiết bị xử lý chất thải, có sổ nhật ký vận hành các hệ thống thiết bị, vị trí lấy mẫu đúng kỹ thuật, điểm lấy mẫu theo đúng quy định theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra như trình bày trong Chương III của Báo cáo.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương V của Báo cáo. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án có trách nhiệm tiếp tục hoàn thiện các thủ tục môi trường (Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường) trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức. Cam kết định kỳ hàng năm thực hiện việc giám sát môi trường theo đúng các vị trí, tần suất cũng như các thông số về môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo cấp Giấy phép môi trường. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến Sở Nông nghiệp và Môi trường TP. Hà Nội theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường bao gồm:

Đối với bụi, khí thải:

- + Cam kết áp dụng các biện pháp giảm thiểu phát sinh khí thải ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

Đối với nước thải:

- + Cam kết xử lý nước thải đảm bảo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) trước khi thoát ra tuyến kênh tiêu Yên Cốc.

Đối với chất thải:

+ Cam kết thực hiện thu gom toàn bộ chất thải phát sinh và bố trí đủ thùng rác, kho chứa không đổ bừa bãi rác thải ra môi trường.

+ Cam kết phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Chủ dự án cam kết lập, sử dụng, lưu giữ và quản lý chứng từ CTNH và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý CTNH theo quy định.

- Cam kết thực hiện đầy các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận hành đúng theo quy định và cam kết của chủ dự án đã trình bày trong báo cáo. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt./.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0103333258

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 02 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 25 tháng 05 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANG LONG VIET NAM GROUP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 1, ngõ 108, phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.22194237/ 024.6672.9999

Fax:

Email: thanglonghjsc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 166.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.660.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: DƯƠNG VĂN BẠO

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001072000617

Ngày cấp: 18/06/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 1, ngõ 108, phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1, ngõ 108, phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền**

Số: 5511 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2,
huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ ban hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công thương về Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 11175/BCT-CTĐP ngày 27/11/2017 của Bộ Công Thương về việc thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 444/TB-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo kết luận của tập thể lãnh đạo UBND Thành phố tại cuộc họp về việc xem xét, thống nhất một số nội dung liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội và Thông báo số 748/TB-UBND ngày 26/6/2019 của UBND Thành phố về việc xem xét thành lập Cụm công nghiệp Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai và Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa;

Xét đề nghị của UBND huyện Thanh Oai tại: Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 10/4/2018; Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 11/6/2018; Báo cáo số 985/UBND-KT ngày 16/7/2019 và của Sở Công Thương tại: Báo cáo số 253/BC-SCT ngày 07/9/2018 về việc thẩm định thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai; các Báo cáo bổ sung: số 300/BC-SCT ngày 24/10/2018 và số 103/BC-SCT ngày 17/4/2019; Báo cáo số 221/BC-SCT ngày 13/8/2019, về việc hoàn thiện hồ sơ thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội với các nội dung sau:

1. Tên cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

2. Địa điểm: thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. (Phạm vi, ranh giới sẽ được chuẩn xác khi Nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật).

3. Quy mô: khoảng 6,5 ha (Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

4. Ngành nghề hoạt động chủ yếu: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất cơ kim khí và chế biến nông sản, chế biến bảo quản sau thu hoạch thóc, gạo cho bà con nông dân các xã trên địa bàn huyện và các huyện lân cận của thành phố Hà Nội; các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

5. Mục tiêu:

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Phục vụ di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề Thanh Thùy nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ cháy nổ trong khu dân cư, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương.

6. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội.

- Địa chỉ trụ sở chính: số 1 ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Mã số doanh nghiệp: 0103333258; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/02/2009, thay đổi lần thứ 3 ngày 13/12/2017; Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng chuyên dụng; chủ đầu tư các dự án, cụm công nghiệp, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất ...; Vốn điều lệ: 66 tỷ đồng.

- Người đại diện cho pháp luật: Ông Dương Văn Bạo; Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty; Sinh ngày: 10/7/1972; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 001072000617, ngày cấp: 18/06/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; Hộ khẩu thường trú tại: Số 1 ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

7. Tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư

a) Tổng mức đầu tư: Khoảng 147,66 tỷ đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có của nhà đầu tư: 29,532 tỷ đồng;

- Vốn vay của các tổ chức tín dụng: 62,171 tỷ đồng;
- Vốn huy động từ nhà đầu tư thứ phát: 55,956 tỷ đồng;

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

Từ quý III năm 2019 đến Quý III năm 2021.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Lập, phê duyệt và triển khai Dự án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng và môi trường; đảm bảo tuân thủ quy hoạch, chức năng sử dụng ô đất được duyệt;

- Liên hệ các Sở, ngành: Công Thương, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, UBND huyện Thanh Oai và các đơn vị có liên quan để được hướng dẫn, thực hiện các thủ tục có liên quan về lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật;

- Triển khai công tác, giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ đề xuất; đảm bảo về số vốn chủ sở hữu, vốn vay, vốn huy động để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật;

- Được thuê đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 theo quy định tại Điều 149 Luật Đất đai; Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất; đảm bảo các điều kiện để được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghiêm cấm thực hiện việc chuyển nhượng dự án và huy động vốn trái quy định pháp luật dưới mọi hình thức để triển khai dự án, trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi, xử lý theo đúng quy định của pháp luật;

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về đánh giá tác động môi trường của dự án; xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp và đảm bảo các quy định về hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hoàn trả các công trình thủy lợi của khu vực;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố;

- Tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng,

Ab

tiện ích trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định;

- Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19, 20, 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Các Sở, ngành: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; UBND huyện Thanh Oai; Cục Thuế thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện thủ tục về quy hoạch, đất đai, xây dựng, nghĩa vụ tài chính và các thủ tục khác liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động tạo được sự đồng thuận của người dân; chuẩn bị tốt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng không để phát sinh khiếu kiện phức tạp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai; Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: PCVP V.T.Anh, KT, ĐT, TKBT.
- Lưu: VT, KTV, *Alh* (24)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Quý

Số: 993 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND
ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Công Thương Hà Nội tại Công văn số 563 /SCT-QLCN ngày 05 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về thông tin Chủ đầu tư. Cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: số 1, ngõ 108, phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 013333258; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/02/2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 25/05/2020; Ngành nghề kinh doanh: Xây

AB

dụng chuyên dụng; chủ đầu tư các dự án, cụm công nghiệp, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất...; Vốn điều lệ: 166 tỷ đồng.

Người đại diện cho pháp luật: Ông Dương Văn Bạo; Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc; Sinh ngày: 10/7/1972; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 001072000617; Ngày cấp: 18/06/2018; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về DLQG về dân cư; Hộ khẩu thường trú tại: Số 1 ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Lý do điều chỉnh: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; Mã số doanh nghiệp 013333258 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25/05/2020;

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh, giữ nguyên theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an Thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: CVP, PCVP V.T.Anh; KT, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT, KTV.

332- 15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

Số: 264 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ kèm theo các văn bản của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam: số 67/2021-CCNTT ngày 09/9/2021 đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; số 68/2021-CCNTT ngày 09/9/2021 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; số 69/2021-CCNTT ngày 09/9/2021 cam kết tiến độ thực hiện dự án;



14

Xét ý kiến thẩm định của: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4074/KH&ĐT-NNS ngày 23/9/2021; Sở Tài chính tại văn bản số 6032/SCT-TCĐT ngày 27/9/2021 và văn bản số 6486/SCT-TCĐT ngày 15/10/2021; Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 7172/STNMT-CCQLDD ngày 29/9/2021; Cục Thuế thành phố Hà Nội tại văn bản số 36913/CTHN-QLD ngày 29/9/2021; UBND huyện Thanh Oai tại văn bản số 1723/UBND-KT ngày 20/9/2021; Sở Công Thương tại Báo cáo thẩm định số 329/BC-SCT và Tờ trình số 5393/TTr-SCT ngày 13/12/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai đã được phê duyệt tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội như sau: Khởi công - Hoàn thành: Quý I/2022 - Quý IV/2023.

Điều 2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo nội dung quy định tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo và thực hiện dự án phải thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư, đất đai, xây dựng và các quy định pháp luật khác liên quan; Thực hiện đúng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc được phê duyệt; phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai, Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; các Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để

thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 363/TB-UBND ngày 16/4/2018.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bố trí đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, tiến độ Chủ đầu tư đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản: số 67/2021-CCNTT; số 68/2021-CCNTT và số 69/2021-CCNTT ngày 09/9/2021. Trường hợp vi phạm, sẽ bị thu hồi không bồi hoàn.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Sở Công Thương và các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai; Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: PCVP N.M.Quân; KT, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT, KTV

73041 - 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Mạnh Quyền

Số: 2074 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai (thành lập theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP;

Căn cứ văn bản số 454/CTĐP-CCN ngày 16/6/2022 của Cục Công Thương địa phương về việc thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/BCS ngày 26/10/2023 của Ban cán sự đảng UBND Thành phố về việc tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai, thực hiện các cụm công nghiệp thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện

Thanh Oai, thành phố Hà Nội và các Quyết định điều chỉnh: số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND Thành phố;

Thông báo số 611/TB-VP ngày 29/12/2023 của Văn phòng UBND Thành phố về kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố - Tổ trưởng Tổ công tác tại cuộc họp Tổ công tác đặc biệt của UBND Thành phố về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố;

Xét hồ sơ kèm theo các văn bản Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội: Văn bản số 71/2023-CCNTT ngày 15/11/2023 về việc đề nghị điều chỉnh tiến độ, tổng mức đầu tư và quy mô Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản đề nghị số 74/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Báo cáo số 75/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản số 73/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 về cam kết không vi phạm về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm và đất đai khi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản số 72/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 cam kết tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản số 23/2024-CCNTT ngày 20/3/2024 của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc xin giãn tiến độ triển khai xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2;

Xét ý kiến thẩm định của các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6678/KH&ĐT-KTN ngày 14/12/2023; Sở Tài chính tại văn bản số 7201/STC-TCĐT ngày 05/12/2023; Sở Xây dựng tại văn bản số 10237/SXD-QLXD ngày 07/12/2023, số 10978/SXD-QLXD ngày 29/12/2023; Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 9518/STNMT-QHKHSDĐ ngày 07/12/2023; Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại văn bản số 6308/QHKT-ĐTVT ngày 13/12/2023; Cục Thuế thành phố Hà Nội tại văn bản số 85831/CTHN-QLĐ ngày 05/12/2023; UBND huyện Thanh Oai tại văn bản số 2766/UBND-KT ngày 07/12/2023, số 102/UBND-TNMT ngày 12/01/2024; Báo cáo thẩm định số 58/BC-SCT ngày 14/3/2024 của Sở Công Thương, Văn bản số 1599/SCT-QLCN ngày 10/4/2024 của Sở Công Thương

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Một số nội dung tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019; Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố được điều chỉnh như sau:

1. Ghi nhận nội dung thay đổi quy mô diện tích như sau:

“3. Quy mô: 77.767m², trong đó: diện tích đất cụm công nghiệp khoảng 65.795m² (bao gồm diện tích đất 875m² xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đã

được quy hoạch tại Lô B thuộc cụm công nghiệp Thanh Thùy - giai đoạn 1; không bao gồm diện tích đất 80m² nghĩa trang, ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai đã được quy hoạch trong khu vực cây xanh).

Ranh giới, phạm vi thực hiện theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố và Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2.

2. Ghi nhận nội dung thay đổi tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư như sau:

“7. Tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư khoảng: 305,983 tỷ đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn tự có của Nhà đầu tư: 61,196 tỷ đồng

+ Vốn vay của từ các tổ chức tín dụng: 150,000 tỷ đồng;

+ Vốn huy động từ các nhà đầu tư thứ phát: 94,787 tỷ đồng.

(Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của sơ bộ tổng mức đầu tư điều chỉnh)”

3. Chấp thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện như sau:

“8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật đưa Dự án vào hoạt động: Tháng 6/2025.”

Điều 2. Các nội dung khác không thay đổi, thực hiện theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND Thành phố.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện trách nhiệm đã quy định tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội; tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường... của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành

phố Hà Nội; phối hợp UBND huyện Thanh Oai, Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 363/TB-UBND ngày 16/4/2018.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bố trí đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, đúng tiến độ đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội): Văn bản số 71/2023-CCNTT ngày 15/11/2023 về việc đề nghị điều chỉnh tiến độ, tổng mức đầu tư và quy mô Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản đề nghị số 74/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Báo cáo số 75/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản số 73/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 về cam kết không vi phạm về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm và đất đai khi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản số 72/2023-CCNTT ngày 16/11/2023 cam kết tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Văn bản số 23/2024-CCNTT ngày 20/3/2024 của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc xin giãn tiến độ triển khai xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2. Trường hợp vi phạm, sẽ bị thu hồi không bồi hoàn.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan khác căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai; Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: PCVP N.M.Quân, ĐT, TNMT, TH;
- Lưu: VT; KTN(Linh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

Số: 3628 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Thanh Thùy –
Giai đoạn 2 (thành lập tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều
chỉnh tại các Quyết định số: 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, số 261/QĐ-UBND ngày
19/01/2022 và số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/BCS ngày 26/10/2023 của Ban cán sự đảng UBND Thành phố về việc tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai, thực hiện các cụm công nghiệp thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022, 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024;

Xét hồ sơ kèm theo các văn bản của Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2): Văn bản số 31/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 đề nghị điều chỉnh tiến độ xây dựng HTKT dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Văn bản số 32/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 cam kết tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Văn bản số 33/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 cam kết không vi phạm về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm và đất đai khi đầu tư xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Văn bản số 34/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 đề nghị điều chỉnh các Quyết định của UBND Thành phố thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Báo cáo số 35/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2;

Xét ý kiến thẩm định của các Sở, ngành: Sở Tài chính tại văn bản số 6541/STC-KTN ngày 05/6/2025 và số 6964/STC-KTN ngày 13/6/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 3040/SNNMT-QHKHSDD ngày 05/6/2025; Chi cục Thuế khu vực I tại văn bản số 20902/CCTKV01-QLĐ ngày 11/6/2025; UBND huyện Thanh Oai tại văn bản số 1463/UBND-KTHT&ĐT ngày 05/6/2025;

Xét báo cáo thẩm định số 149/BC-SCT ngày 26/6/2025 của Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 đã được phê duyệt tại các Quyết định số: 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội như sau:

“Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật; Nghiệm thu và đưa dự án vào hoạt động: Quý II/2026”.

Điều 2. Các nội dung khác không thay đổi, thực hiện theo các Quyết định số: 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022, 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện trách nhiệm đã quy định tại các Quyết định số: 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022, 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024; tuân thủ đúng quy định về quy hoạch tại Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 10/6/2025, đất đai, xây dựng, môi trường... của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội; phối hợp UBND xã Tam Hưng, Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Chi cục Thuế khu vực I để thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ; Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ Công Thương.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bố trí đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, đúng tiến độ đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản của Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam: Văn bản số 31/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 đề nghị điều chỉnh tiến độ xây dựng HTKT dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Văn bản số 32/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 cam kết tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Văn bản số 33/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 cam kết không vi phạm về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm và đất đai khi đầu tư xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Văn bản số 34/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 đề nghị điều chỉnh các Quyết định của UBND Thành phố thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2; Báo cáo số 35/2025-CCNTT ngày 21/5/2025 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng HTKT Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2. Trường hợp vi phạm, sẽ bị thu hồi không bồi hoàn.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực I; Chủ tịch UBND xã Tam Hưng; Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương; (để
- Chủ tịch UBND TP; báo cáo)
- Các PCT UBND TP;
- VPUBTP: PCVP Đ.Q.Hùng,
- Các phòng: NN&MT; ĐT;
- Lưu: VT; KT_{Linh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

Số: **2755**/QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày **25** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4464/QĐ-UBND ngày 27/08/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Văn bản số 11175/BCT-CTĐP ngày 27/11/2017 của Bộ Công thương về việc thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/03/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố về việc Quyết định thành lập Cụm Công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

Văn bản số 40/2020/BCTTGTyk ngày 12/11/2020 của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2 tại thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện Thanh Oai tại Văn bản



(Signature)

số 198/TĐ-QLĐT ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc thẩm định đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Địa điểm: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, ranh giới:

- Phía Bắc giáp cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 1;
- Phía Đông giáp trục đường phát triển kinh tế phía Nam;
- Phía Tây giáp đất nông nghiệp xã Tam Hưng;
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp xã Thanh Thùy.

2.2. Quy mô:

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 76.972 m². Trong đó diện tích cụm công nghiệp khoảng 65.000 m²; diện tích đất nổi hạ tầng kỹ thuật khoảng 11.972 m².

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các định hướng Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Oai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đã được phê duyệt.

- Hình thành Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ cháy nổ trong khu dân cư. Thu hút doanh nghiệp chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch tại các xã trên địa bàn huyện Thanh Oai và các huyện lân cận của thành phố Hà Nội.

- Tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, phù hợp với mục tiêu và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Thanh Oai nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung.

- Góp phần chuyên nghiệp hóa hoạt động sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, thương hiệu làng nghề.

- Giữ gìn và phát triển các nghề thủ công truyền thống đồng thời giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường của các làng nghề.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là 76.972m², trong đó:

- Diện tích khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật (HTKT): Khoảng 11.972m² chiếm 15,55% tổng diện tích đất lập quy hoạch. Trong đó:

+ Đất xây dựng đoạn đường giao thông đầu nối CCN với đường Trục phát triển phía Nam khoảng 995m² (là dải đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ tuyến đường Trục phát triển phía Nam), chiếm tỷ lệ 8,31% khu vực khốp nổi HTKT.

+ Đất hành lang an toàn đường bộ của đường trục phát triển phía Nam chạy dọc phía Đông Bắc của dự án có diện tích 8.550m², chiếm tỷ lệ 71,42% khu vực khốp nổi HTKT.

+ Đất cây xanh cách ly, đất cây xanh và đất mặt nước hành lang kênh mương khoảng 2.427m², chiếm tỷ lệ 20,27% khu vực khốp nổi HTKT.

- Diện tích đất thuộc phạm vi Cụm công nghiệp: Khoảng 65.000m², chiếm tỷ lệ 84,45% tổng diện tích đất lập quy hoạch. Cụm công nghiệp có quy mô 65.000m² (giới hạn bởi các điểm M1, M2, ..., M17, M1) bao gồm 06 chức năng sử dụng đất chính. Cụ thể như sau:

+ Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp

Tổng diện tích khoảng 36.829m², chiếm 56,66% diện tích đất dự án. Bao gồm 5 ô đất ký hiệu từ CN1 đến CN5. Chức năng các ô đất ký hiệu CN1 đến CN5 là nhà xưởng sản xuất kết hợp kho, bãi xe vận chuyển, bãi tập kết hàng hoá, văn phòng điều hành. Các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng thuần tối đa là 70%, tầng cao 1-2 tầng.

+ Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành

Tổng diện tích khoảng 590m², chiếm 0,91% diện tích đất dự án. Gồm 01 ô đất ký hiệu QLĐH, bao gồm chức năng: Nhà điều hành trung tâm nơi làm việc của ban quản lý Cụm công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ khác. Các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao 05 tầng.

+ Đất cây xanh:

Tổng diện tích khoảng 6.499m², chiếm 10,00% diện tích đất dự án. Bao gồm 05 ô đất ký hiệu CX01, CX02, CX03 và CX04 và CX05 có chức năng là cây xanh tập trung, cảnh quan tạo không gian xanh cho cụm công nghiệp.

+ Đất dịch vụ hỗ trợ:

Tổng diện tích khoảng 7.143m², chiếm 10,99% diện tích đất dự án. Bao gồm 08 ô đất ký hiệu TXDV, DVHT01, DVHT02, DVHT03, DVHT04, DVHT05, DVHT06 và DVHT07. Chức năng các ô đất ký hiệu DVHT gồm: Công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; Mật độ xây dựng thuần tối đa là 80%, tầng cao 2 tầng. Chức năng ô đất ký hiệu TXDV gồm: bố trí cửa hàng xăng dầu dịch vụ; Mật độ xây dựng thuần tối đa là 40%, tầng cao 1 tầng.

+ Đất xây dựng các công trình kỹ thuật

Tổng diện tích khoảng 105m², chiếm tỷ lệ 0,16% diện tích đất dự án. Bao gồm 01 ô đất ký hiệu: HTKT. Ô đất ký hiệu HTKT có chức năng đất xây dựng công trình Trạm biến áp chiều cao 1 tầng.

+ Đất xây dựng các công trình giao thông

Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ trong Cụm công nghiệp và các công trình giao thông, có tổng diện tích 13.834m², chiếm tỷ lệ 21,28% diện tích đất Cụm công nghiệp. Trong đó ô đất ký hiệu BDX1, BDX2 có chức năng là bãi đỗ xe với tổng diện tích 732m², chiếm tỷ lệ 1,13% diện tích đất Cụm công nghiệp.

Bảng tổng hợp số liệu quy hoạch sử dụng đất theo chức năng

TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu (Bảng 2.6- QCXDVN 01:2019/BXD)
		(m ²)	(%)	
A	Khu vực thực hiện dự án			
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	590	0,91	
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	36.829	56,66	
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật	105	0,16	≥1
IV	Đất dịch vụ hỗ trợ và cây xanh	13.642	20,99	
4.1	- Đất cây xanh (CX01, CX02, CX03, CX04, CX05)	6.499	10,00	≥10
4.2	- Đất dịch vụ hỗ trợ	7.143	10,99	
V	Đất xây dựng các công trình giao thông	13.834	21,28	≥10
	Tổng diện tích thực hiện dự án	65.000	100,00	
B	Khu vực khớp nối HTKT			
I	Đất cây xanh cách ly	924	7,72	
II	Đất cây xanh (CX 06-07)	798	6,67	
III	Đất mặt nước	705	5,89	
IV	Đất hành lang an toàn đường bộ	8.550	71,42	
V	Đất giao thông khớp nối khu vực	995	8,31	
	Tổng diện tích khớp nối HTKT	11.972	100,00	

Bảng thống kê số liệu quy hoạch sử dụng đất

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ (%)
				Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDĐ (lần)	
A	Khu vực thực hiện dự án						
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLDH	590				0,91
	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLDH	590	80	5,0	4,00	
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN	36.829				56,66
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN1	6.482	70	1-2	1,40	
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN2	4.047	70	1-2	1,40	
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN3	4.285	70	1-2	1,40	
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN4	11.226	70	1-2	1,40	
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN5	10.789	70	1-2	1,40	
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		105				0,16
	Công trình kỹ thuật	HTKT	105				
IV	Đất cây xanh		6.499				10,00
4.1	Cây xanh 01	CX01	912				
4.2	Cây xanh 02	CX02	441				
4.3	Cây xanh 03	CX03	547				
4.4	Cây xanh 04	CX04	1.808				
4.5	Cây xanh 05	CX05	2.791				
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		7.143				10,99

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ (%)
				Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	
5.1	Trạm xăng dịch vụ	TXDV	817	40	1,0	0,40	
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ 01	DVHT01	720	80	2,0	1,60	
5.3	Công trình dịch vụ hỗ trợ 02	DVHT02	990	80	2,0	1,60	
5.4	Công trình dịch vụ hỗ trợ 03	DVHT03	810	80	2,0	1,60	
5.5	Công trình dịch vụ hỗ trợ 04	DVHT04	933	80	2,0	1,60	
5.6	Công trình dịch vụ hỗ trợ 05	DVHT05	963	80	2,0	1,60	
5.7	Công trình dịch vụ hỗ trợ 06	DVHT06	990	80	2,0	1,60	
5.8	Công trình dịch vụ hỗ trợ 07	DVHT07	920	80	2,0	1,60	
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		13.834				21,28
6.1	Đất giao thông		13.102				
6.2	Bãi đỗ xe 1	BĐX1	396				
6.3	Bãi đỗ xe 2	BĐX2	336				
Tổng diện tích thực hiện dự án			65.000				100,00
B	Khu vực khớp nối HTKT						
I	Đất cây xanh cách ly	CXCL	924				7,72
II	Đất cây xanh	CX06 - 07	798				6,67
III	Đất mặt nước	MN	705				5,89
IV	Đất hành lang an toàn đường bộ	HLĐB 1-2	8.550				71,42
V	Đất giao thông khớp nối khu vực		995				8,31
Tổng diện tích khớp nối HTKT			11.972				100,00
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY GD 2			76.972	Giai đoạn 2 của dự án được nghiên cứu đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật với giai đoạn 1, quy hoạch thành một CCN có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ			
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY GD 1			55.000	Giai đoạn 1 của dự án đã hoạt động, sẽ được khớp nối hạ tầng kỹ thuật, bổ sung hạ tầng xử lý nước thải khi thực hiện xây dựng CCN làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2			

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu về tầng cao, tổng diện tích sàn tại bảng tổng hợp chỉ tiêu được xác định chưa bao gồm diện tích sàn ban công, tum thang theo đúng quy định hiện hành.

- Trong các lô đất xây dựng công trình được bố trí đủ diện tích đỗ xe phục vụ cho công trình với chỉ tiêu chỗ đỗ xe (ô tô, xe đạp, xe máy) theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định hiện hành.

(*) Khu vực xây dựng nhà máy chế biến nông sản: trong lô đất cho phép lắp đặt các Silo chứa thóc gạo.

(Chữ ký)

4.2. Tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan:

a. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc và cảnh quan:

Tổng thể khu quy hoạch được phân khu chức năng, các hạng mục công trình được bố trí hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng và thuận tiện cho việc quản lý vận hành cụm công nghiệp. Các cơ sở sản xuất sẽ được bố trí thành từng khu vực theo các tiêu chí như: Nhóm ngành nghề, mức độ tác động đến môi trường, quy mô sản xuất, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản về tổ chức dây chuyền hoạt động cụm công nghiệp. Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng môi trường tới các chức năng khác và dân cư khu vực.

Trong quá trình đầu tư xây dựng và quản lý cụm công nghiệp chủ đầu tư phải lập hàng rào và cây xanh cách ly xung quanh Cụm công nghiệp và bố trí các cổng ra vào để quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động của cụm công nghiệp. Tuyệt đối không để người ở trong cụm công nghiệp.

Quy định về cây xanh: Cây xanh tập trung, cây xanh đường phố, cây xanh cách ly đảm bảo kiến trúc cảnh quan xanh hóa Cụm công nghiệp.

b. Quy định kiểm soát kiến trúc, cảnh quan chính

Các quy định về kiểm soát kiến trúc, cảnh quan chính cụm công nghiệp thực hiện theo Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết và nội dung Báo cáo thẩm định của phòng Quản lý đô thị.

4.3. Giao thông:

a. Mạng lưới đường giao thông

*** Giao thông đối ngoại :**

- Phía Đông Cụm công nghiệp là tuyến đường Trục phát triển phía Nam có mặt cắt ngang đường rộng 40m (nằm ngoài ranh giới nghiên cứu). Hành lang an toàn đường bộ mỗi bên rộng 20m.

* Giao thông nội bộ Cụm công nghiệp: gồm các tuyến đường có mặt cắt 1-1, mặt cắt 2-2, mặt cắt 3-3, mặt cắt 4-4, mặt cắt 5-5:

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 1-1 (đường chính cụm công nghiệp): Mặt cắt ngang đường rộng 12m trong đó: Mặt đường xe chạy: $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$; Hè đường: $2 \times 3,0 = 6\text{m}$;

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 2-2 (đường nhánh cụm công nghiệp): Mặt cắt ngang đường rộng 10,5m trong đó: Mặt đường xe chạy: $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; Hè đường: $2 \times 1,5 = 3\text{m}$;

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 3-3 (đường nhánh cụm công nghiệp): Mặt cắt ngang đường rộng 9,0m trong đó: Mặt đường xe chạy: $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; Hè đường 1 bên rộng 1,5m;

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 4-4 (đường phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy): Mặt cắt ngang đường rộng 3,5m.

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 5-5 (đường nhánh cụm công nghiệp khớp nối giao thông với giai đoạn 1): Mặt cắt ngang đường rộng 7,0m trong đó: Mặt đường xe chạy: 5,5 m; Hè đường 1 bên: 1,5m.

b. Các nút giao thông:

- Trong khu vực lập quy hoạch các giao cắt chủ yếu là ở các ngã ba, ngã tư, tuy nhiên với quy mô mặt cắt ngang đường vừa phải và việc phân cấp mạng lưới đường hợp lý (xung đột giữa các luồng giao thông nhỏ) nên chỉ bố trí các nút giao thông cùng mức. Bán kính góc quay trong phạm vi nút giao trung bình là 12m (tối thiểu không nhỏ hơn 8m với đường xây dựng mới và 6m với đường cải tạo).

(Lưu ý: Khi khớp nối hạ tầng giao thông cụm công nghiệp với đường Trục phát triển phía Nam, Chủ đầu tư cần liên hệ với Sở Giao thông vận tải Hà Nội để được thỏa thuận đấu nối theo quy định.)

c. Giao thông tĩnh

Trong ranh giới cụm công nghiệp bố trí 2 bãi đỗ xe tập trung diện tích với tổng diện tích là 732m². Ngoài ra trong từng đơn vị sản xuất công nghiệp và các công trình trụ sở quản lý điều hành, thương mại dịch vụ, quá trình thiết kế phải đảm bảo nhu cầu đỗ xe cho từng đơn vị, khu vực.

Chỉ tiêu tính toán đỗ xe tuân thủ quy định tại quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định hiện hành. Riêng đối với từng lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng cần dự phòng quỹ đất đủ để bố trí bãi đỗ xe theo quy định.

4.4. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới đường đỏ được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang kết hợp các thông số kỹ thuật cụ thể ghi trực tiếp trên bản vẽ.

Chỉ giới xây dựng: Được xác định bằng khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ. Trị số khoảng lùi phụ thuộc vào cấp đường, tính chất đường, công trình dọc trên đường đảm bảo theo quy định.

4.5. Chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền

- Cao độ xây dựng lựa chọn cho khu vực dự án được lựa chọn tuân thủ theo định hướng cao độ khống chế của khu vực.

- Toàn bộ diện tích khu vực được thiết kế cao độ khớp nối trục đường Trục phát triển phía Nam và định hướng quy hoạch chiều cao Cụm công nghiệp Thanh Thủy giai đoạn 1 đã phê duyệt, định hướng thoát nước về phía tuyến mương hiện trạng đã có phía Tây khu vực lập quy hoạch.

- Cao độ san nền nền xây dựng Hxd min = 5,2m tương đương với cao độ san lấp của cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 1, phù hợp theo Văn bản số 3075/VQH-TT4 ngày 31/12/2019 của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội.

b. Thoát nước mưa

- Để phù hợp với tình hình hiện trạng thoát nước, hiện trạng nền, theo quy hoạch chung khu vực, hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch thiết kế thu gom bằng hệ thống cống thoát nước D600 – D800 sau đó tiêu thoát ra kênh tiêu thoát chính theo định hướng thoát nước chung của khu vực.

- Hệ thống cống thoát nước mưa được bố trí dưới đường, được xây dựng bằng công bê tông cốt thép chịu lực đúc sẵn. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: Giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra... khoảng cách trung bình

giữa các giếng là 30m bố trí theo quy định hiện hành. Công được nối theo phương pháp nối đỉnh.

*** Phân chia lưu vực thoát nước chính**

- Khu vực nghiên cứu thuộc lưu vực thoát về kênh Yên Cốc.
- Toàn bộ khu vực thiết kế được chia thành các lưu vực phân tán nhỏ rồi đổ về các mương tiêu phía Tây, Tây Nam khu vực lập quy hoạch

*** Mạng lưới thoát nước mưa**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn: nước mưa riêng, nước bẩn riêng.
- Mạng lưới thoát nước mưa được tính toán thiết kế đảm bảo thu gom và vận chuyển nước mưa ra khỏi lưu vực một cách nhanh nhất, tránh úng ngập đường phố và các khu công nghiệp, phù hợp với tình hình hiện trạng khu vực, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng.
- Nước mưa được thu gom và dẫn đến các điểm xả theo con đường ngắn nhất bằng tự chảy, tận dụng triệt để độ dốc địa hình tự nhiên để giảm độ sâu chôn cống.
- Đảm bảo thoát nước tốt cho khu vực dự án và các khu dân cư lân cận.
- Sử dụng cống tròn đường kính từ D600- D800 và rãnh đan kích thước B600 để thu gom thoát nước mưa sau đó thoát về kênh thủy lợi hiện trạng phía Tây và Tây Nam khu đất.

- Hệ thống thoát nước trong dự án được thoát ra kênh mương hiện trạng.

4.6. Cấp nước

a. Nguồn nước:

- Giai đoạn 1: Lấy từ hồ van cấp nước nước hiện trạng phía Bắc khu vực cụm công nghiệp Thanh Thùy giai đoạn 1 từ đường ống cấp nước D100 từ Trạm cấp nước sạch liên xã Tam Hưng - Thanh Thùy đến.
- Giai đoạn 2: Đấu nối với đường ống cấp nước D150 từ trạm cấp nước Tam Hưng – Thanh Thùy.

b. Mạng lưới đường ống:

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng kết hợp nhánh cụt đảm bảo cấp nước an toàn đến từng công trình. Vật liệu sử dụng ống cấp nước HDPE.
- Mạng lưới đường ống chính Ø110mm đấu nối từ tuyến ống Ø150mm trên ống truyền từ trạm cấp nước Tam Hưng - Thanh Thùy dẫn dẫn về trạm bơm tăng áp dự kiến bố trí xây ngầm tại khu đất cây xanh tiếp giáp lô CN1. Xây dựng các tuyến ống cấp nước phân phối Ø110mm và các tuyến ống dịch vụ Ø50mm- Ø90mm dọc theo đường quy hoạch, từ trạm tăng áp cấp cho các công trình.
- Xây dựng hệ thống bể chứa nước ngầm và trạm bơm ngầm (gồm bơm tăng áp sinh hoạt + cứu hỏa) tại vị trí phía Đông Bắc dự án, tiếp giáp khu vực cây xăng.

- Các nhà máy, xí nghiệp bố trí trạm bơm, bể chứa riêng trong mỗi công trình, công suất trạm bơm bể chứa và giải pháp cấp nước bên trong các công trình sẽ được xác định cụ thể theo dự án công trình.

- Các ống cấp nước trên các tuyến đường nhánh được đặt trên hè chôn trực tiếp xuống đất, hoặc đi vào trong hào kỹ thuật trên tuyến đường chính mặt cắt đường 1-1, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống thép lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.

- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước cho cụm công nghiệp theo dạng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy.

- Do trạm bơm không thể bơm liên tục 24/24 giờ/ngày nên các nhà máy cần có bể chứa dự trữ nước dùng cho sản xuất sinh hoạt và chữa cháy.

- Dung tích bể chứa được chọn trên cơ sở đảm bảo dự trữ 70% lượng nước cho nhu cầu sử dụng và nước cho phòng cháy chữa cháy.

- Chọn bể có khối tích 400 m³.

c. Cấp nước chữa cháy:

- Dọc các tuyến đường có đường ống cấp nước có đường kính Ø110mm trở lên, bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa. Khoảng cách các họng cứu hỏa trên mạng lưới được bố trí theo quy định hiện hành.

4.7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Trạm xử lý nước thải:

- Trạm xử lý nước thải: 200m³/ngày đêm

- Trạm xử lý nước thải nằm ở lô đất Hạ tầng kỹ thuật (HTKT) của cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy được quy hoạch trong giai đoạn 1, khu đất để tránh ảnh hưởng môi trường các phân khu chức năng trong cụm công nghiệp, giải pháp trồng cây xanh cách ly, bảo vệ môi trường xung quanh trạm xử lý tránh ô nhiễm môi trường.

- Nước thải sau khi xử lý phải đạt cột A bảng 1 theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT.

b. Mạng lưới thoát nước thải:

- Mạng lưới thoát nước thải khu công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng.

- Nước thải sản xuất trong từng nhà máy phải xử lý nước thải theo tiêu chuẩn Thoát nước thải công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của cụm công nghiệp rồi dẫn về trạm xử lý tập trung. Sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường được xả ra hệ thống thoát nước mưa.

- Độ dốc tối thiểu của các tuyến cống thoát nước bản phải đảm bảo $i \geq 1/D$, với D là đường kính cống.



(Handwritten signature)

- Mạng lưới thoát nước thải dùng cống tròn UPVC đi trên hè, có đường kính cống D300, D400 với chiều sâu chôn ống tối thiểu là 1,0m tính từ mặt hè đến đáy cống. Bố trí hệ thống hố ga thăm khoảng cách từ 20-30m một hố.

c. Vệ sinh môi trường:

- Khối lượng chất thải rắn của dự án khoảng 1,43 tấn/ngày đêm.

- Quy trình thu gom chất thải rắn: Tại Cụm công nghiệp, bắt buộc phải phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí các thùng đựng chất thải rắn có nắp đậy kín. Sau khi thu gom tại nguồn, chất thải được đưa tới khu xử lý hạ tầng để tạm thu, phân loại. Sau đó được vận chuyển tới khu xử lý của Thành phố theo quy định.

d. Nhà vệ sinh công cộng:

- Trên các trục đường chính, các khu dịch vụ công cộng, khu cây xanh và các nơi công cộng khác...phải bố trí nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo khoảng cách theo quy định.

4.8. Quy hoạch cấp điện:

a. Nguồn cấp:

Chủ đầu tư liên hệ với Công ty Điện lực Thanh Oai để thỏa thuận đấu nối hệ thống điện cấp cho cả Cụm công nghiệp.

b. Lưới điện trung thế

- Đường dây trung thế chạy cắt ngang qua khu quy hoạch được hạ ngầm tại điểm vào khu quy hoạch bằng cột điện trung thế, tại điểm ra khỏi dự án sẽ đấu nối lên cột trung thế hoàn trả đường dây nổi.

- Đường cáp trung áp được thiết kế ở dạng mạch vòng vận hành hở.

- Toàn bộ tuyến cáp ngầm trung thế sử dụng cáp ngầm 24kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC đi trong hào kỹ thuật dọc 2 bên đường, khu vực đường giao thông không có hào kỹ thuật cáp được chôn trực tiếp trong đất.

c. Trạm biến áp phân phối:

- Quy hoạch mới 02 trạm biến áp gồm TBA Thanh Thủy 01 công suất 2x1250KVA và TBA Thanh Thủy 02 công suất 3x1250KVA.

- *d. Lưới hạ thế:* Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V. Lưới điện hạ thế gồm: tuyến cáp ngầm 0,4kV xuất phát từ lộ ra hạ thế của trạm biến áp đến các khu công cộng, cây xanh,...

- Toàn bộ lưới hạ thế dùng cáp 0,6/1Kv-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC đi trong hào cáp, tuy nen kỹ thuật, dọc 2 bên các tuyến đường khu vực tuyến đường không có hào kỹ thuật cáp được luồn trong ống nhựa xoắn và chôn trực tiếp trong đất,...

e. Chiếu sáng:

- Chiếu sáng đường phố dùng đèn Led làm nguồn sáng để chiếu sáng đường đi, vườn hoa ...

- Nguồn điện chiếu sáng cho đèn được lấy ra từ trạm biến áp TBA-Thanh Thủy 01 của dự án. Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm nhằm đảm bảo cảnh quan cho khu vực.

- Hệ thống chiếu sáng được điều khiển đóng ngắt theo thời gian theo 1 tủ chiếu sáng trong khu công nghiệp.

- Đèn đường được bố trí trên trục đường theo phương án chiếu sáng 2 bên hoặc bố trí 1 bên phụ thuộc vào Độ rọi yêu cầu và kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường. Cột chiếu sáng là cột thép, mạ kẽm nhúng nóng.

- Cáp chiếu sáng dùng cáp 0,6/1Kv-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC đi trong hào cáp, tuy nện kỹ thuật, dọc 2 bên các tuyến đường khu vực tuyến đường không có hào kỹ thuật cáp được luồn trong ống nhựa xoắn và chôn trực tiếp trong đất

4.9. Thông tin liên lạc:

a. Nguồn cấp:

- Chủ đầu tư liên hệ với đơn vị Viễn thông để được thỏa thuận cấp nguồn thông tin liên lạc cho Cụm công nghiệp.

b. Mạng lưới thông tin liên lạc:

- Cáp thông tin liên lạc được đi trong hào kỹ thuật đối với các tuyến đường chính có mặt cắt 1-1 và luồn trong ống UPVC (HDPE) với các tuyến đường nhánh.

- Đối với các tuyến cáp phân phối từ tủ cáp đến các hộ sản xuất trong khu sẽ được nghiên cứu trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

- Tại các vị trí ngã giao nhau giữa các tuyến ống luồn cáp bố trí các ga thăm thông tin để phục vụ cho việc bảo trì và kéo cáp (các vị trí ga thăm thông tin sẽ được xác định ở bước lập dự án đầu tư).

Vị trí các tủ cáp, tủ phân phối và hướng đi cáp thông tin chỉ có tính chất định hướng và sẽ được cụ thể ở các bước thiết kế tiếp theo

4.10. Đánh giá tác động môi trường:

Khi triển khai lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy hoạch và bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Các phương án bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường với dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.11. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

Dọc theo các trục đường giao thông bố trí hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống cáp điện, thông tin liên lạc, hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải... Tùy theo mật độ đường ống kỹ thuật và khoảng cách bố trí theo quy định hiện hành có thể sử dụng tuynel hào kỹ thuật hoặc bó cáp.

5. Các hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng các hạng mục HTKT thuộc dự án (san nền, giao thông, cáp điện, cáp, thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc...);

- Đầu tư xây dựng các hạng công viên cây xanh, vườn hoa, xử lý nước thải;
- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình khác.

6. Quy định quản lý:

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định này.

Việc quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cần tuân thủ quy hoạch và Quy định quản lý kèm theo. Ngoài ra, phải tuân thủ các Luật, quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn liên quan.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch và nội dung Quy định quản lý phải được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện Thanh Oai chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ, Quy định quản lý của đồ án phù hợp với nội dung Quyết định này, phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin, UBND xã Thanh Thùy, Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tổ chức công bố công khai nội dung Đồ án Quy hoạch chi tiết được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện, lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

Chủ tịch UBND xã Thanh Thùy và Đội trưởng Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, quản lý, giám sát việc xây dựng đồng bộ quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật theo quy định được phê duyệt và xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng ngoài thực địa theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện Thanh Oai, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Văn hóa thông tin, Chủ tịch UBND xã Thanh Thùy, Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở QHKT Hà Nội;
- Sở Công thương Hà Nội;
- TT Huyện ủy, TT HĐND Huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên HĐTĐ huyện;
- Lưu: VT, QLĐT (15b).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Sáng



Số: 2518 /QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày 10 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2,
huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung và ban hành tại Văn bản hợp nhất số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về Quản lý, phát triển Cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành “Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4464/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng huyện Thanh Oai đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (thành lập theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh tại các Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội);

Theo đề nghị của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tại Tờ trình 39/2025-TTr-TL ngày 02/6/2025 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội và phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Văn bản số 66/TĐ-KTHT&ĐT ngày 09/6/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Địa điểm: Xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, ranh giới:

- Phía Bắc giáp cụm công nghiệp Thanh Thùy - Giai đoạn 1;
- Phía Đông giáp trục đường phát triển kinh tế Phía Nam;
- Phía Tây giáp đất nông nghiệp xã Tam Hưng;
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp xã Thanh Thùy.

2.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 77.767m² (Theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND Thành phố Hà Nội), trong đó: diện tích đất cụm công nghiệp khoảng 65.795 m² (bao gồm diện tích đất 875m² xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đã được quy hoạch tại Lô B thuộc cụm công nghiệp Thanh Thùy – giai đoạn 1; không bao gồm diện tích đất 80 m² nghĩa trang, ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai).

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Oai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đến năm 2030 đã được phê duyệt.

- Đáp ứng nhu cầu di dời của các cơ sở sản xuất có khả năng ô nhiễm hiện có từ khu đông dân cư, các dự án đầu tư mở rộng sản xuất tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, phù hợp với mục tiêu và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Oai và thành phố Hà Nội.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo quy định; ưu tiên phát triển mô hình Cụm công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Làm cơ sở để Chủ đầu tư triển khai lập dự án đầu tư Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai theo quy hoạch và là căn cứ pháp lý để các cấp Chính quyền địa phương quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Giữ gìn và phát triển các nghề thủ công truyền thống đồng thời giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường của các làng nghề.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh phân lô đất xây dựng công trình nhà máy, xí nghiệp theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND TP Hà Nội.

- Bổ sung quy hoạch 01 tầng hầm tại ô đất quy hoạch xây dựng trung tâm quản lý điều hành ký hiệu QLĐH.

- Điều chỉnh quy mô diện tích Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/04/2024.

- Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất và bổ sung diện tích đất cây xanh.

- Cập nhật giải pháp khớp nối hạ tầng kỹ thuật của dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2 đã được được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 7932/SXD-QLXD ngày 04/10/2021, Biên bản thỏa thuận đấu nối với

Tổng công ty điện lực TP Hà Nội tại Biên bản số 2151/BB-EVNHANOI ngày 11/03/2025; Văn bản số 1133/UBND-QLĐT ngày 7/5/2024 của UBND huyện Thanh Oai, Văn bản thẩm duyệt đối với hồ sơ thiết kế điều chỉnh về PCCC số: 207/TD-PCCC ngày 04/03/2025 của phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ – Công An thành phố Hà Nội.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất nghiên cứu khoảng 77.767m². Trong đó diện tích đất Cụm công nghiệp 65.795m² và diện tích đất khớp nổi hạ tầng kỹ thuật 11.972m²; Diện tích đất Cụm công nghiệp gồm các chức năng sử dụng: đất xây dựng Trung tâm quản lý điều hành 590m², đất xây dựng nhà máy xí nghiệp 36.386m², đất dịch vụ hỗ trợ 4.126m², đất cây xanh 9.787m², đất hạ tầng kỹ thuật 1.818m², đất giao thông 13.088m².

Các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp ký hiệu (CN.01 ÷ CN.06) được chia thành các ô đất phù hợp theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội có diện tích tối thiểu từ 1.000 m² đến 4.966 m².

Bảng tổng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ
				Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	(%)
A	Khu vực thực hiện dự án						
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	590				0,9
1	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	590	80	5,0	6,00	
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp		36.386				55,4
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN01	4.966	70	1-2	1,40	
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN02	4.047	70	1-2	1,40	
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN03	3.814	70	1-2	1,40	
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN04	10.771	70	1-2	1,40	
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN05	9.720	70	1-2	1,40	
2.6	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 06	CN06	3.068	70	1-2	1,40	
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		1.818				2,8
3.1	Công trình kỹ thuật 01	HTKT01	875				
3.2	Công trình kỹ thuật 02	HTKT02	290				
3.3	Công trình kỹ thuật 03	HTKT03	180				
3.4	Công trình kỹ thuật 04	HTKT04	181				
3.5	Công trình kỹ thuật 05	HTKT05	161				
3.6	Công trình kỹ thuật 06	HTKT06	131				
IV	Đất cây xanh		9.787				14,8
4.1	Cây xanh 01	CX01	3.048				
4.2	Cây xanh 02	CX02	1.782				
4.3	Cây xanh 03	CX03	4.083				
4.4	Cây xanh 04	CX04	874				
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		4.126				6,2
5.1	Công trình dịch vụ hỗ trợ 01	DVHT01	660	80	2,0	1,60	
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ 02	DVHT02	900	80	2,0	1,60	

5.3	Công trình dịch vụ hỗ trợ 03	DVHT03	900	80	2,0	1,60	
5.4	Công trình dịch vụ hỗ trợ 04	DVHT04	900	80	2,0	1,60	
5.5	Công trình dịch vụ hỗ trợ 05	DVHT05	766	80	2,0	1,60	
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		13.088				19,9
6.1	Đất giao thông		13.088				
Tổng diện tích thực hiện dự án			65.795				100
B	Khu vực khớp nối HTKT						
I	Đất cây xanh cách ly	CXCL	924				7,7
II	Đất hành lang an toàn đường bộ	HLAT	10.343				86,4
III	Đất mặt nước	MN	705				5,9
Tổng diện tích khớp nối HTKT			11.972				100
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY GĐ 2			77.767	Giai đoạn 2 của dự án được nghiên cứu đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật với giai đoạn 1, quy hoạch thành một CCN hiện đại đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với khu vực			
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP THANH THỦY GĐ 1			54.354	Giai đoạn 1 của dự án đã được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động, sẽ được khớp nối hạ tầng kỹ thuật khi thực hiện xây dựng CCN làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2			

Ghi chú:

Trong các lô đất xây dựng công trình được bố trí đủ diện tích đỗ xe phục vụ cho công trình với chỉ tiêu chỗ đỗ xe (ô tô, xe đạp, xe máy) theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy định hiện hành.

(*) Diện tích các ô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất tại bảng thống kê (CN.1-CN.6) gồm mật độ xây dựng thuần, chiều cao công trình và hệ số sử dụng đất sẽ được xác định theo quy mô diện tích lô đất, đảm bảo tuân thủ quy định tại mục 2.5.3 - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2021/BXD và các quy định hiện hành.

+ Số liệu diện tích đất, diện tích xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng công trình sẽ được xác định trong các giai đoạn lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở; số liệu chính thức xác định theo dự án đầu tư được duyệt;

+ Nghiên cứu tổ chức không gian cây xanh, sân vườn, giao thông nội bộ để tạo lập cảnh quan kiến trúc hài hòa, hợp lý và phù hợp với chức năng sử dụng; Khớp nối đồng bộ với hệ thống giao thông khu vực, đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường.... theo quy định; Có giải pháp thiết kế phù hợp về tổ chức, đầu nối đường ra vào công trình với mạng lưới giao thông khu vực.

+ Các ô đất dịch vụ hỗ trợ thực hiện quản lý xây dựng đúng theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 1188/UBND-KTN ngày 22/4/2024 và Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội tại Văn bản số 1479/QHKT-ĐTVT ngày 10/4/2024.

4.3. Tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan:

a. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc và cảnh quan:

Tổng thể khu quy hoạch được phân khu chức năng rõ ràng, các hạng mục

công trình được bố trí hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng và thuận tiện cho việc quản lý vận hành Cụm công nghiệp. Phương án bố trí cụ thể sẽ được thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo trên cơ sở phương án ưu tiên di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ hiện có tại các làng nghề và nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp trong khu vực. Trong các giai đoạn sau, Chủ đầu tư cần có các giải pháp cụ thể về tổ chức không gian, kiến trúc để hạn chế các tác động môi trường giữa các chức năng trong Cụm công nghiệp như khu vực nhà xưởng với khu dịch vụ - phụ trợ, khu vực sử dụng chung...

Trong quá trình đầu tư xây dựng và quản lý Cụm công nghiệp Chủ đầu tư phải xây dựng tường rào và trồng cây xanh xung quanh ranh giới Cụm công nghiệp và bố trí các cổng ra vào để quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động của Cụm công nghiệp. Tuyệt đối không để tình trạng có dân cư sinh sống trong Cụm công nghiệp.

Quy định về cây xanh: Cây xanh tập trung, cây xanh đường phố, cây xanh cách ly đảm bảo kiến trúc cảnh quan xanh hóa Cụm công nghiệp.

b. Quy định kiểm soát kiến trúc, cảnh quan chính

Các quy định về kiểm soát kiến trúc, cảnh quan chính Cụm công nghiệp thực hiện theo Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết.

4.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch giao thông:

- Hệ thống Giao thông đối ngoại: Trục đường phát triển kinh tế phía Nam phía Đông ranh giới lập dự án hiện đã đưa vào khai thác sử dụng.

- Hệ thống giao thông nội bộ: Quy hoạch 06 tuyến đường được ký hiệu TVG1, TVG2, TVG3, TVG4, TVG5, TVG6 có mặt cắt ngang đường rộng khoảng từ 3,5m đến 12,0m.

- Toàn bộ các khu vực công trình bố trí bãi đỗ xe tự thân, ngoài ra tận dụng phần diện tích cây xanh kết hợp làm chức năng đỗ xe.

b. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

Quy hoạch cao độ san nền trung bình khoảng 5,35m, nghiên cứu khớp nối với cụm công nghiệp Thanh Thùy giai đoạn 1 và các tuyến đường giao thông trong khu vực. Cao độ san nền được thiết kế theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, đảm bảo thoát nước tự chảy, khớp nối với hệ thống giao thông đối nội và hệ thống giao thông đối ngoại của khu vực.

c. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Điều chỉnh xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa riêng của cụm công nghiệp gồm hệ thống rãnh và hệ thống cống để thu gom nước từ cụm công nghiệp thoát ra mương hiện trạng của khu vực.

- Bổ sung cửa xả CX3 phía Nam ranh giới lập dự án để thoát về kênh hiện trạng và bổ sung cửa thu nước từ rãnh hiện trạng phía Tây ranh giới dự án để thu nước về mạng thoát nước cụm công nghiệp để xả về cửa xả CX3.

d. Quy hoạch cấp nước:

Quy hoạch xây dựng mới mạng lưới đường ống cấp nước PCCC, mạng lưới cấp nước sinh hoạt, sản xuất được đầu nối từ hệ thống cấp nước của khu vực.

e. Quy hoạch cấp điện:

- Quy hoạch xây dựng mới mạng lưới điện trung thế, mạng lưới điện hạ thế bằng tuyến cáp ngầm; trạm biến áp của dự án đặt tại các khu vực đất xây dựng các công trình kỹ thuật và khu vực đất dải cây xanh cách ly của dự án.

- Quy hoạch xây dựng mạng lưới điện chiếu sáng được bố trí trên các tuyến đường giao thông quy hoạch và khu vực đất dải cây xanh cách ly của dự án. Nguồn điện dùng cho chiếu sáng hệ thống giao thông được cấp từ các trạm biến áp của dự án.

- Di chuyển hệ thống trạm sạc điện nằm trong khu vực đất hành lang giao thông của tuyến đường trục phát triển phía Nam Cienco 5 vào khu vực đất dải cây xanh cách ly của dự án tiếp giáp khu vực đất hành lang an toàn giao thông đường trục phát triển phía Nam.

f. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Quy hoạch xây dựng mới hệ thống thoát nước thải riêng dọc theo các tuyến đường giao thông để thu gom nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại từng công trình dẫn về Trạm xử lý nước thải của dự án. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo theo quy định được xả vào nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn được thu gom tập trung về khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án, sau đó được đơn vị đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

g. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

Quy hoạch xây dựng mới hệ thống thông tin được đầu nối từ trạm thông tin của khu vực dẫn tín hiệu thông tin về các tủ cáp quy hoạch dự kiến. Sau đó từ tủ cáp dẫn tiếp cáp thông tin đến các lô đất của dự án. Cáp thông tin được đặt trong hào kỹ thuật hoặc chôn trực tiếp dưới đất. Tại các vị trí giao nhau giữa các tuyến cáp bố trí các ga thăm thông tin để phục vụ cho việc bảo trì và kéo cáp.

h. Quy hoạch hệ thống hào kỹ thuật:

Bổ sung Quy hoạch xây dựng mới hệ thống hào kỹ thuật trên các tuyến đường và khu vực đất cây xanh cách ly kết hợp trung bình khoảng 30m đến 50m bố trí các ga kỹ thuật đảm bảo khả năng vận hành, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án.

i. Quy hoạch hệ thống công trình ngầm:

- Bổ sung quy hoạch tầng hầm khu vực nhà điều hành với diện tích sàn tầng hầm 590m² để đảm bảo đáp ứng nhu cầu đỗ xe của công trình (tầng hầm chỉ bố trí làm nơi đỗ xe của công trình, tuyệt đối không sử dụng cho các chức năng phòng làm việc, văn phòng,...)

5. Các hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng các hạng mục HTKT thuộc dự án (san nền, giao thông,

cấp điện, cấp, thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc...);

- Đầu tư xây dựng các hạng mục cây xanh, xử lý nước thải;
- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình khác.

6. Quy định quản lý:

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định này.

Việc quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cần tuân thủ quy hoạch và Quy định quản lý kèm theo. Ngoài ra, phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về Xây dựng, Đất đai, Môi trường, phòng cháy chữa cháy, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố có liên quan.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch và nội dung Quy định quản lý phải được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam:

- Thực hiện nghiêm các quy định theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

- Tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng ngoài thực địa theo quy định. Liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước để được kiểm tra chính xác về ranh giới, mốc giới khu đất đảm bảo không chồng lấn, khiêu kiện; liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành để được thỏa thuận giải pháp đấu nối giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực đảm bảo khớp nối đồng bộ, điều kiện hoạt động bình thường của các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực, tránh úng ngập, an toàn đến các công trình hiện có xung quanh và hoạt động của dân cư trong khu vực;

- Lập, phê duyệt và triển khai Dự án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, môi trường và phòng cháy chữa cháy; đảm bảo tuân thủ quy hoạch, chức năng sử dụng ô đất được duyệt;

- Quản lý hoạt động sản xuất trong Cụm công nghiệp theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về Quản lý, phát triển Cụm công nghiệp. Tuyệt đối không để xảy ra các hoạt động lưu trú trong cụm công nghiệp.

2. Các cơ quan có liên quan:

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Thanh Oai chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ, Quy định quản lý của đồ án phù hợp với nội dung Quyết định này, phối hợp với UBND Xã Thanh Thùy, Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam tổ chức công bố công khai nội dung Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết,

thực hiện, lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

UBND Xã Thanh Thùy và Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, quản lý, giám sát việc xây dựng đồng bộ quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật theo quy định được phê duyệt và xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện Thanh Oai; Thủ Trưởng các đơn vị: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Tài chính – Kế hoạch, Nông nghiệp và Môi trường, Đội Quản lý trật tự xây dựng và đô thị; Chủ tịch UBND Xã Thanh Thùy, Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở QHKT Hà Nội;
- Sở Công thương Hà Nội;
- TT Huyện uỷ, TT HĐND Huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên HĐTĐ huyện;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Sáng

Số: 4764 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án: “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật**

Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2”

Địa điểm: thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2” tại văn bản thông báo kết quả thẩm định số 1004/CCBVMT-ĐTM ngày 28/12/2020 của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 28/12/2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 48/CV-TLVN ngày 30/3/2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 2992 /TTtr-STNMT-CCBVMT ngày 06/4/2021.

th

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2” của Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án) thực hiện tại thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./..*h*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: PCVP Phạm Văn Chiến, các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Giám đốc Sở TN&MT;
- Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội;
- Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam;
- Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai;
- Chủ tịch UBND xã Thanh Thùy;
- Lưu: VT, ĐT_{Tỉnh}.

MSHS: 57741.CCMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

13 (660)

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THÙY – GIAI ĐOẠN 2”
(Kèm theo Quyết định số ~~1764~~./QĐ-UBND ngày ...~~15~~...tháng...năm 2021
của UBND Thành phố Hà Nội)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – giai đoạn 2.

- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Vị trí khu đất: thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Phạm vi ranh giới khu đất:

+ Phía Bắc: Giáp Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – Giai đoạn 1.

+ Phía Đông: Giáp trục đường phát triển kinh tế phía Nam.

+ Phía Tây: Giáp đất nông nghiệp xã Tam Hưng.

+ Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp xã Thanh Thủy.

1.2. Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0103333258 đăng ký lần đầu ngày 12/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/01/2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần Tư vấn, đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0103333258 đăng ký lần đầu ngày 12/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/12/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần Tư vấn, đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội.

- Giấy xác nhận số *736544/17* ngày 13/12/2017 Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần Tư vấn, đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội.

- Giấy xác nhận số *198652/20* ngày 16/04/2020 Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam (trước đây là Công ty cổ phần Tư vấn, đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0103333258 đăng ký lần đầu ngày 12/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/5/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam (trước đây là Công ty cổ phần Tư vấn, đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội).

- Địa chỉ trụ sở chính: số 1, ngõ 108, phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Bạo – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.



1.3. Quy mô dự án:

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 76.972m^2 , trong đó:

* Diện tích khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật (HTKT): Khoảng 11.972m^2 , chiếm 15,55% tổng diện tích đất lập quy hoạch, trong đó:

- Đất xây dựng đoạn đường giao thông đầu nối cụm công nghiệp với đường Trục phát triển phía Nam khoảng 995m^2 (là dải đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ tuyến đường Trục phát triển phía Nam), chiếm tỷ lệ 8,31% khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật.

- Đất hành lang an toàn đường bộ của đường trục phát triển phía Nam chạy dọc phía Đông Bắc của dự án có diện tích 8.550m^2 , chiếm tỷ lệ 71,42% khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật.

- Đất cây xanh cách ly, đất cây xanh và đất mặt nước hành lang kênh mương khoảng 2.427m^2 chiếm tỷ lệ 20,27% khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật.

* Diện tích đất thuộc phạm vi Cụm công nghiệp: 65.000m^2 , bao gồm 06 chức năng sử dụng đất chính, cụ thể như sau:

- Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp: Tổng diện tích khoảng 36.829m^2 chiếm 56,66% diện tích đất dự án bao gồm 5 ô đất ký hiệu từ CN1 đến CN5. Chức năng các ô đất ký hiệu CN1 đến CN5 là nhà xưởng sản xuất kết hợp kho, bãi xe vận chuyển, bãi tập kết hàng hóa, văn phòng điều hành. Các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng thuần tối đa là 70%, tầng cao 1-2 tầng.

- Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành: Tổng diện tích khoảng 590m^2 chiếm 0,91% diện tích đất dự án gồm 01 ô đất ký hiệu QLĐH, bao gồm chức năng: Nhà điều hành trung tâm nơi làm việc của Ban quản lý Cụm công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ khác các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao 05 tầng.

- Đất cây xanh: Tổng diện tích khoảng 6.499m^2 , bao gồm 05 ô đất ký hiệu CX01, CX02, CX03, CX04 và CX05 có chức năng là cây xanh tập trung, cảnh quan tạo không gian xanh cho cụm công nghiệp.

- Đất dịch vụ hỗ trợ: Tổng diện tích khoảng 7.143m^2 chiếm 10,99% diện tích đất dự án bao gồm 08 ô đất ký hiệu TXDV, DVHT01, DVHT02, DVHT03, DVHT04, DVHT05, DVHT06 và DVHT07. Chức năng các ô đất ký hiệu DVHT gồm: Công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; mật độ xây dựng thuần tối đa là 80%, tầng cao 2 tầng. Chức năng ô đất ký hiệu TXDV gồm: bố trí cửa hàng xăng dầu dịch vụ; mật độ xây dựng thuần tối đa là 40%, tầng cao 01 tầng.

- Đất xây dựng các công trình kỹ thuật: Tổng diện tích khoảng 105m^2 chiếm tỷ lệ 0,16% diện tích đất dự án bao gồm ô đất ký hiệu HTKT, có chức năng đất xây dựng công trình Trạm biến áp chiều cao 1 tầng.

- Đất xây dựng các công trình giao thông: Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp và các công trình giao thông, có tổng diện tích 13.834m^2 , trong đó ô đất ký hiệu BDX1, BDX2 có chức năng là bãi đỗ xe với tổng diện tích 732m^2 , chiếm tỷ lệ 1,13% diện tích đất cụm công nghiệp.

Ngành nghề hoạt động chủ yếu: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất cơ kim khí và chế biến nông sản, chế biến bảo quản rau thu hoạch thóc, gạo cho bà con nông

dân các xã trên địa bàn huyện và các huyện lân cận của thành phố Hà Nội; các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

(Quy mô dự án tuân thủ theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/03/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Chi tiết được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đầu tư).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Tác động của việc mất đất nông nghiệp trong quá trình giải phóng mặt bằng khoảng 76,972m² đất ruộng.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải từ máy móc, thiết bị thi công; nước mưa chảy tràn.
- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải xây dựng; quá trình thi công xây dựng hạ tầng dự án.
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.
- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; máy móc thi công.

2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh từ các cơ sở trong cụm công nghiệp, nước mưa chảy tràn.
- Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông; mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; quá trình sản xuất.
- Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất thông thường; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng trên công trường khoảng 1,5 đến 3 m³/ngày đêm. Thành phần: Tổng N, Tổng P, BODs, TSS, Coliform...

- Nước thải thi công: Phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu, rửa dụng cụ thiết bị thi công khoảng 15,3m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ, chất rắn lơ lửng,....

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án kéo theo một lượng các tạp chất lơ lửng và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt và sản xuất của các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy - giai đoạn 2 khoảng 118,2 m³/ngày.đêm và cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – giai đoạn 1 khoảng 45,5 m³/ngày.đêm. Tổng lượng nước thải phát sinh của 02 giai đoạn khoảng 163,7 m³/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông, khu công cộng, cây xanh,... của dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1 Giai đoạn triển khai xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, các hoạt động giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án gồm: Bụi TSP, SO₂, NO₂, CO,...

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông, từ hoạt động của các cơ sở sản xuất, trạm xăng chủ yếu là các khí SO₂, CO, NO_x, bụi, hơi dung môi,...

- Khí thải (amoniac, H₂S) phát sinh từ khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường.

2.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng

+ Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật, phát sinh khoảng 3,85 tấn.

+ Chất thải từ quá trình bóc lớp đất hữu cơ khoảng 19.629,48 tấn.

+ Chất thải sinh hoạt khoảng 15kg/ngày.

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Chất thải xây dựng phát sinh khoảng 952 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gỗ vụn, bê tông, gạch vỡ, cặn vữa,...

+ Chất thải từ quá trình đào đất, thi công các hạng mục hạ tầng 679,6 tấn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu thức ăn thừa, túi nilon,...

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ các cơ sở trong cụm công nghiệp sẽ do Chủ cơ sở tính toán tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của trung tâm quản lý điều hành, trạm xăng dịch vụ, khu nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm phát sinh khoảng 25 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp: Tổng lượng chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh từ các cơ sở trong cụm công nghiệp sẽ do Chủ cơ sở tính toán tự chịu trách nhiệm và thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ khu công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; khu văn phòng điều hành của cụm công nghiệp,...: Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh hàng ngày ước tính khoảng 7,5 kg/ngày.

- Bùn và cặn lắng từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa,...

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

CTNH phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 15 đến 36 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì thải, vải nhiễm dầu mỡ,...

2.5.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại: Phát sinh tại trung tâm quản lý điều hành; trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp; trạm xăng dịch vụ; khu công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; bãi đỗ xe là bóng đèn huỳnh quang hỏng; thiết bị điện, điện tử hỏng; hộp mực in thải, than hoạt tính, bùn thải từ trạm xử lý nước thải,... Khối lượng CTNH phát sinh khoảng 788,3 kg/ngày.

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh hàng ngày từ các cơ sở trong cụm công nghiệp sẽ do Chủ cơ sở tính toán và tự chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường được xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân. Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 tuần/lần.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe và rửa dụng cụ thi công xây dựng: Bố trí 01 khu rửa xe tại cổng ra vào công trường. Nước thải từ quá trình rửa các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công sẽ được đưa vào bể lắng 02 ngăn thể tích $4m^3$ có kích thước (2mx2mx1m), sau đó nước được tái sử dụng tuần hoàn để rửa xe không thải ra môi trường. Dầu mỡ phát sinh được lọc bằng lưới vải chuyên dụng. Định kỳ khoảng 01 lần/2 tuần sẽ thay thế loại vải này. Vải nhiễm dầu mỡ này được xử lý như chất thải nguy hại; định kỳ 1 lần/2 tuần thực hiện nạo vét hố ga, hệ thống thoát nước hoặc khi bùn cặn lắng từ hố lắng tại cầu rửa xe đầy. Bùn lắng sau khi được nạo vét sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi đổ bỏ theo đúng quy định. Khi kết thúc hoạt động thi công, toàn bộ nước thải, bùn lắng được Chủ đầu tư dự án thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh khu vực thi công. Nước mưa thu gom bằng các rãnh thu nước, dẫn qua hố ga có lưới chắn để thu gom rác sau đó chảy vào mương thoát nước của khu vực. Thực hiện nạo vét hố ga 01 lần/2 tuần và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải bằng các tuyến cống thoát nước có bố trí song chắn rác, sau đó thoát về kênh thủy lợi hiện trạng phía Tây và Tây Nam khu đất.

- Nước thải:

Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải phải được tách riêng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Đối với nước thải phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 1 phải được thu gom riêng với nước mưa và được xử lý đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2.

Nước thải phát sinh từ tất cả các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 được xử lý đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư hạ tầng.

Nước thải sau xử lý sơ bộ của hai giai đoạn được tiếp tục thu gom và xử lý tại Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2. Trạm xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2 được xây dựng tại vị trí lô đất hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 1 được quy hoạch xây dựng trạm xử lý nước thải của toàn bộ hai giai đoạn tại vị trí phía Tây Nam CCN Giai đoạn 1, giáp phía Tây Bắc của CCN – Giai đoạn 2 với công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm để xử lý nước thải cho cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 1 và giai đoạn 2. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A) ($K_q=0,9$, $K_r=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả ra kênh tiêu Yên Cốc.

Quy trình công nghệ xử lý của Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung 200m³/ngày đêm như sau:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể gom (hồ thu TK01) → Bể tách váng mỡ (có thiết bị tách rác tinh) → Bể điều hoà → Bể hóa lý → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trước khi đưa dự án vào vận hành.

Chủ đầu tư dự án sẽ có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng tiếng Việt được ghi chép đầy đủ (lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải), lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

Để xử lý bụi và khí thải phát sinh trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng Chủ đầu tư dự án: Sử dụng phương tiện giao thông đạt tiêu chuẩn theo quy định; các phương tiện vận chuyển chất thải, nguyên vật liệu được phủ bạt, che kín

để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh; bố trí hợp lý tuyến đường và thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, tránh các khung giờ cao điểm; tưới nước thường xuyên trên các đoạn tuyến thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên, vật liệu tần suất 02 ngày/lần, tiến hành che bãi tập kết nguyên vật liệu; bố trí khu vực rửa xe để xịt rửa, vệ sinh xe; thực hiện che chắn xung quanh khu vực thi công để tránh gây ảnh hưởng tới xung quanh,...

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên tưới nước làm ẩm tại các tuyến đường xung quanh cụm công nghiệp. Tần suất tưới nước 01 lần/ngày.

- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch.

- Khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung: Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý được thu gom và xử lý bởi than hoạt tính trước khi xả ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ các cơ sở trong cụm công nghiệp sẽ do các Chủ cơ sở tự thu gom và xử lý theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3.3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên công trường thi công: Sử dụng khoảng 02 thùng rác chuyên dụng dung tích 120 lít đặt tại vị trí gần lán trại để thu gom, lưu chứa tạm rác thải phát sinh trong ngày. Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày thu gom và vận chuyển xử lý lượng chất thải theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Toàn bộ lượng chất thải rắn từ quá trình phát quang thăm thực vật trong giai đoạn giải phóng mặt bằng được thu gom vào 02 thùng ben dung tích khoảng 10m³. Trong giai đoạn thi công xây dựng, sử dụng đất đào để san lấp các khu vực trống, san nền cho toàn bộ cụm công nghiệp. Bố trí 02 thùng ben loại 10m³ ở phía Tây Nam khu đất. Diện tích khu vực tập kết khoảng 100 m² tại phía Tây Nam Dự án. Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày thu gom và vận chuyển xử lý lượng chất thải theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Các cơ sở trong cụm công nghiệp tự thu gom, phân loại tại nguồn và thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Chủ đầu tư bố trí các thùng rác thể tích khoảng 100 lít tại khu nhà điều hành; trạm xăng; khu công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; bãi đỗ xe để thu gom, phân loại tại nguồn và thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với khu cây xanh và các trục đường nội bộ: Bố trí các thùng chứa rác dung tích 120 lít có nắp đậy tại các vị trí thích hợp, khoảng cách giữa các thùng rác khoảng cách dự kiến từ 50-100m/thùng. Hàng ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và vận chuyển xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

- Thường xuyên nạo vét bùn thải tại trạm xử lý nước thải tập trung, đường ống thoát nước mưa, nước thải. Tần suất khoảng 03 tháng/lần đối với mùa mưa, 06 tháng/lần đối với mùa khô.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh từ các cơ sở sản xuất hoạt động trong cụm công nghiệp sẽ do Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ các khu công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu văn phòng điều hành của cụm công nghiệp,...: Chủ đầu tư bố trí các thùng rác dung tích 100 lít tại khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường có diện tích $5m^2$ tại khu công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện và thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

3.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

Thực hiện bố trí 04 thùng chứa dung tích 200 lít đặt tại khu lưu giữ CTNH có diện tích khoảng $10m^2$ gần với khu vực lưu giữ tạm thời chất thải thông thường, thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Chủ đầu tư thực hiện ký hợp đồng CTNH với đơn vị có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại tại nguồn; chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển với đơn vị có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Chủ đầu tư dự án bố trí các thùng composite dung tích 200 lít đặt tại 01 khu lưu giữ CTNH có diện tích khoảng $10m^2$ ở phía Tây Bắc đất dự án, cạnh trạm xử lý nước thải tập trung, thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung: Được lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn và được quản lý theo quy định quản lý CTNH theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng CTNH với đơn vị có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

3.5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Bố trí các máy móc, phương tiện phát sinh ồn, rung ở một vị trí có khoảng cách phù hợp, sao cho tiếng ồn lan truyền đến các đối tượng không lớn hơn 70dBA; độ rung lan truyền đến các đối tượng không quá 75dB.

- Tất cả các phương tiện, máy móc khi đỗ tại hiện trường sẽ được tắt động cơ.

- Tất cả các thiết bị và máy móc ngoài hiện trường sẽ được kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần về mức ồn và độ rung.

- Ưu tiên sử dụng máy móc, phương tiện có phát thải âm nguồn thấp khi thi công gần đối tượng nhạy cảm với tiếng ồn.

- Các máy móc, phương tiện tắt máy khi không cần thiết.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Xe ra vào cụm công nghiệp phải giảm tốc độ, hạn chế còi, không chờ quá tải trọng.

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Trồng, chăm sóc cây xanh trong khu vực.

- Lắp đặt hệ thống thông gió phù hợp.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

3.6.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Biện pháp an toàn lao động: Xây dựng và ban hành nội quy làm việc tại công trường. Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

- Sự cố ngập lụt: Xử lý bằng bơm cưỡng bức, khơi thông dòng chảy.

- Biện pháp an toàn về cháy, nổ: Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ, bố trí các bình chữa cháy.

3.6.2. Giai đoạn vận hành

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung: Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục kịp thời và kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố. Khi Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án sẽ được thu gom về hồ sự cố với thể tích khoảng 400m³ cạnh trạm xử lý nước thải, có khả năng lưu chứa nước thải trong 02 ngày, quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra môi trường. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đáp ứng theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Sự cố ngập úng: Khơi thông cống rãnh; sử dụng máy bơm để bơm thoát nước ra điểm xả theo quy định.

- An toàn về cháy, nổ: Trang bị các phương tiện chữa cháy: bình bột, bao cát, mặt nạ phòng độc,...Tuân thủ QCVN 06:2020/BXD về an toàn phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình. Phương án phòng chống cháy, nổ sẽ được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- An toàn lao động: Các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; nâng cao nhận thức cho công nhân về an toàn lao động,...

- An toàn hóa chất: Có phương án quản lý hóa chất theo quy định. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng vật liệu trơ (ví dụ cát hoặc đất) sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm và hồ sơ cố với thể tích khoảng 400m³.

Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Kho lưu giữ chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

Giám sát chất lượng không khí: 05 điểm: tại khu vực điểm đầu dự án (giao ĐT427B& đường trục phía Nam), tại khu vực đường trục phía Nam, khu vực đường ĐT427B (giáp đường xã Tam Hưng), khu vực giáp với CCN hiện trạng, tại khu vực giữa dự án. Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT. Thông số: Nhiệt độ, độ ẩm, hướng gió, tốc độ gió, SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung. Tần suất: 03 tháng/01 lần.

Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Giám sát khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định. Tần suất giám sát: Khi phát sinh và khi bàn giao chất thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trước khi đưa dự án vào vận hành. Thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, K_q=0,9, K_r=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

a. Giám sát nước thải:

- Quan trắc nước thải tự động, liên tục:

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

+ Thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào, lưu lượng nước thải đầu ra, pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

+ Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$; $K_r=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Quan trắc nước thải định kỳ:

+ Vị trí: 01 điểm tại hố thu nước thải Trạm xử lý nước thải tập trung trước xử lý và 01 điểm nước thải đầu ra sau xử lý của Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của cụm công nghiệp trước khi xả ra môi trường.

+ Thông số quan trắc:

Nước thải tại hố thu nước thải Trạm xử lý nước thải tập trung trước xử lý: pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, Màu, $BOD_5(20^\circ C)$, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Mangan, Sắt, Kẽm, Niken, Đồng, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ, Clorua, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, Tổng xianua, Tổng phenol, Coliform.

Nước thải điểm nước thải đầu ra sau xử lý của Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của cụm công nghiệp trước khi xả ra môi trường: Màu, $BOD_5(20^\circ C)$, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Mangan, Sắt, Kẽm, Niken, Đồng, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ, Clorua, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, Tổng xianua, Tổng phenol, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$; $K_r=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

+ Tần suất: 03 tháng/01 lần.

b. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Giám sát khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định. Tần suất giám sát: Khi phát sinh và khi bàn giao chất thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án

a) Chủ đầu tư dự án chỉ triển khai khi cơ quan có thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

b) Chủ đầu tư dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND Thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

c) Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

d) Bố trí lán trại, khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cuộc sống của dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình triển khai xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

đ) Quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

e) Tiếng ồn và độ rung trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

g) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

h) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

i) Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải phải được tách riêng, thiết kế đồng bộ, bố trí phù hợp với quy hoạch đã được duyệt và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan theo quy định.

k) Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Nước thải thi công phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng của Dự án phải được thu gom xử lý tuần hoàn và tái sử dụng không xả ra ngoài môi trường.

l) Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của trung tâm quản lý điều hành; trạm xăng dịch vụ; khu công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, trung bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; bãi đỗ xe của Dự án và các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 1 và giai đoạn 2 phải được thu gom và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm do Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề giai đoạn 2 đầu tư xây dựng để xử

lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$; $K_r=1,1$)- Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

m) Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trước khi đưa dự án vào vận hành. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 3 của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

n) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

o) Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

p) Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

q) Thực hiện các quy định hiện hành về sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

r) Lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Các điều kiện kèm theo của Chủ đầu tư

a) Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

b) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

c) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

đ) Thực hiện các quy định sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm công tác cải tạo phục hồi môi trường; hoàn trả các diện tích đất chiếm dụng tạm thời phục vụ xây dựng Dự án (nếu có).

e) Thực hiện các thủ tục đấu nối hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp nước, thoát nước của Dự án (trong trường hợp cần thiết) với các hệ thống hiện đang có tại địa phương theo quy định của pháp luật.

g) Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

i) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới UBND Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Thanh Oai.

k) Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, Chủ đầu tư dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

l) Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ đầu tư dự án, nhà thầu thi công trong thi công công trình xây dựng Dự án và theo chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



th/

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2789~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy-giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Quyết định: Số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017; số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND Thành phố về công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3539 /TTr-STNMT-QHKHSDD ngày 24 / 5 /2022, Tờ trình bổ sung số 7677 /TTr-STNMT-QHKHSDD ngày 12/10/2022 và Tờ trình bổ sung số 3206 /TTr-STNMT-QHKHSDD ngày 11/5/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² (Bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi hai mét vuông) đất tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai (UBND huyện Thanh Oai xác nhận đã hoàn thành giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 866/UBND-PTQĐ ngày 16/5/2022) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy-giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai theo các Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND Thành phố; Quyết định số 01/2021-CCNTT ngày 18/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Vị trí, ranh giới khu đất giới hạn bởi các mốc 1-12, M10, M9, M8, M8A-M8I, 1 (trừ đi phần diện tích giới hạn bởi các mốc ABCD) tại bản vẽ phục vụ công tác xin thuê đất (đợt 1) dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy-giai đoạn 2, huyện Thanh Oai do Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam cung cấp kèm theo Bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Linezone Việt Nam lập, được UBND huyện Thanh Oai xác nhận kèm theo quyết định 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 24/5/2022.

Trong tổng số 76.752 m² có:

- 44.562,0 m² đất để đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp; đất dịch vụ hỗ trợ; xây dựng trung tâm quản lý điều hành).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 04/10/2069 (ngày hết thời gian hoạt động của dự án).

- 20.218,0 m² đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (đất xây dựng công trình kỹ thuật, công trình giao thông; đất cây xanh).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 04/10/2069 (ngày hết thời gian hoạt động của dự án). Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động.

- 11.972,0 m² đất khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật (đất đường giao thông đầu nối cụm công nghiệp và đất hành lang an toàn đường bộ) theo quy hoạch.

Hình thức sử dụng đất: Giao đất không thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết Quý IV/2023 (theo tiến độ thực hiện Dự án); Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, không được xây dựng công trình kê cả tường rào; sau khi xây dựng xong, nghiệm thu, bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý chuyên ngành đề quản lý, sử dụng theo quy định.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm:

1. Liên hệ với Sở Tài chính đề hướng dẫn xác định và nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng 65.438,55m² đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ) và Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 2/10/2015 của UBND Thành phố; Thực hiện việc thu gom, quản lý, sử dụng có hiệu quả tầng đất canh tác khi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trồng lúa, hoa màu sang đất xây dựng công trình theo Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 19/5/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố.

2. Liên hệ với Sở Tài nguyên và môi trường để được xác định đơn giá thu tiền thuê đất; làm thủ tục về hợp đồng thuê đất theo quy định.

3. Liên hệ với Cục Thuế Thành phố Hà Nội để được hướng dẫn thực hiện thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định và nộp tiền thuê đất, các nghĩa vụ tài chính khác với ngân sách Nhà nước theo quy định.

4. Sau khi thực hiện xong các nội dung trên, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

5. Liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn triển khai đồng bộ các hạng mục công trình, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tưới, tiêu của hệ thống công trình thủy lợi tiếp giáp khu đất và phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi.

6. Liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin phép xây dựng theo quy định.

7. Sử dụng diện tích đất được giao trong phạm vi mốc giới và đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này; thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng; định vị công trình xây dựng đúng theo quy hoạch được chấp thuận và giấy phép xây dựng; xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp; khớp nối đồng bộ với dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 1 và khu vực liền kề.

8. Tiếp tục phối hợp với UBND huyện Thanh Oai khẩn trương hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích 80,0m² đất còn lại trong phạm vi dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy-giai đoạn 2, huyện Thanh Oai; quản lý, chống lấn chiếm diện tích đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đã tiếp nhận. Sau khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ xin sử dụng đất, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND Thành phố quyết định cho thuê đất (dợt 2) theo quy định.

9. Thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình, định vị công trình đúng quy hoạch được duyệt; đúng tiến độ; xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp; khớp nối đồng bộ với dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 1 và khu vực liền kề.

10. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng, môi trường và các Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 23/4/2019; Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND Thành phố.

11. Thực hiện đúng Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp:

1. Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch – Kiến trúc, Công thương; Cục Thuế thành phố Hà Nội hướng dẫn, giám sát Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thực

hiện các nghĩa vụ ghi tại Điều 2 Quyết định này theo chức năng nhiệm vụ quản lý Nhà nước và quản lý chuyên ngành.

2. UBND huyện Thanh Oai, UBND xã Thanh Thủy thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và xây dựng trên địa bàn, thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam theo các nội dung quy định của Quyết định này và các quy định trong quản lý về đất đai, đầu tư, xây dựng; tuyệt đối không được có hành vi đầu tư xây dựng không đúng với chủ trương đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. UBND huyện Thanh Oai kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền, báo cáo UBND Thành phố nếu để xảy ra sai phạm; Phối hợp với Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích 80,0m² đất còn lại trong phạm vi dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy-giai đoạn 2, huyện Thanh Oai theo quy định.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội cập nhật đăng ký quyền sử dụng đất, chỉnh lý biến động đất đai vào hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa, Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam vẫn chưa đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này thì UBND Thành phố thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; Chủ tịch UBND: huyện Thanh Oai, xã Thanh Thủy; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 5; ✓
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBNDTP: Nguyễn Trọng Đông;
- VPUB: P.TNMT;
- Lưu VT.

10498/QĐKH.2022/Thanh

538 (6)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông





**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3814 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND
ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023) của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định các nội dung về thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND Thành phố về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 1088/QĐĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND Thành phố phê duyệt thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6444 /TTr-STNMT-QHKHSDD ngày 16 tháng 7 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1/ Điều chỉnh nội dung trích yếu của Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố từ: “Về việc cho Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê diện tích 76.752 m² đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Thanh Thùy - giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai” thành: “Về việc cho Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long

Việt Nam thuê diện tích 77.767 m² đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai”.

2/ Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố như sau:

“1/ Cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 77.767 m² (*Bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi bảy mét vuông*) đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai (bao gồm 76.892 m² đất được UBND huyện Thanh Oai xác nhận đã hoàn thành giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 866/UBND-PTQĐ ngày 16/5/2022 và 875 m² đất xây dựng Trạm xử lý nước thải theo Biên bản bàn giao và tiếp nhận mặt bằng Trạm xử lý nước thải ngày 12/3/2024 giữa UBND huyện Thanh Oai và Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy-giai đoạn 2, huyện Thanh Oai theo các Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019, điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND Thành phố; Quyết định số 33A/2023-CCNTT ngày 15/8/2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Vị trí, ranh giới khu đất giới hạn tại: **(1)** Bản vẽ mặt bằng quy hoạch phân lô tỷ lệ 1/500 (ô đất ký hiệu XL), được Ban Quản lý dự án huyện Thanh Oai và UBND huyện Thanh Oai xác nhận ngày 15/3/2014; **(2)** Ranh giới các mốc 1 đến 12, M10, M9, M8, M8A-M8I, 1 (*không bao gồm diện tích đất 80m² đất ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai đã được quy hoạch trong khu vực cây xanh*) tại Bản vẽ phục vụ công tác xin thuê đất (đợt 1) dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy-giai đoạn 2, huyện Thanh Oai do Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam cung cấp kèm theo Bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Linezone Việt Nam lập, được UBND huyện Thanh Oai xác nhận kèm theo quyết định 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020.

Trong tổng số 77.767 m² có:

- 44.562,0 m² đất để đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp; đất dịch vụ hỗ trợ; xây dựng trung tâm quản lý điều hành).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 04/10/2069 (ngày hết thời gian hoạt động của dự án).

- 21.233,0 m² đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (đất xây dựng công trình kỹ thuật, công trình giao thông, Trạm xử lý nước thải tập trung (875 m²); đất cây xanh).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định

cho thuê đất đến hết ngày 04/10/2069 (ngày hết thời gian hoạt động của dự án). Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động.

- 11.972,0 m² đất khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật (đất đường giao thông đầu nổi cụm công nghiệp và đất hành lang an toàn đường bộ) theo quy hoạch.

Hình thức sử dụng đất: Giao đất không thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết Quý IV/2023 (theo tiến độ thực hiện Dự án); Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, không được xây dựng công trình kê cả tường rào; tạm thời quản lý, chống lấn chiếm; Sau khi xây dựng xong, nghiệm thu, bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý công sản.”

3/ Bãi bỏ nội dung ghi tại Khoản 8 Điều 2 Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố.

Lý do điều chỉnh: (1) UBND Thành phố chấp thuận chủ trương và phê duyệt điều chỉnh quy mô Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 1 và giai đoạn 2 tại các Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 và số 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 (điều chỉnh, bổ sung diện tích Trạm xử lý nước thải từ Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 1 sang giai đoạn 2 và giảm diện tích đất ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai); (2) Biên bản bàn giao và tiếp nhận mặt bằng Trạm xử lý nước thải ngày 12/3/2024 giữa UBND huyện Thanh Oai và Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

4/ Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố không thay đổi.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm:

1/ Triển khai thực hiện Dự án Trạm xử lý nước thải tập trung trong Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng; Đảm bảo quy mô, công suất xử lý nước thải đáp ứng nhu cầu của cả Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 1 và giai đoạn 2.

2/ Đối với diện tích đất ngôi mộ tổ dòng họ Nguyễn Học thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai đã được quy hoạch trong khu vực cây xanh, Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam không được xây dựng tường rào, tạo không gian mở đảm bảo quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề về lối đi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Cục trưởng Cục Thuế

Hà Nội; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; Chủ tịch UBND: huyện Thanh Oai, xã Thanh Thùy; Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBNDTP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUB: C/PCVP
- Các Phòng: TH, TNMT, ĐT;
- Lưu: VT, TNMT.

HS: 240516_0004 (Thành + T.Anh)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /HĐTD-STNMT-KTĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy - giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai; Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6675/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND Thành phố về việc chuyển hình thức sử dụng đất từ “Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê” sang hình thức “Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm” tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố;

Căn cứ phiếu chuyển thông tin số 396/STNMT-KTĐ ngày 15/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cập nhật, theo dõi, xác định đơn giá thuê đất của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai;

Hôm nay, ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (địa chỉ: số 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội), chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Quân.
- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Địa chỉ trụ sở: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Bạo.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.



- Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 ngõ 108, phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Mã số doanh nghiệp: 0103333258.

III. Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê với các Điều, Khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho thuê khu đất như sau:

1. Địa điểm thửa đất: xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất giới hạn bởi các mốc 1-12, M10, M9, M8, M8A-M8I, 1 (trừ đi phần diện tích giới hạn bởi các mốc ABCD) tại bản vẽ phục vụ công tác xin thuê đất (đợt 1) dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai do Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam cung cấp kèm theo Bản vẽ Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Linezone Việt Nam lập, được UBND huyện Thanh Oai xác nhận kèm theo Quyết định 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020.

2. Diện tích, hình thức, thời hạn sử dụng đất

Tổng diện tích đất thuê là 77.767m² đất, trong đó:

- 44.562m² đất xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp, đất dịch vụ hỗ trợ, xây dựng trung tâm quản lý điều hành); Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày ký Quyết định đến ngày 04/10/2069 (ngày hết thời hạn hoạt động của dự án).

- 21.233m² đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (đất xây dựng công trình kỹ thuật, công trình giao thông, trạm xử lý nước thải tập trung (875m²), đất cây xanh; Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày ký Quyết định đến ngày 04/10/2069 (ngày hết thời hạn hoạt động của dự án).

- 11.972m² đất khu vực khốp nổi hạ tầng kỹ thuật (đất đường giao thông đầu nổi cụm công nghiệp, đất hành lang an toàn đường bộ) theo quy hoạch; Hình thức sử dụng đất: Giao đất không thu tiền sử dụng đất.

3. Mục đích sử dụng đất: Thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định sau:

1. Tiền thuê đất: Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai 2024; Khoản 5 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 44, khoản 7 Điều 39 của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất một số năm theo quy định hiện, cụ thể:

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản 03 năm; Thời gian miễn giảm kể từ ngày 18/05/2023 đến 31/12/2025;

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 15 năm (toàn bộ diện tích đất của dự án); Thời gian miễn giảm kể từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2041.

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích đất kết cấu hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: 20.218m²; Thời gian miễn giảm kể từ ngày 01/01/2026 đến 04/10/2069 hết thời hạn của dự án.

Trước thời điểm (trước 06 tháng) hết thời hạn được miễn tiền thuê đất theo quy định nêu trên, Công ty có trách nhiệm liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, Cơ quan Thuế để làm thủ tục xác định và thu, nộp tiền thuê đất, ký điều chỉnh Hợp đồng thuê đất theo quy định

2. Bên thuê đất có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác về đất đai theo quy định.

3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 Hợp đồng thuê đất này và Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất này.

4. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên (nếu có): Không

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định Hợp đồng thuê đất này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng thuê đất gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế thành phố Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Thanh Oai.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký./

BÊN THUÊ ĐẤT



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Bạo

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Quân



Số: 6675/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển hình thức sử dụng đất từ “Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê” sang hình thức “Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm” tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 116; Điều 120; Điều 122; Điều 123; Điều 30 Luật Đất đai 2024 và Điều 44, Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5630/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10109/TTr-STNMT-QHKHSĐĐ ngày 16/12/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1/ Cho phép Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam đang sử dụng đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công

ng nghiệp làng nghề Thanh Thùy-giai đoạn 2, huyện Thanh Oai theo hình thức “*Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê*” tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai chuyển sang hình thức “*Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm*”, cụ thể:

- Điều chỉnh hình thức sử dụng đất đối với diện tích 44.562,0 m² đất để đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp; đất dịch vụ hỗ trợ; xây dựng trung tâm quản lý điều hành) theo Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/07/2024 của UBND Thành phố từ “*Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê*” thành “*Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm*”;

- Điều chỉnh hình thức sử dụng đất đối với diện tích 21.233,0 m² đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (đất xây dựng công trình kỹ thuật, công trình giao thông, Trạm xử lý nước thải tập trung (875 m²); đất cây xanh) theo Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/07/2024 của UBND Thành phố từ “*Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê*” thành “*Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm*”;

Lý do điều chỉnh: (1) Quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Đất đai năm 2024 về quyền lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất; (2) Đề nghị của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tại Văn bản số 69/2024-CCNTT ngày 13/8/2024.

2/ Giá đất tính tiền thuê đất phải nộp theo Bảng giá đất được UBND Thành phố phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

3/ Các nội dung khác tại tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm:

1/ Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện các nội dung về miễn, giảm tiền thuê đất; việc xác định đơn giá thu tiền thuê đất hằng năm và làm thủ tục về hợp đồng thuê đất theo quy định.

2/ Liên hệ với Cục Thuế Thành phố để nộp tiền thuê đất theo quy định.

3/ Sau khi thực hiện xong khoản 1, 2 Điều này, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở: Tài nguyên và môi trường, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Cục thuế Thành phố; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai, xã Thanh Thùy, Giám đốc

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thanh Oai và các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Trung tâm Thông tin điện tử thành phố Hà Nội) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP (để báo cáo);
- PCT UBND TP: Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP, ĐT, TNMT;
- Lưu: VP, TNMT.

H26.14_240814_0010 Thành

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

Thanh Oai, ngày 24 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 33 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Địa chỉ: Số 1, ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

2. Được cấp phép xây dựng: Công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Theo hồ sơ thiết kế các hạng mục gồm San nền, giao thông, cây xanh cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, điện chiếu sáng, hào kỹ thuật, thông tin liên lạc do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng LINEZONE Việt Nam lập; Chủ trì thiết kế: Lê Thị Ngọc Lan. Hạng mục cấp điện, điện chiếu sáng do Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam lập, chủ trì thiết kế: Ngô Thị Phương Anh.

- Theo hồ sơ thiết kế hạng mục phòng cháy và chữa cháy do Công ty cổ phần NB Thịnh Vượng lập; Chủ trì thiết kế: Nguyễn Văn Nhạc.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần HD Thủ Đô

- Chủ trì thẩm tra: Đào Văn Hải – phần cấp thoát nước; Võ Hữu Sáng – phần Cơ điện; Nguyễn Như Hải – phần Giao thông; Dương Đình Thành - phần điện; Dương Văn Đăng – phần công trình.

Gồm các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng: Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Trong khuôn viên khu đất được cấp có thẩm quyền bàn giao sử dụng hợp pháp.

*** Hạng mục 1: San nền**

- Thiết kế san nền trong khu đất theo phương pháp đường đồng mức, độ dốc san nền $i \geq 0,4\%$. Cao độ san nền trung bình chủ yếu từ +5,2m; vượt nổi cao độ hiện trạng Cụm công nghiệp Thanh Thủy – giai đoạn 1 khoảng +4,1m. Vật liệu đắp nền đầm chặt $K \geq 90$ đạt đến cao độ thiết kế.

- Các khu vực chênh cao độ sử dụng giải pháp tường chắn xây bằng đá hộc để ổn định nền trong khu đất.

*** Hạng mục 2: Giao thông**

- Xây dựng các tuyến đường giao thông trong khu đất có mặt đường bê tông nhựa, độ dốc ngang đường là $i_{\text{ngang}} = 2\%$, độ dốc hè đường là $i_{\text{hè}} = 1,5\%$ về phía lòng đường; có mặt cắt ngang điển hình các tuyến đường:

+ Mặt cắt ngang (1-1): $B_{\text{ngang}} = B_{\text{mặt}} + 2 \times B_{\text{hè}} = 6,0\text{m} + 2 \times 3,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang (2-2), (2A-2A), (2B-2B): $B_{\text{ngang}} = B_{\text{mặt}} + 2 \times B_{\text{hè}} = 7,5\text{m} +$



$2 \times 1,5\text{m} = 10,5\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang (3-3): $B_{\text{ngang}} = B_{\text{mặt}} + B_{\text{hè một bên}} = 7,5\text{m} + 1,5\text{m} = 9,0\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang (4-4), (4A-4A), (4B-4B): $B_{\text{ngang}} = 3,5\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang (5-5): $B_{\text{ngang}} = B_{\text{mặt}} + B_{\text{hè một bên}} = 5,5\text{m} + 1,5\text{m} = 7,0\text{m}$.

- Hệ đường Lát gạch Block tự chèn; sử dụng bó vỉa và tấm đan rãnh ghé bê tông xi măng đúc sẵn. Trên hè bố trí xây bồn cây xanh để trồng cây xanh với cự ly trung bình khoảng $(5 \div 10)\text{m}/\text{cây}$.

- Xây dựng hệ thống an toàn giao thông bằng vạch sơn kết hợp với biển báo theo QCVN 41:2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

*** Hạng mục 3: Thoát nước mưa**

- Nước mưa sau khi được thu gom bằng các ga thu được thoát vào hệ thống thoát nước của dự án và thoát ra mương tiêu hiện trạng của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn lắp ghép có đường kính $D(600 \div 800)$ và kết hợp hệ thống rãnh đan B600 bố trí dọc theo các tuyến đường của dự án. Trên tuyến bố trí các ga thăm, thu kết hợp; lắp đặt nắp ga gang, song chắn rác.

*** Hạng mục 4: Cấp nước**

- Thiết kế hệ thống đường ống cấp nước theo dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh; mạng lưới đường ống chính HDPE đầu nối từ đường ống hiện có của khu vực dẫn về nhà trạm bơm tăng áp.

- Xây dựng các tuyến đường ống cấp nước phân phối HDPE D110 nằm dưới vỉa hè các tuyến đường và tuyến ống dịch vụ HDPE được đầu nối từ đường ống phân phối để cấp nước tới các điểm dùng nước

- Xây dựng bể chứa kết cấu bê tông cốt thép, phía trên xây nhà trạm bơm tăng áp có diện tích khoảng 42m^2 .

*** Hạng mục 5: Thoát nước thải**

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng. Toàn bộ nước thải của các công trình sẽ được thu gom vào hệ thống cống thoát nước thải đặt ngầm dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Mạng lưới thoát nước thải sử dụng cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn khẩu độ D300, D400 đi ngầm dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông để thu gom nước thải từ các công trình. Kết hợp bố trí các hố ga, lắp nắp ga bằng gang.

*** Hạng mục 6: Cấp điện và chiếu sáng**

- Xây mới 02 trạm biến áp của dự án, phần điện trung thế sử dụng cáp ngầm; nguồn điện được lấy từ đường dây hiện có của khu vực

- Phần hạ thế: Xây dựng các tủ điện phân phối chính đặt trên hè đường và ô đất HTKT, cáp từ trạm biến áp đến tủ hạ áp phân phối chính sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV.

- Phần chiếu sáng: Xây dựng hệ thống chiếu sáng bằng cột thép liền cần, trên mỗi cột đèn lắp đặt bóng đèn led; lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng; cáp từ tủ điện điều khiển chiếu sáng đến các cột đèn chiếu sáng sử dụng cáp ngầm,

đầu nối dây điện từ bảng điện cửa cột lên đèn. Nguồn điện được lấy từ trạm biến áp của dự án.

*** Hạng mục 7: Hào kỹ thuật**

Xây dựng hệ thống hào kỹ thuật trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông để bố trí các đường dây, đường ống đi trong hệ thống hào kỹ thuật. Hào kỹ thuật bằng bê tông cốt thép và tấm đan bê tông cốt thép kết hợp bố trí hố ga.

*** Hạng mục 8: Phòng cháy chữa cháy**

Theo hồ sơ thiết kế phân hạ tầng kỹ thuật đã được Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an thành phố Hà Nội thẩm duyệt tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 412/TD-PCCC ngày 21/4/2022. Trụ cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới đường ống cấp nước và bố trí đều trên các đường nội bộ trong cụm công nghiệp.

*** Hạng mục 9: Hạng mục khác**

- Xây dựng bãi đỗ xe, sân bằng bê tông xi măng; trồng cây xanh.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai.

5. Ghi nhận các công trình đã khởi công: ./.

6. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 5 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng QLĐT huyện;
- Đội QL TTXD ĐT huyện;
- UBND xã Thanh Thùy;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Khiển

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng, về môi trường và Giấy phép xây dựng này.

3. Liên hệ với Sở Tài chính để được hướng dẫn xác định nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định; Liên hệ với Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội để làm thủ tục hợp đồng thuê đất, bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa theo quy định; liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để được hướng dẫn nộp tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác với ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Sử dụng diện tích đất được giao trong phạm vi mốc giới, thực hiện định vị xây dựng công trình đúng theo quy hoạch và hồ sơ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt.

5. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.

6. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

7. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại Quyết định số: 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố về việc thành lập Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số: 993/QĐ-UBND ngày 01/03/2021 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tên “Chủ đầu tư” Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số: 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy Giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai; Các Văn bản khác có liên quan.



- Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng công trình sau khi thực hiện đầy đủ các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định.

- Chủ đầu tư nghiên cứu, thực hiện các quy định đảm bảo nội dung xử lý tranh chấp và giải quyết vi phạm trong quá trình thi công (nếu có): Chủ đầu tư cần lập hồ sơ hiện trạng các công trình lân cận, liền kề có xác nhận của chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình để có cơ sở giải quyết tranh chấp khiếu kiện nếu trong quá trình thi công công trình gây lún nứt, hư hỏng, ảnh hưởng các công trình xung quanh;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường, quản lý chất thải rắn xây dựng trong quá trình xây dựng công trình theo Quy định (Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội và các Văn bản khác có liên quan)

- Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp theo quy định tại Khoản 2, Điều 55, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, đơn vị thẩm tra và đơn vị thi công phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng sau này. Nếu vi phạm trật tự xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(Ký tên, đóng dấu)



Thanh Oai, ngày 12 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 70 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Địa chỉ: Số 1, ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

2. Được cấp phép xây dựng: Công trình Trạm xử lý nước thải thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Theo hồ sơ thiết kế do Công ty cổ phần HD Thủ Đô lập; Chủ trì thiết kế: Nguyễn Hữu Thọ; chủ trì kết cấu: Dương Văn Đăng; Chủ trì cơ – điện: Võ Hữu Sáng.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc xây dựng G&D; Chủ trì thẩm tra: Hoàng Đình Sơn.

Gồm các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng: Xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Trong khuôn viên khu đất được cấp có thẩm quyền bàn giao sử dụng hợp pháp.

*** Hạng mục 1: Nhà điều hành**

- Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,40m so với cao độ sân.

- Màu sắc công trình (nếu có): Hài hoà với khu vực.

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 59,3 m².

- Tổng diện tích sàn: 146,5 m².

- Chiều cao công trình: 7,3m (từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái).

- Số tầng: 02 tầng.

*** Các hạng mục khác:**

- Hồ sơ có khối tích khoảng 400m³.

- Mương quan trắc; Bể gom; Khối bể xử lý gồm các bể: bể lắng cát, tách mỡ; bể điều hòa; bể keo tụ, tạo bông; bể lắng hóa lý; bể thiếu khí; bể hiếu khí; bể lắng; bể khử trùng; bể chứa bùn; Sân, cây xanh, thảm cỏ.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai; Quyết định 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND thành phố “cho Công ty cổ phần

tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê diện tích 77.767m² để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai”.

5. Ghi nhận các công trình đã khởi công: ./.

6. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Chi cục thuế huyện Thanh Oai;
- Phòng QLĐT huyện;
- Đội QL TTXD ĐT huyện;
- UBND xã Thanh Thùy;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Khiển

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng, về môi trường và Giấy phép xây dựng này.
3. Liên hệ với Sở Tài chính để được hướng dẫn xác định nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định; Liên hệ với Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội để làm thủ tục hợp đồng thuê đất, bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa theo quy định; liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để được hướng dẫn nộp tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác với ngân sách nhà nước theo quy định.
4. Sử dụng diện tích đất được giao trong phạm vi mốc giới, thực hiện định vị xây dựng công trình đúng theo quy hoạch và hồ sơ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt.
5. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
6. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
7. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại Quyết định số: 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố về việc thành lập Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số: 993/QĐ-UBND ngày 01/03/2021 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tên “Chủ đầu tư” Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy – Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số: 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thuê 76.752m² đất tại xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy Giai đoạn 2 (đợt 1), huyện Thanh Oai; Các Văn bản khác có liên quan; Quyết định 3814/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định

số 2789/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND thành phố; Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND Thành phố Hà Nội

- Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng công trình sau khi thực hiện đầy đủ các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định.

- Chủ đầu tư nghiên cứu, thực hiện các quy định đảm bảo nội dung xử lý tranh chấp và giải quyết vi phạm trong quá trình thi công (nếu có): Chủ đầu tư cần lập hồ sơ hiện trạng các công trình lân cận, liên hệ có xác nhận của chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình để có cơ sở giải quyết tranh chấp khiếu kiện nếu trong quá trình thi công công trình gây lún nứt, hư hỏng, ảnh hưởng các công trình xung quanh;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường, quản lý chất thải rắn xây dựng trong quá trình xây dựng công trình theo Quy định (Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội và các Văn bản khác có liên quan)

- Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp theo quy định tại Khoản 2, Điều 55, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, đơn vị thẩm tra và đơn vị thi công phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng sau này. Nếu vi phạm trật tự xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Mẫu số PC09
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207 /TD-PCCC

Hà Nội, ngày 04. tháng 03 năm 2025

V/v thẩm duyệt đối với hồ sơ thiết kế
điều chỉnh về PCCC

Kính gửi: Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 412/TD-PCCC ngày 21/4/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 12/2025-CCNTT/TD-PCCC ngày 17/02/2025 của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. Thông tin về nội dung thiết kế điều chỉnh công trình.

1. Thông tin chung về công trình:

- Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật và Trung tâm quản lý điều hành cụm công nghiệp thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2.

- Địa điểm: Xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.

- Chủ đầu tư công trình: Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

2. Nội dung điều chỉnh: Đường giao thông phục vụ chữa cháy, phương án cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

II. Nội dung thẩm duyệt.

Sau khi xem xét hồ sơ, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội đồng ý về PCCC đối với thiết kế điều chỉnh đường giao thông phục vụ chữa cháy,

phương án cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

Văn bản này là thành phần của Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 412/TD-PCCC ngày 21/4/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Quy mô hạng mục công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Dương Đức Hải - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
(để báo cáo)
- Đội Tham mưu (Tổ địa bàn huyện Thanh Oai);
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2_(T.Anh)

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Tuấn Dương

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**
(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 207.../TD-PCCC ngày 04 / 03 /2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH -
Công an TP Hà Nội)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	
1	Quy mô: Công trình đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 412/TD-PCCC ngày 21/4/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội. Nay chủ đầu tư điều chỉnh diện tích các lô đất, mở rộng đường giao thông; điều chỉnh hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, trạm bơm chữa cháy.	
2	Nội dung điều chỉnh: Đường giao thông phục vụ chữa cháy, phương án cấp nước chữa cháy ngoài nhà.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH	
1	- Bản vẽ điều chỉnh Hạ tầng kỹ thuật: KT-01 đến KT-12; - Bản vẽ điều chỉnh trạm bơm chữa cháy: KT-13 đến KT-27; - Bản vẽ điều chỉnh trung tâm quản lý điều hành: KT-28 đến KT-37;	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Hà Việt Nam
3	Thuyết minh: Quyển (kèm bản vẽ).	

Lưu ý: Thông tin tại Văn bản này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số 412/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 18/2022-CCNTT ngày 06/4/2022 của Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Dương Văn Bào - Chức vụ: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:

Công trình: Hạ tầng kỹ thuật và Trung tâm quản lý điều hành cụm công nghiệp thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy - giai đoạn 2.

Địa điểm xây dựng: Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng LINEZONE Việt Nam; Công ty cổ phần NB Thịnh Vượng.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, bãi đỗ xe chữa cháy, lối vào từ trên cao, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan;
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống chữa cháy sprinkler tự động, họng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, dụng cụ phá dỡ thông thường;
- Giải pháp thông gió, chống tụ khói khu vực tầng hầm, văn phòng tầng 2, khoang đệm trước lối vào thang máy tại tầng hầm;
- Phương án chống sét, chống tĩnh điện; giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGĐ CATP; (để báo cáo);
- Công an huyện Thanh Oai. (để theo dõi);
- Lưu: PC07, Đ2 (T.Anh).

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Trung Hiếu

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 4.1.2 /TD-PCCC ngày 21 / 4 /2022 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ)

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Số: 1568 /SNN-TL

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2020

V/v thỏa thuận đầu nổi thoát nước dự
án ĐTXD HTKT cụm công nghiệp
làng nghề Thanh Thùy- giai đoạn 2

Kính gửi: Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội nhận được văn bản số 17/05/2020-CCNTT ngày 16/5/2020 của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc xin đầu nổi thoát nước: Dự án đầu tư xây dựng HTKT cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy- giai đoạn 2 thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (gửi kèm bản chụp Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội và mặt bằng thỏa thuận xin đầu nổi thoát nước).

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội có ý kiến như sau:

I. Thông tin cơ bản về dự án

1. Tên dự án: Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy-Giai đoạn 2.
2. Địa điểm: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội.
3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam).
4. Phương án thiết kế

a) Thoát nước mưa: Hướng thoát nước khu dự án gồm diện tích thoát nước theo từng lô trong phạm vi cụm công nghiệp, tiêu thoát tự chảy ra tuyến kênh thủy lợi hiện có nằm ở phía tây và tây nam khu đất dự án qua 03 cửa xả CX1, CX2 và CX3 kết cấu cống tròn BTCT đường kính 80 cm (vị trí, tọa độ như bản vẽ thiết kế). Mạng lưới thoát nước gồm các tuyến dẫn nước kết cấu thân cống tròn đường kính 60cm - 80cm và rãnh thoát nước rộng 60cm thu gom dẫn nước mưa đến các cửa xả. Hệ thống dẫn nước mưa độc lập với hệ thống dẫn nước thải chưa qua xử lý của khu công nghiệp.

b) Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải chưa qua xử lý độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được đường dẫn kết cấu cống tròn BTCT kích thước D300 vào hệ thống thoát nước mưa tiêu thoát vào kênh thủy lợi nội đồng qua cửa xả CX1.

II. Ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội cơ bản nhất trí với phương án đầu nổi hạ tầng kỹ thuật hạng mục thoát nước mưa và thoát nước thải như đề xuất của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tại hồ sơ kèm theo văn bản số 17/05/2020-CCNTT ngày 16/5/2020. Đề nghị Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam lưu ý một số nội dung sau:

- Trong giai đoạn thực hiện các bước tiếp theo của dự án, đề nghị Công ty tuân thủ đầy đủ các nội dung được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5511/QĐ-UBND ngày 04/10/2019; tiếp tục phối hợp với Công ty TNHH Một thành viên ĐTPT thủy lợi Sông Đáy, UBND huyện Thanh Oai và các cơ quan quản lý chuyên ngành để đảm bảo khớp nối đồng bộ hệ thống thoát nước mưa và nước thải của dự án với hệ thống thoát nước chung trong khu vực; đảm bảo quá trình thi công xây dựng và quản lý khai thác dự án không gây ảnh hưởng đến công tác tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội và môi trường trong khu vực.

- Đối với việc xả nước thải vào công trình thủy lợi, phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và phải được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Trên đây là ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc thỏa thuận đầu nối thoát nước dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy- giai đoạn 2. Đề nghị Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tổ chức thực hiện theo quy định./. *MB*

Nơi nhận:

- Như trên; *MB*
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Ngọc Sơn;
- UBND huyện Thanh Oai;
- Công ty TL Sông Đáy;
- Lưu: VT, CCTL. *tz*

GIÁM ĐỐC



Chu Phú Mỹ

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Người ký: Sở Khoa
học Công nghệ
Email:
vanthu_sokhcn@ha
noi.gov.vn
Cơ quan: Thành
phố Hà Nội
Thời gian ký:
08.07.2021 14:41:24
+07:00

Số: 1258/SKHCN-QLCN

V/v phương án công nghệ trạm xử lý nước
thải thuộc dự án ĐT XD HTKT cụm công
nghiệp làng nghề Thanh Thùy-Giai đoạn
2, huyện Thanh Oai

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Công ty CP Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.
(Đ/c: số 1, ngõ 108, phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai)

Ngày 08/7/2021 Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 44/2021/CCNTT ngày 06/7/2021 của Công ty CP Tập đoàn Thăng Long Việt Nam giải trình ý kiến của HĐTĐ, hoàn thiện hồ sơ thẩm định công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung làng nghề Thanh Thùy (GD 2) tại thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu Công văn số 44/2021/CCNTT, trên cơ sở rà soát hồ sơ gồm: 1- Thuyết minh thiết kế cơ sở; 2- Bản vẽ thiết kế cơ sở trạm XLNT) do Công ty CP Tập đoàn Thăng Long Việt Nam - chủ đầu tư và Công ty CP Đầu tư và Công nghệ xây dựng Việt Xanh - đơn vị tư vấn lập tháng 6/2021 (chỉnh sửa lần 3) với Thông báo kết quả thẩm định (Thông báo số 774/TB-SKHCN ngày 17/5/2021) Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

I. Công suất và nguồn phát sinh nước thải

Theo hồ sơ:

- Đề xuất công suất khoảng $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ cho cả 2 giai đoạn, trên phần diện tích của CCN Thanh Thùy được quy hoạch trong giai đoạn 1 (tr.11).
- Nước thải phát sinh từ 2 nguồn: sinh hoạt và sản xuất.
- Thực tế giai đoạn 1, với 27 doanh nghiệp và nhà đầu tư thứ cấp thuê lại nhà xưởng và hoạt động trong lĩnh vực cơ khí chế tạo, đột dập thép và inox (có danh sách tại tr.2-5) với tỷ lệ lấp đầy 80%, lượng nước thải phát sinh là khoảng $39,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ($Q_{\text{sản xuất}}$ chỉ có $2 \text{ m}^3/\text{ngày} + Q_{\text{sinh hoạt}} 34,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$) (tr.10).
- Lưu lượng nước thải giai đoạn 2 xác định theo QCVN 01:2019/BXD với định mức cấp nước sản xuất $20 \text{ m}^3/\text{ha/ngày} \times 3,7 \text{ ha} = 74 \text{ m}^3/\text{ngày}$, dự báo có khoảng 500 lao động và định mức cấp nước sinh hoạt 80 lít/người/ngày (tr.9-10).

Nhận xét:

Công suất thiết kế nằm trong phạm vi của Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy- giai đoạn 2 và Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt¹.

¹ Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND Thành phố (Mục 4.7); Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND Thành phố (Mục 3.1.2).

II. Phương án công nghệ

Theo hồ sơ :

* Xử lý nước thải:

Căn cứ kết quả điều tra, phân tích chất lượng nước thải của 4 doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực cơ khí tại CCN làng nghề Thanh Thủy (Bảng 2.1-tr.11-12)², yêu cầu nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A (Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường) và tiếp thu ý kiến của Hội đồng tư vấn, chủ đầu tư chọn sơ đồ công nghệ sau:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Hồ thu gom (HG) → Bể lắng cát, tách mỡ (T-01) → Bể điều hòa (T-02) → Bể hóa lý 2 ngăn (phản ứng, tạo bông) (T-03A/B) → Bể lắng hóa lý (T-04) → Bể thiếu khí (T-05) → Bể hiếu khí (có giá thể MBBR) (T-06) → Bể lắng sinh học (T-07) → Bể khử trùng (T-08) → Xả ra nguồn tiếp nhận (kênh Yên Cốc qua cửa xả CX1).

(Sơ đồ công nghệ : tr.13; Thuyết minh tóm tắt công nghệ: tr.14-19).

* Xử lý bùn:

Bùn từ bể lắng sinh học được tuần hoàn một phần về bể thiếu khí và bể hiếu khí. Phần bùn dư từ bể lắng sinh học được thu về bể chứa bùn sinh học; Bùn từ bể lắng hóa lý được thu về bể chứa bùn hóa lý, xử lý làm giảm lượng nước trước khi thuê đơn vị chức năng xử lý tiếp. Lượng nước dư trong quá trình xử lý bùn hóa lý được tuần hoàn lại hồ gom để tiếp tục xử lý (tr.13, 19).

Nhận xét:

1. Công nghệ đề xuất gồm các bước xử lý cơ học, hóa lý kết hợp sinh học (thiếu khí - hiếu khí) và khử trùng.

Về lý thuyết, sơ đồ dây chuyền công nghệ lựa chọn phù hợp để XLNT cụm công nghiệp đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A với điều kiện các cơ sở sản xuất công nghiệp (cơ khí, mạ ...) có giải pháp xử lý sơ bộ loại bỏ các chất ô nhiễm đặc thù trước khi đưa vào trạm XLNT tập trung.

2. Tiếp thu ý kiến hội đồng, chủ đầu tư đã bỏ bồn lọc áp lực sau lắng thứ cấp; Tách bùn sinh học và bùn hóa lý để xử lý riêng; Bỏ sung cơ chất vào bể thiếu khí trong sơ đồ công nghệ³.

III. Hạng mục xây dựng và thiết bị

1. Hạng mục xây dựng:

a) Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư đã tính toán lại thời gian lưu nước, thông số kích thước, dung tích của tất cả các bể công nghệ.

b) Chủ đầu tư điều chỉnh và lựa chọn lại thông số thiết kế (tr.25) với BOD = 200 mg/l (thay cho 300 mg/l), amoni = 30 mg/l (thay cho 60 mg/l).

² Gồm: Công ty CP xây lắp và thương mại Ngân Hà (3 mẫu lấy ngày 07/01/2021, 08/01/2021/09/01/2021), Công ty TNHH cơ khí CPM (Mẫu lấy ngày 08/6/2021), Công ty CP sản xuất máy biến thế và thiết bị điện Đồng Anh (Mẫu lấy ngày 03/6/2021), Công ty TNHH MTV Trường Ngô (Mẫu lấy ngày 07/6/2021).

³ Với kết quả phân tích nước thải thực tế như hồ sơ thì nước thải đầu vào mất cân bằng dinh dưỡng.

Tuy nhiên, các thông số này vẫn cao hơn chất lượng nước thải đầu vào nêu tại Bảng 2.1 (tr.11-12).

Theo giải trình của chủ đầu tư “*Do đây là giai đoạn 2 cụm công nghiệp việc thêm các nguồn thải đặc biệt nguồn phát sinh từ các cơ sở hành chính (chủ yếu là nước thải sinh hoạt) làm nồng độ chất ô nhiễm thay đổi*” (tr.25).

c) Sau khi tính toán, các hạng mục xây dựng (kích thước, thể tích, số lượng) đã được thống kê thành bảng (tr.33).

2. Thiết bị:

a) Danh mục thiết bị dự kiến đầu tư (vị trí, thông số kỹ thuật chính, xuất xứ, số lượng) đã được thống kê (tr.34-41).

b) Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư đã tính toán lại một số thiết bị; Đã bổ sung thông số thiết bị đo pH, đã bổ sung đầu đo DO; Đã bổ sung thuyết minh hệ thống điều khiển; Đã thuyết minh rõ hơn quy trình vận hành.

3. Bản vẽ:

Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư đã bổ sung bản vẽ sơ đồ cao trình thủy lực hệ thống XLNT.

4. Chi phí vận hành:

Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư đã tính toán lại thời gian hoạt động của một số máy bơm (tr.44) và tính toán lại chi phí vận hành (tr.44).

IV. Nhận xét đánh giá tổng hợp

1. Công nghệ đề xuất phù hợp với thành phần tính chất nước thải sinh hoạt đô thị.

2. Với nước thải cụm công nghiệp làng nghề (nước thải sinh hoạt đã qua bể tự hoại, nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ) thì thông số đầu vào có thể chưa sát với thực tế. Thành phần tính chất nước thải đầu vào như chủ đầu tư lựa chọn cần xem xét thêm bởi các thông số này mới là “*giả định*”.

3. Chủ đầu tư cần xây dựng thỏa thuận đầu nối cụ thể đối với các cơ sở hoạt động trong CCN làng nghề để đảm bảo trạm xử lý nước thải vận hành hiệu quả theo phương án công nghệ đã lựa chọn.

Một số ý kiến trên Sở Khoa học và Công nghệ gửi để chủ đầu tư nghiên cứu và lưu ý trong quá trình triển khai tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c GD Sở (để b/c);
- Cty CP Việt Xanh (để t/b);
(số 9, lô P, X3, tổ 18, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
VPGD: số 31, ngách 208/2 phố Trần Cung, quận Cầu Giấy)
- Lưu: VT, QLCN (Hiệu)

Thư

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Hà

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội. Ngày 06 tháng 06 năm 2024

SỐ: 27

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi

- Đại diện chủ đầu tư: Công ty CP tập đoàn Thăng Long Việt Nam
- Đại diện tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn ĐTXD Linezone Việt Nam
- Đại diện TVGS: Công ty CPKH công nghệ xây dựng VINAHADA

Dự án : Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy- Giai đoạn 2;

Công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật

Hạng mục: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

Địa điểm XD: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, TP Hà

- Sau khi kiểm tra và tiến hành nghiệm thu nội bộ hoàn thành hạng mục, cung cấp vật tư và thi công hệ thống thoát nước, nước thải. Công trình hạ tầng kỹ thuật, cụm khu công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, địa điểm. Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, TP Hà đưa vào sử dụng. Chúng tôi cam đoan rằng hạng mục công trình xây dựng trên, được đơn vị nhà thầu thi công đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt và những thay đổi đã được chủ đầu tư chấp thuận
- đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và tiêu chí kỹ thuật của dự án. Xí nghiệp xây dựng số 1, đề nghị Chủ đầu tư, ban QLDA, Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình nói trên để đưa vào sử dụng.
- Thời gian tổ chức nghiệm thu: 8 giờ 00 phút ngày 09 tháng 06 năm 2024
- Địa điểm nghiệm thu tại dự án Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy- Giai đoạn – 2. Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, TP Hà

Nơi nhận:

- CĐT:.....
- TVQLDA.....
- Đoàn TVTK.....
- Đoàn TVGS.....
- Lưu: công trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG


Dương Văn Minh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====o0o=====

Hà Nội: Ngày 09 tháng 06 năm 2024

BIÊN BẢN SỐ: 3. 27
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án : Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy- Giai đoạn 2;
Công trình : Xây dựng hạ tầng kỹ thuật
Hạng mục : Hệ thống: Thoát nước mưa, thoát nước thải
Địa điểm XD: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.



1. Đối tượng nghiệm thu: Hệ thống: Thoát nước mưa, thoát nước thải. Hồ ga nước mưa, nước thải. Tuyến D800, D600, D400, D300.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

2.1. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: Công ty CP tập đoàn Thăng Long Việt Nam

Ông : Dương Văn Bạo Chức vụ : Giám đốc Công ty
Ông : Nguyễn Quốc Chính Chức vụ : Phó BQLDA Thanh Thủy

2.2. ĐẠI DIỆN TV THIẾT KẾ: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Linezone Việt Nam

Ông : Trần Văn Nhật Quang Chức vụ : Giám đốc Công ty
Ông : Đỗ Ngọc Văn Chức vụ : Chủ nhiệm đồ án thiết kế

2.3. ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT: Công ty CPKH công nghệ xây dựng VINAHADA.

Ông : Dương Văn Uân Chức vụ : Tổng giám đốc
Ông : Dương Văn Đăng Chức vụ : Trưởng đoàn tư vấn giám sát

2.4. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG: Xí nghiệp xây dựng số 1.

Ông : Dương Văn Minh Chức vụ : Giám đốc xí nghiệp
Ông : Nguyễn Hồng Dương Chức vụ : Chỉ huy trưởng công trình

Thời gian tiến hành nghiệm thu tại công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy- Giai đoạn 2. Hoàn thành hạng mục hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải.

a) Bắt đầu : 8h giờ 00 phút ngày 09 tháng 06 năm 2024

b) Kết thúc : 11h giờ 00 phút ngày 09 tháng 06 năm 2024

3. Đánh giá hạng mục công việc thực hiện

3.1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- Hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt thẩm định số: 7932/SXD- QLXD ngày 04/10/2021, thiết kế

- Bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt ngày 12/02/2022 thẩm tra ngày 22/01/2022 và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận:
- Bản vẽ thiết kế thi công được chủ đầu tư phê duyệt 30/11/2023, văn bản số: 05 Công ty cổ phần HD thủ Đô thẩm tra tháng 05/2023:
- Giấy phép XD số: 33/GPXD ngày 24/07/2023 phòng quản lý Đô thị huyện Thanh Oai
- Bản vẽ: Sổ TNM. MB thoát nước mưa. (A0)
- Bản vẽ chi tiết trắc dọc tuyến thoát nước mưa số: TNM.DT – 01 đến bản vẽ TNM.DT – 14.
- Bản vẽ chi tiết thoát nước mưa số: CT.TNM – 01 đến bản vẽ CT.TNM – 33.
- Bản vẽ: sổ TNT. MB thoát nước thải. (A0)
- Bản vẽ trắc dọc tuyến cống thoát nước thải số: TNT.TD-01 đến bản vẽ TNT.TD- 13
- Bản vẽ chi tiết thoát nước thải số: CT.TNT – 01 đến bản vẽ CT.TNT – 17.
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:
- Nghị định 15/2013/ ND -CP Quản lý chất lượng công trình xây dựng
- TCVN: 4447: 2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.
- TCVN: 9113- 2012 ống BTCT thoát nước.
- TCVN: 4055- 2012 Công trình xây dựng, tổ chức thi công.
- TCVN: 5637- 1991 Quản lý chất lượng công trình xây dựng, nguyên tắc cơ bản.
- TCVN: 5308- 1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
- TCVN: 9115 – 2019. Quy định các yêu cầu đối với công tác thi công, kiểm tra và nghiệm thu kết cấu lắp ghép từ cấu kiện bê tông cốt thép.
- Hợp đồng xây dựng: Số 06A/HĐ/GKNB. Ngày 01 tháng 06 năm 2023
- Hồ sơ xuất xứ: Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất: Phiếu chứng chỉ chất lượng sản phẩm, kiểm chứng nhận xuất xưởng. Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng Trường Sơn: đặt TCVN: 10334- 2014. TCVN: 9113-2012, TCVN: 10799-2015
- Biên bản kiểm tra hồ sơ, tài liệu hoàn thành xây dựng hạng mục.
- Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào.
- Biên bản lấy mẫu hiện trường, biên bản bàn giao mẫu
- Các tài liệu thí nghiệm, quan trắc hiện trường
- Kết quả thí nghiệm, mẫu kiểm nghiệm, Thép, Bê tông, gạch xây.
- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng các phần việc theo biên bản số: 3.1 ÷ 3.26.
- Bản vẽ hoàn công: hạng mục hệ thống thoát nước mưa
- Nhật ký thi công công trình, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- Những điều kiện chuẩn bị để đưa hạng mục công trình vào sử dụng, biện pháp để bảo vệ ATLĐ, AT phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường.
- Công tác chuẩn bị để triển khai bộ phận hạng mục hệ thống cấp nước sạch.

3.2. Về tiến độ thi công hạng mục công việc:

- + Ngày bắt đầu: Ngày 02 tháng 01 năm 2024.
- + Ngày kết thúc: Ngày 06 tháng 06 năm 2024.

59
Y
N
ON
AM
TP

41

3.3. Về khối lượng: Đảm bảo đúng với hợp đồng hai bên đã ký

4. Chất lượng xây dựng hạng mục công trình :

- + Đặt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế, thiết kế sửa đổi bổ sung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm xây dựng áp dụng trong quá trình thi công và nghiệm thu
- + Đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật.

5. Các ý kiến khác: Không

6. Kết luận:

- ☒ - Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục để bàn giao đưa vào sử dụng.
☐ - Không đồng ý nghiệm thu

7. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu: ký nghiệm thu

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Báo

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Dương Văn Minh

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Nhật Quang

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Văn Vân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội: Ngày 06 tháng 06 năm 2024

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG
CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam.
- Ban QLDAĐTXD Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy- Giai đoạn-2
- TVGS: Công ty CPKH công nghệ xây dựng VINAHADA.

1. Thông tin chung:

1.1 - Tên tổ chức thi công xây dựng công trình: Xí nghiệp xây dựng số 1;

1.2 - Tên công trình: Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật;

1.3 - Tên hạng mục/ gói thầu: Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải;

1.4 - Giai đoạn nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình;

1.5 - Địa điểm xây dựng: Thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội;

1.6 - Chủ đầu tư: Công ty CP tập đoàn Thăng Long Việt Nam;

1.7 - Đơn vị quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2 (Ban QLDA Thanh Thủy);

1.8- Đơn vị tư vấn giám sát : Công ty CPKH công nghệ xây dựng VINAHADA;

2. Nội dung báo cáo:

2.1. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng:

Tuân thủ đúng quy trình quản lý chất lượng đã được chủ đầu tư phê duyệt

2.2. Các tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu giai đoạn xây lắp các hạng mục công trình và toàn bộ công trình:

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn XDVN;

- + TCVN 5637: 1991: Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản;
- + TCVN 7955:2008: Quy trình thi công và nghiệm thu;
- + TCVN 7752:2007: Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại;
- + TCVN 7751:2007: Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại;
- + TCVN 4055: 2012: Công trình xây dựng, Tổ chức thi công;
- + Nghị định 15/2013/NĐ -CP Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- + TCVN: 4447: 2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;
- + TCVN: 9113- 2012 ống BTCT thoát nước;
- + 86-04X, 86-05X : Cống hộp lắp ghép BTCT;
- + TCVN: 4058: 2011 Công tác về kết cấu gạch đá;



- + TCVN: 4055- 2012 Công trình xây dựng, tổ chức thi công;
- + TCVN: 5637- 1991 Quản lý chất lượng công trình xây dựng, nguyên tắc cơ bản;
- + TCVN: 9115 – 2019. Quy định các yêu cầu đối với công tác thi công, kiểm tra và nghiệm thu kết cấu lắp ghép từ cấu kiện bê tông cốt thép;
- + QCVN 18:2014 : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong xây dựng;
- + TCVN 5308:1991 : Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;
- + Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm có liên quan;

2.3. Về chất lượng công tác thi công các hạng mục công trình do nhà thầu thực hiện:

2.3.1. Máy móc thiết bị của nhà thầu tham gia xây dựng công trình;

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Modol	S. Lượng	Năm. SX
1	Máy đào bánh xích	KOBELCO	SK30UR-3E	1	2007
2	Máy đào bánh xích	KOBELCO	SK70SR-1ES	1	2008
3	Máy đào bánh xích	HITACHI	ZX225USR-3	1	2009
7	Ô tô tự đổ 10T	KOMATSU	D61EX-12	15	2021
8	Lu dẹt tay	MIKASA	MHR-500DSA	1	2022
9	Máy đầm tay	MIKASA	MT55H	2	2022
10	Máy cắt uốn cốt thép 5 kW	Makita	5KW-NB	4	2018
11	Máy đầm dùi 1,5 kW	Longzin	1.5KW	4	2021
12	Máy hàn 23 kW	Hoà Phát	23KW-VN	5	2020
13	Máy trộn bê tông 250 lít	Hoà Phát	250L-VN	2	2021
14	Máy trộn vữa 150 lít	Hoà Phát	150-VN	2	2021
15	Máy toàn đạc điện tử	LEICA	TCR 802	1	2021
16	Máy thủy bình	LEICA	NA2	1	2022

2.3.2. Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu;

Nhà thầu thi công theo hệ thống nội bộ được ban lãnh đạo phê duyệt, nhà thầu thường xuyên tiến hành kiểm tra chất lượng các công tác thi công và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời đối với các sai sót về kỹ thuật gây ảnh hưởng đến chất lượng, nhà thầu cũng đã chỉnh sửa ngay nên không ảnh hưởng đến tiến độ thi công chung của công trình. Nhìn chung hệ thống quản lý chất lượng hoạt động hiệu quả;

2.3.3. Tình hình vật liệu đầu vào, vật tư thiết bị lắp đặt cho công trình; (đầy đủ)

2.3.4. Nhà thầu tiến hành thi công tuân thủ theo thiết kế và những thay đổi, bổ sung đã được Chủ đầu tư phê duyệt;

2.3.5. Nhật ký công trình được tiến hành ghi từng ngày theo qui định;

2.3.6. Công tác triển khai các công việc của nhà thầu: Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng;

2.3.7. Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công: Không;

2.3.8. Công tác lập bản vẽ hoàn công;

(Chữ ký)

Đã hoàn thành 06 bộ

2.3.9. Hồ sơ quản lý chất lượng công trình:

- + Hồ sơ nhà thầu hoàn thành đầy đủ hồ sơ pháp lý, hồ sơ vật liệu đầu vào, hồ sơ nghiệm thu công việc tất cả các hạng mục công việc thực hiện;

2.4. Công tác giám sát khối lượng:

2.4.1. Khối lượng xây dựng thực hiện;

- Nhà thầu đã hoàn thành xong toàn bộ khối lượng của công trình;
- + Hoàn thành lắp đặt tuyến cống thoát nước mưa, nước thải;
- + Hoàn thành hồ ga thoát nước mưa, nước thải;
- + Hoàn thành lấp đất đầm chặt k95 hai bên, thoát nước mưa, nước thải;

2.4.2. Tình hình xác nhận khối lượng thực hiện cho nhà thầu: Đã xác nhận đầy đủ khối lượng

2.4.3. Các khối lượng phát sinh;

Đã xác nhận đầy đủ khối lượng phát sinh;

2.5. Công tác giám sát tiến độ:

2.5.1 Tiến độ theo kế hoạch phê duyệt HĐ:

- + Theo tổng tiến độ chủ đầu tư phê duyệt công trình hạ tầng kỹ thuật bắt đầu: Ngày 03/08/2023 đến ngày 04/08/2024;
- + Theo tiến độ chi tiết từng hạng mục;
- Hạng mục san nền;
- Hạng mục giao thông – Cây xanh;
- Hạng mục hào kỹ thuật;
- Hạng mục: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải bắt đầu ngày 02/01/2024 ngày kết thúc ngày 06/06/2024;

2.5.2 Tiến độ thực hiện thực tế:

- + Thời gian nhận mặt bằng: Ngày 25/12/2023;
- + Thời gian bắt đầu công việc: Ngày 02/01/2024;
- + Thời gian kết thúc công việc: Ngày 09/06/2024 (Nghiệm thu hoàn thành giai đoạn hạng mục san nền, bàn giao đưa vào sử dụng, tiếp tục thi công hạng mục tiếp theo)

2.5.3 Đánh giá tiến độ

- + Đảm bảo tiến độ đã được chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát phê duyệt;

2.5.4 Nguyên nhân chậm tiến độ:

- + Theo tiến độ yêu cầu chủ đầu tư với đơn vị nhà thầu thực tế tại dự án, nhận mặt bằng theo bàn giao của BQLDA căn cứ vào thực tế thi công các hạng mục hoàn thiện tại hiện trường;

2.6. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường:

2.6.1 Công tác an toàn lao động:

258
TƯ
IN
AN
LONG
IAM
-TP.H

1/4

Thi công đảm bảo an toàn lao động theo quy định công trình, pháp luật;

2.6.2 Công tác vệ sinh môi trường:

+ Thi công đảm bảo vệ sinh an toàn lao động;

3. Kết luận và đề nghị:

+ Đơn vị thi công đã hoàn thành công việc;

+ Đánh giá: Chất lượng công trình đảm bảo các yêu cầu của thiết kế và các chỉ tiêu kỹ thuật theo TCXD VN;

+ Đề nghị: Chủ đầu tư, TVGS nhận xét, đánh giá chất lượng, tiến độ thi công;

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Bạo

ĐẠI DIỆN TVGS



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Văn Vân

ĐẠI DIỆN BAN DỰ ÁN

Nguyễn Quốc Chính

ĐƠN VỊ THI CÔNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Hương Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

SỐ: 306/PPC/BGHMCTĐVSD/TL-BKAC
PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

HOÀN THÀNH BÀN GIAO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai
Công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2.

Địa điểm xây dựng: xã Thanh Thủy – huyện Thanh Oai – TP. Hà Nội

Kính gửi: Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam

Yêu cầu các bên tổ chức nghiệm thu:

➤ Đối tượng nghiệm thu:

Cung cấp vật tư thiết bị và thi công “Trạm xử lý nước thải 200m3/ngày đêm”

Nhà thầu thi công đã hoàn thành Cung cấp vật tư thiết bị và thi công hạng mục “Trạm xử lý nước thải 200m3/ngày đêm”. Đã tiến hành nghiệm thu nội bộ đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng theo hồ sơ thiết kế, thay đổi bổ sung theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư.

Thời gian tiến hành nghiệm thu trong khoảng:

Từ..... giờphút, Ngày 20 tháng 06 năm 2025

Đến..... giờphút, Ngày 20 tháng 06 năm 2025

Tại: Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – Giai đoạn 2

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Bạo

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Giáp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

BIÊN BẢN SỐ: 306/BGHMCTĐVSD/TL-BKAC

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH BÀN GIAO HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Dự án: Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy – giai đoạn 2, huyện Thanh Oai

Công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2

Hạng mục: Trạm xử lý nước thải 200m3/ngày đêm

Địa điểm xây dựng: xã Thanh Thủy – huyện Thanh Oai – TP. Hà Nội

1. Đối tượng đề nghị nghiệm thu:

- Hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu:h....., ngày 30 tháng 06 năm 2025

Kết thúc:h....., ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam

Ông (bà): Dương Văn Bạo

Chức vụ: Giám đốc công ty

Ông (bà): Dương Văn Minh

Chức vụ: Giám đốc XNXD số 1

Ông (bà): Nguyễn Hồng Dương

Chức vụ: CHT CT

b. Nhà thầu thi công: Công ty TNHH công nghệ xanh BKAC

Ông: Nguyễn Tiến Giáp

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Trần Văn Chính

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

4. Đánh giá quá trình thi công xây dựng:

a. Về tài liệu căn cứ để nghiệm thu:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 25/08/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 16/08/2019 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của chính phủ;

- Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng theo danh mục tiêu chuẩn được áp dụng tại dự án;



- Hợp đồng số: 11/2024/HĐXD/THANGLONG-BKAC ký ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam và Công ty TNHH công nghệ xanh BKAC;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và các hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt;

- Các chỉ dẫn kỹ thuật có liên quan;
- Biện pháp thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt;
- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng có liên quan;
- Các tài liệu quan trắc, thí nghiệm hiện trường;
- Bản vẽ hoàn công;
- Nhật ký thi công;
- Các tài liệu khác có liên quan.

b. Về chất lượng công trình xây dựng:

- Thời gian xây dựng:

+ Ngày khởi công:/...../20....

+ Ngày hoàn thành:/...../20....

- Đối chiếu với nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt: *Đảm bảo tuân thủ đúng theo nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt./.*

- Đối chiếu với chỉ dẫn kỹ thuật: *Đảm bảo tuân thủ đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt./.*

- Đối chiếu với yêu cầu khác của Hợp đồng xây dựng: *Đảm bảo tuân thủ./.*

c. Về việc thực hiện các yêu cầu của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ quan chuyên môn về xây dựng và các yêu cầu khác của pháp luật có liên quan.

Đảm bảo các yêu cầu của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ quan chuyên môn về xây dựng và các yêu cầu khác của pháp luật có liên quan./.

d. Các ý kiến khác:

- *Không ./.*

5. Kết luận:

a. Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng công trình: *Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng./.*

b. Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung: *Không./.*

c. Các ý kiến khác nếu có: *Không./.*

3325
G TỶ
HÀN
ĐOÀN
G LỢI
T NAM
MAU-TY

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Bạo

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Giáp



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

Địa chỉ: số 1 ngõ 108 phố Định Công Hạ, phường Định Công, TP Hà Nội

QUY CHẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY- GIAI ĐOẠN 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2025-CCNTT ngày 20 tháng 08 năm 2025)

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ĐẢM BẢO CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
TẠO LÊN THƯƠNG HIỆU CÁC SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG:
Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TOÀN XÃ HỘI

Hà Nội, tháng 08 năm 2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp
làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2**

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 5511/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 04/10/2019 về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy -Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

Điều 2. Quy chế bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 được ban hành để làm căn cứ cho công tác quản lý đầu tư, quản lý môi trường, khai thác và vận hành các công trình bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tại Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo công ty;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Báo

QUY CHẾ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THÙY -
GIẢI ĐOẠN 2

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2025-CCNTT ngày 20 tháng 08 năm 2025 của
Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2 (gọi tắt là “CCN”)

Quy chế bảo vệ môi trường CCN làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2 (sau đây gọi tắt là Quy chế) là căn cứ để xem xét, tiếp nhận các dự án đầu tư vào CCN làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2; quản lý môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại và các cơ sở khác trong CCN làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2 (sau đây gọi chung là các cơ sở) trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thi công xây dựng và hoạt động; quản lý, khai thác và vận hành các công trình bảo vệ môi trường của CCN làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam; các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại CCN làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2 (Sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư); nhà thầu cung cấp dịch vụ vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải (Sau đây gọi tắt là Đơn vị vận hành) – nếu có; các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Chương II
HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
CCN LÀNG NGHỀ THANH THÙY - GIAI ĐOẠN 2

Điều 3. Các công trình bảo vệ môi trường của CCN làng nghề Thanh Thù - Giai đoạn 2

1. Các công trình xử lý chất thải

Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm đã xây dựng.

2. Các công trình bảo vệ môi trường khác

a) Hệ thống thu gom và thoát nước mưa bao gồm: các tuyến cống thu gom nước mưa bố trí dọc theo các tuyến đường, hố ga, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát nước mưa;

b) Hệ thống cây xanh, cảnh quan: bao gồm cây xanh theo đường, dải cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan;

c) Kho chứa chất thải;

d) Các công trình bảo vệ môi trường khác.

3. Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam làm chủ đầu tư sở hữu đối với công trình thu gom và xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường khác của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

4. Công ty cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm quản lý, tổ chức khai thác, vận hành toàn bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

Điều 4. Yêu cầu kỹ thuật đối với các công trình bảo vệ môi trường

1. Đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2:

a) Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa;

b) Hệ thống thu gom, thoát nước thải có vị trí, cốt hố ga phù hợp để đầu nối với điểm xả nước thải của các cơ sở và bảo đảm khả năng thoát nước thải của CCN làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2. Vị trí đầu nối nước thải nằm trên tuyến cống thu gom nước thải và đặt tại phần diện tích đất hạ tầng chung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, sát với ranh giới khu đất của các cơ sở;

c) Hệ thống thu gom, thoát nước thải được định kỳ duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

2. Đối với Trạm xử lý nước thải tập trung

a) Tiếp nhận, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở trong CCN làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2.

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

b) Có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đảm bảo nguồn điện ổn định 24/24 giờ và có nguồn điện dự phòng. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, vận hành, Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có thể yêu cầu Nhà đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với một số thông số của nước thải đầu vào.

c) Có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với một số thông số của nước thải đầu ra: lưu lượng, pH, nhiệt độ, COD, TSS, amoni), đảm bảo kết nối dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

d) Điểm xả thải của Trạm xử lý nước thải tập trung ra bên ngoài được bố trí tại vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức có liên quan.

3. Hệ thống thu gom và lưu giữ chất thải rắn

a) Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy, cơ sở trong CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 được các Nhà đầu tư tự bố trí vị trí

hoặc kho lưu giữ đảm bảo phù hợp, phải được đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Chương III **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT,** **KINH DOANH, DỊCH VỤ**

Điều 5. Tiêu chí về môi trường trong thu hút, tiếp nhận dự án đầu tư vào CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2

Theo Quyết định số 5511/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 04/10/2019 về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy -Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, các ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy bao gồm:

- Sản xuất cơ kim khí;
- Chế biến nông sản, chế biến bảo quản sau thu hoạch thóc, gạo cho bà con nông dân các xã trên địa bàn huyện và các huyện lân cận của thành phố Hà Nội;
- Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

- Dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)

Việc quản lý và vận hành dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Làng nghề Thanh Thùy- Giai đoạn 2” do Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam làm chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 6. Trách nhiệm của Nhà đầu tư trong giai đoạn chuẩn bị dự án

1. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường đối với dự án thực hiện tại CCN theo quy định của pháp luật, bao gồm nhận dạng và dự báo các tác động môi trường chính của dự án, các tác động môi trường trong từng giai đoạn hoạt động của dự án và trong từng công đoạn, quy trình sản xuất (đối với dự án sản xuất), xác định phạm vi ảnh hưởng của dự án đến môi trường, nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường, đề xuất sơ bộ các biện pháp, giải pháp hạn chế các tác động xấu và phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, đề xuất các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, kết luận về các tác động môi trường sơ bộ, cam kết thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường.

2. Nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường sơ bộ của Nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam xem xét, có ý kiến đánh giá đồng thời với quá trình đánh giá nhằm thực hiện đồng bộ dự án đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường và pháp luật bảo vệ môi trường.

3. Nhà đầu tư phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhà đầu tư có trách nhiệm tham vấn ý kiến của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Nhà đầu tư trong giai đoạn thi công xây dựng

1. Trong quá trình thi công xây dựng, Nhà đầu tư và các nhà thầu thi công có trách nhiệm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng, Quy định nội bộ của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2 về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý chất thải và công trình bảo vệ môi trường của dự án, cụ thể như sau:

a) Xây dựng và vận hành các công trình xử lý chất thải (công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, tiếng ồn) và các công trình bảo vệ môi trường (công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn nguy hại và các công trình bảo vệ môi trường khác) theo quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường được phê duyệt và theo các quy định tại Quy chế này.

b) Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và trình cấp có thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam chỉ tiến hành kiểm tra công tác nghiệm thu và cho phép Nhà đầu tư nghiệm thu hoàn thành dự án đưa vào sử dụng sau khi các công trình xử lý chất thải và công trình bảo vệ môi trường được hoàn thành xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thực hiện đúng quy định của Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường được phê duyệt.

Điều 8. Trách nhiệm của Nhà đầu tư trong giai đoạn hoạt động

1. Trách nhiệm chung

a) Thực hiện các quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường được phê duyệt.

b) Vận hành thường xuyên và liên tục các công trình xử lý chất thải và công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng và nghiệm thu theo quy định.

c) Thực hiện kiểm soát môi trường và gửi báo cáo kết quả kiểm soát môi trường định kỳ cho Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam và cơ quan chức năng có liên quan.

d) Thông báo cho cơ quan chức năng và Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam ngay khi xảy ra sự cố môi trường tại cơ sở để phối hợp giải quyết.

Nếu xảy ra sự cố nghiêm trọng phải dừng ngay công đoạn sản xuất phát sinh sự cố để khắc phục hoàn toàn sự cố, không để ảnh hưởng đến CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 và các cơ sở lân cận. Trường hợp làm ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại cho CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 và các cơ sở lân cận, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định.

d) Lập báo cáo về công tác bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở của Nhà đầu tư và gửi Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm hoặc lập báo cáo đột xuất khi Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có yêu cầu.

e) Lập chương trình quản lý và giám sát môi trường, trong đó bao gồm kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

g) Chấp hành chế độ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của các Cơ quan chức năng có thẩm quyền và của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam theo kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường được phê duyệt.

h) Thực hiện các trách nhiệm khác của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm trong quản lý nước thải

a) Các cơ sở hoạt động trong Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2 phải có hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa và việc pha loãng nước thải trước điểm đầu nối với hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

b) Các cơ sở phải đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung để đưa về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 theo quy định tại Chương IV của Quy chế này, trừ trường hợp được miễn trừ đầu nối quy định tại điểm h khoản này.

c) Toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở phải được thu gom, xử lý sơ bộ đạt yêu cầu chất lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

- Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt của các cơ sở phải được cơ sở tự xử lý sơ bộ bằng công nghệ phù hợp. Cơ sở có thể xử lý riêng nước thải sinh hoạt hoặc xử lý chung cùng với nước thải sản xuất.

d) Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của Nhà đầu tư có thể xây dựng thành nhiều mô đun, nhưng mỗi cơ sở chỉ nên có 01 điểm đầu nối nước thải duy nhất vào hệ thống thu gom và thoát nước thải chung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được đưa chung vào điểm xả và đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 (sau đây gọi là điểm đầu nối).

e) Các cơ sở phải ký Hợp đồng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải (sau đây gọi là Hợp đồng dịch vụ) với Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam trước khi hoàn thành thi công xây dựng, đồng thời có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu về hệ thống thoát nước thải của cơ sở mình theo yêu cầu tại Hợp đồng dịch vụ.

g) Các cơ sở phải kê khai và thỏa thuận với Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại cơ sở, đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận của trạm xử lý nước thải tập trung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

3. Trách nhiệm trong quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Các cơ sở phải bố trí khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, và chất thải nguy hại. Toàn bộ quá trình trên phải được thực hiện bên trong hàng rào của cơ sở và không được làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

b) Các cơ sở phải thực hiện phân loại các chất thải tại nguồn, ký hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để thu gom, vận chuyển và xử lý ở bên ngoài CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2, trừ trường hợp cơ sở được tự tái chế, tự tái sử dụng chất thải rắn, chất thải nguy hại của mình trong khuôn viên cơ sở theo quy định.

d) Bùn thải sau xử lý sơ bộ nước thải và nạo vét hệ thống cống thoát nước, bể tự hoại của các cơ sở phải được thu gom, vận chuyển và xử lý hoặc tái sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trách nhiệm trong quản lý khí thải và tiếng ồn

a) Các cơ sở phát sinh khí thải, mùi phải đầu tư và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, mùi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường được phê duyệt.

b) Các cơ sở có nguồn gây tiếng ồn hoặc độ rung vượt tiêu chuẩn cho phép phải thực hiện các biện pháp cách âm, giảm tiếng ồn và độ rung ngay tại nguồn đạt quy chuẩn quy định, hạn chế lan truyền tiếng ồn, rung và gây tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Chương IV
QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA
CCN LÀNG NGHỀ THANH THÙY - GIAI ĐOẠN 2

Điều 9. Điểm đầu nối, thủ tục đầu nối nước thải từ các cơ sở vào hệ thống thu gom nước thải chung

1. Điểm đầu nối là điểm xả nước thải từ cơ sở vào hệ thống thu gom và thoát nước thải chung của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2. Vị trí điểm đầu nối được xác định tại các hố ga thu nước thải nằm trên tuyến cống thu gom nước thải của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2.

2. Hố ga thu nước thải và điểm đầu nối nước thải phải đảm bảo thuận lợi cho việc thi công đầu nối, giao thông đi lại và công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ, kiểm tra, lấy mẫu, sửa chữa và xử lý sự cố.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị thỏa thuận đầu nối và các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam theo Mẫu số 01 của Phụ lục II kèm theo Quy chế này. Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam về quy hoạch điểm đầu nối, Công ty sẽ lập Biên bản thỏa thuận đầu nối. Biên bản thỏa thuận đầu nối được lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục II kèm theo Quy chế này, trong đó thể hiện cụ thể về vị trí, tọa độ, cao độ, chiều dài, đường kính, vật liệu ống đầu nối, thời gian thực hiện, khối lượng, chất lượng nước xả thải vào điểm đầu nối.

5. Nhà đầu tư có trách nhiệm xây dựng tuyến ống thu gom nước thải từ các điểm xả trong khuôn viên cơ sở đến điểm đầu nối tại hố ga thu nước thải. Tuyến ống thu gom nước thải phải được xây dựng bằng vật liệu có độ bền cao, tránh nứt vỡ trong quá trình sử dụng gây thấm nước thải vào đất, chảy vào các nguồn tiếp nhận khác và bị nước mưa xâm nhập.

6. Trường hợp phải sử dụng mặt bằng tại khu vực đất hạ tầng chung ngoài ranh giới khu đất của cơ sở để thi công đầu nối, Nhà đầu tư không được làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng kỹ thuật chung của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2 và tài sản của đơn vị có liên quan khác, đảm bảo an toàn giao thông và mỹ quan tại vị trí đầu nối, đồng thời phải hoàn trả mặt bằng nguyên trạng cho CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2 sau khi thi công xong. Nếu Nhà đầu tư vi phạm phải bồi thường cho Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam và các đơn vị có liên quan chi phí khắc phục, sửa chữa, hoàn trả các công trình, tài sản bị thiệt hại, ảnh hưởng.

7. Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và giám sát việc thi công đầu nối nước thải của cơ sở theo đúng Biên bản thỏa thuận đầu nối đã ký kết; ký xác nhận Biên bản nghiệm thu đầu nối của cơ sở

sau khi hoàn thành việc thi công đấu nối theo Mẫu số 03 của Phụ lục II kèm theo Quy chế này; lập biên bản hành vi vi phạm của cơ sở trong quá trình đấu nối (nếu có) để báo cáo Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam xử lý theo quy định.

Điều 10. Xả nước thải tại điểm đấu nối

1. Nước thải phải được xử lý sơ bộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và được xả vào điểm đấu nối quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.

2. Khối lượng nước thải của cơ sở được xác định bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước hoặc được xác định theo đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra do cơ sở lắp đặt.

3. Trường hợp hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải đầu ra của cơ sở vượt quá giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này:

a) Trường hợp hàm lượng COD vượt quá giá trị tối đa theo quy định, các cơ sở phải trả tiền xử lý nước thải theo mức thu tiền xử lý nước thải có hệ số điều chỉnh (K) do Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam ban hành.

b) Trường hợp hàm lượng các chất ô nhiễm khác (ngoài hàm lượng COD) vượt quá giá trị tối đa theo quy định:

- Các cơ sở phải có kế hoạch khắc phục tình trạng vượt chuẩn gửi về Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam để thỏa thuận việc tiếp nhận nước thải.

- Căn cứ khả năng xử lý và điều kiện tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có thể thỏa thuận việc tiếp nhận nước thải vượt chuẩn đối với từng cơ sở tại Hợp đồng dịch vụ. Trường hợp cơ sở được chấp nhận tiếp nhận xử lý nước thải vượt chuẩn, Nhà đầu tư phải nộp thêm một khoản phụ thu theo thỏa thuận..

c) Trường hợp các cơ sở không thỏa thuận với Công ty về việc tiếp nhận xử lý nước thải vượt chuẩn hoặc trường hợp nước thải của cơ sở vượt quá điều kiện đã thỏa thuận với Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam:

- Cơ sở sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật khi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra.

d) Trường hợp Nhà đầu tư xử lý sơ bộ nước thải không đạt yêu cầu chất lượng, kể cả trường hợp có sự cố của trạm xử lý nước thải cục bộ của cơ sở (trừ trường hợp nước thải vượt chuẩn tại điểm b khoản này được Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam đồng ý tiếp nhận).

Điều 11. Xác định, thông báo thu, nộp tiền xử lý nước thải

1. Mức thu tiền xử lý nước thải được Công ty xác định và ban hành theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 32/2018/TT-BTC ngày

30/3/2018 của Bộ Tài chính. Hàng năm, trong quá trình áp dụng thực hiện, trường hợp đơn giản, định mức của Nhà nước về vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải có sự thay đổi, điều chỉnh, Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tổ chức phê duyệt, cập nhật lại mức thu tiền xử lý nước thải cho phù hợp.

2. Mức thu tiền xử lý nước thải được áp dụng chung cho mọi đối tượng, không phân biệt đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Mức thu tiền xử lý nước thải cụ thể áp dụng đối với từng cơ sở được căn cứ theo hàm lượng chất ô nhiễm COD trong nước thải được xác định tại điểm đầu nối của cơ sở.

3. Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền xử lý nước thải của các cơ sở căn cứ trên khối lượng nước thải quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này, mức thu tiền xử lý nước thải và các khoản phụ thu (nếu có).

4. Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tổ chức thu tiền xử lý nước thải của các cơ sở và phát hành hóa đơn cho các cơ sở theo quy định.

5. Các cơ sở có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền theo thông báo tiền xử lý nước thải và được giao hóa đơn theo quy định.

Điều 12. Quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam

1. Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam tổ chức quản lý, bảo vệ, khai thác, vận hành các công trình thu gom và xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường khác của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp, hỗ trợ và giám sát các cơ sở trong việc thi công đầu nối nước thải theo Biên bản thỏa thuận đầu nối đã được ký kết. Ký Biên bản nghiệm thu thi công đầu nối thoát nước thải của cơ sở.

3. Xác định khối lượng nước thải của từng cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này. Trường hợp khối lượng nước thải được xác định theo khối lượng nước sạch tiêu thụ, Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị kinh doanh nước sạch của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2 để nhận bản sao hóa đơn tiền nước phục vụ cho việc xác định khối lượng nước thải.

4. Theo dõi, giám sát hoạt động xả thải của các cơ sở vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng Hợp đồng dịch vụ đã ký kết. Định kỳ và đột xuất kiểm tra, giám sát, lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải của các cơ sở. Lập biên bản xử lý và báo cáo Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam khi phát hiện trường hợp xử lý nước thải của cơ sở không đạt yêu cầu khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

5. Xác định chi phí xử lý nước thải, ban hành Thông báo chi phí xử lý nước thải và thu tiền xử lý nước thải của các cơ sở theo quy định tại khoản 3 và khoản

5/5/2018
Y
N
N
N
P.V

4 Điều 13 Quy chế này. Định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm tổng hợp số thu tiền xử lý nước thải của các cơ sở để báo cáo Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

6. Trường hợp phát hiện cơ sở vi phạm các quy định tại Quy chế này và Hợp đồng dịch vụ:

a) Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam thông báo bằng văn bản cho cơ sở về việc vi phạm và yêu cầu cơ sở khắc phục. Nếu cơ sở không chấp hành sẽ tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính và chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định. Trong thời gian chờ kết quả xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền, Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có quyền tạm ngừng tiếp nhận nước thải của cơ sở.

b) Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam yêu cầu các cơ sở bồi thường thiệt hại trong trường hợp cơ sở vi phạm Hợp đồng dịch vụ gây thiệt hại đến tài sản được giao để quản lý, bảo vệ và khai thác, vận hành.

c) Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam có quyền đóng cửa xả nước thải nhà máy, cơ sở vào hệ thống thoát nước của CCN trong trường hợp Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng dịch vụ đã ký kết.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Quy chế này.

Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng, đầu nối, quản lý, vận hành hệ thống nước thải của cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

2. Ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam theo quy định tại Quy chế này.

3. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền xử lý nước thải và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Thông báo của Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam.

4. Thông báo kịp thời cho Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước thải tập trung của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2 và yêu cầu kịp thời khắc phục các sự cố.

5. Nhà đầu tư được bồi thường thiệt hại do Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam gây ra theo quy định của Hợp đồng dịch vụ và phải bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị chuyên môn thuộc Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam, các Nhà đầu tư, Đơn vị vận hành, các tổ chức, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam để được hướng dẫn cụ thể.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, các nội dung tại Quy chế này sẽ được tự động được dẫn chiếu đến nội dung của văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng mà không cần phải điều chỉnh lại nội dung của Quy chế này./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG
LONG VIỆT NAM**



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Bạo

PHỤ LỤC I
YÊU CẦU GIÁ TRỊ CÁC THÔNG SỐ Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI
CỦA CÁC CƠ SỞ TRƯỚC KHI ĐÁU NÓI VÀO TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP
TRUNG CỦA CCN LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GIAI ĐOẠN 2
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 68/2025-CCNTT ngày 20/08/2025 của
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C (TCCP CCN)
1	Nhiệt độ	⁰ C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Tổng crom	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng Xianua	mg/l	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng Photpho	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng coliform	MPN/100ml	5.000
31	Tổng PCB	mg/l	0,01

PHỤ LỤC II
CÁC MẪU VĂN BẢN VỀ ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ VÀO
HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 68/2025-CCNTT ngày 20/08/2025
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam)

Mẫu số 01

Văn bản đề nghị thỏa thuận đầu nối thoát nước thải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam

Tên nhà đầu tư...

Địa chỉ...

Số điện thoại:

Fax:

Mail:

Đại diện (nếu là cơ quan, tổ chức):

Chức vụ:

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và Quy chế bảo vệ môi trường CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2, chúng tôi làm đơn này đề nghị Công ty Cổ phần tập đoàn Thăng Long Việt Nam xem xét thỏa thuận để chúng tôi được đầu nối thoát nước thải của cơ sở vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2 tại vị trí: hồ ga số.... trên tuyến đường.... (có hồ sơ pháp lý, thiết kế đầu nối, các tài liệu kèm theo).

Sau khi ký thỏa thuận đầu nối, chúng tôi xin cam kết:

1. Chấp hành các quy định hiện hành về xây dựng và quản lý hoạt động thoát nước thải của CCN làng nghề Thanh Thủy - Giai đoạn 2;
2. Chịu sự giám sát thực hiện và thanh toán mọi chi phí hoàn trả mặt bằng via hè, mặt đường sau khi thi công đầu nối;
3. Nộp tiền xử lý nước thải theo đúng quy định; chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa công trình thoát nước thải đã cho phép lắp đặt, không để tắc nghẽn, làm ô nhiễm môi trường xung quanh (trước khi sửa chữa phải làm thủ tục xin phép theo quy định hiện hành);
4. Không lấn chiếm, xây dựng các công trình trên hệ thống thoát nước thải;
5. Không xả các chất thải độc hại vào hệ thống thoát nước thải;
6. Không đổ đất, đá, rác xuống hệ thống thoát nước thải; các hành vi khác làm cản trở dòng chảy, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước thải; Nếu không thực hiện đúng các nội dung trên, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Nhà đầu tư

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Biên bản thỏa thuận đầu nối thoát nước thải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC

Số...../.....

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-CCNTT ngày ... tháng ... nămcủa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường CCN làng nghề Thanh Thùy - giai đoạn 2;

Căn cứ văn bản đề nghị thỏa thuận đầu nối thoát nước thải ngày.... tháng năm....của

Căn cứ hồ sơ thiết kế đầu nối hệ thống thoát nước thải của dự án... lập ngày tháng năm ...;

Hôm nay, ngày..... tại chúng tôi gồm:

1. Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam

- Tên người đại diện:.....

- Chức vụ:..

2. Đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Tên người đại diện:.....

- Chức vụ:.....

Các bên lập biên bản thống nhất triển khai đầu nối thoát nước với các nội dung cơ bản sau:

- Vị trí, cao độ, kích thước hộp đầu nối:.....

- Chiều dài, đường kính, vật liệu ống đầu nối thoát nước (mưa nước thải):.....;

- Khối lượng nước thải (dự kiến):.....;

- Chất lượng nước thải tại điểm đầu nối (kèm theo bảng thống kê chi tiết các chỉ tiêu chất ô nhiễm trong nước thải):.....

- Thời gian tiến hành đầu nối:.....

Một số đề nghị đối với Nhà đầu tư:

1. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Ống thoát nước từ điểm đầu nối vào bên trong phần đất của cơ sở phải được kiểm tra định kỳ, chủ động nạo vét để không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước chung của CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

3. Nước thải từ các hoạt động của cơ sở xả vào hệ thống thoát nước thải phải đảm bảo theo đúng các quy định tại Quy chế bảo vệ môi trường Cụm CCN làng nghề Thanh Thùy - Giai đoạn 2.

4. Đơn vị vận hành có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả thải của các cơ sở vào hệ thống thoát nước thải do mình quản lý đảm bảo các quy chuẩn quy định.

Kết luận:

- Các bên thống nhất các nội dung trên và ký tên dưới đây.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các bên chủ động bàn bạc thống nhất phương án xử lý.

- Thỏa thuận được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau./.

Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng

Long Việt Nam

(ký, ghi rõ họ và tên)

Nhà đầu tư

(ký, ghi rõ họ và tên)

5.9
Y
NG
P. HA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THI CÔNG ĐẤU NỐI

Hôm nay, ngày, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng Long Việt Nam

- Tên người đại diện:.....

- Chức vụ:..

3. Đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Tên người đại diện:...

- Chức vụ:.....

Các bên tham dự đã tiến hành kiểm tra việc đấu nối nước thải của Nhà đầu tư/tổ chức vào hệ thống thoát nước theo thỏa thuận đấu nối số...../.....

Kết quả kiểm tra:

(i) Yêu cầu kỹ thuật đấu nối: Đạt/Không đạt

(ii) Lý do không đạt hoặc các yêu cầu khác (nếu có):

.....
.....

Kết luận: Nước thải của Nhà đầu tư thoát nước được phép/ không được phép xả vào hệ thống thoát nước thành phố.

Công ty cổ phần Tập đoàn Thăng

Long Việt Nam

(ký, ghi rõ họ và tên)

Nhà đầu tư

(ký, ghi rõ họ và tên)

CT.C.P. * h.



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN *Certificate of Accreditation*

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

Laboratory:

DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL QUALITY ANALYSIS
GREEN ENVIRONMENT CONSULTANCY AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Địa điểm PTN/ Lab location:

Ô DV-04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA

Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 1332

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



TRẦN THỊ THU HÀ

Ngày/ Date of Issue: 07/09/2023 (Annex of decision: 1792/QĐ-VPCNCL date 07/09/2023)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 17/09/2026

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 17/09/2020

Số: 1792/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm mang số hiệu: **VILAS 1332**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 17 tháng 09 năm 2026 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 5: Quyết định này thay thế Quyết định số 771.2020/QĐ-VPCNCL ngày 17 tháng 09 năm 2020 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



TRẦN THỊ THU HÀ



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 1792/QĐ-VPCNCL ngày 07 tháng 09 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng phân tích chất lượng môi trường
Laboratory: Department of environmental quality analysis
Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh
Organization: Green Environment Consultancy And Technology Company Limited
Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical
Người quản lý/ *Laboratory manager:* Lương Văn Ninh
Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Lương Văn Ninh	Các phép thử được công nhận/ <i>Accredited tests</i>
2.	Nguyễn Thị Hiền	
3.	Bùi Phương Thảo	
4.	Phạm Thu Hằng	

Số hiệu/ *Code:* VILAS 1332

Hiệu lực công nhận/ *period of validation:* 17/09/2026

Địa chỉ / *Address:* 54 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Địa điểm / *Location:* Ô DV-04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại/ *Tel:* 0246.292.7328

E-mail: Envirgreen.lab@gmail.com

Website: Envirgreen.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1332

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of Testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of permanganate index Titrimetric method</i>	0,9 mg/L	TCVN 6186:1996
2.		Xác định hàm lượng Sunfat Phương pháp so độ đục <i>Determination of sulfate content Turbidimetric Method</i>	6 mg/L	SMEWW4500- SO ₄ ²⁻ E:2023
3.		Xác định hàm lượng Bari Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Ba content Flame atomic absorption spectrometry method</i>	0,6 mg/L	HD.MTX.PT.01- 48:2023
4.		Xác định hàm lượng Antimon Phương pháp quang phổ nguyên tử - (kỹ thuật hydrua) <i>Determination of Sb content Atomic absorption Spectrometric method (hydride technique)</i>	1,5 µg/L	HD.MTX.PT.01- 49:2023
5.		Xác định hàm lượng Selen Phương pháp quang phổ nguyên tử - (kỹ thuật hydrua) <i>Determination of Selenium content Atomic absorption Spectrometric method (hydride technique)</i>	1,5 µg/L	SMEWW 3114B:2023
6.	Nước sạch Nước thải <i>Domestic water Wastewater</i>	Xác định pH Phương pháp đo nhanh bằng máy đo Lab 845 <i>Determination of pH Quick measurement method using Lab 845</i>	(2 ~12)	TCVN 6492:2011
7.		Xác định Độ đục Phương pháp đo nhanh bằng máy đo Sper Scientific model 860040 <i>Determination of Turbidity Quick measurement method using Sper Scientific model 860040</i>	(0,1 ~ 100) NTU	MTX.QTMT.N- 07:2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1332

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
8.	Nước sạch Nước thải <i>Domestic water Wastewater</i>	Xác định hàm lượng chất rắn hòa tan Phương pháp đo nhanh bằng máy đo HANNA HI 981941 <i>Determination of content of dissolved solids Quick measurement method using HANNA HI 981941</i>	(0 ~1999) mg/L	MTX.HT-N- 08:2023
9.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị Cromat (Phương pháp Mohr) <i>Determination of chloride Silver nitrate titration method with chromate indicator (Mohr's method)</i>	18 mg/L	TCVN 6194:1996
10.		Xác định hàm lượng tổng Canxi và magie Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum of calcium and magnesium EDTA titrimetric method</i>	6 mg CaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996
11.		Xác định hàm lượng chất rắn lơ lửng (TSS) Phương pháp khối lượng <i>Determination total suspended solids Gravimetric method</i>	15 mg/L	TCVN 6625:2000
12.		Xác định độ màu Phương pháp đo quang <i>Determination of Color Colormeter method</i>	15 mg Pt-Co/L	TCVN 6185:2015
13.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử <i>Determination of nitrite content Molecular absorption spectrometric method</i>	0,03 mg/L	TCVN 6178:1996
14.		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp trắc phổ dùng axitosunfosalixylic <i>Determination of nitrate content Spectrometric method using sulfosalicylic acid</i>	Nước sạch/ <i>Domestic water</i> 0,03 mg/L	TCVN 6180:1996
			Nước thải/ <i>Wastewater</i> 0,06 mg/L	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E.2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1332

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
15.	Nước sạch Nước thải <i>Domestic water Wastewater</i>	Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-Phenantrolin <i>Determination of Iron content Spectrometric method using 1,10- phenantrolin</i>	0,09 mg/L	TCVN 6177:1996
16.		Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay <i>Determination of Ammonium content Manual Spectrometric method</i>	Nước sạch/ <i>domestic water</i> 0,03 mg/L Nước thải/ <i>wastewater</i> 0,09 mg/L	TCVN 6179-1:1996
17.		Xác định hàm lượng sunfua hòa tan Phương pháp đo quang dùng xanh metylen <i>Determination of dissolved sulfide content Photometric method using methylen blue method</i>	0,15 mg/L	TCVN 6637:2000
18.		Xác định hàm lượng Florua Phương pháp SPADNS <i>Determination of Fluoride content SPADNS method</i>	0,15 mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2023
19.		Xác định hàm lượng Photphat Phương pháp trắc phổ <i>Determination of phosphate content Spectrometric method</i>	Nước sạch/ <i>Domestic water</i> 0,015 mg P/L Nước thải/ <i>wastewater</i> 0,03 mg P/L	TCVN 6202:2008
20.		Xác định hàm lượng tổng Photpho Phương pháp trắc phổ <i>Determination of total Phosphorus content Spectrometric method</i>	0,03 mg P/L	TCVN 6202:2008
21.		Xác định hàm lượng Hg Phương pháp quang phổ nguyên tử - kỹ thuật hóa hơi lạnh <i>Determination of mercury content by cold vapour atomic absorption spectrometry</i>	0,9 µg/L	SMEWW 3112B: 2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1332

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
22.	Nước sạch Nước thải <i>Domestic water Wastewater</i>	Xác định hàm lượng As Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử (kỹ thuật hydrua) <i>Determination of Arsenic content Atomic absorption Spectrometric method (hydride technique)</i>	6 µg/L	SMEWW 3114B: 2023
23.		Xác định hàm lượng Cadimi Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện <i>Determination of Cadmium content Electrothermal atomic absorption spectrometric method</i>	1,2 µg/L	SMEWW 3113B: 2023
24.		Xác định hàm lượng chì Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện <i>Determination of Lead content Electrothermal atomic absorption spectrometric method</i>	6,0 µg/L	SMEWW 3113B: 2023
25.		Xác định hàm lượng Cu Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Copper content Flame atomic absorption spectrometry method</i>	0,12 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
26.		Xác định hàm lượng kẽm Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Zinc content Flame atomic absorption spectrometry method</i>	0,09 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
27.		Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Magnesium content Flame atomic absorption spectrometry method</i>	0,06 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
28.		Xác định hàm lượng Crom Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Chromium content Flame atomic absorption spectrometry method</i>	0,12 mg/L	SMEWW 3111B: 2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1332

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
29.	Nước sạch Nước thải <i>Domestic water Wastewater</i>	Xác định hàm lượng Niken Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Nickel content Flame atomic absorption spectrometry method</i>	0,06 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
30.	Nước thải <i>Wastewater</i>	Xác định hàm lượng Oxy hòa tan Phương pháp đo nhanh sử dụng thiết bị Pro YSI 626473 <i>Determination of dissolved oxygen content Determination of Turbidity Quick measurement method using Pro YSI 626473</i>	(0~16) mg/L	TCVN 7325:2016
31.		Xác định nhu cầu ôxi sinh hoá sau 5 ngày (BOD ₅) Phương pháp cấy và pha loãng <i>Determination of biochemical oxygen demand after 5 days (BOD₅) Dilution and seeding method</i>	6 mg/L	TCVN 6001-1: 2021
32.		Xác định hàm lượng tổng Phenol Phương pháp đo quang <i>Determination of total Phenol content Photometric method</i>	0,0045 mg/L	SMEWW 5530 B & C: 2023
33.		Xác định hàm lượng chất hoạt động bề mặt Phương pháp trắc phổ <i>Determination of surface active substance content Spectrometry method</i>	0,075 mg/L	TCVN 6622-1: 2009
34.		Xác định nhu cầu ôxy hóa học Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of the chemical oxygen demand. Titrimetic method</i>	40 mg O ₂ /L	SMEWW 5220C: 2023
35.		Xác định hàm lượng Nitơ Vô cơ hóa xúc tác sau khi khử bằng hợp kim Devarda <i>Determination of total Nitrogen content Catalytic digestion after reduction with Devarda's alloy.</i>	6 mg/L	TCVN 6638:2000

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1332

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
36.	Nước thải <i>Wastewater</i>	Xác định hàm lượng Clo tự do Phương pháp so màu <i>Determination of free chlorine content Colorimetric method</i>	0,09 mg/L	TCVN 6225-2:2021
37.	Nước thải sau xử lý <i>Wastewater (after treated)</i>	Xác định hàm lượng Crom (VI) Phương pháp so màu <i>Determination of chromium (VI) content Colorimetric method</i>	0,009 mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023

Ghi chú/Note:

- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVV: Tiêu chuẩn Quốc Gia
- MTX.HT-N-08:2020: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

Số: 55 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

- Địa chỉ Văn phòng: 54 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

- Địa chỉ Phòng thí nghiệm: Ô DV – 04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0246.2927328

Email: envirgreen.lab@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 276**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 21. tháng 12... năm 2026.

4. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT(10).

Handwritten mark

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục**PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG****Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh***(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***1. Nước****1.1. Nước mặt****1.1.1. Quan trắc hiện trường**

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	TCVN 6184:2008 SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
8.	Độ trong	HDHT.MTX.02	0 ÷ 20m

HDHT.MTX: Hướng dẫn nội bộ quy trình quan trắc tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước sông, suối	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-4:2020, TCVN 6663-6:2018
2.	Mẫu nước ao, hồ	TCVN 6663-4:2020
3.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	5,0 Pt-Co

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
3.	Độ cứng	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
4.	Độ kiềm (tính theo CaCO_3)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
7.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
9.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
11.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
12.	Tổng Nitơ	SMEWW 4500.N.C:2023	0,06 mg/L
13.	Florua (F^-)	SMEWW 4500 F-B&D:2023	0,05 mg/L
14.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
15.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW4500- SO_4^{2-} .E:2023	3,0 mg/L
16.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
17.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
18.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
19.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
20.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
21.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
22.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
23.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,005 mg/L
24.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
25.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
26.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
27.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,03 mg/L
28.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
29.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2023	0,001 mg/L
30.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
31.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B: 2023	0,0002 mg/L
32.	Antimon (Sb)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Coliform	SMEWW 9221 B:2023	2 MPN/100 mL
34.	E.coli	SMEWW 9221B&F:2023	2 MPN/100 mL
35.	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo	US EPA method 3510C + US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDD</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDE</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,01 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,01 µg/L
	<i>γ-HCH</i>		0,01 µg/L
36.	Hoá chất bảo vệ thực vật photpho	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>Dichlorvos</i>		0,02 µg/L
	<i>Diazinon</i>		0,02 µg/L
	<i>Disulfoton</i>		0,02 µg/L
	<i>Chlorpyrifos</i>		0,02 µg/L
	<i>Fenthion</i>		0,02 µg/L
	<i>Parathion</i>		0,02 µg/L
	<i>Bromphos methyl</i>		0,02 µg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
	<i>Ethion</i>		0,02 µg/L
37.	PCBs	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>PCB28</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB52</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB101</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB138</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB153</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB180</i>		0,03 µg/L

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
4.	Lưu lượng	ISO 748:2007	-
5.	Vận tốc	ISO 748:2007	0,1 ÷ 6,1m/s

HDHT.MTX.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	pH	SMEWW 4500 H ⁺ .B:2023	2 ÷ 12
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	4,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
5.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
7.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,02 mg/L
9.	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
10.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
11.	Độ màu	TCVN 6185C:2015	5,0 Pt-Co
12.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,05 mg/L
13.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
14.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
15.	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
17.	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
18.	Clo dư	TCVN 6225-1:2012	0,3 mg/L
		TCVN 6225-2:2021	0,03 mg/L
19.	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW4500.CN.C&E:2023	0,0015 mg/L
20.	Tổng phenol	SMEWW 5530B&C:2023	0,006 mg/L
21.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
22.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
23.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
24.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
25.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
26.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
27.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
28.	Tổng Crom	SMEWW 3111B:2023	0,05 mg/L
29.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
30.	Crom (III)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,04 mg/L
31.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	0,0005 mg/L
32.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
34.	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo	US EPA method 3510C + US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDD</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDE</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,01 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,01 µg/L
	<i>γ-HCH</i>		0,01 µg/L
35.	Hoá chất bảo vệ thực vật photpho	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>Dichlorvos</i>		0,02 µg/L
	<i>Diazinon</i>		0,02 µg/L
	<i>Disulfoton</i>		0,02 µg/L
	<i>Chlorpyrifos</i>		0,02 µg/L
	<i>Fenthion</i>		0,02 µg/L
	<i>Parathion</i>		0,02 µg/L
	<i>Bromphos methyl</i>		0,02 µg/L
	<i>Ethion</i>		0,02 µg/L
36.	PCBs	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>PCB28</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB52</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB101</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB138</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB153</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB180</i>		0,03 µg/L

1.3. Nước dưới đất

1.3.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	ORP	SMEWW 2580B:2023	-2000 ÷ 2000mV
8.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

HDHT.MTX.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
5.	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
6.	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
7.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
9.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
11.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
12.	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023	0,06 mg/L
13.	Độ màu	TCVN 6185C:2015 (phương pháp C)	5,0 Pt-Co
14.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,06 mg/L
15.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
16.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	3,0 mg/L
17.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
18.	Chất hoạt động bề mặt anion	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
19.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
20.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
21.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
22.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
23.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
24.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
25.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
26.	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
27.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
28.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
29.	Tổng Crom (Crom)	SMEWW 3111B:2023	0,015 mg/L
30.	Selen (Se)	SMEWW 3114B:2023	0,003 mg/L
31.	Coban (Co)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
32.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	0,0002 mg/L
34.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
35.	E.coli	SMEWW 9221B&F:2023	2 MPN/100 mL
36.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L

1.4. Nước biển

1.4.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
2.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130.B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
8.	Độ trong	HDHT.MTX.02	0 ÷ 10m

HDHT.MTX: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

1.4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
3.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,02 mg/L
5.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
7.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500F.B&D:2023	0,05 mg/L
8.	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
9.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10.	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
11.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
12.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
13.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
14.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
15.	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L

1.5. Nước mưa

1.5.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HDPT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
4.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm

HDPT.MTX: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước mưa	TCVN 6663-1: 2011; TCVN 6663-3:2016, TCVN 5997:1995

1.5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
2.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
3.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
4.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
5.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,05 mg/L

2. Khí

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46: 2022/BTNMT	0,1 ÷ 60°C
2	Độ ẩm	QCVN 46: 2022/BTNMT	10 ÷ 95% RH
3	Tốc độ gió	QCVN 46: 2022/BTNMT	0,4 ÷ 40 m/s
4	Hướng gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 360°
5	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
6	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130 dB
7	Độ rung	TCVN 6963:2001	30 ÷ 130 dB

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	NO ₂	TCVN 6137:2009
2.	SO ₂	TCVN 5971:1995
3.	CO	MTX.HT.KK-05
4.	NH ₃	TCVN 5293:1995
5.	Cl ₂	MASA 202
6.	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
7.	H ₂ S	MASA 701
8.	As	NIOSH Method 7900
9.	Ni	NIOSH Method 7300
10.	Cd	NIOSH Method 7048
11.	Cr(VI)	NIOSH Method 7600
12.	Chì bụi	TCVN 5067:1995
13.	Thủy ngân (Hg)	NIOSH Method 6009
14.	Coban (Co)	OSHA Method ID 121
15.	Kẽm (Zn)	OSHA Method ID 121
16.	Đồng (Cu)	OSHA Method ID 121
17.	Metan (CH ₄)	MASA 101
18.	Formaldehyt	NIOSH Method 2541
19.	Phenol	NIOSH Method 2546
20.	Vinyl Chloride	NIOSH Method 1007

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
21.	Tổng Hydrocacbon (C_xH_y)	NIOSH Method 1500
	<i>n-heptane</i>	
	<i>n-hexane</i>	
	<i>n-octane</i>	
	<i>Cyclohexan</i>	
	<i>Methylcyclohexane</i>	
	<i>n-nonane</i>	
	<i>n-decane</i>	
	<i>n-undecane</i>	
	<i>n-decane</i>	
	<i>n-undecane</i>	
	<i>n-dedocane</i>	
22.	VOCs	NIOSH Method 1501
	<i>Benzen</i>	
	<i>Etylbenzen</i>	
	<i>Styren</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>Xylen</i>	
	<i>o_Xylen</i>	
	<i>m_Xylen</i>	
	<i>p_Xylen</i>	
23.	Tetraclötylen	NIOSH Method 1003
24.	Acetonitril	NIOSH Method 1606
25.	Benzidin	NIOSH Method 5509
26.	Naphtalen	OSHA Method 35
27.	Acetaldehyde	NIOSH Method 2538
28.	Anilin	NIOSH Method 2002
29.	Cloroform	NIOSH Method 1003
30.	Mercaptan (tính theo Methyl mercaptan)	OSHA Method 26
31.	Acrylonitril	NIOSH Method 1604
32.	Xyanua	MASA 808
33.	HF	NIOSH method 7906
34.	Acrolein	NIOSH Method 2501
35.	HBr	NIOSH Method 7907

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
36.	HNO ₃	NIOSH Method 7907
37.	HCl	NIOSH Method 7907
38.	H ₂ SO ₄	NIOSH Method 7908
39.	H ₃ PO ₄	NIOSH Method 7908
40.	HCN	NIOSH Method 6010

MTX.HT.KK-05: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu

2.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/Nm ³
2	NO ₂	TCVN 6137: 2009	5,0 µg/Nm ³
3	CO	MTX.PT.KK-05	3200 µg/Nm ³
4	SO ₂	TCVN 5971:1995	12,0 µg/Nm ³
5	H ₂ S	MASA Method 701	6,0 µg/Nm ³
6	NH ₃	TCVN 5293:1995	7,0 µg/Nm ³
7	Asen (As)	NIOSH Method 7300	0,005 µg/Nm ³
8	Niken (Ni)	NIOSH 7 Method 7300	0,05 µg/Nm ³
9	Cadmi (Cd)	NIOSH method 7048	0,01 µg/Nm ³
10	Chì (Pb)	TCVN 6152:1996	0,03 µg/Nm ³
11	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	NIOSH Method 1501	
	<i>Benzen</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Toluen</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Xylen</i>		5,0 µg/Nm ³
12	Tổng Hydrocacbon (C _x H _y)	NIOSH Method 1500	
	<i>n-heptan</i>		70,0 µg/Nm ³
	<i>n-hexan</i>		70,0 µg/Nm ³
	<i>cyclohexan</i>		70,0 µg/Nm ³

MTX.HT.KK-05: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích khí CO trong không khí

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
2	Vận tốc	US EPA Method 2	0 ÷ 70 m/s
3	Hàm ẩm	US EPA Method 4	0 ÷ 100 %
4	Nhiệt độ	US EPA Method 4	0 ÷ 1.000°C
5	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	-
6	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 2.533.387 m ³ /h
7	Áp suất	MTX.IIT.KT-05.1 & MTX.IIT.KT-05.2	850 ÷ 1.100 mBar
8	O ₂	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 25 %
9	SO ₂	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
10	NO _x (tính theo NO ₂)	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	
	NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm ³
	NO ₂		0 ÷ 940 mg/Nm ³
11	CO	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
12	CO ₂	MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 25 %

MTX.IIT.KT: Quy trình nội bộ hướng dẫn quan trắc các thông số tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5
2.	Bụi Silic	US EPA Method 5
3.	SO ₂	TCVN6750:2005 US EPA Method 8
4.	H ₂ S	JIS K 0108:2010
5.	NH ₃	JIS K 0099:2020
6.	HF	US EPA Method 26A
7.	Cl ₂	US EPA Method 26A
8.	HCl	US EPA Method 26A
9.	HBr	US EPA Method 26A

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
10.	Br ₂	US EPA Method 26A
11.	H ₂ SO ₄	US EPA Method 8
12.	Bery (Be)	US EPA Method 29
13.	Asen	US EPA Method 29
14.	Chì	US EPA Method 29
15.	Bari	US EPA Method 29
16.	Cadimi	US EPA Method 29
17.	Crom	US EPA Method 29
18.	Coban	US EPA Method 29
19.	Đồng	US EPA Method 29
20.	Mangan	US EPA Method 29
21.	Niken	US EPA Method 29
22.	Selen	US EPA Method 29
23.	Bạc	US EPA Method 29
24.	Kẽm	US EPA Method 29
25.	Thủy ngân	US EPA Method 29
26.	Tổng các kim loại nặng (Pb, Ba, Cd, Hg, Se, Ag, As, Ni, Co, Cu, Cr, Mn, Zn)	US EPA Method 29
27.	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	PD CEN/TS 13649:2014
	<i>Benzen</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>o-Xylen</i>	
28.	Tổng Hydrocacbon (C _x H _y)	PD CEN/TS 13649:2014
	<i>n-heptan</i>	
	<i>n-hexan</i>	
	<i>cylcohexan</i>	

2.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	3,0 mg/Nm ³
2	Tổng các kim loại (Pb, Ba, Cd, Hg, Se, Ag, As, Ni, Co, Cu, Cr, Mn, Zn)	US EPA Method 29	0,35 mg/Nm ³
3	Asen và hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	0,0001 mg/Nm ³
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
5	Bari và hợp chất, tính theo Ba	US EPA Method 29	0,15 mg/Nm ³
6	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	0,0005 mg/Nm ³
7	Crom và hợp chất, tính theo Cr	US EPA Method 29	0,05 mg/Nm ³
8	Coban và hợp chất, tính theo Co	US EPA Method 29	0,03 mg/Nm ³
9	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	0,054 mg/Nm ³
10	Mangan và hợp chất, tính theo Mn	US EPA Method 29	0,02 mg/Nm ³
11	Niken và hợp chất, tính theo Ni	US EPA Method 29	0,04 mg/Nm ³
12	Selen và hợp chất, tính theo Se	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³
13	Bạc và hợp chất, tính theo Ag	US EPA Method 29	0,02 mg/Nm ³
14	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	0,04 mg/Nm ³
15	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³
16	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	PD CEN/TS 13649:2014	
	<i>Benzen</i>		0,3 mg/Nm ³
	<i>Toluen</i>		0,3 mg/Nm ³
	<i>o-Xylen</i>		0,3 mg/Nm ³
17	Tổng Hydrocacbon (CxHy)	PD CEN/TS 13649:2014	
	<i>n-heptan</i>		0,2 mg/Nm ³
	<i>n-hexan</i>		0,2 mg/Nm ³
	<i>cylcohexan</i>		0,2 mg/Nm ³

3. Đất

3.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu đất	TCVN 4046:1985; TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007; TCVN 5297:1995

3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
2.	Độ ẩm	TCVN 4048:2011	1,0 %
3.	Tổng K	US EPA Method 3051A+SMEWW 3111B:2023	8,0 mg/kg
4.	Tổng Photpho	TCVN 8940:2011	1,0 mg/kg
5.	Cacbon hữu cơ	TCVN 8941:2011	0,2%
6.	Độ dẫn điện	TCVN 6650:2000	0 ÷ 100mS/cm
7.	Tổng Nitơ	TCVN 6498:1999	10,0 mg/kg
8.	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
9.	Đồng (Cu)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
10.	Chì (Pb)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
11.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
12.	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
13.	Cadmi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
14.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 3051A + TCVN 8882:2011	0,2 mg/kg
15.	Niken (Ni)	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg

4. Trầm tích

4.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu trầm tích	TCVN 6663-19:2015; TCVN 6663-15:2004

4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12
2.	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3.	Đồng (Cu)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2021 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/kg
5.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
6.	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
7.	Cadimi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
8.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/kg

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
9.	Niken (Ni)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
10.	Sắt (Fe)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg

5. Bùn

5.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu bùn	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	US EPA 9040C + US EPA 9045D	0 ÷ 14
2.	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,5 mg/Kg
3.	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7010	0,5 mg/Kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/Kg
5.	Bạc (Ag)	US EPA 3050B + US EPA Method 7000B	6,0 mg/Kg
6.	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
7.	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
8.	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	5,0 mg/Kg
9.	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	3,0 mg/Kg
10.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/Kg
11.	Selen	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,1 mg/Kg
12.	Crom	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
13.	Bari (Ba)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	9,0 mg/Kg
14.	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	2,5 mg/kg

6. Chất thải

6.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu chất thải	TCVN 9466:2021

6.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	US EPA 9040C + US EPA 9045D	0 ÷ 14
2.	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,5 mg/Kg
3.	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7010	0,5 mg/Kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/Kg
5.	Bạc (Ag)	US EPA 3050B + US EPA Method 7000B	6,0 mg/Kg
6.	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
7.	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
8.	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	5,0 mg/Kg
9.	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	3,0 mg/Kg
10.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/Kg
11.	Selen	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,1 mg/Kg
12.	Crom	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
13.	Bari (Ba)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	9,0 mg/Kg
14.	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	2,5 mg/kg

CH
TR



HORIBA

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd. 2
Miyahigashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan TEL:81-
75-313 8123
E-mail:export-hor@horiba.com
Date : June. 02, 2025

CERTIFICATE OF ORIGIN - ORIGINAL -

We hereby certify that the goods described herein are of Japanese Origin.

Invoice No. A25-00567
L/C No. Date 2025/6/02
PO No. AS-HORIBA-280325-OPSA-150
Country of Origin: JAPAN
Description: COMMODITY

PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	ITEM_NAME	P/N	S/N	Q'TY	ORIGIN
AS-HORIBA-280325-OPSA-150	000010	OPSA-150	Organic Pollutant Monitor	3100119838	UTC6N99G , WNP00Y41 , C2LYS5AS	3	Japan
TOTAL						3	



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Lợi



HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

T. Kishida

Yohei Tabushi Section

Leader

Water Instruments Sales2

Global Team Sales Department

HORIBA

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd. 2
Miyahigashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan TEL:81-
75-313 8123
E-mail:export-hor@horiba.com
Date : June. 02, 2025

CERTIFICATE OF QUALITY - ORIGINAL -

We hereby certify that the goods described herein are of Japanese Origin.

Invoice No. A25-00567
L/C No. Date 2025/6/02
PO No. AS-HORIBA-280325-OPSA-150
Country of Origin: JAPAN
Description: COMMODITY

PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	ITEM_NAME	P/N	S/N	QTY	ORIGIN
AS-HORIBA-280325-OPSA-150	000010	OPSA-150	Organic Pollutant Monitor	3100119838	UTC6N99G , WNP00Y41 , C2LYS5AS	3	Japan
TOTAL						3	

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.



Yohei Tabushi Section

Leader
Water Instruments Sales2
Global Team Sales Department

HORIBA

PACKING LIST / WEIGHT MEMO

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.
2 Miyahogashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan
TEL:81-75-321 7184 / E-mail:export-hor@horiba.com

ORIGINAL

P/L NO. A25-00567

DATE: May. 15, 2025

MESSRS

HORIBA Instruments (Singapore) Pte Ltd

CONSIGNEE

Asin Viet Nam Joint Stock Company

3 Changi Business Park Vista #01-01, Singapore
Singapore

No 123 Alley 460 Khuong Dinh rd, Ha Dinh w,
Thanh Xuan dist Hanoi Vietnam
TEL:+(84)466627333

L/C NO.

MARKS	PURCHASE ORDER NO.	DESCRIPTION	Q'TY
S NO.	PO ITEM/PARTS NO.	(DET NO.)	

ANALYZER

Asin Viet Nam Joint Stock Company
Vietnam
PL NO.A25-00567
C/NO.1

PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	P/N	S/N	Q'TY	ORIGIN
AS-HORIBA-280325-OPSA-150	000010	OPSA-150 Organic pollutant monitor	3100119838	UTC6N99G , WNP00Y41 , C2LYS5AS	3	Japan

TOTAL : 1 PALLET

*** PACKING DETAILS ***

C/NO	SIZE C/M			NW KG	GW KG	M3
	L	W	H			
1	129	65	112	77	98	0.939
TOTAL				77	98	0.939

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

T. Koide

Takuro Koide

Deputy General Manager

CP * 101

1 - A.2
HP-480

HORIBA

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.
2 Miyahigashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan
TEL:81-75-321 7184
Date : Oct. 03, 2024

CERTIFICATE OF ORIGIN

- ORIGINAL -

We hereby certify that the goods described herein are of Japanese Origin.

Invoice No.	A24-01587
L/C No.	dated 2024/10/03
PO No.	4512207699, 4512216916
Country of Origin:	Japan,
Description:	COMMODITY



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Lợi



HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

Y. Ti

Yohei Tabushi
Section Leader
Water Instruments Sales2 Global Team
Sales Department

PO NO.	ITEM NO. DESCRIPTION	ITEM NAME	P/N	S/N	LOT NO.	QTY	ORIGIN
AS-HORIBA-191124	000010 HP-480	Industrial pH meter	3100000008	TGASHKSC, AJFF4078, WDJUEL84, ROM2H0XE, YONNT6SC, NRSV718N, UMP2X3A, W4TRATPT, 4318FX53, 3FBHD021		10	Japan
AS-HORIBA-191124	000050 HD-480	Industrial Dissolved Oxygen Meter	31000000539	NS9S9SA3K, 50XVEVP, 36NENKT, A2PNT533, HJ02BCFS, NUJ48X0F, YD3CLOV, 4C87X7YP		8	Japan
AS-HORIBA-271124	000010 HE-480C	Industrial Electric conductivity meter	31000000505	94RA2KBX, PJSN800G		2	Japan
AS-HORIBA-271124	000020 ESH-001-C-S-ST	Conductivity Sensor	3200949613	A409011, A409013		2	Japan
AS-HORIBA-271124	000030 CABLE CK-10	Extension cable	3030046589	411119, 411120		2	Japan
AS-HORIBA-061224	000010 HP-480	Industrial pH meter	3100000008	NLW9NDXK, SWFE881G, 65N46KX4, UR7HSD4H, VMP50GDL, NX33L9J6, TUVNY0L1, EBN89PV4, URUEVR66, NKNHFFPX, EXXY292L, AUSN8FE, ZIN9CB66, WU1HRVM1, 2UK7BFHP, 4MOYJWAS, CRRMALJTH, RDE30HTY, UA36AXHD, MBYUUCKY'S, KKFUDDGU, FUJPPF99, HC6252GW, PGT8RY40, XTNA3MPFW		25	Japan
AS-HORIBA-061224	000020 ELECTRODE,PH.6108-50B	PH ELECTRODE	3200265000	440158, 440159, 440160, 440162, 440163, 440164, 440165, 440166, 440167, 440168, 440169, 440170, 440171, 440175, 440176, 440177, 440178, 440182, 440190, 440191, 440193, 440194, 440195, 440196, 440197			
AS-HORIBA-061224	000030 CH-101-1.0	Immersion holder	3200227385	ULV8WS83, BYM7K5GW, YZ-H1CMFX, WGA86FWU, Y833KWCG, RJTM4858, RW425FBU, T02PYNDK, E4BG4XHC, UR0EGLWJ, TORHFCBL, TS27GHY7, EFAXY6HR, JBSY76LC, NFAYRAXO, WSRNLXTY, MDTTA6ED, BT9UK8DL, S9BM6SS2, 3P8028DX, P3R9L74A, XPQR6KHH, RSL4TTTN, XKUSRTSY, SAGORXFG, M00PMPTR, HQHJUDWAO, DWXVFAV8, 3SKC2CG9, YZLOWKPC		30	Japan
AS-HORIBA-061224	000040 LK-500	KCl reference solution	3100197373			30	Japan
AS-HORIBA-061224	000050 HD-480	Industrial Dissolved Oxygen Meter	31000000539	PV82D509, T481J57H, 3SEGJ44B, WHLPML9N, IP20AKH3		5	Japan
AS-HORIBA-061224	000060 #5400	Sensor to be combined	3030046677	440018, 440019, 440020, 440022, 440023, 440026, 440027, 440028, 440029, 440030		10	Japan
AS-HORIBA-061224	000070 DP-100	Probe	3030046391	410006, 410016, 410017, 410018, 410030		5	Japan
AS-HORIBA-061224	000080 #300 KCl reference solution	KCl reference solution #300	3200043640		3A4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000090 STANDARD SOLUTION,PH-4,100-4 (500ml)	STANDARD SOLUTION,PH-4,100-4 (500ml)	3200043638		1C4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000100 STANDARD SOLUTION,PH-7,100-7 (500ml)	STANDARD SOLUTION,PH-7,100-7 (500ml)	3200043637		1D4K0006	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000110 #100-9 pH8.18 std. solution	STANDARD SOLUTION, #100-9 pH8.18 (500ml)	3200043636		1E4K0002(2sets), 1E4K0003(3sets)	5	Japan
AS-HORIBA-091224	000010 6155-100B	INDUSTRIAL PH ELECTRODE	3200686031	442015, 442017, 442018		3	Japan
AS-HORIBA-091224	000020 #300 KCl reference solution	KCl reference solution #300	3200043640		3A4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-091224	000030 RA-BC(Ceramic Beads)	RA-BC(SPARE / Ceramic Beads type)	3200507271	3LJKDR5A		1	Japan
AS-HORIBA-171224	000010 6155-60B	pH Electrode	3200859290	445045, 445049, 445050, 445053, 445054		5	Japan
TOTAL						208	

UA
T N
SI
PH
G
M

To whom it may concern;

HORIBA

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.
2 Miyahigashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan
TEL:81-75-321 7184

Date : Oct. 03, 2024

CERTIFICATE OF QUALITY

- ORIGINAL -

PO NO. 4512207699, 4512216916

L/C No. dated Oct. 03, 2024

Invoice No. A24-01587

We hereby certify that the goods described herein are in conformity
with the goods description in the contract.

Description of Goods:
COMMODITY

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.



Yohei Tabushi
Section Leader
Water Instruments Sales2 Global Team
Sales Department

PO NO.	ITEM NO. DESCRIPTION	ITEM NAME	P/N	S/N	LOT NO.	QTY	ORIGIN
AS-HORIBA-191124	000010 HP-480	Industrial pH meter	3100000008	TGASHKSC, 4JFF4076, WDJJELB4, ROM2H0XE, YONNT6SC, NRSV71BN, UMP2X3A, W4TRATPT, 4318FX53, 3FBHD021		10	Japan
AS-HORIBA-191124	000050 HD-480	Industrial Dissolved Oxygen Meter	31000000539	5PB9SA3K, SKNV8VP, 36N8NKT, A3PNT533, HJ02BCFS, NUL48K0F, Y0K3CLOV, 4C87X7YP		8	Japan
AS-HORIBA-271124	000010 HE-480C	Industrial Electric conductivity meter	31000000505	94RA2KBX, PJSN800G		2	Japan
AS-HORIBA-271124	000020 ESH-001-C-S-ST	Conductivity Sensor	3200949613	A4C9011, A4C9013		2	Japan
AS-HORIBA-271124	000030 CABLE-CK-10	Extension cable	3030046589	411119, 411120		2	Japan
AS-HORIBA-061224	000010 HP-480	Industrial pH meter	31000000008	NLW9NDXK, 5WFE981G, 68N46KXH, UR7HSD4H, VMP50GDL, NX53L9U6, TUVNYDL1, EBN89PV4, UR06VR66, NKNHRFPX, EXXV292L, AU8SN8FE, 77N9CBE6, WU1HRVM1, 2UK7BFHP, 4MGYJWAS, CRR0MJTH, R3E30HTY, UA36AXHD, MBYUCKY5, KKFUJUGU, FUFPF99, HC6252GW, PGT8RY40, XTNA3MPW		25	Japan
AS-HORIBA-061224	000020 ELECTRODE,PH,8108-50B	PH ELECTRODE	3200265000	440158, 440159, 440160, 440162, 440163, 440164, 440165, 440166, 440167, 440168, 440169, 440170, 440171, 440175, 440176, 440177, 440178, 440182, 440190, 440191, 440193, 440194, 440195, 440196, 440197		25	Japan
AS-HORIBA-061224	000030 CH-101-1.0	Immersion holder	3200227385	UUV8WS83, BYM7K5CW, Y2H1CMFX, WGA88FWJ, Y833KWCG, RJTM4858, RWH25FBU, T02PYNDK, E4BQ4XHC, UR0EGLWJ, T0RHFCBL, TS27GN7, EFAXY6HR, JBSY76LC, NFAYRAX0, WSRNLXTY, MDTTA6ED, BT9UK90L, S9BM6SS2, 3P8028DX, P3R9L74A, XPGR6KHH, RSJ4TTTN, XKUSRTSY, 5ACGRXFG, M00PMPTR, H0H0DWA0, DWXVFAY8, 35KC2CZG9, Y2L0WKPC		30	Japan
AS-HORIBA-061224	000040 LK-500	KCl reference solution	3100187373			30	Japan
AS-HORIBA-061224	000050 HD-480	Industrial Dissolved Oxygen Meter	31000000539	PVB2D509, T481J57H, 3SEGLJ4B, WHLPML9N, 1P20AXH3		5	Japan
AS-HORIBA-061224	000060 #5400	Sensor to be combined	3030046677	440018, 440019, 440020, 440022, 440023, 440026, 440027, 440028, 440029, 440030		10	Japan
AS-HORIBA-061224	000070 DP-100	Probe	3030046391	410006, 410016, 410017, 410018, 410030		5	Japan
AS-HORIBA-061224	000080 #300 KCl reference solution	KCl reference solution #300	3200043640		3A4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000090 STANDARD SOLUTION,PH-4,100-4	STANDARD SOLUTION,PH-4,100-4 (500ml)	3200043638		1C4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000100 STANDARD SOLUTION,PH-7,100-7	STANDARD SOLUTION,PH-7,100-7 (500ml)	3200043637		1D4K0006	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000110 #100-9 pH9.18 std. solution	STANDARD SOLUTION, #100-9 pH9.18 (500ml)	3200043636		1E4K0002(2sets), 1E4K0003(3sets)	5	Japan
AS-HORIBA-091224	000010 6155-100B	INDUSTRIAL PH ELECTRODE	3200686031	442015, 442017, 442018		3	Japan
AS-HORIBA-091224	000020 #300 KCl reference solution	KCl reference solution #300	3200043640		3A4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-091224	000030 RA-BC(Ceramic Beads)	RA-BC(SPAPE / Ceramic Beads type)	3200507271	3LJKDRSA		1	Japan
AS-HORIBA-171224	000010 6155-80B	pH Electrode	3200859290	445045, 445046, 445049, 445050, 445053, 445054		5	Japan
TOTAL						208	

HORIBA

PACKING LIST / WEIGHT MEMO

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

ORIGINAL

P/L NO. A24-01587

2 Miyahigashi, Kisshoin,

Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan

TEL:81-75-321 7184 / E-mail:export-hor@horiba.com

DATE: Jan. 09, 2025

MESSRS

HORIBA Instruments (Singapore) Pte Ltd

CONSIGNEE

Asin Viet Nam Joint Stock Company

3 Changi Business Park Vista #01-01, Singapore
Singapore

No 123 Alley 460 Khuong Dinh rd,
Ha Dinh w, Thanh Xuan dist,
Hanoi, Vietnam
TEL:+(84)466627333

L/C NO.

MARKS

PURCHASE ORDER NO.

DESCRIPTION

QTY

& NO.

PO ITEM/PARTS NO.

(DOT NO.)

ANALYZER & ACCESSORIES FOR ANALYZER

Asin Viet Nam Joint Stock Company

Vietnam

PL NO.A24-01587

C/NO.1

= DETAILS AS PER ATTACHED SHEET =

TOTAL: 1 PALLET

*** PACKING DETAILS ***

C/NO	SIZE C/M			NW KG	GW KG	M3
	L	W	H			
1	142	115	108	148	183	1.764
TOTAL				148	183	1.764

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

D. Sumino

Daisuke Sumino

Department Manager

PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	ITEM NAME	P/N	S/N	LOT NO.	QTY	ORGIN
AS-HORIBA-191124	000010	HP-480	Industrial pH meter	3100000008	TCASHKSC, 4JFF4076, WDJELB4, ROM2-HOXE, YONNT6SC, NRSV718N, UMP2XX3A, W4TRATPT, 4318FX53, 3FBH0021		10	Japan
AS-HORIBA-191124	000050	HD-480	Industrial Dissolved Oxygen Meter	31000000539	SPB9SA3K, SKNVE8VP, 36N6NKT, A2PNT533, HJ28CFS, NJL48K0F, Y0H3OLOV, 4C87X7YP		8	Japan
AS-HORIBA-271124	000010	HE-480C	Industrial Electric conductivity meter	31000000505	84RA2KBX, PUSNB00G		2	Japan
AS-HORIBA-271124	000020	ESH-001-C-S-ST	Conductivity Sensor	3200949613	A409011, A409013		2	Japan
AS-HORIBA-271124	000030	CABLE-CK-10	Extension cable	3030046599	411119, 411120		2	Japan
AS-HORIBA-061224	000010	HP-480	Industrial pH meter	31000000008	NLW9NDXK, 5WFE981G, 68N46CXH, UR7HSD4H, VMPS0GDL, NX33L9U6, TUVNY0L1, EBN89PV4, URJ6VR66, NKNHRRFX, EXYV292L, AU8SN8FE, 7TN9CBE6, WU1HRVM1, 2UK7BFHP, 4MGYJWAS, CRROMJTH, R3E30HTY, UA36AXHD, MBYUCKY5, KKF0UDGU, FUJPPF99, H06252GW, PGT8RY40, XTNAJMFV		25	Japan
AS-HORIBA-061224	000020	ELECTRODE,PH,8108-50B	PH ELECTRODE	3200265000	440158, 440159, 440160, 440162, 440163, 440164, 440165, 440166, 440167, 440168, 440169, 440170, 440171, 440175, 440176, 440177, 440178, 440182, 440190, 440191, 440193, 440194, 440195, 440196, 440197			
AS-HORIBA-061224	000030	QH-101-1.0	Immersion holder	3200227385	UUV8WS83, BYN7K5CW, Y2HTCMFX, WGA86FWU, Y833KWCG, RJTM4858, RWH25FBU, T02PYNDK, E4BQ4XHC, UR0EGLWJ, TORHFCLEB, TS27GHY7, EFAXY6HR, JB5YT6LC, NFAYRAXO, WSRNLXTY, MDTTAEED, BT9UK80L, S9BM6SS2, 3P8028DX, P3R8L74A, XPGR8KHH, RSJ4TTTN, XKUSRTSY, 5ACGRXFG, M00PMPTR, H0HUDWA0, DWXVFAY8, 35KC2CG8, Y2LOWKPC		30	Japan
AS-HORIBA-061224	000040	LK-500	KCl reference solution	3100197373			30	Japan
AS-HORIBA-061224	000050	HD-480	Industrial Dissolved Oxygen Meter	31000000539	PVB2D509, T461J57H, 3SEGJ44B, WHLPML9N, 1P20AKH3		5	Japan
AS-HORIBA-061224	000060	#5400	Sensor to be combined	30300046677	440018, 440019, 440020, 440022, 440023, 440026, 440027, 440028, 440029, 440030		10	Japan
AS-HORIBA-061224	000070	DP-100	Probe	30300046391	410006, 410016, 410017, 410018, 410030		5	Japan
AS-HORIBA-061224	000080	#300 :KCl reference solution	KCl reference solution #300	3200043640		3A4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000090	STANDARD SOLUTION,PH-4,100-4	STANDARD SOLUTION,PH-4,100-4 (500ml)	3200043638		1C4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000100	STANDARD SOLUTION,PH-7,100-7	STANDARD SOLUTION,PH-7,100-7 (500ml)	3200043637		1D4K0006	10	Japan
AS-HORIBA-061224	000110	#100-9 pH9.18 std. solution	STANDARD SOLUTION, #100-9 pH9.18 (500ml)	3200043636		1E4K0002(2sets), 1E4K0003(3sets)	5	Japan
AS-HORIBA-091224	000010	8155-100B	INDUSTRIAL PH ELECTRODE	3200689031	442015, 442017, 442018		3	Japan
AS-HORIBA-091224	000020	#300 :KCl reference solution	KCl reference solution #300	3200043640		3A4K0003	10	Japan
AS-HORIBA-091224	000030	RA-BC(Ceramic Beads)	RA-BC(SPARE / Ceramic Beads type)	3200507271	SLJKDRSA		1	Japan
AS-HORIBA-171224	000010	8155-60B	pH Electrode	3200859290	445045, 445049, 445050, 445053, 445054		5	Japan
TOTAL							208	

I - 19
HC-200NH

HORIBA

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd. 2
Miyahigashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan TEL:81-
75-313 8123
E-mail: export-hor@horiba.com
Date : June.02, 2025

CERTIFICATE OF ORIGIN - ORIGINAL -

We hereby certify that the goods described herein are of Japanese Origin.

Invoice No. A25-00648
L/C No. Date 2025/06/02
PO No. AS-HORIBA-310325, AS-HORIBA-250325, AS-HORIBA-
Country of Origin: JAPAN
Description: COMMODITY

150425



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Lợi

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

T. Kishida

Yohei Tabushi Section

Leader

Water Instruments Sales2

Global Team Sales Department



PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	ITEM NAME	P/N	S/N	QTY	ORIGIN
AS-HORIBA-150425	000010	WATER QUALITY CHECKER U-52 30METER, TUBE	WATER QUALITY CHECKER U-52 (30M)	3200154503	T190CWJUN	1	Japan
AS-HORIBA-250325	000010	HC-200NH	Field installation type Ammonia Nitrogen Meter	3200563891	PHU16MV1, P3350UB7, PGENW45C	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000020	LIQUID JUNCTION CAP		3200569010	PAD038V5, UNKX5AN9, UTL0MRS6	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000040	#7691	AMMONIA ELECTRODE	3200576504	WNSW9UBM, P00S4EU, L97NEVNH	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000050	#7692	POTASSIUM ELECTRODE	3200576506	UYUJF85, YFEYNVE, U685NRUL	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000060	#7211	REFERENCE ELECTRODE	3200576501	V5AUA4E8, 8L2UJAPN, UT51SVTB	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000070	MAIN BODY PH 4WIRE TRANSMITTER, IP-200	Industrial pH meter (Four-Wire Analyzer) #HP-200	3200246750	MJWAP0DN, 31THCNT2, LR3K3N41	3	Japan
AS-HORIBA-150425	000010	HP-480	Industrial pH meter #HP-480	3100000008	Y0EJUA6C, V0C2TU20, 80W8EW2W, W7PXPX6T, RABSLN46, V300RAH, UM3UBW1, 3UMXUTP1, V0K3MVJU, A43NRH85, 8T03J7C, W0JUSY94, PM9P251J, SLP0KPT, GTR680R, 9C2JLXP2, 3SYF5FJ2, 8PHTLUBG, HXR38EM7, VNX3VLX, 8S5EYTC2, BY1TX2AP, UWS87DDP, 4JCKSVRL, PHK05MMD	25	Japan
AS-HORIBA-150425	000030	ELECTRODE, PH, 6108-508	PH ELECTRODE	3200265000	513024, 513031, 513032, 513033, 513034, 513035, 513036, 513037, 513038, 513039, 513043, 513045, 513047, 513049, 513050, 513051, 513052, 513053, 513001, 513002, 513003, 513004, 513005, 513006, 513007, 513008, 513009, 513010, 513020, 513021	30	Japan
AS-HORIBA-150425	000030	CH-101-1.0	Immersion holder	3200227385	U7CCAF3T, G3V75EEF, 54WJHSV, TOR7EN76, K00LFG0P, BX83H40X, XUM000NK, BC1470F, HAZ7H6SU, H8BVJF8E, W771M784, YLUA94VG, Y04WKUCJ, 8C0VWGPV, W8710Y8A, 227PRTAL, PY08UJF5, 9K89XX6Y, WCAPTV1R, AKH43BRJ, RPOF5098, YDAGPLAD, RCTM20G, 5D50H00H, SEBY4U4X	25	Japan
AS-HORIBA-150425	000040	LK-500	KCl reference solution	3100197373		25	Japan
AS-HORIBA-150425	000050	DO INTERNAL SOLUTION, #306, U-50 SERIES	INNER SOLUTION SET	3200170938		4	Japan
AS-HORIBA-150425	000060	#6108-1008	PH ELECTRODE	3200323013	510003, 510008, 512025, 512026, 512027, 512028	6	Japan
AS-HORIBA-150425	000070	PH ELECTRODE	PH ELECTRODE	3014057312	507089, 507090	2	Japan
AS-HORIBA-150425	000080	5505	SENSOR	3200251105	503037, 503040	2	Japan
AS-HORIBA-150425	000090	CH-101-0.5	Immersion holder	3200227383	96E9F8UL, V685H8B1, X3M313Y6	3	Japan
TOTAL						141	

HORIBA

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd. 2
Miyano Higashi, Kisshoin,
Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan TEL:81-
75-313 8123
E-mail: export-hor@horiba.com
Date : June.02, 2025

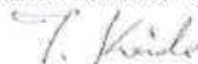
CERTIFICATE OF QUALITY - ORIGINAL -

We hereby certify that the goods described herein are of Japanese Origin.

Invoice No.	A25-00648
L/C No.	Date 2025/06/02
PO No.	AS-HORIBA-310325, AS-HORIBA-250325, AS-HORIBA-
Country of Origin:	JAPAN
Description:	COMMODITY

150425

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.



Yohei Tabushi Section

Leader
Water Instruments Sales2
Global Team Sales Department

PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	ITEM NAME	P/N	S/N	QTY	ORIGIN
AS-HORIBA-150425	000010	WATER QUALITY CHECKER, U-52, 30CM	WATER QUALITY CHECKER #U-52 (30M)	3200164503	TI90CWNJN	1	Japan
AS-HORIBA-250325	000010	HC-200NH	Field installation type Ammonia Nitrogen Meter	3200563891	PHU16WV1, P233SJBV, P2EN4Y5C	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000020	LIQUID JUNCTION CAP		3200589010	PAD03BV5, LNKX5AN9, UT1GMR5E	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000040	#7691	AMMONIA ELECTRODE	3200576504	WNSWBUBM, P0034ESU, I97NEVPH	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000050	#7692	POTASSIUM ELECTRODE	3200576506	UY1JJF85, YFEYNNVE, U68SNRUL	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000060	#7211	REFERENCE ELECTRODE	3200576501	V5ALJ4E4B, 8L2U1APN, UT51SV7B	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000070	MAIN BODY PH, WIRE TRANSMITTER, HP-200	Industrial pH meter (Four-Wire Analyzer) #HP-200	3200246750	M1WAP00N, 31THCMT2, L93H3N41	3	Japan
AS-HORIBA-150425	000010	HP-480	Industrial pH meter #HP-480	3100000008	YOEJUA6C, VCC2TU20, 80W6EN2W, W7PXF6MT, RAS5UN46, A43NRH95, SBT03J7C, WDL0SY94, PM9P251J, SILP0KPT, GTER68CR, 9C2JLX92, 35YFEF12, 8PH1LUBO, HXR38EM7, VN0XBYLX, 8SSEVTC2, BYLTK2AP, LWS87DDP, 4JGK5WRL, PHK05KWD	25	Japan
AS-HORIBA-150425	000020	ELECTRODE PH, 6108-508	PH ELECTRODE	3200265000	513024, 513031, 513032, 513033, 513034, 513035, 513036, 513037, 513038, 513039, 513043, 513045, 513047, 513049, 513050, 513051, 513052, 513053, 513001, 513002, 513003, 513004, 513005, 513006, 513007, 513008, 513009, 513010, 513020, 513021	30	Japan
AS-HORIBA-150425	000030	CH-101-1.0	Immersion holder	3200227385	U7CC4F37, G3V7E6EF, S4WJH3V, TGR7EN76, KOOLFGOP, 8X83H40X, XJW00GKN, BCT470F, HAZ7H65U, H8BVJF8E, W771M784, YLLAB4VQ, YD4WKLJC, 8C0VWGPV, W871078A, 227PRTAL, PY0BJJF5, 5K89X06Y, WC4PTV1R, AKH4S8RU, RPOIFS98, YD4OPLAD, RUCTM20C, 50SDH00H, SEBY4J4X	25	Japan
AS-HORIBA-150425	000040	LK-500	KCl reference solution	3100197373		25	Japan
AS-HORIBA-150425	000050	DO INTERNAL SOLUTION, #306, U-50 SERIES	INNER SOLUTION SET	3200170998		4	Japan
AS-HORIBA-150425	000060	#6108-100B	PH ELECTRODE	3200223013	510003, 510008, 512025, 512026, 512027, 512028	6	Japan
AS-HORIBA-150425	000070	PH ELECTRODE	PH ELECTRODE	3014057312	507089, 507090	2	Japan
AS-HORIBA-150425	000080	5505	SENSOR	3200251105	503037, 503040	2	Japan
AS-HORIBA-150425	000090	CH-101-0.5	Immersion holder	3200227383	95E9FEUL, VEB5H8B1, X3M313Y6	3	Japan
TOTAL						141	

HORIBA

PACKING LIST / WEIGHT MEMO

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

ORIGINAL

P/L NO. A25-00648

2 Miyahigashi, Kisshoin,

Minami-ku, Kyoto 601-8551, Japan

TEL:81-75-321 7184 / E-mail:export-hor@horiba.com

DATE: May. 26, 2025

MESSRS

HORIBA Instruments (Singapore) Pte Ltd

CONSIGNEE

Asin Viet Nam Joint Stock Company

3 Changi Business Park Vista #01-01, AkzoNobel
House Singapore Singapore

No 123 Alley 460 Khuong Dinh rd, Ha Dinh w,
Thanh Xuan dist Hanoi Vietnam
TEL:+(84)466627333

L/C NO

MARKS

PURCHASE ORDER NO.

DESCRIPTION

QTY

& NO.

PO ITEM/PARTS NO.

QDT NO.)

ANALYZER & ACCESSORIES FOR ANALYZER

Asin Viet Nam Joint Stock Company

Vietnam

PL NO.A25-00648

C/NO.1

= DETAILS AS PER ATTACHED SHEET =

TOTAL : 1 PALLET

141 EA

*** PACKING DETAILS ***

C/NO	SIZE C/M			NW KG	GW KG	M3
	L	W	H			
1	142	115	103	130	165	1.682
TOTAL				130	165	1.682

HORIBA Advanced Techno, Co., Ltd.

T. Koide

Takuro Koide

Deputy General Manager

PO NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	ITEM NAME	P/N	S/N	QTY	ORIGIN
AS-HORIBA-150425	000010	WATER QUALITY CHECKER U-52 (30M)	WATER QUALITY CHECKER U-52 (30M)	3200164503	T190CWJUN	1	Japan
AS-HORIBA-250325	000010	HC-200NH	Field installation type Ammonia Nitrogen Meter	3200563891	PHJ16MV1, P33SRJ8Y, PQEWAY5C	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000020	LIQUID JUNCTION CAP	AMMONIA ELECTRODE	3200589010	PADO3BV5, LKKSAN9, UTLGMR58	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000040	#7691	POTASSIUM ELECTRODE	3200576504	WNSW9JBM, P00S4ESU, LB7NEJVH	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000050	#7692	REFERENCE ELECTRODE	3200576506	UYUJUF85, YFEYNVVE, U88SNRUL	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000060	#7211	Industrial pH meter (Four-Wire Analyzer) IHP-200	3200576501	VSAU4E48, BL2UJAPN, UT5J5V7B	3	Japan
AS-HORIBA-250325	000070	MAIN BODY PH,4WIRE TRANSMITTER,HP-200	Industrial pH meter (Four-Wire Analyzer) IHP-200	3200246750	MUWAPDON, 31THONT2, LR3H3M41	3	Japan
AS-HORIBA-150425	000010	HP-480	Industrial pH meter IHP-480	3100000008	YDE4JAC, VOC2TL20, 80WNEWZ, W7PKFX6T, RAB5UN46, V300RAHH, LUMKSJ8W1, 3LMXUTP1, VGKMYVJU, A43NRHB5, SBT03J7C, WDL0SY84, PM9P2S1J, SJLP0KPT, QTER66GR, 9CZJLXP2, 35YYEFJ2, BPH1LJBG, HXR9BEM7, VNK0BYLX, 8SSEVTC2, BYLTK2AP, UWSB7DDP, 4JCKSWRL, FHK0SMWD	25	Japan
AS-HORIBA-150425	000020	ELECTRODE,PH,6108-50B	PH ELECTRODE	3200265000	513024, 513031, 513032, 513033, 513034, 513035, 513036, 513037, 513038, 513039, 513043, 513045, 513047, 513049, 513050, 513051, 513052, 513053, 513001, 513002, 513003, 513004, 513005, 513006, 513007, 513008, 513009, 513010, 513020, 513021	30	Japan
AS-HORIBA-150425	000030	CH-101-1.0	Immersion holder	3200227385	U7CC4F3T, G3V7E6EF, S4WJHSJV, TQRTEN76, KD0LFGQP, BX83H40X, XJW00GNK, BC1470FJ, HA2TH65U, H8BVJF8E, W771M784, YLLAB4VG, YD4WKUCJ, BCOVWGPV, W8710T8A, 227PRTAL, PY0BLJFS, SK89XX6Y, WC4PTV1R, AKH4SBRJ, RPOFS098, YDAGPLAD, RUCTM20G, 5D5DH00H, SEBY4J4X	25	Japan
AS-HORIBA-150425	000040	LK-500	KCl reference solution	3100197373		25	Japan
AS-HORIBA-150425	000050	DO INTERNAL SOLUTION, #306, U-50 SERIES	INNER SOLUTION SET	3200170938		4	Japan
AS-HORIBA-150425	000060	#6108-100B	PH ELECTRODE	3200323013	510003, 510008, 512035, 512026, 512027, 512028	6	Japan
AS-HORIBA-150425	000070	PH ELECTRODE	PH ELECTRODE	3014057812	507089, 507090	2	Japan
AS-HORIBA-150425	000080	5505	SENSOR	3200251105	503037, 503040	2	Japan
AS-HORIBA-150425	000090	CH-101-0.5	Immersion holder	3200227383	95E9FBUL, VEB5H8B1, X3M313Y6	3	Japan
TOTAL						141	

I-15
DN-65



Q&T Instrument Co., Ltd.

(Previous:Kaifeng Qingtianweiye Flow Instrument Co.,Ltd)

Add: No.1,Wangbai Road,Huanglong Industrial Zone,Kaifeng,Henan province,China

Tel: 0086 371 27880299| Mobile: 0086-15938564941

Email:frankma@hnqtyb.cn

Country of Origin Certificate

We certify that below items provided to ASIN VIET NAM JOINT STOCK COMPANY ,are made by us and made in Henan Province,China.

Item	Name	QTY(SET)
1	 Magnetic flowmeter DN65, SN: 23100987 GIÁM ĐỐC <i>Hai Văn Lợi</i>	



On the behalf of

Q&T Instrument Co., Ltd

青天伟业仪器设备有限公司
Q&T INSTRUMENT CO.,LTD

Date: 2024.09.18



Q&T Instrument Co., Ltd.

(Previous:Kaifeng Qingtianweiye Flow Instrument Co.,Ltd)

Add: No.1,Wangbai Road,Huanglong Industrial Zone,Kaifeng,Henan province,China

Tel: 0086 371 27880299| Mobile: 0086-15938564941

Email:frankma@hnqtyb.cn

Quality Certificate

We certify that below items provided to ASIN VIET NAM JOINT STOCK COMPANY,are made by us and quality insurance period is one year.

Item	Name	QTY(SET)
1	Magnetic flowmeter DN65, SN: 23100987	1



On the behalf of

Q&T Instrument Co., Ltd

Date: 2024.09.18

青天伟业仪器仪表有限公司

Q&T INSTRUMENT CO.,LTD



2-16-46 Minami-Kamata Ohta-ku, Tokyo 144-8551, Japan
Tel: +81-3-3737-8664 Fax: +81-3-3737-8665

J - 1.6
KRG-10

Date: Tokyo, 31 March 2025

To whom it may concern:

CERTIFICATE OF ORIGIN
(Manufacture's Certificate)

Dear Sirs,

We, TOKYO KEIKI INC., hereby certify that the below mentioned goods are of Japanese origin.



The name of commodity : Level Gauge

MODEL: KRG-10(4B Cone) 1sets

Serial Number : 105930

MODEL: KRG-10(2B Cone) 4sets

Serial Number : 105926 / 105927 / 105928 / 105929

Manufactured by : TOKYO KEIKI INC., Tokyo, Japan

Yours very truly,

TOKYO KEIKI INC.

金炳勳

Byunguk Kim

Overseas Sales Sect. Sales Dept.

Measurement Systems Company





2-16-46 Minami-Kamata Ohta-ku, Tokyo 144-8551, Japan
Tel: +81-3-3737-8664 Fax: +81-3-3737-8665

Date: Tokyo, 31 March 2025

To whom it may concern;

CERTIFICATE OF QUANTITY AND QUALITY
(Manufacture's Certificate)

We, TOKYO KEIKI INC., hereby certify that the below-specified goods of specified quantity are having quality, which was confirmed by the standard inspection prior to the shipment.

The name of commodity : Level Gauge

MODEL: KRG-10(4B Cone) 1sets

Serial Number : 105930

MODEL: KRG-10(2B Cone) 4sets

Serial Number : 105926 / 105927 / 105928 / 105929

Manufactured by : TOKYO KEIKI INC., Tokyo, Japan

Yours very truly,

TOKYO KEIKI INC.

Byunguk Kim

Overseas Sales Sect. Sales Dept.

Measurement Systems Company



I - 17
Thị ghi Nguyễn Văn Đức

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XŰƠNG / CHẤT LƯỢNG

(Quality Certificate)

Số/ No: 15052025

Date: 01/06/2025

Khách hàng/ Dự án/Customer/ Project : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

Tên sản phẩm/ Name of product: THIẾT BỊ GHI TRUYỀN DỮ LIỆU ENVILINK

MODEL: TTVN10

P/N: ENVI20250404

Số lượng/Quantity: 01 PCS

Các thông số kiểm tra Testing items	Yêu cầu Criteria	Kết quả kiểm tra Result	Kết luận Conclusion
Kiểm tra kỹ thuật			
Màn hình ở Data	4.3 inch	4.3 inch	ĐẠT
Màn hình ở Tủ Điện	7 inch	7 inch	ĐẠT
Nguồn điện	24 VDC	24 VDC	ĐẠT
Kết nối tín hiệu/Analog input	4	Hoạt động tốt	ĐẠT
Kết nối RS232	1	Hoạt động tốt	ĐẠT
Kết nối RS 485	2	Hoạt động tốt	ĐẠT
Cổng Internet RJ45	1	Hoạt động tốt	ĐẠT
Kết luận (conclusion): ĐẠT YÊU CẦU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG			

CÔNG TY CỔ PHẦN ASIN VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Lợi

I - 1.8
Tủ quan trắc

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XŨNG / CHẤT LƯỢNG

(Quality Certificate)

Số/ No: 010625-TD

Date: 01/06/2025

Khách hàng/ Dự án/Customes/ Project : CÔNG TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

Tên sản phẩm/ Name of product: TỦ QUAN TRẮC CHỨA THIẾT BỊ

Số lượng/Quatity: 01 PCS

Các thông số kiểm tra Testing items	Yêu cầu Criteria	Kết quả kiểm tra Result	Kết luận Conclusion
Kiểm tra kỹ thuật			
Kích thước tủ	1900Hx1000Wx600D	1900Hx1000Wx600D	ĐẠT
Chất liệu tủ	Tôn sơn tĩnh điện Màu RAL7035	Tôn sơn tĩnh điện Màu RAL7035	ĐẠT
Trọng lượng	85KG	85KG	ĐẠT
Kết luận (conclusion): ĐẠT YÊU CẦU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG			

CÔNG TY CỔ PHẦN ASIN VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Lợi

II - 1
Tủ phối nguồn

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG / CHẤT LƯỢNG

(Quality Certificate)

Số/ No: 010625-TPN

Date: 01/06/2025

Khách hàng/ Dự án/Customer/ Project : CÔNG TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

Tên sản phẩm/ Name of product: TỦ CHUYỂN PHỐI NGUỒN

Số lượng/Quantity: 01 PCS

Các thông số kiểm tra Testing items	Yêu cầu Criteria	Kết quả kiểm tra Result	Kết luận Conclusion
Kiểm tra kỹ thuật			
Kích thước tủ	600H*490W*200D	600H*490W*200D	ĐẠT
Chất liệu tủ	Tôn sơn tĩnh điện dày 1.5mm sơn tĩnh điện màu đen	Tôn sơn tĩnh điện dày 1.5mm sơn tĩnh điện màu đen	ĐẠT
Trọng lượng	42KG	42KG	ĐẠT
Kết luận (conclusion): ĐẠT YÊU CẦU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG			

CÔNG TY CỔ PHẦN ASIN VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Lợi

ORIGINAL

11 - 2
UPS

1. Exporter SHENZHEN FUJINDA IMPORT & EXPORT CO., LTD. O/B INVT POWER SYSTEM (SHENZHEN) CO., LTD. BUILDING A, INVT GUANGMING TECHNOLOGY BUILDING, SONGBAI ROAD, MATIAN, GUANGMING DISTRICT, SHENZHEN, CHINA 518106 TEL: 86-755-23535695		Serial No. CCPIT700 2302703081 Certificate No. 23C4403A2437/00223		
2. Consignee LOBOTECH JOINT STOCK COMPANY 3RD FLOOR, VILLA B1719 VINHOMES GARDEINA, CAU DIEN WARD, NAM TU LIEM DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM ATTN: MR. TRAN VAN THIEN TEL/FAX: 0968 293 392		 CERTIFICATE OF ORIGIN OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA		
3. Means of transport and route FROM SHENZHEN CHINA TO HAIPHONG VIETNAM BY SEA		5. For certifying authority use only CHINA COUNCIL FOR THE PROMOTION OF INTERNATIONAL TRADE IS CHINA CHAMBER OF INTERNATIONAL COMMERCE		
4. Country / region of destination HAIPHONG VIETNAM		VERIFY URL: HTTP://CHECK.CCPITECO.NET/		
6. Marks and numbers LOBOTECH TRADING VIETNAM P/NO.	7. Number and kind of packages (description of goods)  UNINTERRUPTIBLE POWER SUPPLY: UPS DOSAN ONLINE 1KVA US-1000TD 15PCS UPS DOSAN ONLINE 2KVA US-2000 15PCS UPS DOSAN ONLINE 3KVA US-3000 15PCS UPS DOSAN ONLINE 3KVA US-3000TD 30PCS UPS DOSAN ONLINE RACK MOUNT 3KVA HQ-3KRS 6PCS RACK MOUNT 10KVA HQ-10KRS 3PCS UPS DOSAN ONLINE 20KVA UL31-20K 2PCS SPARE PARTS BATTERY CABINET C8 5PCS SPARE PARTS BATTERY CABINET C12 5PCS SPARE PARTS BATTERY CABINET C16 3PCS SPARE PARTS OUTPUT FILTER BOARD 1PC SPARE PARTS INPUT SCR BOARD 1PC SPARE PARTS DC FAN 2PCS TOTAL: TWENTY-THREE(23) PACKAGES ONLY	8. H.S.Code 8504402000	9. Quantity G. WEIGHT 1495.001KGS	10. Number and date of invoices 28VN20230509 JUN.19.2023
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct, that all the goods were produced in China and that they comply with the Rules of Origin of the People's Republic of China.  SHENZHEN CHINA JUL 04, 2023		12. Certification It is hereby certified that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS: 4F, Block A, Fuhua Road, Fuhua District, Shenzhen, P.R. C. FAX: 86-755-33358500 TEL: 86-755-88100009 SHENZHEN CHINA JUL 04, 2023		

Date: June 19, 2023

CERTIFICATE OF QUALITY

Ref: Certificate of Origin No.: 23C4403A2437/00223

Date : June 19, 2023

COMPANY: INVT Power System(Shenzhen) Co.,Ltd.

Address : Building A, INVT Guangming Technology Building, Songbai Road, Matian, Guangming District, Shenzhen, China, 518106.

Hereby would like to certify that, the following products, UPS DOSAN brand, manufactured by us, have been 100% tested and accepted for safety and function in the production line:

and date of With number invoices: 28VN20230509 June 19, 2023.

ITEM	DESCRIPTION OF GOODS (Uninterruptible Power Supply)	QTY (PCS)
US-1000TD	UPS Dosan online 1kVA/0.9kW internal battery type 36VDC 12VDC*3pcs, but without battery (Tower)	15
US-2000	UPS Dosan online 2kVA/1.8kW internal battery type 72VDC 12VDC*6pcs, but without battery (Tower)	15
US-3000	UPS Dosan online 3kVA/2.7kW internal battery type 96VDC 12VDC*8pcs, but without battery (Tower)	15
US-3000TD	UPS Dosan online 3kVA/2.7kW internal battery type 96VDC 12VDC*8pcs, but without battery (Tower)	30
HQ-3KRS	UPS DOSAN Online Rack mount 3kVA/2.7kW internal battery type 96VDC, 12VDC*8pcs, but without battery	6
HQ-10KRS	Rack mount 10kVA/10kW UPS internal battery type 192VDC 12VDC*16pcs, but without battery	3
UL31-20K	UPS DOSAN Online 20KVA, 3P input/1P output, 192VDC Battery, without battery, Tower	2
C8	cabinet battery C8	5
C12	cabinet battery C12	5
C16	cabinet battery C16	3
17001-06998	Output filter board***FOC	1
17001-06996	Input SCR board***FOC	1
30001-00034	DC fan***FOC	2



TEST REPORT :

PRODUCTION MONTH	: JUNE, 2023
ICT TEST RATE	: 100%
UNIT TEST QUANTITY	: 103sets
UNIT TEST PASS QUANTITY	: 103sets
UNIT TEST FAIL QUANTITY	: 0
UNIT TEST RATE	: 100%



II - 3
T.bị đo độ ẩm, nhiệt độ

CERTIFICATE OF ORIGIN

This is to certify that the goods described below are of Chinese origin.

Customer Company Name & Address: 温州元璋电气有限公司

Product Name & Model: ETH60

HS Code:

Quantity & Unit: 10

Country of Origin: 中国

Shipping Date & Method:

Company Address: 中国 浙江省 温州市 乐清市 柳市镇 柳江路
3788 号金西工业区 7 栋 5 楼

Certified by ENMG Intelligent Technology Co., Ltd.

Date: 2025-06-04

For and on behalf of
WenZhou YuanZhang Electric Co., Ltd.
温州元璋电气有限公司

CEO: Zhu GuangChuan

Authorized Signature(s)



GIÁM ĐỐC

Mai Văn Lợi



CERTIFICATE OF QUALITY

Product Name & Model: ETH60

Inspection Item: 接触电阻 合格
 绝缘电阻 合格
 介质耐压 合格
 设定误差 合格

Standard: 基于公司内部检测

Production Date: 2025-04-23

We hereby certify that the above product has passed the inspection and meets the quality standards.

Certified by ENMG Intelligent Technology Co., Ltd.

Date: 2025-06-04

For and on behalf of
Wen Zhou Yuan Zhong Electric Co., Ltd.
温州元璋电气有限公司
CFO: Zhu Guang Chuan
.....
Authorized Signature



**BẢNG THỐNG KÊ****PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH**

(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 26.1./KD-PCCC-D2 ngày 20/12/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
01	Bình chữa cháy xách tay DRAGON bột ABC loại 4kg - Công suất chữa cháy: 2A, 55B	MFZL4	Bình	182.700	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 182.700 tem E số 500826229 đến 501008928
02	Bình chữa cháy xách tay DRAGON bột BC loại 4kg - Công suất chữa cháy: 55B	MFZ4	Bình	28.500	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 28.500 tem E số 501008929 đến 501037428
03	Bình chữa cháy xách tay DRAGON bột ABC loại 6kg - Công suất chữa cháy: 3A, 89B	MFZL6	Bình	7.500	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 7.500 tem E số 501037429 đến 501044928
04	Bình chữa cháy xách tay DRAGON bột ABC loại 8kg - Công suất chữa cháy: 4A, 144B	MFZL8	Bình	139.754	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 139.754 tem E số 501044929 đến 501184682
05	Bình chữa cháy xách tay DRAGON bột BC loại 8kg - Công suất chữa cháy: 144B	MFZ8	Bình	17.760	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 17.760 tem E số 501184683 đến 501202442
06	Bình chữa cháy xách tay DRAGON khí CO ₂ loại 3kg - Công suất chữa cháy: 34B	MT3	Bình	64.060	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 64.060 tem E số 501202443 đến 501266502
07	Bình chữa cháy xách tay DRAGON khí CO ₂ loại 5kg - Công suất chữa cháy: 55B	MT5	Bình	57.450	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 57.450 tem E số 501266503 đến 501323952
08	Bình chữa cháy tự động kích hoạt dạng treo DRAGON bột ABC loại 6kg - Diện tích bảo vệ 1m x 1m (tại chiều cao 2,5m)	XZFT6	Bình	20.500	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 20.500 tem E số 501323953 đến 501344452
09	Bình chữa cháy tự động kích hoạt dạng treo DRAGON bột ABC loại 8kg - Diện tích bảo vệ 1,2m x 1,2m (tại chiều cao 2,5m)	XZFT8	Bình	5.145	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 5.145 tem E số 501344453 đến 501349597

10	Bình chữa cháy có bánh xe DRAGON bột ABC loại 35kg - Công suất chữa cháy: 6A, 144B	MFTZL35	Bình	6.500	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 6.500 tem E số 501349598 đến 501356097
11	Bình chữa cháy có bánh xe DRAGON bột BC loại 35kg - Công suất chữa cháy: 144B	MFTZ35	Bình	2.400	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 2.400 tem E số 501356098 đến 501358497
12	Bình chữa cháy có bánh xe DRAGON khí CO ₂ loại 24kg - Công suất chữa cháy: 55B	MTT24	Bình	350	Vietlink/ Việt Nam	2023	Cấp 350 tem E số 501358498 đến 501358847

- Theo đơn đề nghị của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vietlink, địa chỉ: 1B Bắc Hải, Phường 14, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh và căn cứ biên bản kiểm định phương tiện PCCC số 0523198/BBKD ngày 19 tháng 06 năm 2023 của Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam, lô phương tiện PCCC nêu trên dùng để cung cấp ra thị trường;

- Chủ đầu tư và các đơn vị nhà thầu liên quan có trách nhiệm thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu các phương tiện PCCC nêu trên trước khi đưa vào sử dụng và phải kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật.





CÔNG TY CỔ PHẦN SX-TM-DV VIETLINK

Địa chỉ: 1B – Bắc Hải, Phường 14, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy: Đường số 11-KCN Hải Sơn, Đức Hòa, Long An, Việt Nam
Điện thoại: 0909962866 – 08.36021236
Email: Vietlink16@gmail.com Website: Vietlinkvn.com

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG CERTIFICATE OF QUALITY AND QUALITY

Số: 04 .2023/CNXX
(Bàn giao khách hàng)

Bằng giấy chứng nhận xuất xưởng này, Công ty Cổ phần sản xuất TMDV VIETLINK đảm bảo rằng các sản phẩm được đề cập dưới đây đã được kiểm tra và đảm bảo đúng chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà máy.

Kính gửi: Quý khách hàng

Nội dung chi tiết:

Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Số hiệu sản xuất	ĐVT	số lượng	Nơi sản xuất
Bình chữa cháy DRAGON loại bột ABC 4kg	MFZ1.4	Từ C3878201 đến C4078200	Bình	182.700	Công ty CP Vietlink/ Việt Nam
Bình chữa cháy DRAGON loại bột BC 4kg	MFZ4		Bình	28.500	
Bình chữa cháy DRAGON loại bột ABC 6kg	MFZ1.6		Bình	7.500	
Bình chữa cháy DRAGON loại bột ABC 8kg	MFZ1.8		Bình	139.754	
Bình chữa cháy DRAGON loại bột BC 8kg	MFZ8		Bình	17.760	
Bình chữa cháy DRAGON loại khí CO2 3kg	MT3		Bình	64.060	
Bình chữa cháy DRAGON loại khí CO2 5kg	MT5		Bình	57.450	
Bình chữa cháy tự động dạng treo DRAGON loại bột ABC 6kg	XZFT6		Bình	20.500	
Bình chữa cháy tự động dạng treo DRAGON loại bột ABC 8kg	XZFT8	Từ C5149206 đến C5949205	Bình	5.145	
Bình chữa cháy xe đẩy DRAGON loại bột ABC 35kg	MFTZ1.35		Bình	6.500	
Bình chữa cháy xe đẩy DRAGON loại bột BC 35kg	MFTZ35		Bình	2.400	
Bình chữa cháy xe đẩy DRAGON loại khí CO2 24kg	MTT24		Bình	350	

Giấy kiểm định số: 2023/KD-PCCC-D2

TP HCM, ngày 12 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT TM-DV VIETLINK



QUÝ KHÁCH VUI LÒNG QUÉT MÃ QR TRÊN SẢN PHẨM ĐỂ KIỂM TRA:
SỐ HIỆU SẢN XUẤT, NĂM SẢN XUẤT VÀ THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG

74 001-2029

1. Exporter YUN YANG FIRE SAFETY EQUIPMENT CO., LTD. NO.11-4, WANJIN ROAD, DASHE DIST., KAOHSIUNG CITY 815, TAIWAN (R.O.C.)	CERTIFICATE NO. EJ24GA00816 Page 1 of 2	
2. Importer VINH VINH HANG TRADING SERVICES CO., LTD. NO.153 NGUYEN THONG STREET, WARD 9, DISTRICT 3, HOCHIMINH CITY, VIETNAM ATTN: PHAM HUY QUOC LUAN TEL/FAX: +84-8-9.350.137 / +84.35261.883	CERTIFICATE OF ORIGIN (Issued in Taiwan) ORIGINAL	
3. Port of Loading KAOHSIUNG, TAIWAN	4. Port of Discharge HOCHIMINH (CAT LAI), VIETNAM 5. Country of Destination VIET NAM	
6. Description of Goods		7. Quantity/Unit
VINH VINH HANG CO., LTD. C/NO: 1-992 MADE IN TAIWAN 1YF0321-0002 YF-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 2 ZONE 1YF0321-0004 YF-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 4 ZONE 1YF1431-0005 YF-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 5L(WITHOUT TELEPHONE) 1YF1431-0010 YF-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 10L(WITHOUT TELEPHONE) 1YF1431-0015 YF-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 15L(WITHOUT TELEPHONE) 1YM-P01-A2 YM-P01 CONVENTIONAL MANUAL CALL POINT 58221-21 YFB-6 FIRE ALARM BELL 6" (DC 24V) 1YDS-S01-A2 YDS-S01 PHOTOELECTRIC SMOKE DETECTOR 1YF5121-0035 YF-L1 FIRE ALARM ANNUNCIATOR 35L 1YDL-S01 YDL-S01 REMOTE INDICATING LAMP		200 PCS 300 PCS 200 PCS 100 PCS 20 PCS 2,000 PCS 2,000 PCS 3,000 PCS 1 PCS 200 PCS 8,021 PCS vvvvvvvvvvvvvvvv
This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.		
Certification It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan. Kaohsiung City New Chamber of Commerce  Authorized Signature No.33, Siehe Rd., Fongshan District, Kaohsiung City, Taiwan Tel: 886-7-7424151 Fax: 886-7-7466688  Date of Certification : JAN 25 2024		



YUN YANG FIRE SAFETY EQUIPMENT CO., LTD

No. 11-4 Wanjin Road, Dashe Dist., Kaohsiung City 815, Taiwan (R.O.C.)

Tell: +886 7 3551234 Fax: +886 7 3550022

CERTIFICATE OF QUALITY & QUANTITY

REF CONTRACT NO.: TYY/VVH 2024-001

CONTRACT DATE: 2024/01/15

Customer : VINH VINH HANG TRADING SERVICES CO., LTD

Item/Description : FIRE ALARM EQUIPMENT

This is to CERTIFY that the supplies detailed hereon have been inspection and tested in accordance with the requirements indicated unless otherwise stated, confirmed in all respects to the relevant drawings and specifications. Hydrostatic test, performance examination, visual inspection, dimensional inspection and other tests were made in the presence of the inspector. All test results were found to be in compliance with the relevant requirements of the inspections and records.

NO	ITEM NO	DESCRIPTION	QUANTITY (PCS)
1	1YF0321-0002	YF-3 Fire Alarm Control Panel 2 Zone	200
2	1YF0321-0004	YF-3 Fire Alarm Control Panel 4 Zone	300
3	1YF1431-0005	YF-1 Fire Alarm Control Panel 5L (Without telephone)	200
4	1YF1431-0010	YF-1 Fire Alarm Control Panel 10L (Without telephone)	100
5	1YF1431-0015	YF-1 Fire Alarm Control Panel 15L (Without telephone)	20
6	1YM-P01-A2	YM-P01 Conventional Manual Call Point	2000
7	58221-21	YFB-6 Fire Alarm Bell 6" (DC 24V)	2000
8	1YDS-S01-A2	YDS-S01 Photoelectric Smoke Detector	3000
9	1YF5121-0035	YF-L1 Fire Alarm Annunciator 35L	1
10	1YDL-S01	YDL-S01 Remote Indicating Lamp	200

Quality Account Department



COMMODITY DESCRIPTION SUPPLEMENT	CERTIFICATE NO.	Page 2 of 2
6. Description of Goods	7. Quantity/Unit	
Contract No.: TYY/VVH 2024-001		
This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.		

74-002-2024

1. Exporter YUN YANG FIRE SAFETY EQUIPMENT CO., LTD. NO.11-4, WANJIN RD., DASHE DIST., KAOHSIUNG CITY 815, TAIWAN (R.O.C.)		CERTIFICATE NO. EJ24HA03160		Page 1 of 2
2. Importer VINH VINH HANG TRADING SERVICES CO., LTD. NO.153 NGUYEN THONG STREET, WARD 9, DISTRICT 3, HOCHIMINH CITY, VIETNAM ATTN: PHAM HUY QUOC LUAN TEL/FAX: +84-8-9.350.137 / +84.35261.883		CERTIFICATE OF ORIGIN (Issued in Taiwan) ORIGINAL		
3. Port of Loading KAOHSIUNG, TAIWAN		4. Port of Discharge HOCHIMINH(CAT LAI), VIETNAM 5. Country of Destination VIET NAM		
6. Description of Goods				7. Quantity/Unit
VINH VINH HANG CO., LTD C/NO.: 1-1980 MADE IN TAIWAN				400 PCE
IYF0321-0002 YP-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 2 ZONE				600 PCE
IYF0321-0004 YP-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 4 ZONE				20 PCE
IYF0321-0012 YP-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 12 ZONE				30 PCE
IYF0321-0016 YP-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 16 ZONE				400 PCE
IYF1431-0005 YP-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 5L (WITHOUT TELEPHONE)				100 PCE
IYF1431-0010 YP-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 10L (WITHOUT TELEPHONE)				20 PCE
IYF1431-0015 YP-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 15L (WITHOUT TELEPHONE)				20 PCE
IYF1431-0020 YP-1 FIRE ALARM CONTROL PANEL 20L (WITHOUT TELEPHONE)				3,000 PCE
IYM-P01-A2 YM-P01 CONVENTIONAL MANUAL CALL POINT				2,000 PCE
58221-21 YPB-6 FIRE ALARM BELL 6" (DC 24V)				3,000 PCE
IYDS-S01-A2 YDS-S01 PHOTOELECTRIC SMOKE DETECTOR				
This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.				
Certification It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.				
Kaohsiung City New Chamber of Commerce				
 Authorized signature				
No.33, Siehe Rd., Fongshan District, Kaohsiung City, Taiwan Tel: 886-7-7424151 Fax: 886-7-7466688				
Date of Certification: APR 17 2024				



COMMODITY DESCRIPTION SUPPLEMENT	CERTIFICATE NO. EJ24HA03160 Page 2 of 2	
6. Description of Goods	7. Quantity/Unit	
1YP0321-0008 YP-3 FIRE ALARM CONTROL PANEL 8 ZONE Contract No.: TYY/VWH 2024-002		200 PCB <u>9,790 PCB</u> xxxxxxxxxxxxxx
This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.		



510 臺南市新都市發展局



YUN YANG FIRE SAFETY EQUIPMENT CO., LTD

No. 11-4 Wanjin Road, Dashe Dist., Kaohsiung City 815, Taiwan (R.O.C.)

Tell: +886 7 3551234 Fax: +886 7 3550022

CERTIFICATE OF QUALITY & QUANTITY

REF CONTRACT NO.: TYY/VVH 2024-002

CONTRACT DATE: 2024/04/08

Customer : VINH VINH HANG TRADING SERVICES CO., LTD

Item/Description : FIRE ALARM EQUIPMENT

This is to CERTIFY that the supplies detailed hereon have been inspection and tested in accordance with the requirements indicated unless otherwise stated, confirmed in all respects to the relevant drawings and specifications. Hydrostatic test, performance examination, visual inspection, dimensional inspection and other tests were made in the presence of the inspector. All test results were found to be in compliance with the relevant requirements of the inspections and records.

NO	ITEM NO	DESCRIPTION	QUANTITY (PCS)
1	1YF0321-0002	YF-3 Fire Alarm Control Panel 2 Zone	400
2	1YF0321-0004	YF-3 Fire Alarm Control Panel 4 Zone	600
3	1YF0321-0012	YF-3 Fire Alarm Control Panel 12 Zone	20
4	1YF0321-0016	YF-3 Fire Alarm Control Panel 16 Zone	30
5	1YF1431-0005	YF-1 Fire Alarm Control Panel 5L (Without telephone)	400
6	1YF1431-0010	YF-1 Fire Alarm Control Panel 10L (Without telephone)	100
7	1YF1431-0015	YF-1 Fire Alarm Control Panel 15L (Without telephone)	20
8	1YF1431-0020	YF-1 Fire Alarm Control Panel 20L (Without telephone)	20
9	1YM-P01-A2	YM-P01 Conventional Manual Call Point	3000
10	58221-21	YFB-6 Fire Alarm Bell 6" (DC 24V)	2000
11	1YDS-S01-A2	YDS-S01 Photoelectric Smoke Detector	3000
12	1YF0321-0008	YF-3 Fire Alarm Control Panel 8 Zone	200

Quality Account Department



COMMODITY DESCRIPTION
SUPPLEMENT

CERTIFICATE NO.

EC24BA03572

Page 2 of 2

6. Description of Goods

7. Quantity/Unit

ADDRESSABLE FIRE ALARM SYSTEMS
QA16 ADDRESSABLE FIRE ALARM CONTROL PANEL 2 LOOP 20PCS
QA16 ADDRESSABLE FIRE ALARM CONTROL PANEL 1 LOOP 20PCS
QA01 ADDRESSABLE PHOTOELECTRIC SMOKE DETECTOR 2000PCS
QA06 ADDRESSABLE HEAT DETECTOR 500PCS
QA17-B CONTROL MODULE 1000PCS
QA17-K MONITOR MODULE 200PCS
QA17-H ISOLATOR MODULE 200PCS

20 SYS

ADDRESSABLE FIRE ALARM SYSTEMS
QA16 ADDRESSABLE FIRE ALARM CONTROL PANEL 4 LOOP 10PCS
QA16 ADDRESSABLE FIRE ALARM CONTROL PANEL 6 LOOP 5PCS
QA16 ADDRESSABLE FIRE ALARM CONTROL PANEL 8 LOOP 5PCS
QA01 ADDRESSABLE PHOTOELECTRIC SMOKE DETECTOR 2000PCS
QA06 ADDRESSABLE HEAT DETECTOR 500PCS
QA17-B CONTROL MODULE 1000PCS
QA17-K MONITOR MODULE 200PCS
QA17-H ISOLATOR MODULE 200PCS

10 SYS

170 SYS

vvvvvvvvvvvvvvvvvv

SAY TOTAL NINE HUNDRED THIRTEEN (913) CINS ONLY.

* DT: (+84.35262.544) (+84.39350.137) (+84.39315.329)
MOBIL: +84.909631.360
FAX: +84.35261.883 ATTN: MS. VINH HANG
EMAIL ADDRESS: VINHVINHHANG@YAHOO.COM
TAX ID: 0303427986

070

QUALITY & QUANTITY CERTIFICATE

TO: VINH VINH HANG TRADING & SERVICE CO.,LTD

153 Nguyen Thong Street - Ward 9 - District 3 -

Ho Chi Minh City - Viet Nam

ĐT: (+84.35262.544) (+84.39350.137) (+84.39315.329)

Mobil: +84.909631.360

Fax: +84.35261.883

Attn: Ms. Vinh Hang

To Whom it May Concern

We hereby certified that the under mentioned commodities were produced according to manufacture standard specifications and passed manufacture quality check.

Item	Description	Unit	Quantity
No.			
1	Fire Alarm Systems	100sys	100
1.1	AH-00212 Fire Alarm Control Panel 10 zone	pc	100
1.2	AH-00212 Fire Alarm Control Panel 8 zone	pc	100
1.3	AH-00212 Fire Alarm Control Panel 6 zone	pc	20
1.4	AH-00212 Fire Alarm Control Panel 1 zone	pc	30
1.5	8011-2 Photoelectric Smoke Detector 2 Wire	pc	11500
1.6	AHR-871 Mechanical Rate of Rise Detector 2 Wire	pc	12000
1.7	AH-9717 Manual Call Point Without Base	pc	3000
1.8	AH-9719-S Fire Indicating Lamp Led (flash version)	pc	4000
2	Fire Alarm Systems	20sys	20
2.1	AHC-871 Fire Alarm Control Panel 20 zone	pc	20
2.2	AHC-871 Fire Alarm Control Panel 15 zone	pc	20
2.3	AH-0311-2 Multi-Purpose Smoke Detector 2 Wire	pc	3500
2.4	AH-0140 Fixed Temperature Heat Detector(Water-proof)	pc	1000
2.5	AH-9719 Fire Indicating Lamp Led	pc	2000
2.6	AH-9717 Manual Call Point Without Base	pc	1200
3	Fire Alarm Systems	10sys	10

HORING LIH INDUSTRIAL CO., LTD.

3.1	AHC-871 Fire Alarm Control Panel 40 zone	pc	10
3.2	AHC-871 Fire Alarm Control Panel 30 zone	pc	10
3.3	AHC-871 Fire Alarm Control Panel 25 zone	pc	10
3.4	AHC-871 Fire Alarm Control Panel 50 zone	pc	5
3.5	EDB01 Reflective Beam Smoke Detector	pc	300
3.6	AH-9717 Manual Call Point Without Base	pc	600
4	Fire Alarm Systems	10sys	10
4.1	QSP-120 Multi-Hazard Suppression Control Panel 2 loop	pc	10
4.2	QSP-120 Multi-Hazard Suppression Control Panel 3 loop	pc	5
4.3	QSP-32 Manual Pull Station for QSP-120	pc	30
4.4	AH-03233 Releasing Indicator	pc	50
4.5	AH-03232 Manual Pull Station for AH-02120	pc	50
4.6	AH-0311-2 Multi-Purpose Smoke Detector 2 Wire	pc	200
5	Addressable Fire Alarm Systems	20sys	20
5.1	QA16 Addressable Fire Alarm Control Panel 2 Loop	pc	20
5.2	QA16 Addressable Fire Alarm Control Panel 1 Loop	pc	20
5.3	QA01 Addressable Photoelectric Smoke Detector	pc	2000
5.4	QA06 Addressable Heat Detector	pc	500
5.5	QA17-B Control Module	pc	1000
5.6	QA17-K Monitor Module	pc	200
5.7	QA17-H Isolator Module	pc	200
6	Addressable Fire Alarm Systems	10sys	10
6.1	QA16 Addressable Fire Alarm Control Panel 4 Loop	pc	10
6.2	QA16 Addressable Fire Alarm Control Panel 6 Loop	pc	5
6.3	QA16 Addressable Fire Alarm Control Panel 8 Loop	pc	5
6.4	QA01 Addressable Photoelectric Smoke Detector	pc	2000
6.5	QA06 Addressable Heat Detector	pc	500
6.6	QA17-B Control Module	pc	1000
6.7	QA17-K Monitor Module	pc	200
6.8	QA17-H Isolator Module	pc	200

P/I NO: VIN 130510-3 DATED: 05-JUN-24

INV NO: VIN 130628



HORING LIH INDUSTRIAL CO., LTD

[Handwritten Signature]
Authorized Signature

4F, NO. 18, LANE 327, SEC.2, CHUNG SHAN ROAD, ZHONGHE DIST. (235) NEW TAIPEI CITY, TAIWAN
www.horinglih.com TEL : +886 2 22487599 FAX : +886 2 22407752 E-mail : export@horinglih.com

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 314...../KĐ-PCCC-D2

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng về việc cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại văn bản 01-2024/KĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện/lô phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH – CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/lô phương tiện: phòng cháy, chữa cháy ghi tại trang 02 đến 04 của: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng, địa chỉ: 153 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng;
- C07 – Bộ Công an;
- PC07 - CA các địa phương;
- Lưu: VT, D2, (NMV, 4b)

TRƯỞNG PHÒNG



Dại tá Huỳnh Quang Tâm

**BẢNG THỐNG KÊ****PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH**

(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 3.4./KD-PCCC-D2 ngày 17/4/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
01	Tủ trung tâm báo cháy 40 kênh	AHC-871	Tủ	10	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 502262454 đến 502262463
02	Tủ trung tâm báo cháy 30 kênh	AHC-871	Tủ	10	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 502262464 đến 502262473
03	Tủ trung tâm báo cháy 25 kênh	AHC-871	Tủ	10	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 502262474 đến 502262483
04	Tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	AHC-871	Tủ	40	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 40 tem C số 502262484 đến 502262523
05	Tủ trung tâm báo cháy 15 kênh	AHC-871	Tủ	40	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 40 tem C số 502262524 đến 502262563
06	Tủ trung tâm báo cháy 4 kênh	AH-00212	Tủ	350	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 350 tem C số 502262564 đến 502262913
07	Tủ trung tâm báo cháy 5 kênh	AH-00212	Tủ	350	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 350 tem C số 502262914 đến 502263263
08	Tủ trung tâm báo cháy 6 kênh	AH-00212	Tủ	40	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 40 tem C số 502263264 đến 502263303
09	Tủ trung tâm báo cháy 8 kênh	AH-00212	Tủ	150	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 150 tem C số 502263304 đến 502263453
10	Tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	AH-00212	Tủ	50	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 50 tem C số 502263454 đến 502263503
11	Đầu báo cháy khói loại thường	8011-2	Cái	31.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 31.000 tem C số 502263504 đến 502294503
12	Đầu báo cháy khói loại thường	AH-0311-2	Cái	11.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 11.000 tem C số 502294504 đến 502305503

13	Dầu báo cháy khói loại thường	Q01-2	Cái	1.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 1.000 tem C số 502305504 đến 502306503
14	Nút ấn báo cháy	AH-9717	Cái	6.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 6.000 tem C số 502306504 đến 502312503
15	Nút ấn báo cháy	AH-0217	Cái	2.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 2.000 tem C số 502312504 đến 502314503
16	Chuông báo cháy	NQ418	Cái	5.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 5.000 tem C số 502314504 đến 502319503
17	Chuông báo cháy	NQ618	Cái	6.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 6.000 tem C số 502319504 đến 502325503
18	Đèn báo cháy	AH-9719-S	Cái	1.400	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 1.400 tem C số 502325504 đến 502326903
19	Còi đèn báo cháy kết hợp	AH-03127-BS	Cái	2.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 2.000 tem C số 502326904 đến 502328903
20	Tủ trung tâm báo cháy và điều khiển xả khí 3 kênh, 1 kênh điều khiển xả khí	AH-02120	Tủ	100	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 502328904 đến 502329003
21	Nút ấn kích hoạt xả chất chữa cháy	AH-03232	Cái	100	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 502329004 đến 502330503
22	Tủ trung tâm báo cháy 1 loop, 250 địa chỉ/loop	QA16	Tủ	30	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 30 tem C số 502330504 đến 502329103
23	Tủ trung tâm báo cháy 2 loop, 250 địa chỉ/loop	QA16	Tủ	20	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 502329104 đến 502329103
24	Tủ trung tâm báo cháy 4 loop, 250 địa chỉ/loop	QA16	Tủ	10	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 502329104 đến 502329103
25	Dầu báo cháy khói loại địa chỉ	QA01	Cái	3.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 3.000 tem C số 502329104 đến 502332103
26	Dầu báo cháy nhiệt loại địa chỉ	QA06	Cái	1.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 1.000 tem C số 502332104 đến 502333103

27	Tủ trung tâm báo cháy 2 kênh	YF-3	Tủ	100	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 502333164 đến 502333263
28	Tủ trung tâm báo cháy 5 kênh	YF-1	Tủ	200	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 200 tem C số 502333264 đến 502333463
29	Tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	YF-1	Tủ	100	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 502333464 đến 502333563
30	Tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	YF-1	Tủ	10	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 502333564 đến 502333573
31	Tủ trung tâm báo cháy 30 kênh	YF-1	Tủ	10	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 502333574 đến 502333583
32	Đầu báo cháy khói loại thường	YDS-S01	Cái	7.000	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 7.000 tem C số 502333584 đến 502340583
33	Chuông báo cháy	YFB-6	Cái	2.000	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 2.000 tem C số 502340584 đến 502342583
34	Nút ấn báo cháy	YM-P01	Cái	4.000	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 4.000 tem C số 502342584 đến 502346583
35	Tủ trung tâm báo cháy 4 kênh	YF-3	Tủ	500	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 500 tem C số 502346584 đến 502347083
36	Tủ trung tâm báo cháy 8 kênh	YF-3	Tủ	400	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 400 tem C số 502347084 đến 502347483
37	Tủ trung tâm báo cháy 12 kênh	YF-3	Tủ	20	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 502347484 đến 502347503
38	Tủ trung tâm báo cháy 15 kênh	YF-1	Tủ	20	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 502347504 đến 502347523

- Theo đơn đề nghị của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vinh Hằng, địa chỉ: 153 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ biên bản kiểm định phương tiện PCCC số 1223663/33BKĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam, lô phương tiện PCCC nêu trên dùng để cung cấp ra thị trường;

- Chủ đầu tư và các đơn vị nhà thầu liên quan có trách nhiệm thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu các phương tiện PCCC nêu trên trước khi đưa vào sử dụng và phải kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật.

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14.69.../KĐ-PCCC-P7

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng
về việc cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại
văn bản số: 05-2022/KĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện/
lô phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 30 tháng 3 năm 2023 của
Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam, địa chỉ: 24/7 Hoàng Dư Khương,
phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/lô phương tiện: Phòng cháy, chữa cháy ghi tại trang 2-3
của: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng, địa chỉ: 153 Nguyễn
Thông, phường 9, quận 3, TP. HCM

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy. *Cg*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TMDV Vĩnh Vĩnh Hằng;
- Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam;
- Phòng CS PCCC và CNCH - CA các địa phương;
- Lưu: VT, P7.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Đại tá Bùi Quang Việt

BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 14.69./KD-PCCC-P7 ngày 14/11/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH)

TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
1.	Trung tâm báo cháy 30 kênh	AHC-871	Cái	20	Horing Lih/ Đài Loan (Trung Quốc)	2022	Cấp tem mẫu C Từ:014824948 Đến:014824967
2.	Trung tâm báo cháy 25 kênh	AHC-871	Cái	20		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014824968 Đến:014824987
3.	Trung tâm báo cháy 20 kênh	AHC-871	Cái	40		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014824988 Đến:014825027
4.	Trung tâm báo cháy 15 kênh	AHC-871	Cái	60		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014825028 Đến:014825087
5.	Trung tâm báo cháy 04 kênh	AH-00212	Cái	200		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014825088 Đến:014825287
6.	Trung tâm báo cháy 05 kênh	AH-00212	Cái	200		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014825288 Đến:014825487
7.	Trung tâm báo cháy 08 kênh	AH-00212	Cái	200		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014825488 Đến:014825687
8.	Trung tâm báo cháy 10 kênh	AH-00212	Cái	200		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014825688 Đến:014825887
9.	Đầu báo cháy khói loại thường	AH-0311-2	Cái	20000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014825888 Đến:014845887
10.	Đầu báo cháy khói loại thường	AH-0311-4	Cái	1000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014845888 Đến:014846887
11.	Đầu báo cháy nhiệt loại thường	AHR-871	Cái	15000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014846888 Đến:014861887
12.	Đầu báo cháy khói loại thường	8011-2	Cái	10000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014861888 Đến:014871887
13.	Nút nhấn báo cháy	AH-9717	Cái	9000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014871888 Đến:014880887
14.	Nút nhấn báo cháy	AH-0217	Cái	2000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014880888 Đến:014882887
15.	Nút nhấn báo cháy	AH-0817	Cái	1000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014882888 Đến:014883887
16.	Trung tâm báo cháy địa chỉ 08 loop, 250 địa chỉ/ loop	QA-16	Cái	10		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014883888 Đến:014883897
17.	Trung tâm báo cháy địa chỉ 06 loop; 250 địa chỉ/ loop	QA-16	Cái	10		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014883898 Đến:014883907

LAT

BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 14.69.../KD-PCCC-P7 ngày 11/.../2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH)

TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
18.	Trung tâm báo cháy địa chỉ 04 loop; 250 địa chỉ/ loop	QA-16	Cái	20	Horing Lih/ Đài Loan (Trung Quốc)	2022	Cấp tem mẫu C Từ:014883908 Đến:014883927
19.	Trung tâm báo cháy địa chỉ 02 loop; 250 địa chỉ/ loop	QA-16	Cái	40		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014883928 Đến:014883967
20.	Đầu báo cháy khói địa chỉ	QA01	Cái	8000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014883968 Đến:014891967
21.	Đầu báo nhiệt địa chỉ	QA06	Cái	1000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014891968 Đến:014892967
22.	Nút nhấn khẩn địa chỉ	QA19	Cái	600		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014892968 Đến:014893567
23.	Trung tâm báo cháy 02 kênh	YF3	Cái	50	Yun Yang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2022	Cấp tem mẫu C Từ:014893568 Đến:014893617
24.	Trung tâm báo cháy 04 kênh	YF3	Cái	400		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014893618 Đến:014894017
25.	Trung tâm báo cháy 08 kênh	YF3	Cái	300		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014894018 Đến:014894317
26.	Trung tâm báo cháy 05 kênh	YF1	Cái	200		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014894318 Đến:014894517
27.	Trung tâm báo cháy 10 kênh	YF1	Cái	100		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014894518 Đến:014894617
28.	Trung tâm báo cháy 15 kênh	YF1	Cái	20		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014894618 Đến:014894637
29.	Đầu báo cháy khói loại thường	YDS-S01	Cái	10000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014894638 Đến:014904637
30.	Đầu báo cháy nhiệt loại thường	YRD-02	Cái	7000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014904638 Đến:014911637
31.	Nút nhấn báo cháy	YM-P01	Cái	2000		2022	Cấp tem mẫu C Từ:014911638 Đến:014913637

- Theo văn bản đề nghị của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng và căn cứ Biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 0223016/BBKĐ ngày 30/3/2023 của Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam, địa chỉ: 24/7 Hoàng Dư Khương, phường 12, quận 10, TP. HCM, lô phương tiện PCCC nêu trên dùng để cung cấp cho thị trường;

- Các phương tiện PCCC nêu trên phải được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật./



宏泵實業水泵集團
GEM HI-TECH GLOBAL CO., LIMITED

TO: 大業機電（越南）有限公司

Arwana (Vietnam Branch)— DAYES (VN) CO., LTD.

LOT M22 ROAD NO.7, HAI SON INDUSTRIAL PARK, DUC HOA DISTRICT, LONG AN PROVINCE, VIET NAM

TEL: 0272.2496866, FAX: 0272.2496766.

ATTN: MS.HAILEY DING

DATE: JUL/05/2024

Products Export Certification

Dear Hailey,

WE ARE PLEASED TO NOTIFY YOU THAT WE HAD SHIPPED FOLLOWING PRODUCTS TO VIETNAM BASE ON OUR QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT HAD APPROVED THOSE PRODUCTS.

HEREBY WE RECOMMEND THOSE PUMPS COULD BE USED IN THE VIETNAM WATER PUMP MARKET. PLEASE REF. THE TYPES AND POWER AS WELL AS THE PUMP'S FEATURE, PLEASE RECOMMEND CLIENTS TO APPLY THOSE PRODUCTS ADEQUATELY, THANKS.

MAY YOU PLEASE UNDERSTAND THE PUMP'S SPECIFICATION AND THEN IT WILL HELP YOU TO PROMOTE ITS APPLICATION IN VIETNAM AREA.

Product spec.

TYPE	OUTPUT	DISCHARGE	RATE		MAXIMUM	
			head	capacity	head	capacity
BAV-250	HP	inch	M	LPM	M	LPM
	1/3	1-1/2	4,5	120	8	200

WATER TEMPERATURE :

CONFIRMED BY:

HEAD OFFICE OF HUNG PUMP GROUP
QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT

STEVEN HUANG ---ON BEHALF OF HUNG PUMP INDUSTRIAL CO.,LTD.

宏泵實業有限公司

宏計

GEM HI-TECH GLOBAL CO., LIMITED

No. 16 Lien-Ming Street, Ba-De City, Taoyuan Taiwan

TEL: 886-3-3713969

FAX: 886-3-3713996

1. Exporter GEM III-TECH GLOBAL CO., LTD. NO.16, LIANMING ST., BADE DIST., TAOYUAN CITY 33466, TAIWAN (R.O.C.) TEL:886-3-3713969 FAX:886-3-3713996	CERTIFICATE NO. EA24QA04299 Page 1 of 1
2. Importer DAYES (VN) CO., LTD. LOT M22 ROAD NO.7, HAI SON INDUSTRIAL PARK, DUC HOA DISTRICT, LONG AN PROVINCE, VIETNAM TAX ID:1101836113	CERTIFICATE OF ORIGIN (Issued in Taiwan) ORIGINAL
3. Port of Loading TAICHUNG, TAIWAN	4. Port of Discharge CAT LAI PORT, VIETNAM HOCHIMINH 5. Country of Destination VIET NAM

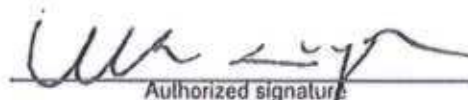
6. Description of Goods	7. Quantity/Unit
<u>SHIPPING MARK</u> APP ARWANA PREMIUM PUMPS ARWANA DAYES P/NO. MADE IN TAIWAN <u>WATER PUMPS</u> A. INDUSTRIAL CHEMISTRY PUMP TO VIETNAM: WATER PUMPS 1. BAV-150 1/5HP, 1PH, 220V APP BRAND 2. BAV-250 1/3HP, 1PH, 220V APP BRAND SAY TOTAL FIVE (5) PLTS ONLY.	300 SETS 201 SETS 501 SETS vvvvvvvvvvvvvvvvv

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

Certification

It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.

THE GENERAL CHAMBER OF COMMERCE, TAIWAN


 Authorized signature

6F, No.390, Sec. 1, Fusing S. Rd, Da An District, Taipei City 106, Taiwan
 Tel:886-2-25371080 Fax:886-2-2568-2551



Date of Certification : JUL 5 2024



IV - 1
máy lấy mẫu

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG / CHẤT LƯỢNG

(Quality Certificate)

Số/ No: 010625-WTS

Date: 01/06/2025

Khách Hàng/ Dự Án/Customer/ Project : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

Tên sản phẩm/ Name of product: AUTOMATIC WATER SAMPLE

MODEL: AWS 12-3 Số lượng/Quantity: 01 P/N: ENVI201029

Thương hiệu/Maker: ENVILINK

Các thông số kiểm tra Testing items	Yêu cầu Criteria	Kết quả kiểm tra Result	Kết luận Conclusion
Kiểm tra kỹ thuật			
Thể tích lấy mẫu	20-350 ml	20-350 ml	ĐẠT
Độ chính xác lấy mẫu	+/- 3ml	+/- 3ml	ĐẠT
Chiều cao hút mẫu tối đa (tại áp suất 1013hPa)	5m	5m	ĐẠT
Nguồn điện	220V/115V/AC	220V/115V/AC	ĐẠT
Công suất	336W	336W	ĐẠT
Số chai lấy mẫu	12 chai	12 chai	ĐẠT
Trọng lượng	96 kg	96 kg	ĐẠT
Vật liệu	Inox	Inox	ĐẠT
Nhiệt độ mẫu	0-40 °C	0-40 °C	ĐẠT
Kết luận (conclusion): ĐẠT YÊU CẦU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG			

CÔNG TY CỔ PHẦN ASIN VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC

Mai Văn Lợi

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số PC29

Số: 386...../KD-PCCC-Đ2

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng về việc cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại văn bản 06-2023/KĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023;

Căn cứ kết quả kiểm định phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện/lô phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam;

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH – CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN:**

Phương tiện/lô phương tiện: phòng cháy, chữa cháy ghi tại trang 02 đến 04 của: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng, địa chỉ: 153 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2023

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vĩnh Hằng;
- C07 – Bộ Công an;
- PC07 - CA các địa phương;
- Lưu: VT, Đ2, (NMV, 4b)

TRƯỞNG PHÒNG



Dại tá Huỳnh Quang Tâm



BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 386./KD-PCCC-D2 ngày 27./9./2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
01	Tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	AHC-871	Tủ	20	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 501764470 đến 501764489
02	Tủ trung tâm báo cháy 30 kênh	AHC-871	Tủ	10	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10 tem C số 501764490 đến 501764499
03	Tủ trung tâm báo cháy 40 kênh	AHC-871	Tủ	05	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 05 tem C số 501764500 đến 501764504
04	Tủ trung tâm báo cháy 4 kênh	AH-00212	Tủ	100	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 501764505 đến 501764604
05	Tủ trung tâm báo cháy 5 kênh	AH-00212	Tủ	200	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 200 tem C số 501764605 đến 501764804
06	Dầu báo cháy nhiệt loại thường	AHR-871	Cái	19.600	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 19.600 tem C số 501764805 đến 501784404
07	Dầu báo cháy khói loại thường	8011-2	Cái	41.300	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 41.300 tem C số 501784405 đến 501825704
08	Dầu báo cháy khói loại thường	AH-0311-2	Cái	10.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 10.000 tem C số 501825705 đến 501835704
09	Nút ấn báo cháy	AH-9717	Cái	6.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 6.000 tem C số 501835705 đến 501841704
10	Chuông báo cháy	NQ618	Cái	4.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 4.000 tem C số 501841705 đến 501845704
11	Còi báo cháy	AH-03127-BS	Cái	1.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 1.000 tem C số 501845705 đến 501846704
12	Tủ trung tâm báo cháy và điều khiển xả khí 2 kênh, 1 kênh điều khiển xả khí	AH-02120	Tủ	30	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 30 tem C số 501846705 đến 501846734

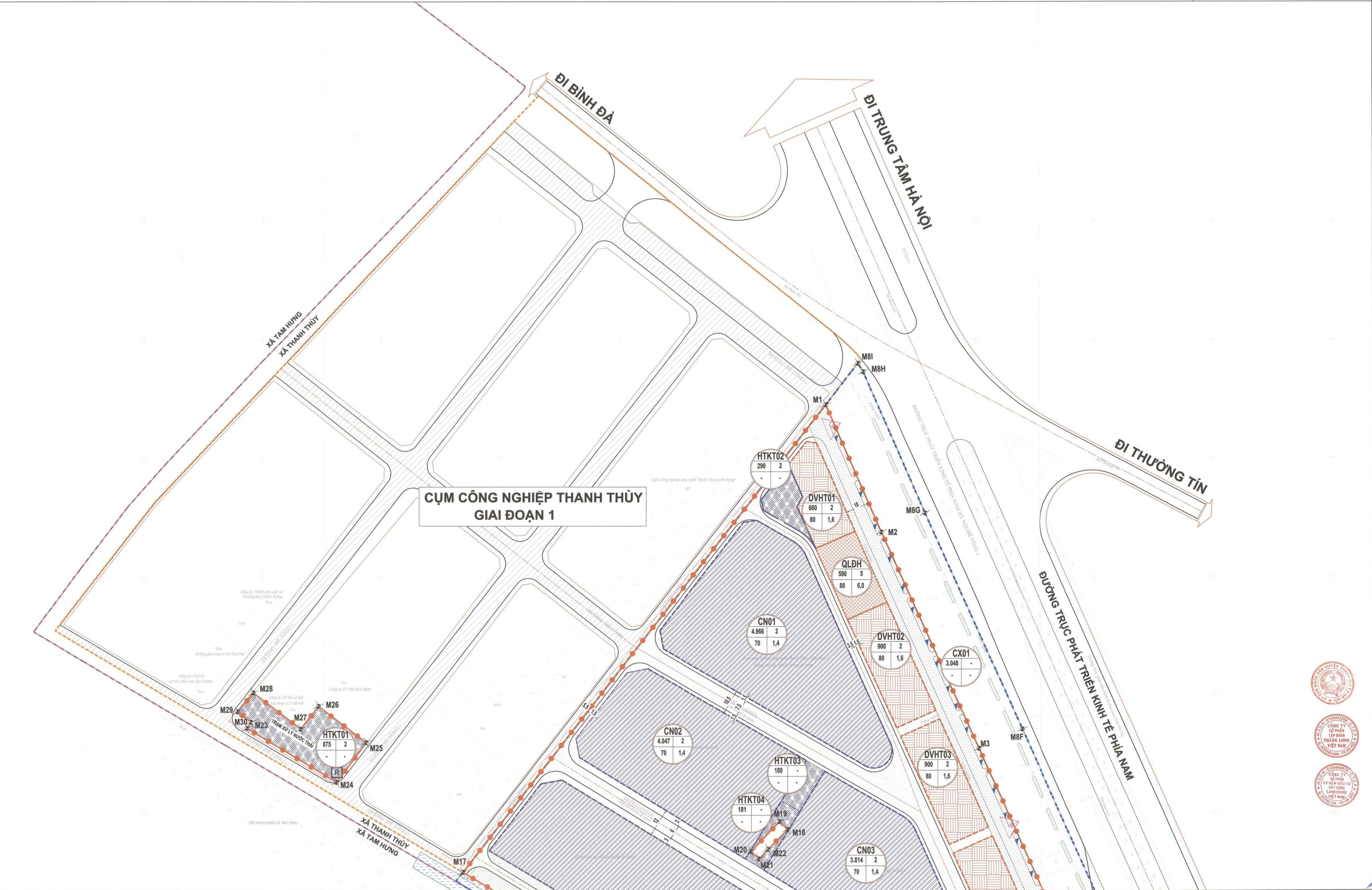
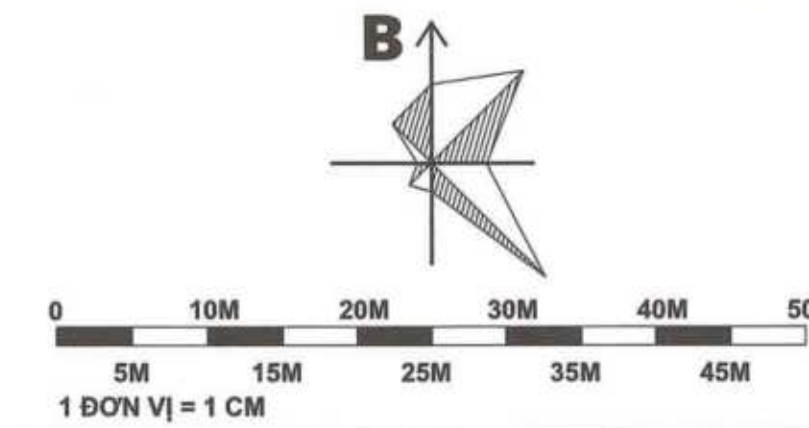
13	Tủ trung tâm báo cháy 1 loop, 250 địa chỉ/loop	QA16	Tủ	20	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 501846735 đến 501846754
14	Tủ trung tâm báo cháy 4 loop, 250 địa chỉ/loop	QA16	Tủ	20	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 501846755 đến 501846774
15	Đầu báo cháy khói loại địa chỉ	QA01	Cái	3.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 3.000 tem C số 501846775 đến 501849774
16	Đầu báo cháy nhiệt loại địa chỉ	QA06	Cái	2.000	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 2.000 tem C số 501849775 đến 501851774
17	Tủ trung tâm báo cháy 4 kênh	YF3	Tủ	100	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 501851775 đến 501851874
18	Tủ trung tâm báo cháy 5 kênh	YF1	Tủ	50	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 50 tem C số 501851875 đến 501851924
19	Tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	YF1	Tủ	100	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 100 tem C số 501851925 đến 501852024
20	Tủ trung tâm báo cháy 15 kênh	YF1	Tủ	20	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 501852025 đến 501852044
21	Tủ trung tâm báo cháy 25 kênh	YF1	Tủ	20	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2019	Cấp 20 tem C số 501852045 đến 501852064
22	Tủ trung tâm báo cháy 35 kênh	YF1	Tủ	04	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2019	Cấp 04 tem C số 501852065 đến 501852068
23	Đầu báo cháy khói loại thường	YIDS-S01	Cái	9.000	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 9.000 tem C số 501852069 đến 501861068
24	Chuông báo cháy	YFB-6	Cái	2.000	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 2.000 tem C số 501861069 đến 501863068
25	Nút ấn báo cháy	YM-P01	Cái	2.000	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 2.000 tem C số 501863069 đến 501865068

26	Tủ trung tâm báo cháy 2 loop, 250 địa chỉ/loop	QA16	Tủ	20	Horing/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 20 tem C số 501865069 đến 501865088
27	Tủ trung tâm báo cháy 2 kênh	YF3	Tủ	50	YunYang/ Đài Loan (Trung Quốc)	2023	Cấp 50 tem C số 501865089 đến 501865138

- Theo đơn đề nghị của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vĩnh Vinh Hằng, địa chỉ: 153 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh và căn cứ biên bản kiểm định phương tiện PCCC số 0823364/BBKD ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam, lô phương tiện PCCC nêu trên dùng để cung cấp ra thị trường;

- Chủ đầu tư và các đơn vị nhà thầu liên quan có trách nhiệm thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu các phương tiện PCCC nêu trên trước khi đưa vào sử dụng và phải kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

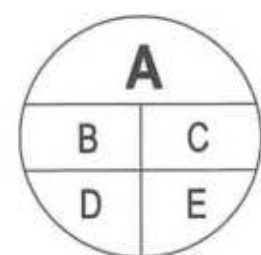


BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH							
TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ (%)
				Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật số sử dụng đất tối đa (lần)	
A Khu vực thực hiện dự án							
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLDH	590				0,9
	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLDH	590	80	5,0	6,00	
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp		36.386				55,4
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN01	4.966	70	1-2	1,40	
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN02	4.047	70	1-2	1,40	
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN03	3.814	70	1-2	1,40	
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN04	10.771	70	1-2	1,40	
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN05	9.720	70	1-2	1,40	
2.6	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 06	CN06	3.068	70	1-2	1,40	
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		1.818				2,8
3.1	Công trình kỹ thuật 01	HTKT01	875				
3.2	Công trình kỹ thuật 02	HTKT02	290				
3.3	Công trình kỹ thuật 03	HTKT03	180				
3.4	Công trình kỹ thuật 04	HTKT04	181				
3.5	Công trình kỹ thuật 05	HTKT05	161				
3.6	Công trình kỹ thuật 06	HTKT06	131				
IV	Đất cây xanh		9.787				14,8
4.1	Cây xanh 01	CX01	3.048				
4.2	Cây xanh 02	CX02	1.782				
4.3	Cây xanh 03	CX03	4.083				
4.4	Cây xanh 04	CX04	874				
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		4.126				6,2
5.1	Công trình dịch vụ hỗ trợ 01	DVHT01	660	80	2,0	1,60	
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ 02	DVHT02	900	80	2,0	1,60	
5.3	Công trình dịch vụ hỗ trợ 03	DVHT03	900	80	2,0	1,60	
5.4	Công trình dịch vụ hỗ trợ 04	DVHT04	900	80	2,0	1,60	
5.5	Công trình dịch vụ hỗ trợ 05	DVHT05	766	80	2,0	1,60	
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		13.088				19,9
6.1	Đất giao thông		13.088				
Tổng diện tích thực hiện dự án			65.795				100
B Khu vực khớp nối HTKT							
I	Đất cây xanh cách ly	CXCL	924				7,7
II	Đất hành lang an toàn đường bộ	HLAT	10.343				86,4
III	Đất mặt nước	MN	705				5,9
Tổng diện tích khớp nối HTKT			11.972				100
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY GĐ 2			77.767	Giải đoạn 2 của dự án đã được nghiên cứu đảm bảo khớp nối hệ tầng kỹ thuật với giai đoạn 1, quy hoạch thành một CCN hiện đại đồng bộ hệ tầng kỹ thuật với khu vực			
KHU VỰC NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP THANH THỦY GĐ 1			54.354	Giải đoạn 1 của dự án đã được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động, sẽ được khớp nối hệ tầng kỹ thuật khi thực hiện xây dựng CCN làng nghề Thanh Thủy giai đoạn 2			
Ghi chú: Mật độ xây dựng thuận tối đa của các ô đất dịch vụ hỗ trợ sẽ được chuẩn xác theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khi chủ đầu tư xác định cụ thể chức năng sử dụng đất của từng ô đất dịch vụ hỗ trợ (Công trình chung, công trình phụ chung, công trình phụ trợ sản xuất theo Văn bản số 1479/QHKT-BTVT ngày 10/4/2024 và các văn bản khác có liên quan).							

KÍ HIỆU:



THÔNG SỐ LÔ SỬ DỤNG ĐẤT:



A: TÊN LÔ ĐẤT
B: DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M²)
C: TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
D: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
E: HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA (LẦN)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI
CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



BUI VĂN SÁNG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2518/QĐ-UBND NGÀY 10 THÁNG 06 NĂM 202

CƠ QUAN XÁC NHẬN:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ HUYỆN THANH OAI

TRƯỜNG PHÒNG 1 *hỏi*

NGUYỄN NGOC MINH

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ 66/TĐ-KTHT&ĐT NGÀY 09 THÁNG 06 NĂM 2025

CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
DƯƠNG VĂN BẠC

DƯƠNG VĂN BẠC

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 39/2025-TTr-TL NGÀY 02 THÁNG 06 NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GIAI ĐOẠN 2,
HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

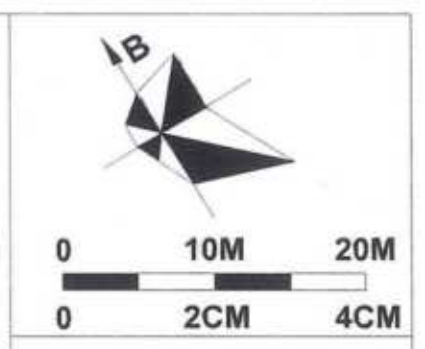
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

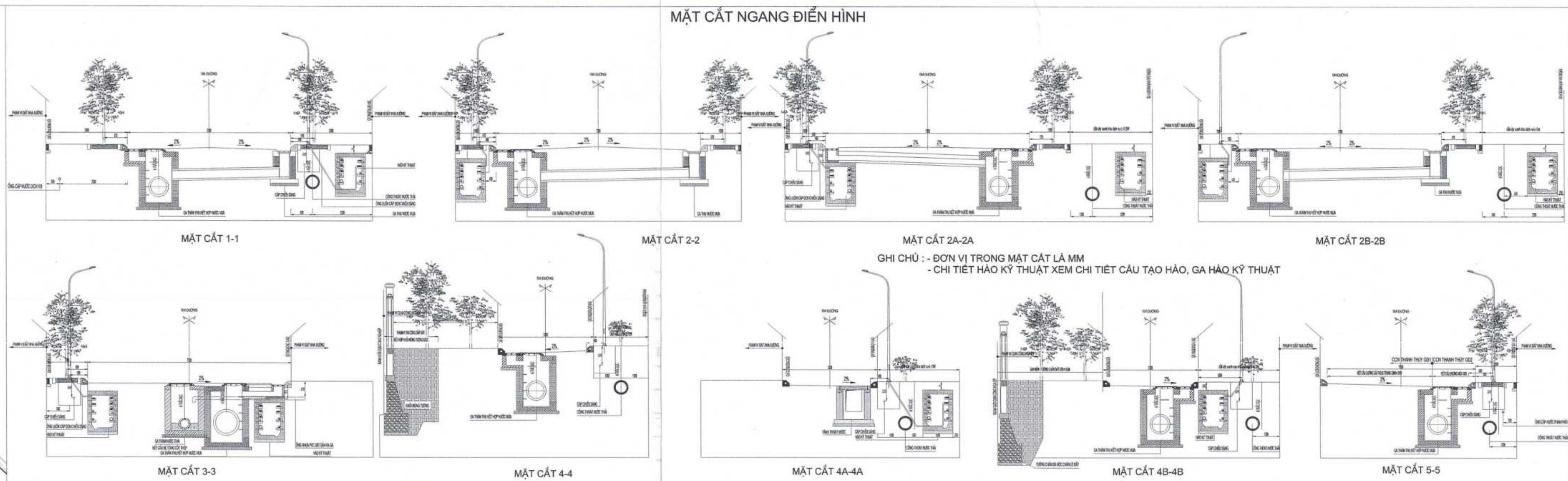
BẢN VẼ: QH-02A	GHÉP: 2 A0	TỶ LỆ: 1/500	H. THÀNH: 6/2025
THIẾT KẾ	KTS. TRẦN XUÂN GIA PHÁP		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ THỦY NGÂN		
CHỌ NHIỆM	KTS. NGUYỄN MINH TRẦN LINH		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. PHẠM VĂN QUANG		
QL.KỸ THUẬT	KTS. PHẠM THY NGÂN		

GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN NHẬT QUANG



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LINEZONE VIỆT NAM**
CHI: SỐ 8 TÒA NHÀ AUDI, ĐƯỜNG PHẠM HÙNG, MÊ TRÌ





Bảng thống kê khối lượng cấp nước			
Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống cấp nước phân phối D110	m	2417
	Ống cấp nước phân phối D110 trong hào kỹ thuật		664
	Ống cấp nước phân phối D110 ngoài hào kỹ thuật		1753
2	Ống cấp nước dịch vụ D50	m	1681
	Ống cấp nước phân phối D50 trong hào kỹ thuật		360
	Ống cấp nước phân phối D50 ngoài hào kỹ thuật		1321
3	Khối thủy D110/50 trên ống chính (không bao gồm khối thủy thẳng sang đồ hồ)	Cái	17
	Trên hè		16
	Trong hào		1
4	Nút bịt ống D50	Cái	17
5	Hỗ van đồng hồ cấp nước D110	Bộ	1
6	Điểm đầu đồng hồ đo lưu lượng trọn bộ D25	Điểm đầu	153
	Trên hè		141
	Đầu đơn từ hào ra 1 đồng hồ		7
	Đơn từ hào ra 2 đồng hồ		5
7	Đồng hồ đo lưu lượng D25	Bộ	158
8	Trụ chữa cháy	Bộ	16
	Trên hè		11
	Từ hào ra		5
9	Ống thép tráng kẽm D160	m	144
10	Van chặn DN100 phụ kiện kèm theo	Bộ	14
	Trên hè		12
	Từ hào ra		2
11	Van chặn DN50 phụ kiện kèm theo	Bộ	17
	Trên hè		14
	Từ hào ra		3
12	Ván xả khí D110	Cái	2
13	Ván xả cạn	Cái	3
13	Bể chứa nước 400m3 (Sinh hoạt + chữa cháy)	Bể	1
14	Trạm bơm tăng áp + cứu hoả	Trạm	

Giải pháp cấp nước
***/ Nguồn nước**
 - Nguồn nước cấp cho dự án: Giai đoạn 1 được lấy từ nguồn cấp nước hiện trạng phía Bắc khu công nghiệp Thanh Thủy giai đoạn 1 (tư trạm cấp nước sạch hiện tại Tam Hưng - Thanh Thủy đến). Giai đoạn 2 được đầu tư với đường ống cấp nước D150 từ trạm cấp nước Tam Hưng - Thanh Thủy.

***/ Mục đích thiết kế**
 - Xây dựng các tuyến ống cấp nước phân phối HDPE D110 tuyến ống dịch vụ DN50 để phục vụ cho các nhà chủ đầu tư tuyến ống khác nhau.
 - Mục tiêu của dự án này chỉ đặt ra tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ, hệ thống PCCC cho dân cư nằm trong khu đô thị

***/ Giải pháp thiết kế**
 - Thiết kế mới mạng lưới tuyến ống cấp nước phân phối sinh hoạt kết hợp chữa cháy và tuyến ống cấp nước dịch vụ cho khu đô thị.
 - Điểm đầu nguồn: Nguồn nước cấp đầu mối từ đường ống hồ van hiện trạng phía Bắc khu công nghiệp, trên đường ống cấp nước D110 từ trạm cấp nước sạch hiện tại Tam Hưng - Thanh Thủy đến).
 - Tại các vị trí có sơ đồ hướng dẫn chôn (Tổ.cút...) xây bể, đổ bê tông gối đỡ.

- Trên tuyến ống có bố trí các trụ lấy nước chữa cháy DN110 loại 3 họng lấy nước, trụ đảm bảo tiêu chuẩn chữa cháy TCVN 6379-1998 (vị trí đặt trụ nằm trên bán vệ mặt bằng).

- Mạng lưới đường ống được đi trong hào kỹ thuật hoặc chôn trực tiếp trên nền đất tùy vị trí, khi thi công cần kết hợp xem các bản vẽ với nhau.

***/ Vật liệu cấp nước:**
 - Ống áp lực sử dụng ống nhựa HDPE, đạt tiêu chuẩn, ISO 4427 - PN10, chịu áp lực PN=10kg/cm2.
 - Ống dịch vụ sử dụng ống nhựa HDPE, đạt tiêu chuẩn, ISO 4427 - PN10 có chiều dày $\delta = 4\text{ mm}$.
 - Sự dãn nở do sự dãn nở, phụ thuộc, van, nạp ngoại đạt tiêu chuẩn DIN 3352 , chịu áp lực PN = 10kg/cm2.
 - Đồng hồ đo lưu lượng từ đạt tiêu chuẩn Châu Âu

- Chọn giá trị trên tuyến phân phối sử dụng theo TCVN 6379

***/ Bê tông cấu trúc:** Bê tông cấu trúc hình dạng hình học bao gồm 2 khối:
 - Khối hình chữ nhật: kích thước xây dựng DxRxRx=8,6,5x7,0m-(kích thước dài+rộng+chiều cao)
 - Khối hình thang: kích thước xây dựng DxRxRx=(6,5,3,8)x3,75x7,0m-(kích thước dài (cạnh dưới), cạnh trên+rộng+chiều cao)
 - Bê tông nước nước xây kiểu bê ngầm.
 - Kết cấu bê : bê tông cốt thép mác 300#.
 - Đáy bê BTCT dày 250mm.
 - Thân tường BTCT dày 250mm.
 - Nắp bê BTCT dày 150mm.

- Bên trong bê chia tường ngăn bằng bê tông cốt thép để tăng khả năng chịu lực cho phần nắp bê, khoảng cách giữa các tường ngăn 7,0m tính đến tường, tại vị trí đáy các tường ngăn bằng bê trí các các thông số kích thước 1,5x1,0m. Vị trí tiếp giáp với nắp bê từ các cấu trúc khác.

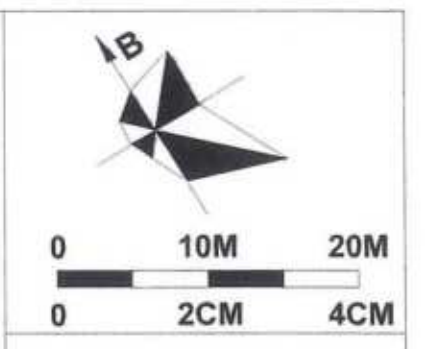
- Trám bơm nước: kích thước xây dựng DxRxRx=8,0x5,25x3,0m (kích thước dài x rộng x chiều cao)
 - Thân tường trạm bơm xây gạch 220.
 - Mái trạm bơm lợp tôn cách nhiệt.
 - Trong trạm bơm bố trí 2 trạm bơm : bơm sinh hoạt và bơm cứu hỏa.

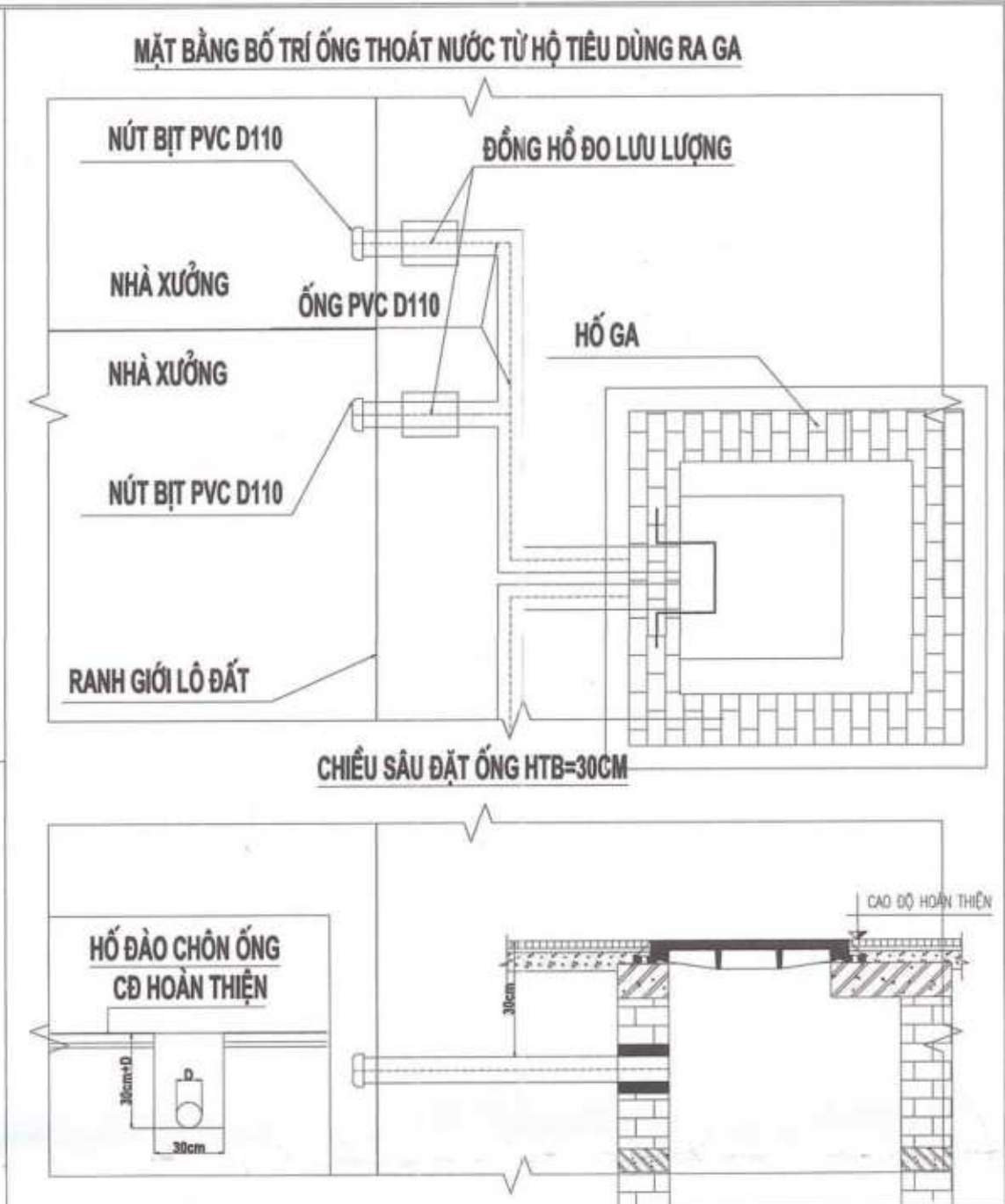
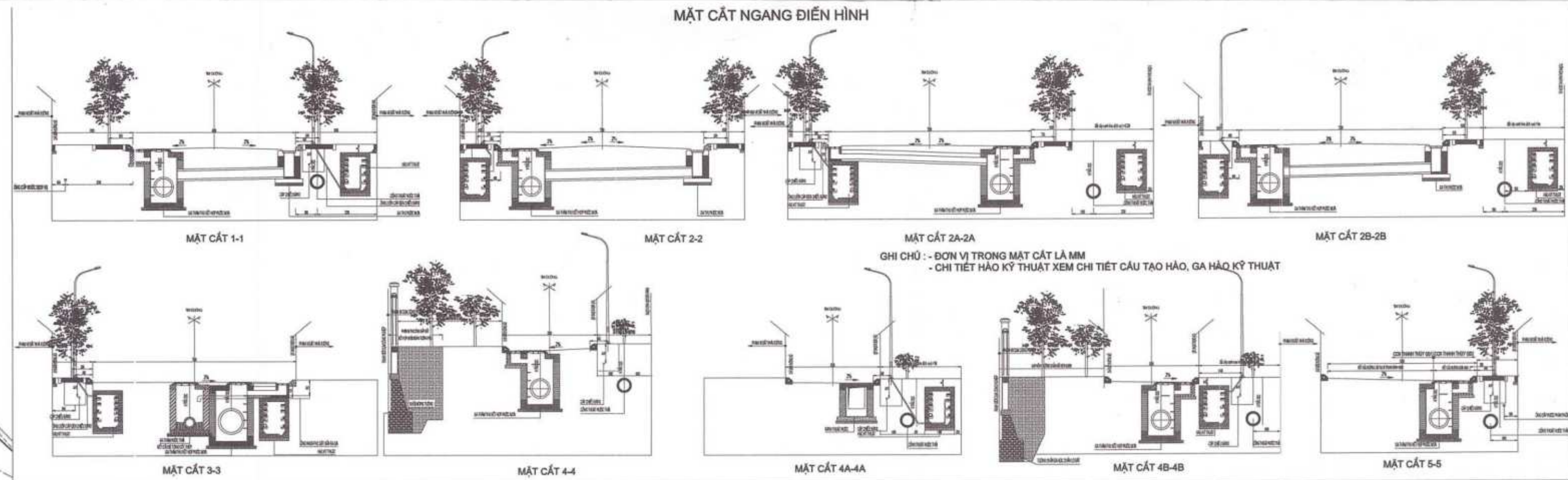
KỸ HIỆU	
	RẠNH GIỚI HẠN DUY HOẠCH
	RẠNH GIỚI HẠN CUNG CÔNG NGHIỆP
	RẠNH GIỚI HẠN CUNG CÔNG NGHIỆP THANH THỦY GIAI ĐOẠN 1
	RẠNH GIỚI HẠN CHÍNH XÃ
	ÔNG TRUYỀN DẪN TỰ MẠNG CHUNG YẾ BẾ CHỮA
	ÔNG CẤP NƯỚC PHẢN PHÓI
	ÔNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
	HÀO KỸ THUẬT
	ÔNG CẤP NƯỚC PHẢN PHÓI
	HÀO KỸ THUẬT
	ÔNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
	VAN XÃ KHÍ
	VAN XÃ CẠN
	HỖ ĐÓNG HỒ ĐO LƯỢNG VẮO CÔNG TRÌNH
	VAN CHẶN ONG
	TRỤ CỨU HỒA
	A: TÊN MỐC TỌA ĐỘ BẾ CHỮA NƯỚC
	B: TỌA ĐỘ X
	C: TỌA ĐỘ Y
	CÁO ĐO THIẾT KẾ (M)
	CÁO ĐO TỰ NHIÊN (M)

GHI CHÚ:

- MỐC TỌA ĐỘ XÂY DỰNG BÈ NƯỚC ĐƯỢC ĐỊNH VỊ TRỰC TIẾP TRÊN CÔNG TRÌNH
- MỐC TỌA CHỈ CÓ CÔNG DỤNG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
- HẸT TỌA ĐỘ QUY CHIỀU: HẸT TỌA ĐỘ VN2000
- CÁC KÍCH LƯỢNG THÔNG KÊ TRÊN BỀ MẶT LÀ THÔNG KÊ THEO MẶT BẰNG
- KHI THÌ CÔNG CÁN KẾT HỢP VỚI CÁC BÀN VÀ KHÁC.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG CẦN CŨNG CÒN NHỮNG SAI KHÁC SO VỚI THIẾT KẾ NHÀ THẦU THÌ CÔNG, CHỦ ĐẦU TƯ CẦN BẢO VỆ VỚI ĐƠN VỊ THI TẠNG THÌ KẾ ĐỀ CỎ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐIỀU CHỈNH PHÁP HỢP VỚI THỰC TẾ. HIỆN TRẠNG DỰ ÁN.

[illegible]

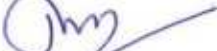




Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Cống uế D110	m	515	Tính cho cụm giai đoạn 2
2	Cút vường D110	Cái	135	Tính cho cụm giai đoạn 2
3	Tê đều D110	Cái	34	Tính cho cụm giai đoạn 2
4	Bít đầu D110	Cái	93	Tính cho cụm giai đoạn 2
5	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Cái	93	Tính cho cụm giai đoạn 2

Bảng tính thể khối lượng thực nước thải			
Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Công D300	m	1562
2	Đóng ống D300 (2,5m/3 đé)		1874
3	Công BVC1 D400	m	187
4	Đóng ống D400 (2,5m/3 đé)	m	728
5	Trạm xử nước thải Cổng suối 200m ³ /ng.đ	trạm	1
6	Gia thoát nước thải loại 1	Gia	7
7	Gia thoát nước thải loại 2	Gia	47
8	Gia thoát nước thải loại 3	Gia	5
9	Gia thoát nước thải loại 4	Gia	1
10	Gia thoát nước thải loại 5	Gia	1
11	Gia thoát nước thải loại 6	Gia	4
12	Gia thoát nước thải loại 7	Gia	1
13	Gia thoát nước thải loại 8	Gia	6
14	Gia thoát nước thải loại 9	Gia	5
15	Gia thoát nước thải loại 10	Gia	4

[illegible]

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY.....THANG.....NĂM.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
		
Lê Văn Giang	Trần Văn Chính	Trần Văn Duy

GHI CHÚ:

- MỐC TỌA ĐOÀ XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐỊNH VỊ TRỰC TIẾP TRÊN CÔNG TRÌNH
- MỐC TỌA CHỈ CÓ CÔNG DỤNG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
- HẸ TỌA ĐOÀ QUY CHẾ: HẸ TỌA ĐOÀ VN2000
- CÁC CHỈ LƯỢNG THƯỜNG KẾ TRÊN BẢNG LÀ THỐNG KẾ THEO MẶT BẰNG
- KHI THÌ CÔNG CÁN KINH HOẠ VỚI CÁC BÀN VỆ KHÁC.
- TRONG QUÁ TRÌNH THÌ CÔNG NẾU CÓ NHỮNG SỰ KHÁC SỎ VỚI THIẾT KẾ NHÀ THÀI THÌ CÔNG, CHỈ ĐÁU TỎ CÁN BÁO QUẢNG VỚI ĐƠN VỊ VỊ VẤN THÌ THỜI KẾ ĐỂ CÓ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐIỀU CHỈNH PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ, HẸM TRANG DƯ Ạ.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC : TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 200 M3/NGÀY ĐÊM
CÔNG TRÌNH : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG
NGHỀ THANH THUỶ - GIAI ĐOẠN 2
DỰ ÁN : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THUỶ - GIAI ĐOẠN 2
ĐỊA ĐIỂM : XÃ THANH THUỶ, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM
NHÀ THẦU : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
Đương Văn Bạo

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
XANH BKAC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Giáp

HÀ NỘI, 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D
THẨM TRA
 Theo Văn bản số 06/02.../KSTV...
 ngày.../...tháng.../02...năm 2022...
 Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

DANH MỤC BẢN VẼ TỔNG THỂ

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XÃ HỘI ĐẠC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....		
SÁNG LẬP <i>[Signature]</i> Lê Hải Giang	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>[Signature]</i> Trần Văn Chính	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG <i>[Signature]</i> Dương Văn Đăng
KHÔ GIẤY		

STT	SỐ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	
01	DMBV-TT	DANH MỤC BẢN VẼ TỔNG THỂ	A3
02	SDCN	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
03	MBĐV-01	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
04	MBĐV-02	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ VÀ BỐ TRÍ CẢNH QUAN TXLNT	A3
05	MBĐV-03	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỒ GA CUỐI THU GOM NƯỚC THẢI VÀO BỂ GOM	A3
06	MBĐV-04	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ ỐNG THOÁT NƯỚC SAU XỬ LÝ	A3
07	CNT - BG	CỐNG THU NƯỚC THẢI VỀ BỂ GOM	A3

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
 THĂNG LONG VIỆT NAM

 Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Dục Côngفع, Phường
 Dục Côngفع, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
 Mã số thuế: 03121997, Mã số doanh nghiệp: 0312199701

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY

 CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
 HD CAPITAL., JSC
 Địa chỉ: Số 22 Phố Bala, Phường Phố La,
 Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
 Điện thoại/TEL : 0866 157 899 - 0866 139 166
 Website: http://www.hdthudo.com.vn
 Email: info@hdthudo.com, hdtudo@gmail.com

TỔNG GIÁM ĐỐC/CHIEF MANAGER
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 HD THỦ ĐO
 DƯƠNG VĂN ĐĂNG
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHIEF DESIGN
[Signature]
 NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ • VẼ/ DESIGN • DRAWING
[Signature]
 DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES
[Signature]
 NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
 KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
 LĂNG NGHỆ THANH THỦY - GD2
 HẠNG MỤC/ ITEM
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 200M3/ NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE
 THÔN GIA VINH, XÃ THANH
 THỦY, HUYỆN THANH OAI,
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
 DANH MỤC BẢN VẼ TỔNG THỂ

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
 (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
 SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU/ SYMBOL: DMBV - TT

SỐ LẦN SỬA:

CLEAN WATER / NƯỚC SẠCH

BƠM NAOH BƠM COAGULANT BƠM PAC A-POLYMER BƠM JAVEN

T-001 T-002 T-003 T-004 T-005 T-006 T-007 T-008 T-009

HỆ THỐNG MÁY THỔI KHÍ

CHEMICAL SYSTEM / HỆ THỐNG HÓA CHẤT

HỆ THỐNG TỦ ĐIỆN

THOÁT RA NGUỒN

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKA

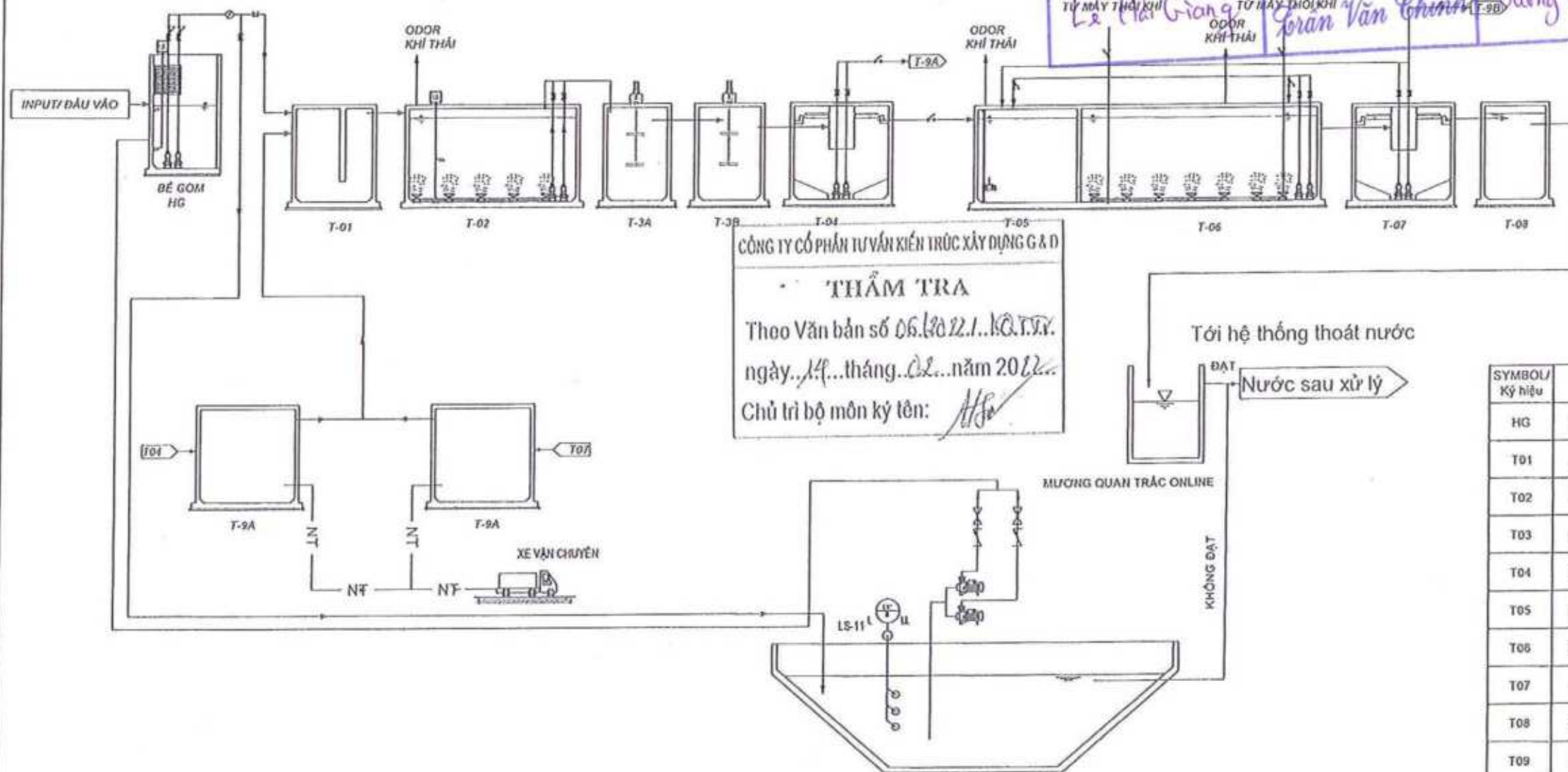
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THÁNG NĂM

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

FROM THE TREATMENT SYSTEM

TO THE SOURCE

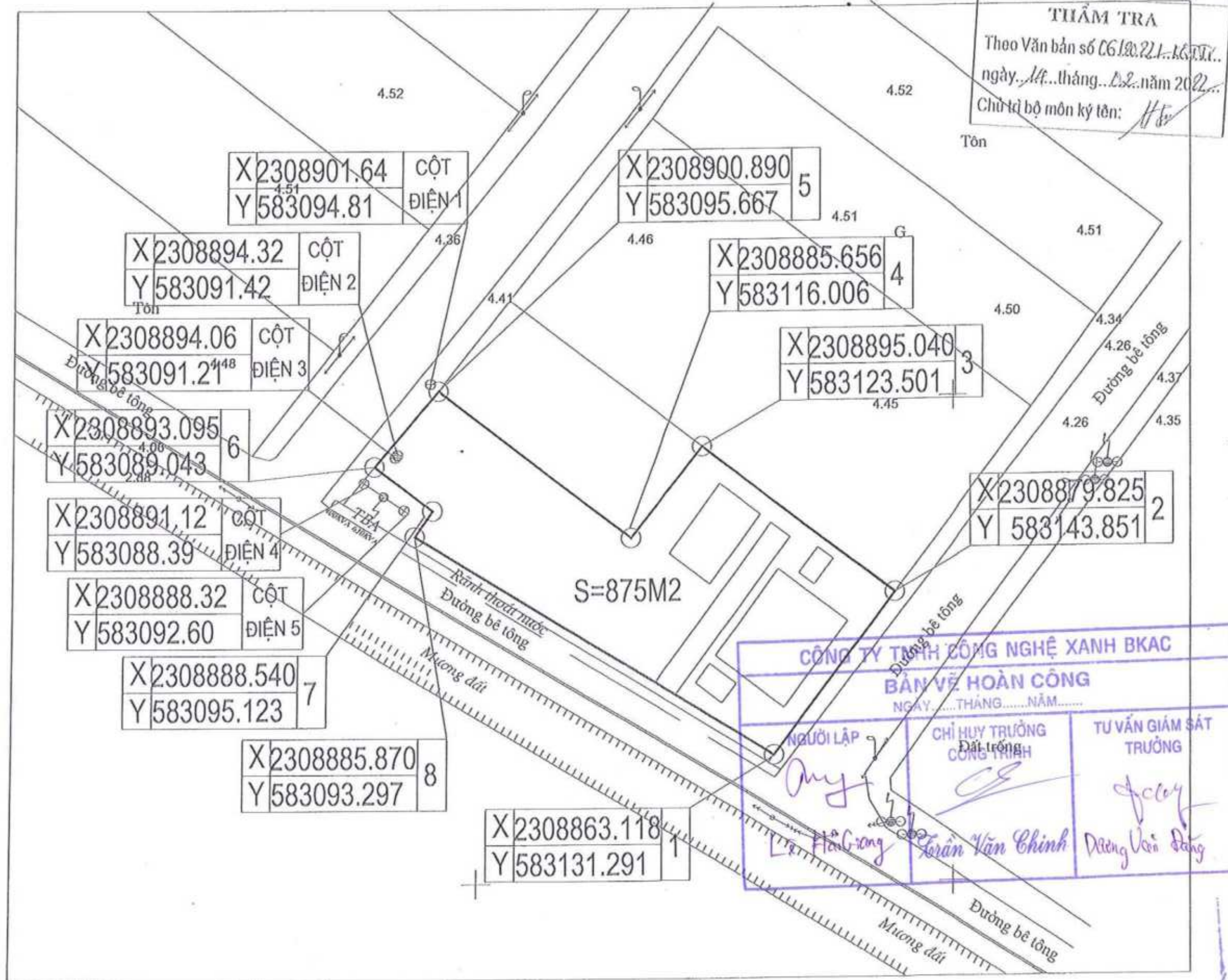


SYMBOL/ Ký hiệu	TANK/ Bể
HG	Bể gom
T01	Bể tách dầu mỡ
T02	Bể điều hoà
T03	Cụm bể keo tụ, tạo bông
T04	Bể lắng hoá lý
T05	Bể thiếu khí
T06	Bể hiếu khí
T07	Bể lắng sinh học
T08	Bể khử trùng
T09	Bể chứa bùn

SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích	SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích	SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích	SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích	SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích
	WASTEWATER LINE/ Đường nước thải		BUTTERFLY VALVE/ Van bướm		SUBMERSIBLE SEWAGE PUMP/ Bơm nước thải đặt chìm		MICROBIAL SUBSTRATES/ Giá thể vi sinh		WIPER MOTOR/ Động cơ gạt bùn
	AIR LINE/ Đường khí		CHECK VALVE/ VAN 1 CHIỀU		CHEMICAL DUCT DEPLETION PUMP/ Bơm cạn tuần hoàn hóa chất		SUBMERGED AGITATOR/ Máy khuấy chìm		ODOR-SUCKING FAN/ Quạt hút mùi
	SLUDGE LINE/ Đường bùn		PP UNION/ Rắc co nhựa		AIR BLOWER/ Máy thổi khí		DISC DIFFUSER/ Đĩa phân phối khí tĩnh		DOSING PUMP/ Bơm định lượng
	CLEAN WATER/ Nước sạch		PVC VALVE/ Van PVC		STAINLESS STEEL BARRICADES/ Rọ chắn rác		FLOAT CONTROL/ Phao điều khiển		
	CHEMICAL LINE/ Đường hóa chất		FLEXIBLE JOINT/ Khớp nối mềm		CHEMICAL STIRRING MOTOR/ Động cơ khuấy hóa chất		ELECTRONIC FLOW METER/ Đồng hồ đo lưu lượng điện tử		

Số lần sửa:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ số 1 Ngõ 14 Phố Dịch Công Hạ, Phường
Dịch Công, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
M: 84.478.398, 84.24.1437 - Fax: 84.478.398.99

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL., JSC

ĐẠY CHỮ ĐÓNG SỐ 22, PHỐ BÀ LÁ, PHƯỜNG PHỐ LÁ
QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI TEL : 0866 157 899 - 0888 139 166
0983 472 857 - WWW.HOITHUODO.COM.VN
Email: congtyhocphoithuodo@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG THỦY ĐỒ
ĐIỀU KIỆN THANH
HÀNH ĐƯỢC

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

 NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ • VẼ / DESIGN • DRAWING

 DƯƠNG VĂN GIANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

 NGUYỄN HỮU THỌ

DU AN/PROJECT PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE
THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẬT BÀNG ĐỊNH VỊ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

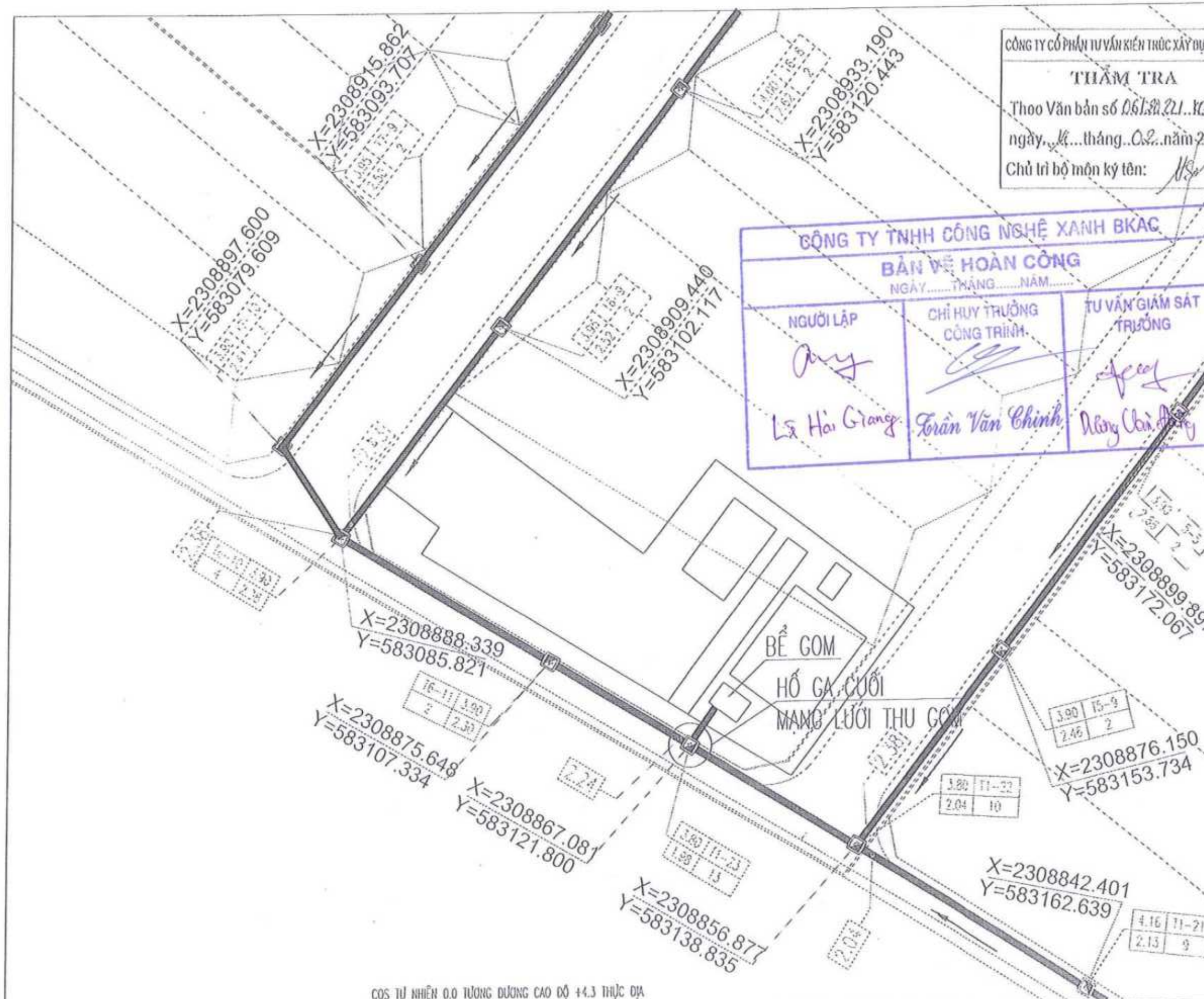
BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO XINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THỦ CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THIỆN / ISSUE DATE:	THÁNG.../202...
--------------------------	-----------------

KÝ HIỆU SYMBOL:	MBDV-01
-----------------	---------

SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỐ GA CUỐI THU GOM NƯỚC THẢI VÀO BỂ GOM



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Thao Văn bản số 06/30.221...K3.T.V.

ngày...tháng...năm 2022...

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

Lê Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thành

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 100 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường
Đội Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 0912.888.888 - 0912.888.888

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/TEL: 0926 157 899 - 0938 139 166
Website: HTTP://WWW.HDTHUDO.COM.VN
Email: info@hophandhudo.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC/ MANAGER

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HD THỦ ĐỘ

ĐƯỢC VẤN THÀNH

CHỦ TÀI THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

DƯƠNG VĂN ĐỒNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỆ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỐ GA CUỐI THU
GOM NƯỚC THẢI VÀO BỂ GOM

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG.../2022...

KÝ HIỆU SYMBOL: MBGV-03

SỐ LẦN SỬA:

COS TỰ NHIÊN 0.0 TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ +4.3 THỰC ĐỊA

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 108 Phố Định Công Hạ, Phường
Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

tel: 016672.9999; 024.22.13.8317 - email: thanglong30@gmail.com



HDC
Liên lạc - Mọi vấn đề - Cần biết

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phú Lả
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL : 0666 157 899 - 0666 139 166
Website: <http://www.hdthudo.com.vn>
Email: congtycaphonhdthudo@gmail.com

Blank

NGUYỄN

NGUYỄN HỮU THỌ

NGUYỄN

NGUYỄN MẠNH DƯƠNG

NGUYỄN

NGUYỄN HỮU THO

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

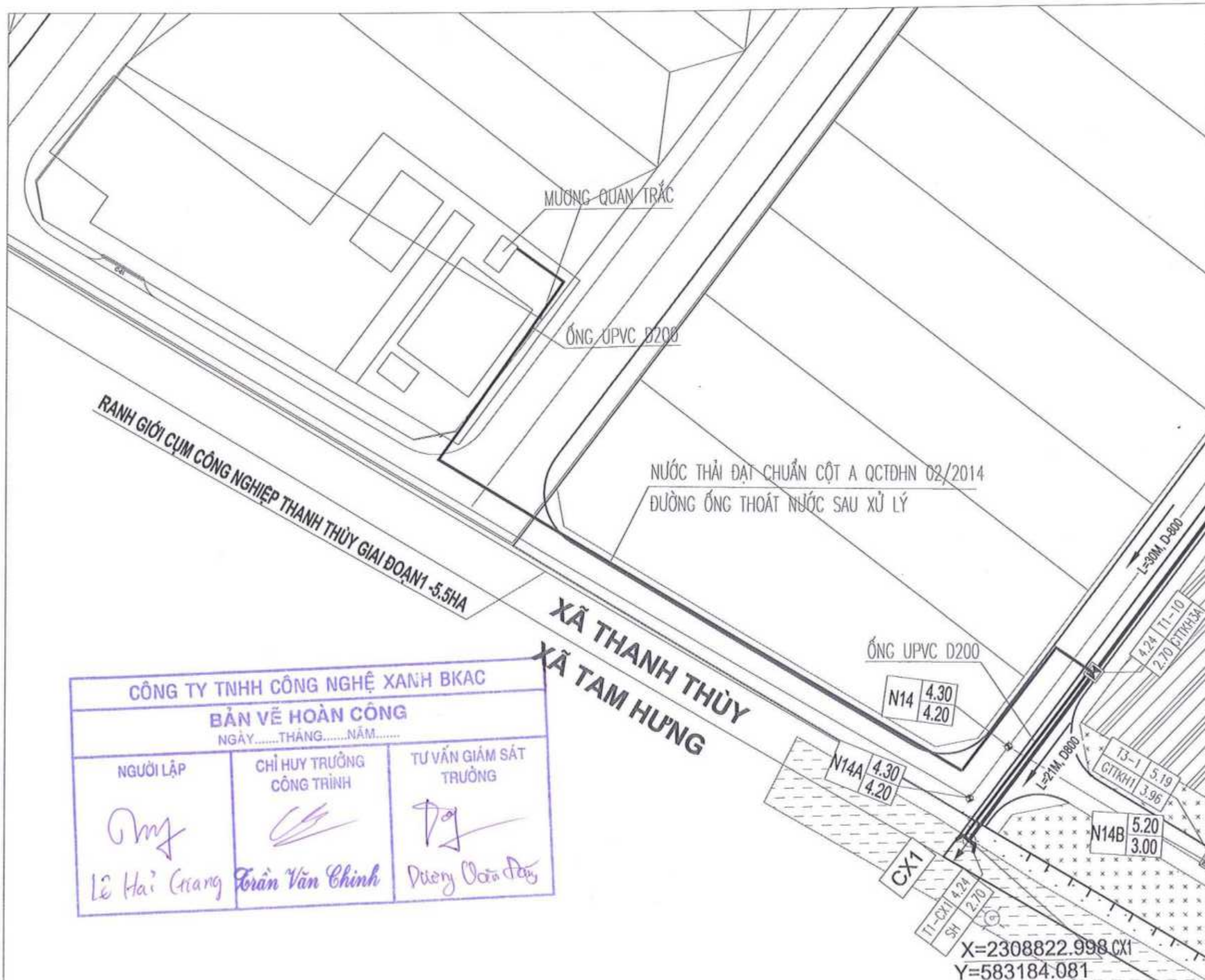
THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỒ GA BỎ SUNG
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

KÝ HIỆU/ SYMBOL:	MBDV-04
------------------	---------

SỐ LẦN SỬA:



CÔNG NƯỚC THẢI VỀ BỂ GOM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

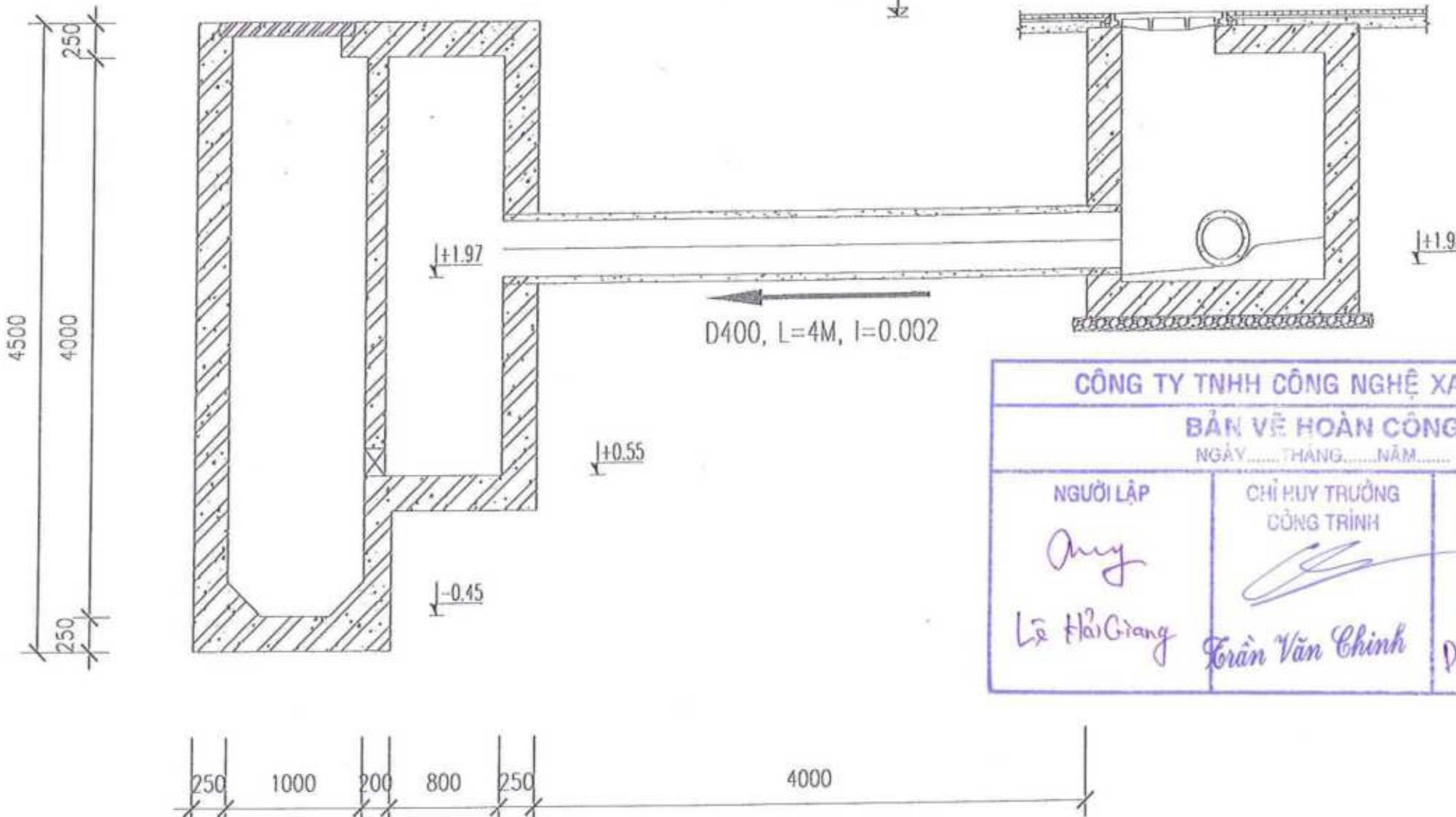
Theo Văn bản số 66/2022/KSTP.

ngày.../...tháng.../...năm 2022.

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

CAO ĐỘ HOÀN THIỆN

HỒ GA CUỐI HỆ THỐNG THU GOM



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

[Signature]
Lê Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

[Signature]
Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

[Signature]
Đặng Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM
[Logo]
ĐỊA CHỈ: SỐ 1 NGÕ 101 PHỐ ĐOÀN CƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG
ĐOÀN CƯỜNG KIỆT, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI
ĐT: 024 3973 3377, 024 3973 3377 - email: info@thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY

HDC
Unit 10 - Hanoi - Vietnam

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL, JSC

ĐỊA CHỈ: SỐ 22, PHỐ BÀ LÁ, PHƯỜNG PHỐ LÁ
QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DIỆN THOẠI/ TEL: 0886 157 899 - 0886 139 166

WEBSITE: WWW.HDTHUDODO.COM.VN

Email: congtyhdthudodo@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN
HD THỦ ĐỘ

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

[Signature]
NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

[Signature]
ĐẶNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNOLOGIES

[Signature]
NGUYỄN HỮU THỌ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

CÔNG THU NƯỚC THẢI VỀ BỂ GOM

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THỦ CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG.../2022...

KÝ HIỆU/ SYMBOL: CNT - BG

SỐ LẦN SỬA:

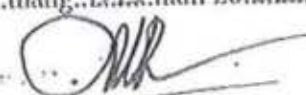
PHẦN XÂY DỰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

 **PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số 40A/20.22/CC.N/T

Ngày 17 tháng 12 năm 2022.....

Ký tên: 

DANH MỤC BẢN VẼ XÂY DỰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2021...KQ.T.T.

ngày.../...tháng.../...năm 2021...

Chủ trì bộ môn kỹ lên: *Be*

STT	SỐ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	KHO GIẤY
01	DMBV-XD	DANH MỤC BẢN VẼ XÂY DỰNG	A3
02	XD-01	MẶT BẰNG KHỐI BỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
03	XD-02	MẶT BẰNG LAN CAN, NẮP THĂM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
04	XD-03	MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ CHỜ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
05	XD-04	MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
06	XD-05	MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
07	XD-06	MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
08	XD-07	MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
09	XD-08	MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
10	XD-09	MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

Amey

Lê Hồ Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

CS

Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

fcuf

Đường Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1700 Hà Nội, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 6729999, 024 2111 4311 - email: thenglong.vn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 0868 157 899 - 0868 139 166
Website: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN
Email: contact@hoanhhthudo@gmail.com

TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO

DUONG VAN THANH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

Be

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ DESIGN + DRAWING

Amey

DUONG VAN DANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

Be

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm xây dựng CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

DANH MỤC BẢN VẼ PHẦN XÂY DỰNG

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO XINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../2021...

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-DMBV

SỐ LẦN SỬA:

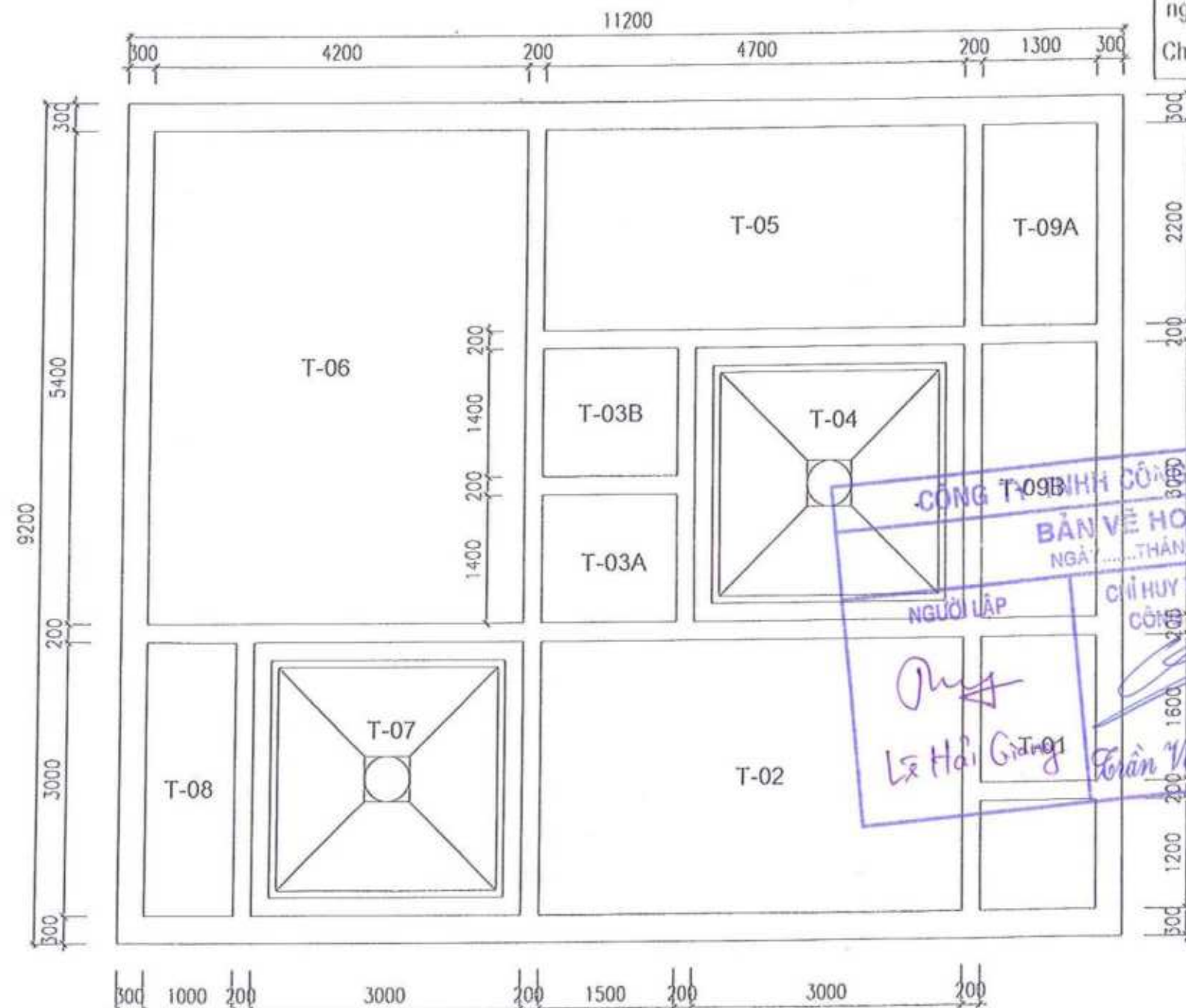
MẶT BẰNG KHỐI BỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & O

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/L.KK.TT...
ngày 14...tháng 02...năm 2022...

Chủ trì bộ môn kỹ tên: *VS*



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Độc lập, Phường
Đống Đa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Mã số thuế: 0314819978, Email: info@thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL JSC
Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 0866 157 899 - 0866 139 166
Website: www.hdthudo.com.vn
Email: congtycophanhdthudo@gmail.com



CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

VS
NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

VS
ĐƯƠNG VĂN DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES

VS
NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M³/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

MẶT BẰNG KHỐI BỂ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

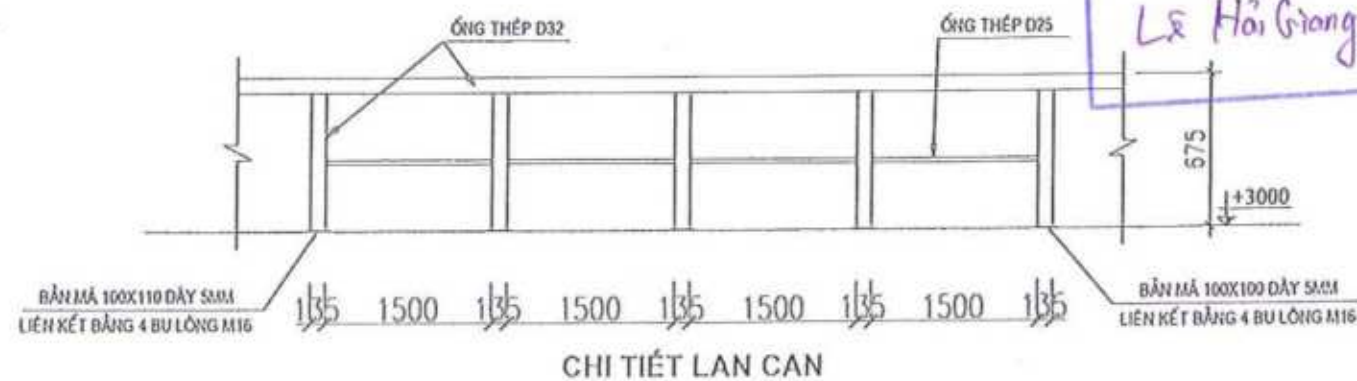
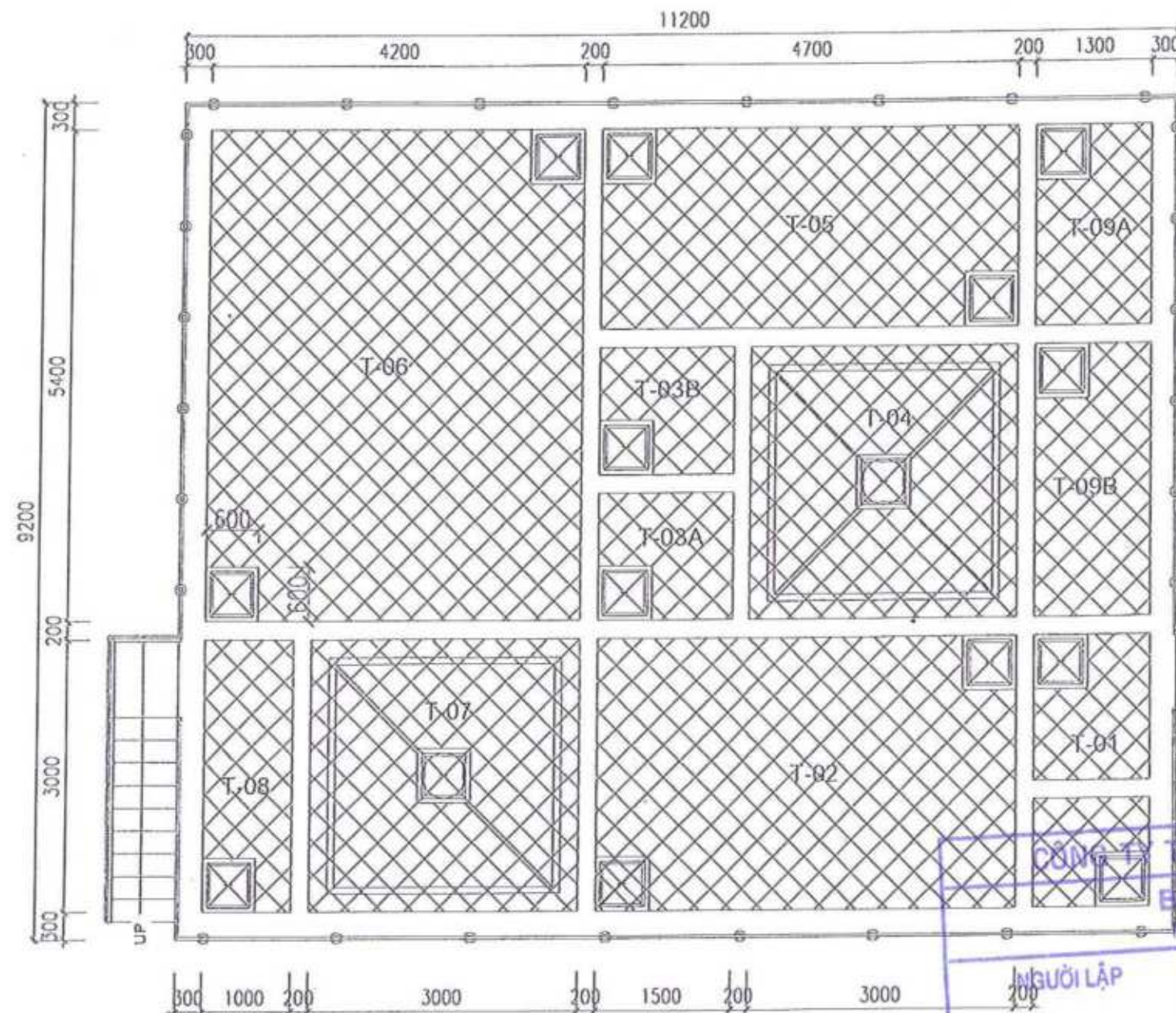
BỘ HỒ SƠ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN TIỄN/ ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU/ SYMBOL: XD-01

SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG LAN CAN NẮP THẨM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/KQ.TN.
ngày...tháng...năm 2022.
Chủ trì bộ môn ký tên: *HS*

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Đặng Công Hạ, Phường
Đống Côi, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
M: 09171369, 0911111111 - email: kienphat@thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY

HDC
LƯU LƯU - PHỒN - CHUẨN

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL JSC
Địa chỉ: Số 22, Phố Ba La, Phường Phú Lãm,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 0866 157 899 - 0866 139 166
Website: www.hdthudo.com.vn
Email: congtyhdthudo@gmail.com

CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN / PROJECT MANAGER

CỔ PHẦN
HD THỦ ĐỘ

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

HS

NGUYỄN HẢI THỌ

THIẾT KẾ + VẼ DESIGN + DRAWING

HS

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

HS

NGUYỄN HẢI THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

ANG NGHỆ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG LAN CAN, NẮP THẨM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG.../2022...

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-02

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

HS

Lê Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

HS

Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

HS

Dương Văn Đăng

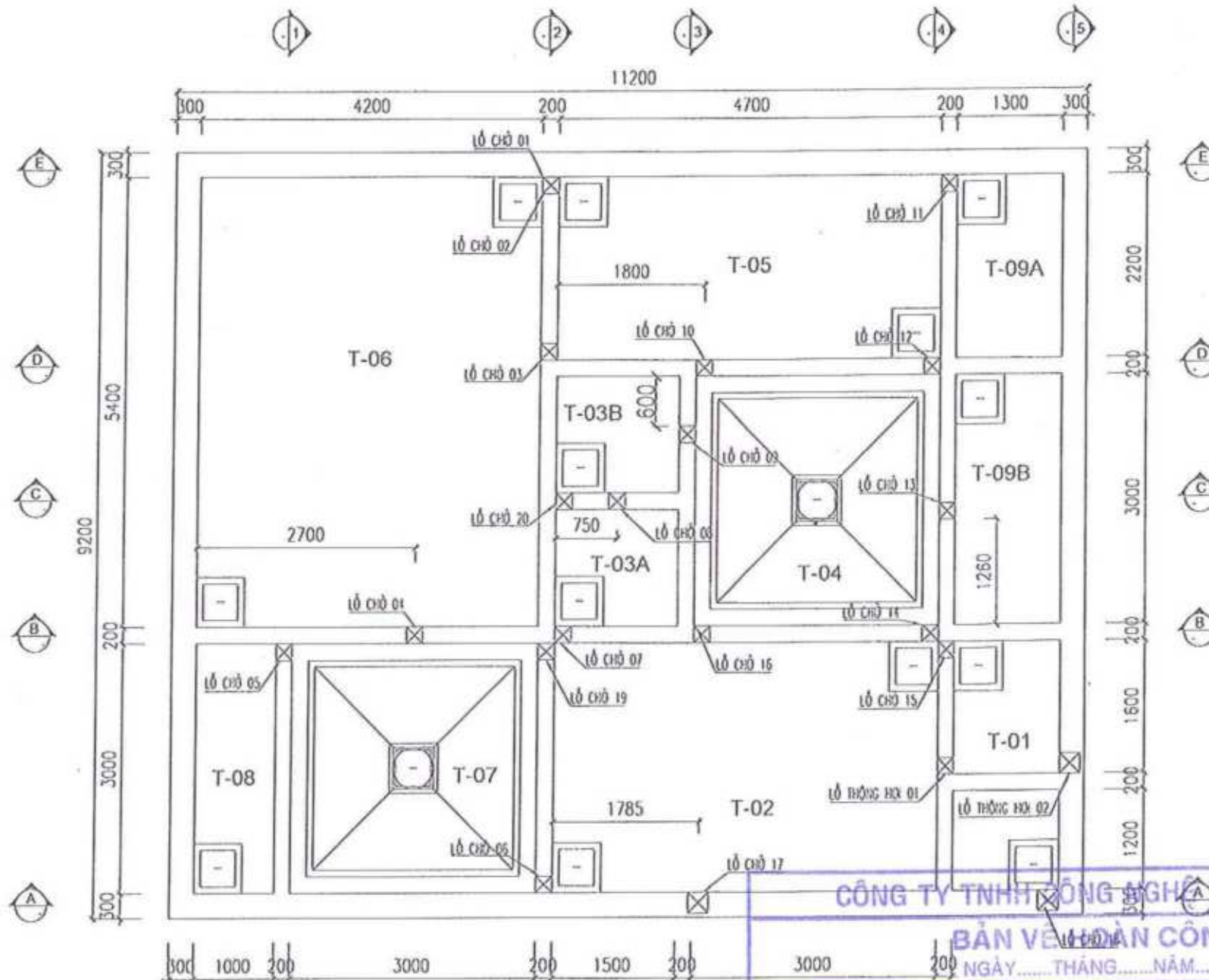
MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ CHỜ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06.1822.1.KT.9...
ngày 14...tháng 02...năm 2022.

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

NGƯỜI LẬP

[Signature]

CHỈ MẠY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

[Signature]

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

[Signature]

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Địch Công, Phường
Đống Đa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Mã: KAMTH09, KAMTH01 - mã: 0000000000000000

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ

HD CAPITAL JSC
Địa chỉ: Số 22, Phố Ba La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL: 0866 157 899 - 0866 139 166
Website: HTTP://WWW.HOTHUODO.COM.VN
Email: co.phan.hdthudo@gmail.com



CHỦ TRƯỞNG ĐOÀN GENERAL MANAGER

CỔ PHẦN

HD THỦ ĐÔ

PHÓ GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/CHIEF DESIGN

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING

[Signature]

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG LỖ CHỜ

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THỰC CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

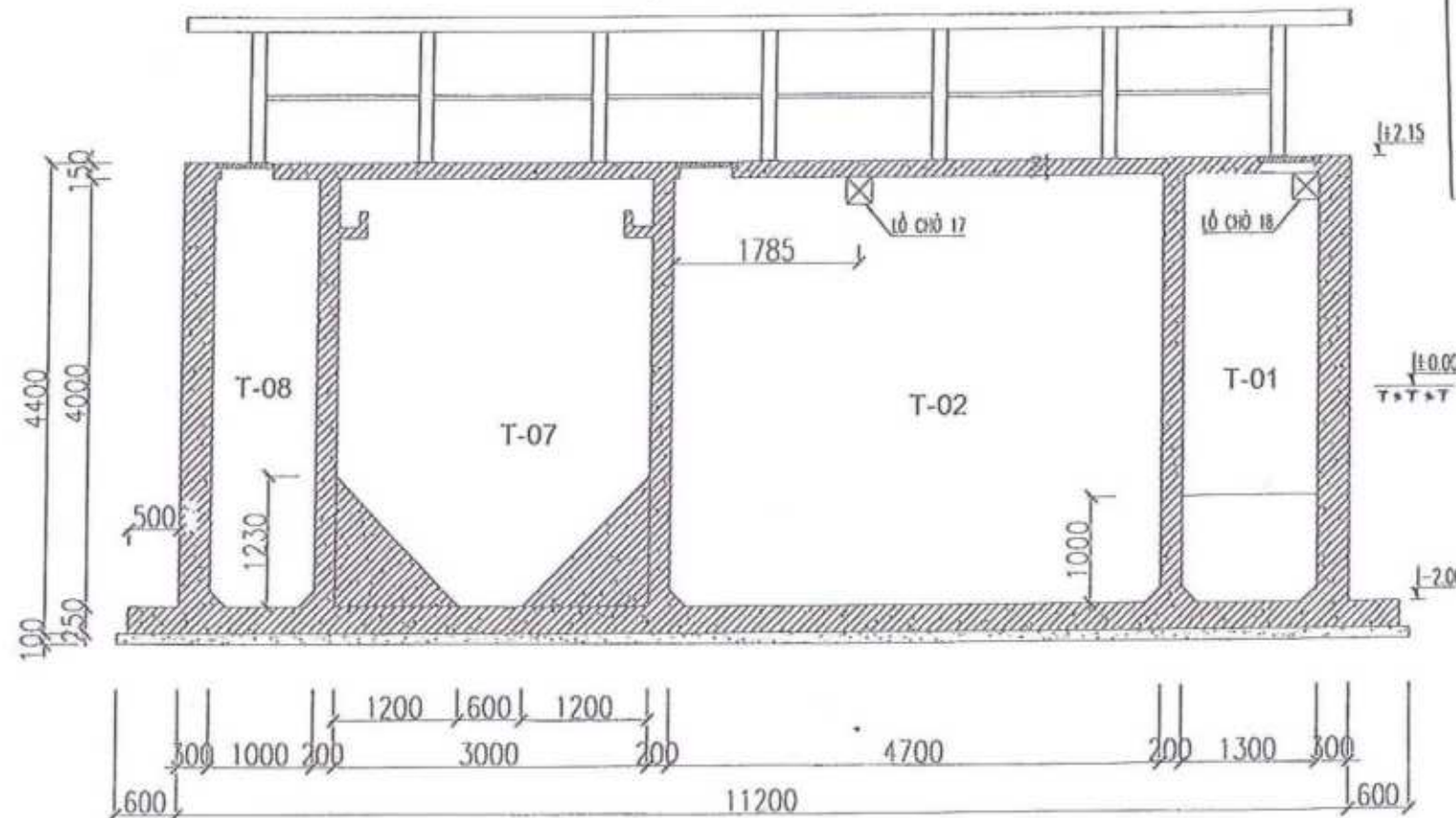
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-03

SỐ LẦN SỬA:

MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT A-A



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

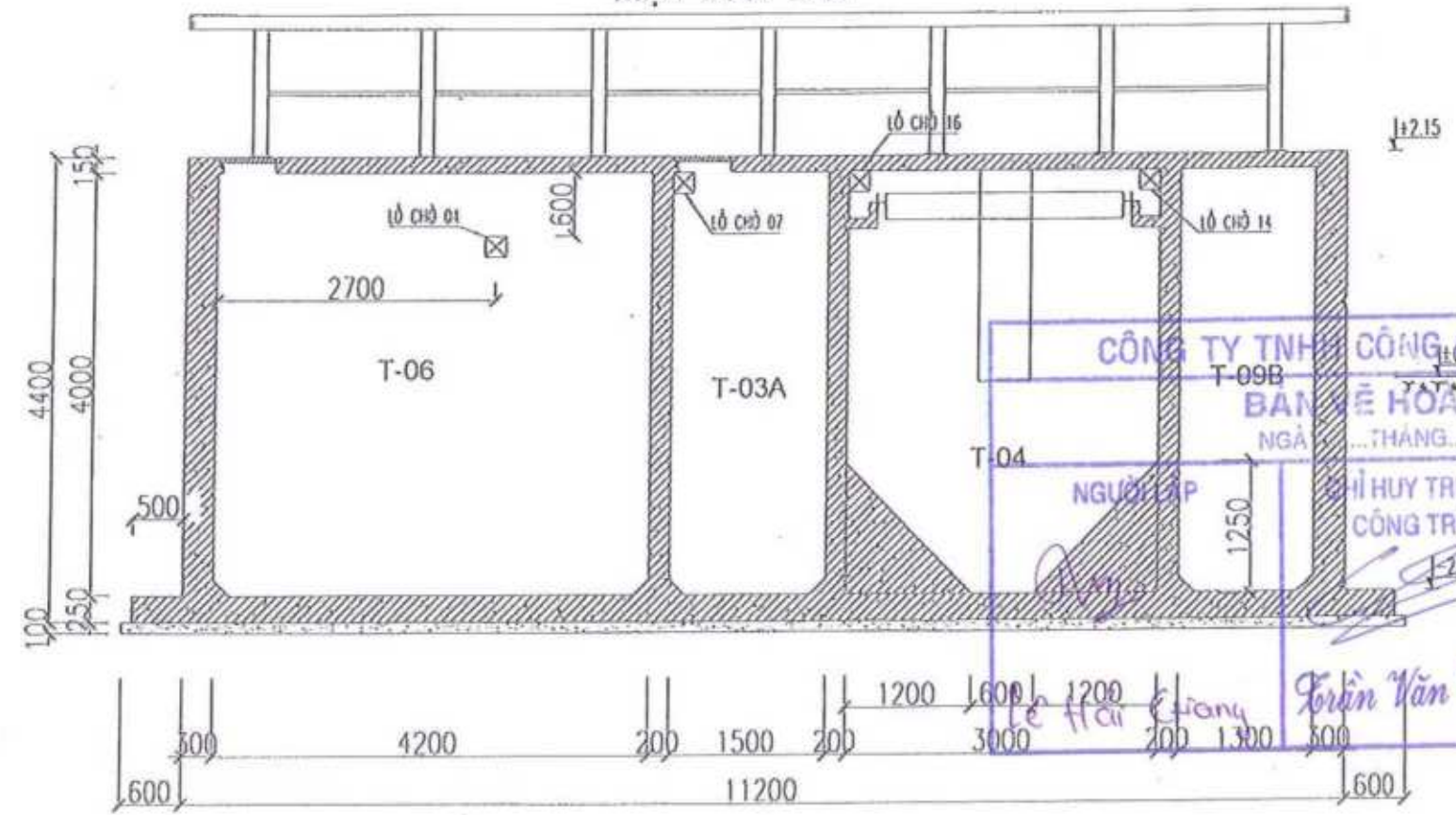
Theo Văn bản số 06/1022.1.KCT.V...
ngày.../...tháng.../...năm 2022...

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

MẶT CẮT B-B



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.../...THÁNG.../...NĂM...

NGƯỜI LẬP: *[Signature]*

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *[Signature]*

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: *[Signature]*

Trần Văn Chính

Nguyễn Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

[Logo]

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 101 Phố Ngọc Hồi, Phường
Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 024 3723 000, 024 3723 400 - Email: htl@tlvn.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY

HDC

Thiết kế - Dự toán - Giám sát

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: TEL : 0868 157 899 - 0868 139 166
Website: <http://www.hdthudo.com.vn>
Email: info@hdthudo.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HD THỦ ĐO

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ • VẼ/ DESIGN • DRAWING

[Signature]

DƯƠNG VĂN BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT CẮT NGANG
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO XÍNH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

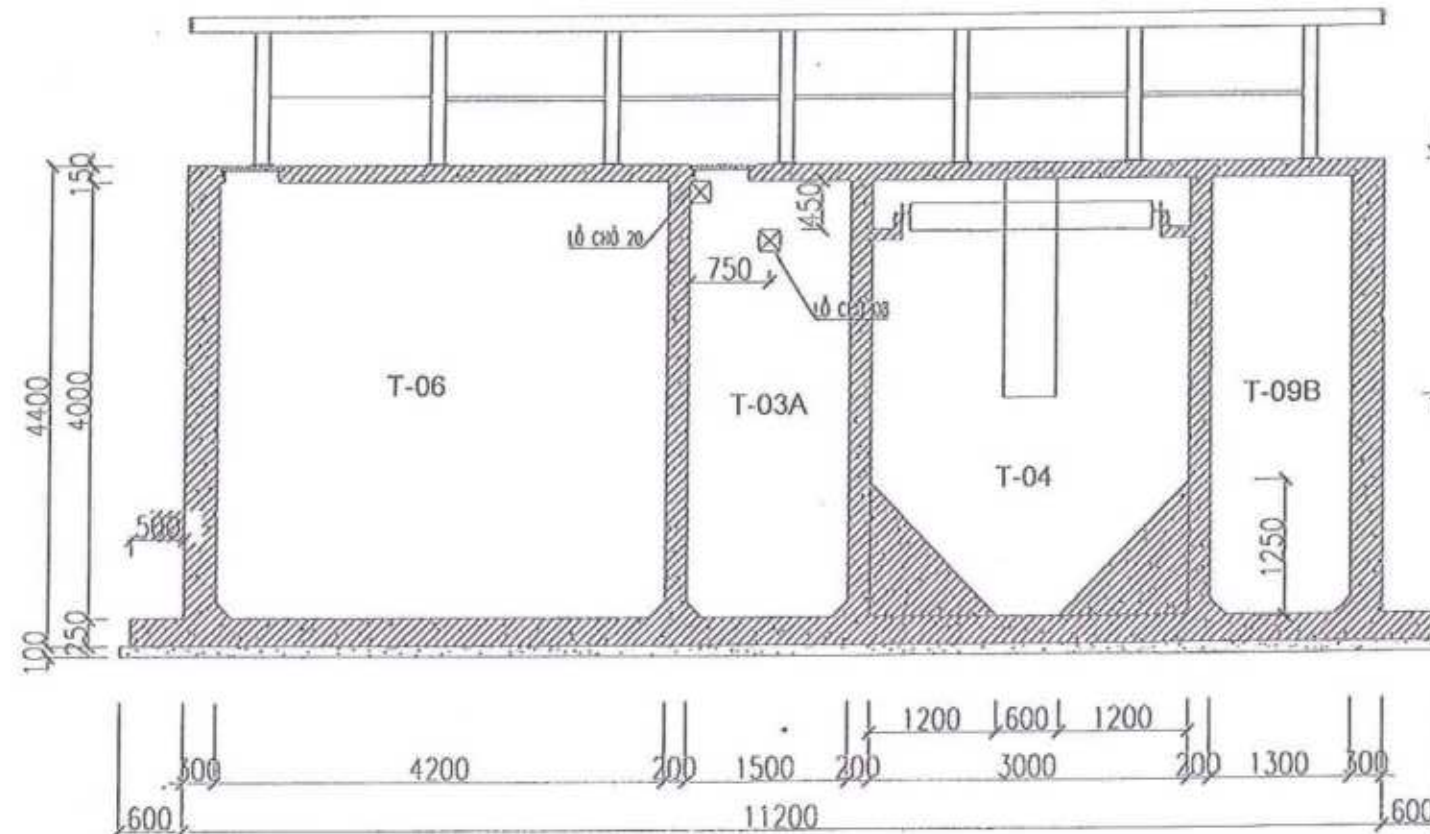
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-04

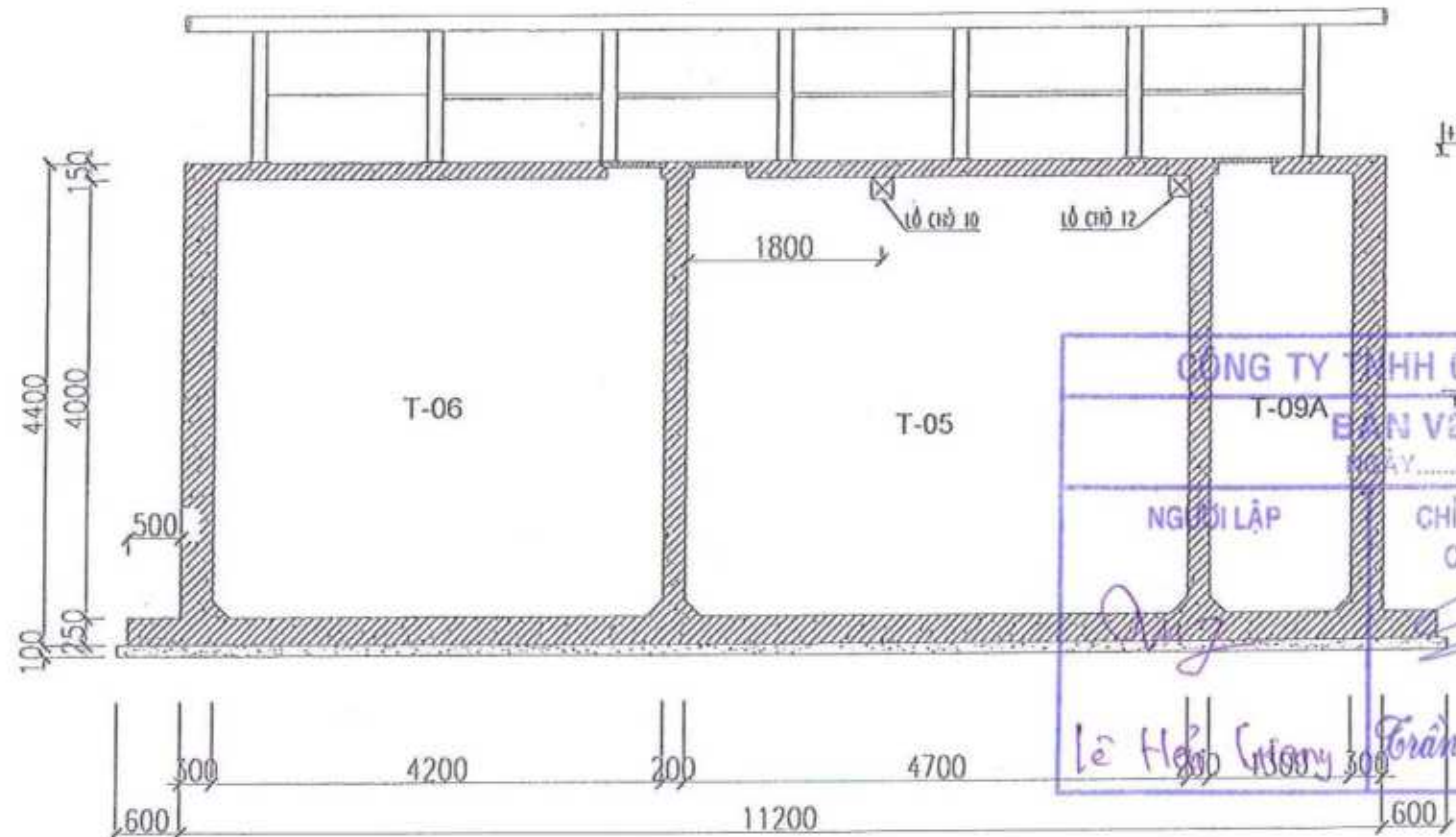
SỐ LẦN SỬA:

MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số CC.120211...KKT/...

ngày.../...tháng.../...năm 2022...

Chủ trì bộ môn ký tên: /s/

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể lọc bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

THÁNG.../...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Lê Hồng Cường

Trần Văn Chính

Nguyễn Văn Thành

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 104 Phố Ngọc Hồi, Phường
Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Mã: 04.071.999, 04.071.421 - Mã đăng ký: 04.071.999

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Đa Lã, Phường Phố Lã,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL: 0866 157 899 - 0866 130 166
Website: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN
Email: ctyhdthudo@gmail.com



CHỦ TRÍ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING

DUYNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT CẮT NGANG
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

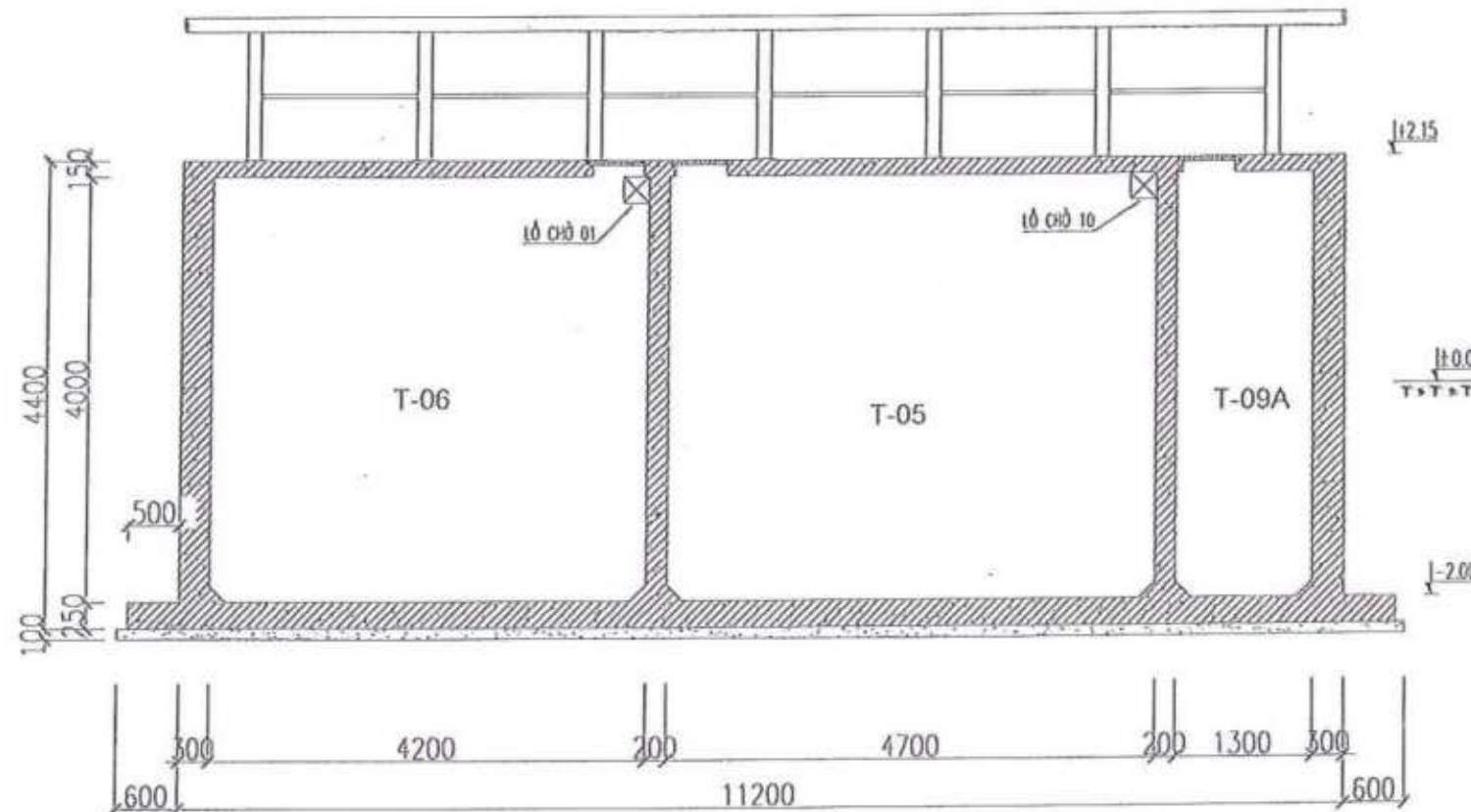
HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../.../...

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-05

SỐ LẦN SỬA:

MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT E-E



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2021...K.T.T.

ngày 14...tháng 02...năm 2021.

Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 141 Phố Đồng Công, Phường Đồng Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 0912.200.841/0912.121 - mail: thonglong.vn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ

HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/ TEL: 0966 157 899 - 0966 139 166

Website: HTTP://WWW.HDTHUODOO.COM.VN

Email: info@hdthuodo.com

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

MẶT CẮT NGANG

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG 02/2021

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-06

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

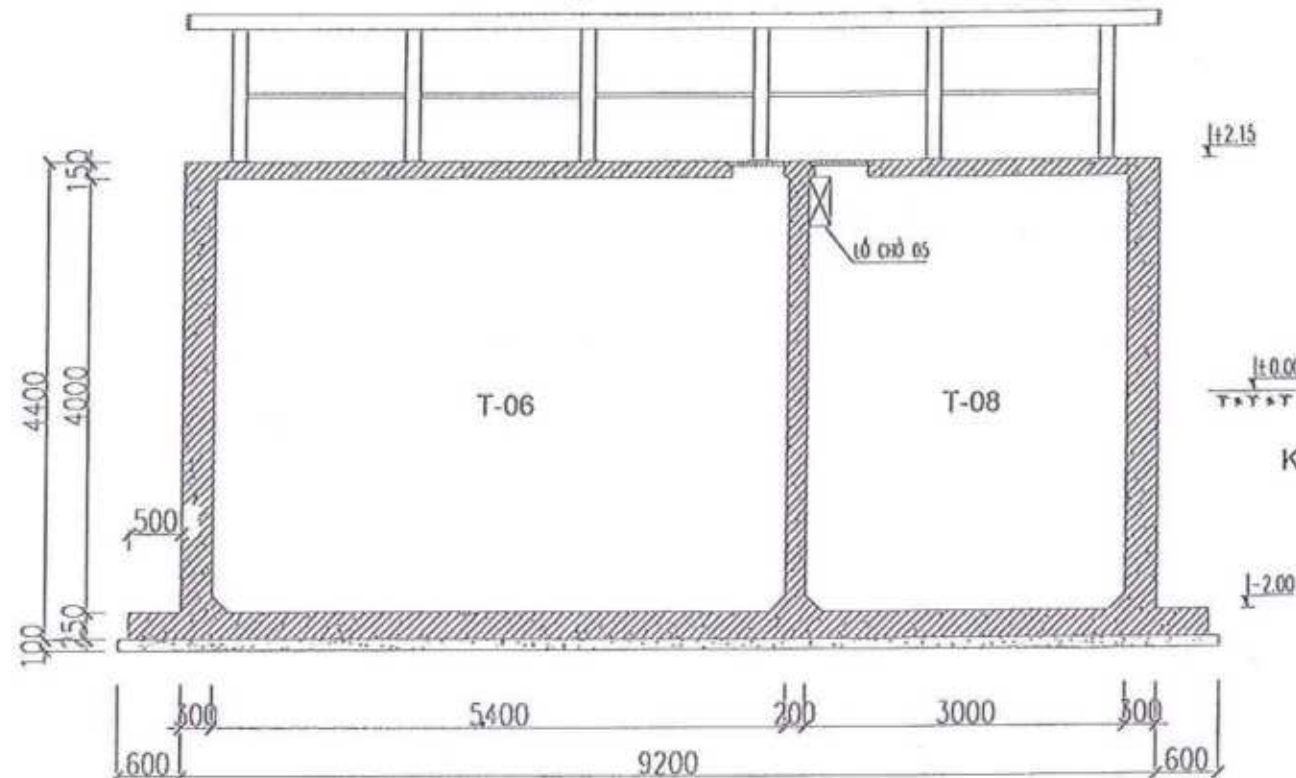
Lê Hải Giang

Trần Văn Chính

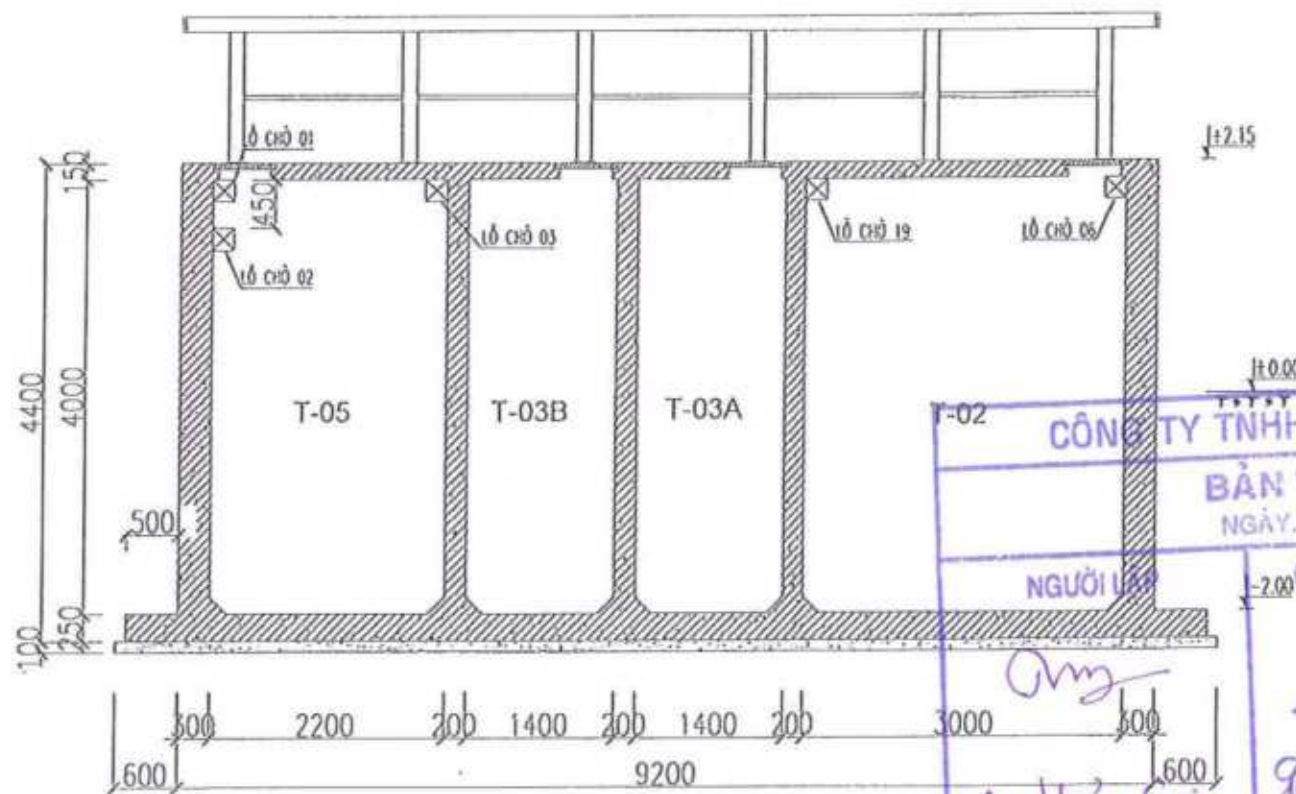
Dương Văn Đăng

MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 66/2022.1...K&D

ngày 14/...tháng 02...năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

[Signature]
Lê Hải Cường

[Signature]
Trần Văn Chính

[Signature]
Đặng Văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1100/101 Phố Đông Hưng, Phường
Đông Hưng, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Mã: K&D/2022/01 - Mã: K&D/2022/01

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/ TEL: 0988 157 899 - 0888 139 166
Website: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN
Email: cdkh@hathuodo.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

[Signature]

DƯƠNG VĂN BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

MẶT CẮT DỌC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THỦ CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

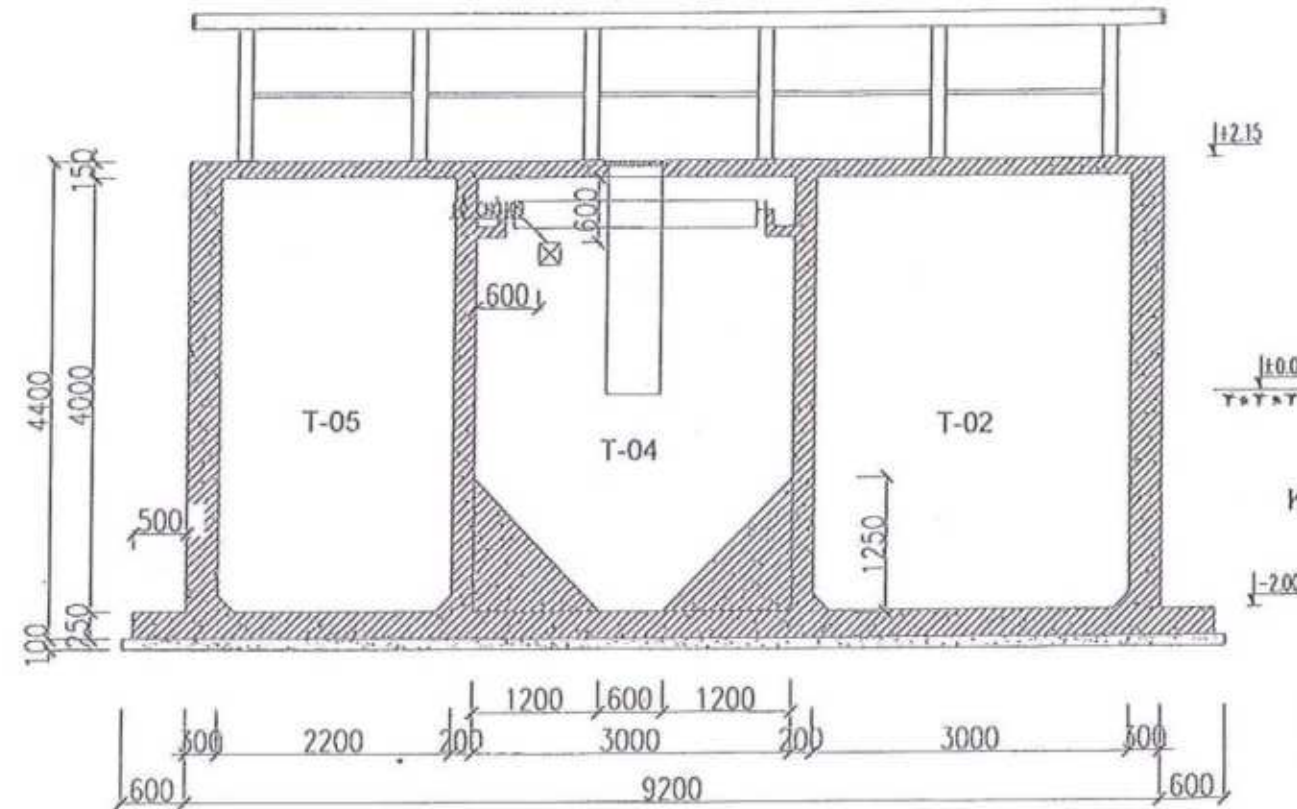
HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG.../2022...

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-07

SỐ LẦN SỬA:

MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 66/2022/TK.ĐTN.

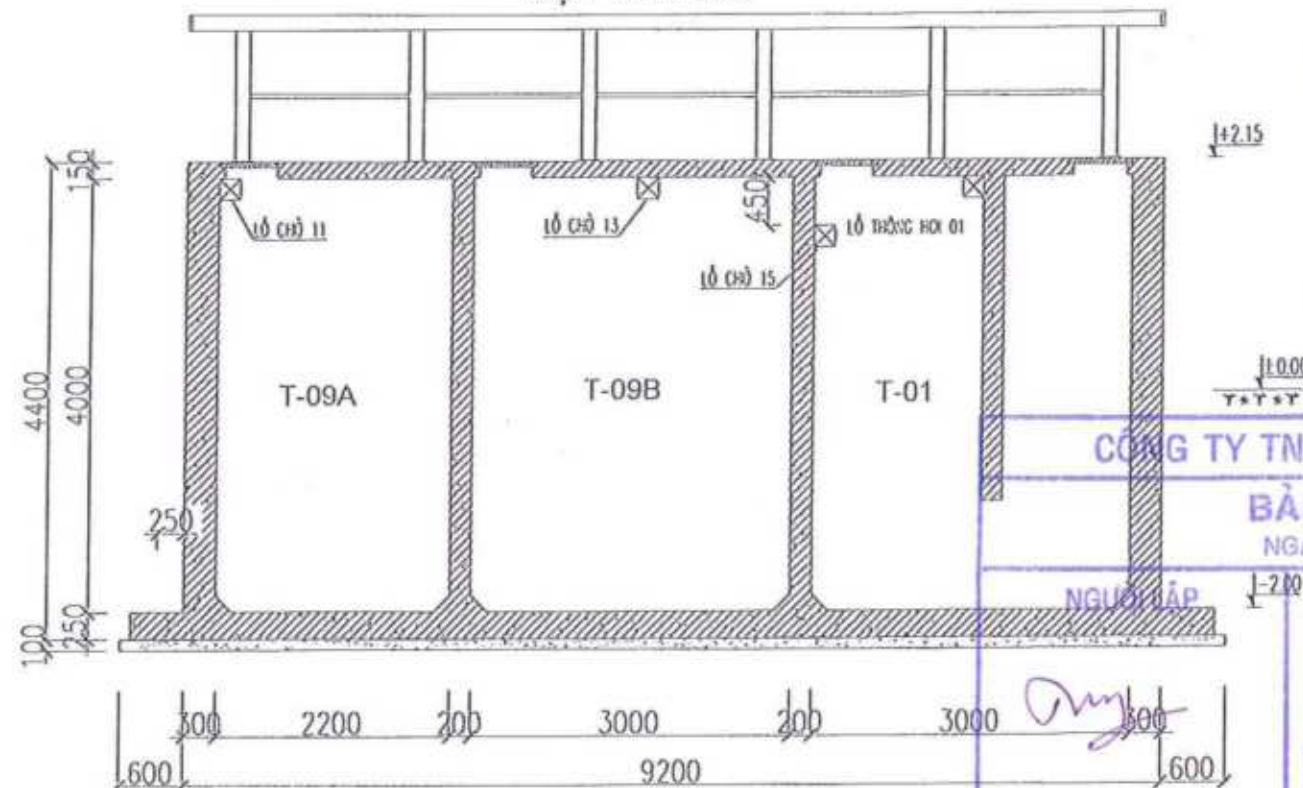
ngày 14...tháng 02...năm 2022.

Chủ trì bộ môn ký tên:

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

MẶT CẮT 4-4



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Le Hai Giang

Trần Văn Chính

Nguyễn Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: số 1 Ngõ 10 Phố Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng,
Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 024 3821 1111 - website: thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/ TEL: 086 157 899 - 086 139 166
Website: http://www.hdthudo.com.vn
Email: ctyhdthudo@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN

HD THỦ ĐO

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

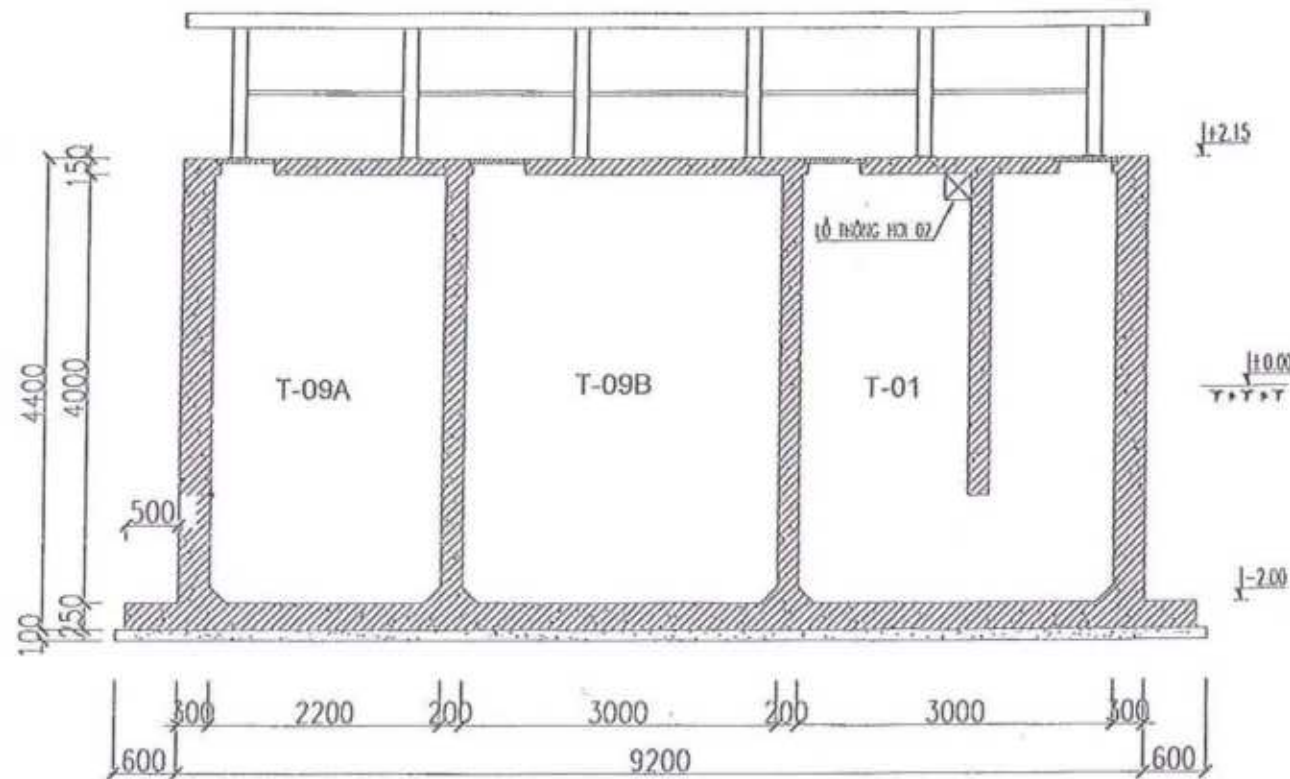
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 5-5



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerolank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Lê Hải Giang	Trần Văn Chính	Đương Văn Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/CTN.

ngày...tháng...năm 2022.

Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 104 Phố Nguyễn Công Hà, Phường
Đống Cống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Mã số thuế: 0313991231 - Mã số đăng ký doanh nghiệp: 0313991231

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL: 086 157 899 - 086 139 166
Website: <http://www.hdthudo.com.vn>
Email: coophy@hdthudo.com

CHỦ TRƯỞNG/ GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

MẶT CẮT DỌC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG.../2022

KÝ HIỆU SYMBOL: XD-09

SỐ LẦN SỬA:

PHẦN KIẾN TRÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

❖ **PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: Đ/A/2.022/CCNT

Ngày: 17 tháng 02 năm 2022

Ký tên: 

DANH MỤC BẢN VẼ KIẾN TRÚC

STT	SỐ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	KHỔ GIẤY
01	DMBV-KT	DANH MỤC BẢN VẼ KỸ THUẬT	A3
02	KT-01	MẶT BẰNG TẦNG 1	A3
03	KT-02	MẶT ĐỨNG TRỤC A/1-4	A3
04	KT-03	MẶT BẰNG TẦNG 2	A3
05	KT-04	MẶT ĐỨNG TRỤC 1/B-A	A3
06	KT-05	MẶT BẰNG TẦNG MÁI	A3
07	KT-06	MẶT CẮT 1-1	A3
08	KT-07	MẶT BẰNG NỀN TẦNG 1	A3
09	KT-08	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỬA TẦNG 1	A3
10	KT-09	MẶT BẰNG NỀN TẦNG 2	A3
11	KT-10	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỬA TẦNG 2	A3
12	KT-11	MẶT BẰNG TRẦN TẦNG 2	A3
13	KT-12	CHI TIẾT CỬA	A3
14	KT-13	MẶT BẰNG TẦNG MÁI	A3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & O

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022...K&O...
ngày 14...tháng 02...năm 2022...

Chủ trì bộ môn ký tên: *HS*

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 104 Phố Dền Công Xã, Phường
Đống Đa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.3755.1111 - Email: tanglong.vn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY

HDC

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phú Lả
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/TEL: 0826 157 899 - 0826 139 106

Website: <http://www.hdthudo.com.vn>
Email: info@hdthudo.com.vn

TỔNG QUẢN LÝ/GENERAL MANAGER

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HD THỦ ĐỒ

ĐƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

Đương Văn Thành

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

THIẾT KẾ • VẼ/ DESIGN • DRAWING

Đương Văn Đăng

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGER/ TECHNIQUES

Nguyễn Hữu Thọ

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

DANH MỤC BẢN VẼ KIẾN TRÚC

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL: DMBV-KT

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Lê Hải Giang</i>	<i>Trần Văn Chính</i>	<i>Đương Văn Đăng</i>

MẶT BẰNG TẦNG 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & O

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022...KKT...

Ngày.../.../...tháng.../...năm 2022...

Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THƯƠNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ số 1 Ngõ 4 Phố Ngọc Hồi, Phường
Ngọc Hồi, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Số: 024.3911.1111 - 024.3911.1112

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phúc La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 024 157 899 - 024 139 168

Website: www.hdthudoc.com.vn

Email: congtyhdthudoc@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ

HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phúc La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 024 157 899 - 024 139 168

Website: www.hdthudoc.com.vn

Email: congtyhdthudoc@gmail.com

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/CHIEF DESIGNER

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/MANAGEMENT TECHNICIANS

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG 1

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../.../2022...

KÝ HIỆU SYMBOL: KT-01

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.../.../...THÁNG.../...NĂM...

NGƯỜI LẬP

4

Nguyễn Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG

5

Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TRƯỞNG

Đặng Văn Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/KQT.T

ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên: *Ng*

MẶT ĐỨNG TRỰC A/1-4

TÔN UP NÓC DÂY 0,4MM

TÔN XỐP CHỐNG NÓNG DÂY 0,45MM

MÀU HIỆN DƯỠNG TÔN XỐP CHỐNG NÓNG DÂY 0,45MM

DIỂM MÀU DƯỠNG TÔN THƯỜNG DÂY 0,45MM

TƯỜNG SƠN 3 LỚP KHÔNG BÀ, 2 LỚP LỢT, 1 LỚP PHỦ

MÀU SẮC CHỦ ĐẦU TƯ CHỈ ĐỊNH

LÀN CÁN INOX 304 CAO 1M

BẾC THANG XÂY GẠCH ĐẸC

MẶT BẾC ỐP GẠCH TẠO NHẢM CHỐNG TRƠN

TƯỜNG SƠN 3 LỚP KHÔNG BÀ, 2 LỚP LỢT, 1 LỚP PHỦ

MÀU SẮC CHỦ ĐẦU TƯ CHỈ ĐỊNH



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TRƯỞNG

Lê Hải Giang

Trần Văn Chính

Đặng Văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Dục Công Hoà, Phường
Đức Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 0947899888, 0947898887 - Email: thanglong.vn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La

Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/TEL: 0886 157 899 - 0886 139 165

Website: <http://www.hdthudo.com.vn>

Email: info@hdthudo.com

Người đại diện pháp luật/LEGAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/CHAIR DESIGN

ĐẶNG VĂN DŨNG

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING

ĐẶNG VĂN DŨNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GP2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm xây dựng/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG TRỰC A/1-4

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL: KT-02

SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG TẦNG 2

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & Đ

THẨM TRA

Thao Văn bản số 06/2022.K&T.V

Ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên: /S/

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 1M Phố Ông Công Hà, Phường Ông Công Hà, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 024.39.999.999 - Email: info@thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22 Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 026 157 899 - 0888 139 166
Website: http://www.hdthudo.com.vn
Email: info@hdthudo.com



CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

Dương Văn Đăng

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

Dương Văn Đăng

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGER TECHNIQUES

Nguyễn Hữu Thọ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG 2

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: THÁNG 02/2022

KÝ HIỆU SYMBOL: KT-03

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY: 14/02/2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Ang	CS	Ang
Le Hai Giang	Trần Văn Chính	Phạm Văn Phòng

MẶT ĐỨNG TRỰC 1/B-A

TÔN UP NÓC DÀY 0,4MM

TÔN XỐP CHỐNG NÓNG DÀY 0,45MM

TƯỜNG SƠN 3 LỚP KHÔNG BÀ, 2 LỚP LỢT, 1 LỚP PHỦ
MÀU SẮC CHỦ ĐẦU TƯ CHỈ ĐỊNH

LAM CÁN INOX 304 CAO 1M

TƯỜNG SƠN 3 LỚP KHÔNG BÀ, 2 LỚP LỢT, 1 LỚP PHỦ
MÀU SẮC CHỦ ĐẦU TƯ CHỈ ĐỊNH

CỬA KHUNG THÉP, LAM TÔN BÊN TRONG CÓ LƯỚI CHẼM CÔN TRÙNG

TƯỜNG SƠN 3 LỚP KHÔNG BÀ, 2 LỚP LỢT, 1 LỚP PHỦ
MÀU SẮC CHỦ ĐẦU TƯ CHỈ ĐỊNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D
THẨM TRA
Theo Văn bản số 06/2021/KĐ.TT.
ngày 14 tháng 02 năm 2022
Chủ trì bộ môn ký tên: H.S.

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Ngõ Cổ Ngõ Hà, Phường
Đông Ngõ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: 024 3919 0000, 024 3919 0001 - Email: thanglong.vn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL JSC
Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL: 0866 157 699 - 0866 139 165
Website: http://www.hdthudo.com.vn
(Email: congty.hdthudo@gmail.com)

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HD THỦ ĐỘ
DƯƠNG VĂN ĐĂNG
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING
DƯƠNG VĂN ĐĂNG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGER TECHNIQUES
NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỆ THANH THỦY - GD2
HẠNG MỤC/ITEM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE
THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE
MẶT ĐỨNG TRỰC 1/B-A

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

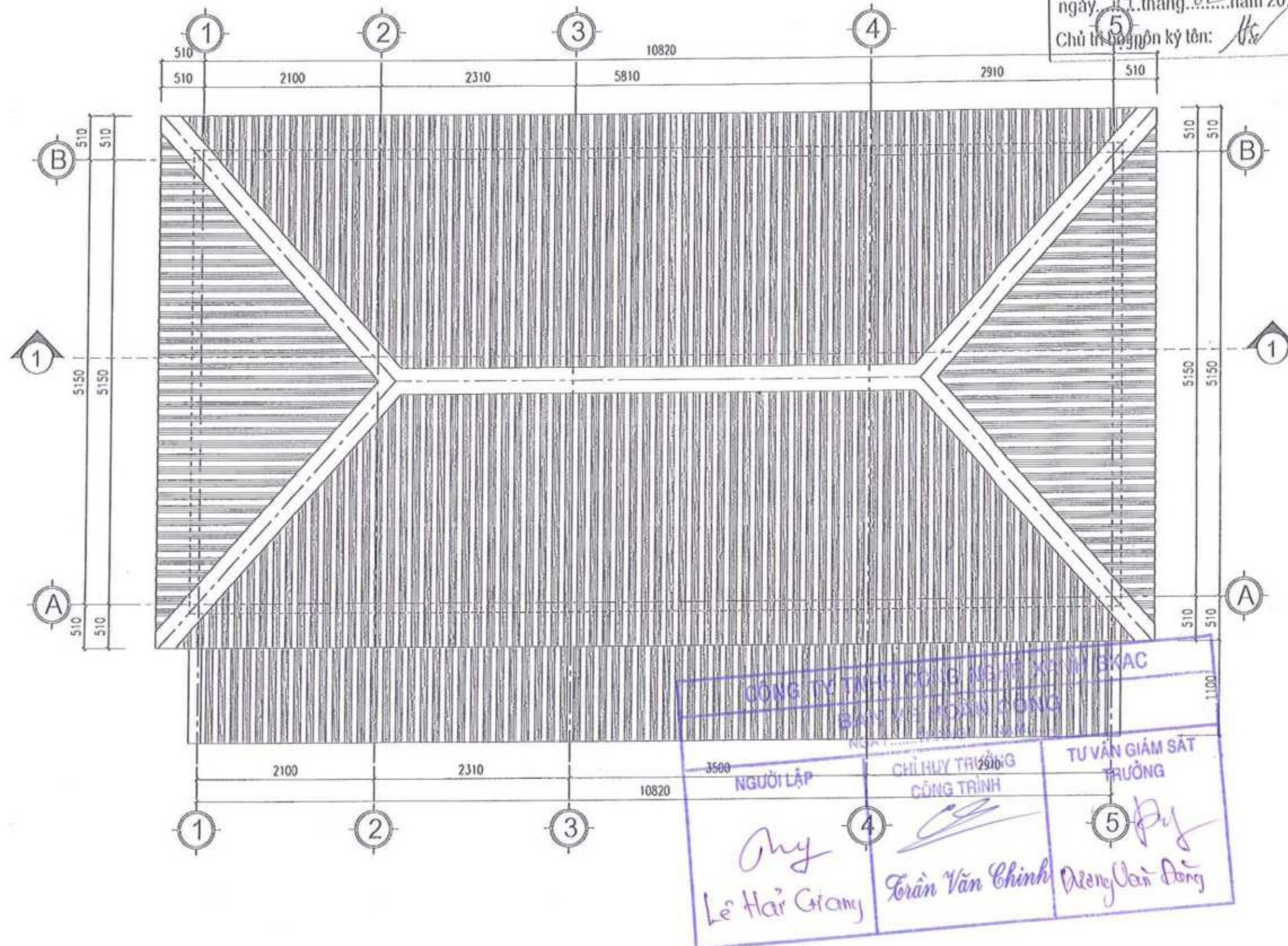
HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG 12/2021

KÝ HIỆU SYMBOL: KT-04

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 2022
NGƯỜI LẬP: Lê Hải Cường
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: Trần Văn Chính
TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: Dương Văn Đăng

MẶT BẰNG TẦNG MÁI



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D
THẨM TRA
 Theo Văn bản số 06/2021/KQTT
 ngày 14 tháng 02 năm 2022
 Chủ trì đồng ý ký tên: *HS*

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTORS
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
 THƯƠNG LONG VIỆT NAM

 ĐỊA CHỈ SỐ 1 NGŨ HẠ PHỐ CÔNG HÀ, TỈNH HÀ
 NỘI CÔNG, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI
 M: 024.4111.1111, 024.2211.1111 - email: tolong@tlvn.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANCY

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
 HD CAPITAL JSC
 ĐỊA CHỈ SỐ 22, PHỐ BA LÁ, PHƯỜNG PHỐ LÁ
 QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 ĐIỆN THOẠI TEL : 0866 157 899 - 0888 139 166
 EMAIL: ctyhdthudo@gmail.com, hdtudo@gmail.com

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / CHAIR DESIGN

 DƯƠNG VĂN ĐỒNG

THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING

 DƯƠNG VĂN ĐỒNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

 NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN / PROJECT PROJECT
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
 KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
 LÃNG NGHỆ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC / ITEM
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / CONSTRUCTION SITE
 THÔN GIA VINH, XÃ THANH
 THỦY, HUYỆN THANH OAI,
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
 MẶT BẰNG TẦNG MÁI

**BỘ HỒ SƠ : BẢO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
 (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
 SETS: DESIGN DRAWINGS**

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG 02/2022

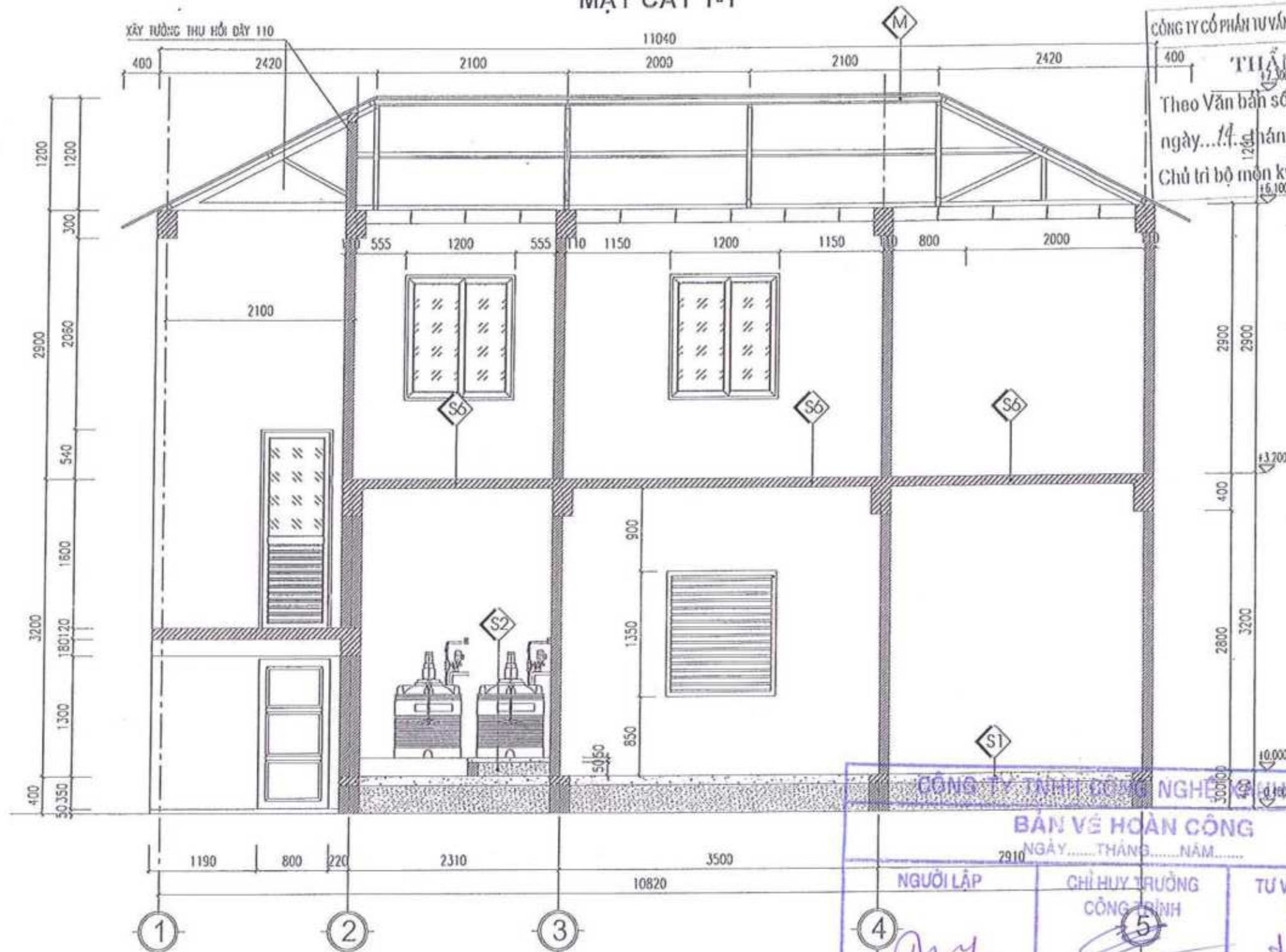
KÝ HIỆU SYMBOL: KT-05

SỐ LẦN SỬA:

GHI CHÚ

- TÔN CHỐNG NÓNG SỬ DỤNG TÔN XÓP 3 LỚP CHIỀU DÀY TÔN 0,45MM

MẶT CẮT 1-1



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D
THẨM TRA
 Theo Văn bản số 06/2022/KAT/...
 ngày...14...tháng...02...năm 2022...
 Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

 Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Ngọc Hồi, Phường
 Ngọc Hồi, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
 Mã số thuế: 0311399, 03111431 - Email: *[Email Address]*

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL, JSC
 Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phú Lã
 Quán, Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
 Điện thoại/TEL: 066 157 899 - 066 139 166
 Website: www.hdthudo.com.vn
 Email: *[Email Address]*

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL, JSC
 Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phú Lã
 Quán, Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
 Điện thoại/TEL: 066 157 899 - 066 139 166
 Website: www.hdthudo.com.vn
 Email: *[Email Address]*

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO
HD CAPITAL, JSC
 Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phú Lã
 Quán, Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
 Điện thoại/TEL: 066 157 899 - 066 139 166
 Website: www.hdthudo.com.vn
 Email: *[Email Address]*

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/CHAU DESIGN
[Signature]
DƯƠNG VĂN ĐĂNG

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING
[Signature]
DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES
[Signature]
NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT PROJECT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GĐ2
HẠNG MỤC/ITEM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE
THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT CẮT 1-1

BỘ SỐ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL: KT-06

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KINH BKAC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NGÀY...THÁNG...NĂM...
 NGƯỜI LẬP *[Signature]* CHỈ HUY TRƯỞNG *[Signature]* TƯ VẤN GIÁM SÁT *[Signature]*
 CÔNG TRÌNH TRƯỞNG
 KÈO MÁI
[Signature]

S1	S2	S6		
- GẠCH LÁT NỀN 600X600	- BÊ TÔNG MÁC 200 DÀY 5CM	- GẠCH LÁT NỀN 600X600	- TÔN XÓP LỢP MÁI DÀY 0,45MM	- XÀ GỖ DÙNG HỘP 40X80X1,8 MẠ KÉM
- VỮA TÔN NỀN MÁC 50# DÀY 5CM	- CÁT TÔN NỀN DÀY 15CM	- VỮA TÔN NỀN MÁC 50# DÀY 5CM	- LỚP VỈ KÈO, XÀ GỖ THÉP HỘP	- KÈO DÙNG HỘP 40X80X1,8 VÀ HỘP 40X40X1,8
- BÊ TÔNG NỀN M100 DÀY 10CM	- BÊ TÔNG NỀN M100 DÀY 10CM	- BÊ TÔNG SÀN M250 DÀY 10CM	- TRẦN THẠCH CAO XƯƠNG NỔI	
- LỚP ĐÁT TÔN NỀN ĐÀM CHẶT K90	- LỚP ĐÁT TÔN NỀN ĐÀM CHẶT K90	- LỚP TRÁT TRẦN DÀY 1,5CM M75#		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

Theo Văn bản số 06/2022/K&T/H.

1310
14 mēģoņi 09-03m 20-22

Ngày... tháng... năm 20...
18/

Chủ trì bộ môn ký tên: *Như*

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THƯƠNG LONG VIỆT NAM



ĐẠ CHẾ SỐ 1 NGƯỜI HỮU QUYỀN CÔNG HẠ, PHƯƠNG
ĐÔNG CÔNG, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

K: 031.067.310.0, 034.011.431 - 034.069.026 và 034.069.028

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



HDC
HARDWARE DISTRIBUTION COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÓNG
HD CAPITAL., JSC

ĐỊA CHỈ: 22, PHỐ BÀ LẠ, PHƯỜNG PHỐ LẠ
QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI/TEL : 0668 157 899 - 0668 139 161

Website: <http://www.hotitudo.com.vn>
Email: contact@hotitudo.com

$\chi^2_{(9)} = 0.000$

CO PHAN
DO THI DO

DUONG VAN THANH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

Denny

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING

Henry

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

2/6 -

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆPLÀNG NGHỀ THANH THỦY - GĐ2
HANG MICH/DEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

DỰA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

BỘ MỘT SỐ: BÁO CÁO XINH TẾ KỸ THUẬT

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE:	THÁNG .../202...

KY HIEU SYMBOL:	KI-07
SỐ LƯU SỬA:	

VOI DITE:

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2012.1.K
1310
ngày 12/11/2012 tháng 11 năm 2012

Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI

10

1 2 3 4 5

A B

2100 220 2310 2090 270 1040 1200 1040 270 800 600 1290

10930

1310 1520 1200 2210 600 850

5150

1265 1200 1265 5150

2100 220 495 1100 495 220 1090 1100 1090 220 800 1780 220 2910

2310 3500

10930

1 2 3 4 5

A B

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM TRƯỞNG

2012

200

2910

Trần Văn Chính

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

~~NGƯỜI LẬP~~

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

CÔNG TRÌNH 200

TRƯỜNG

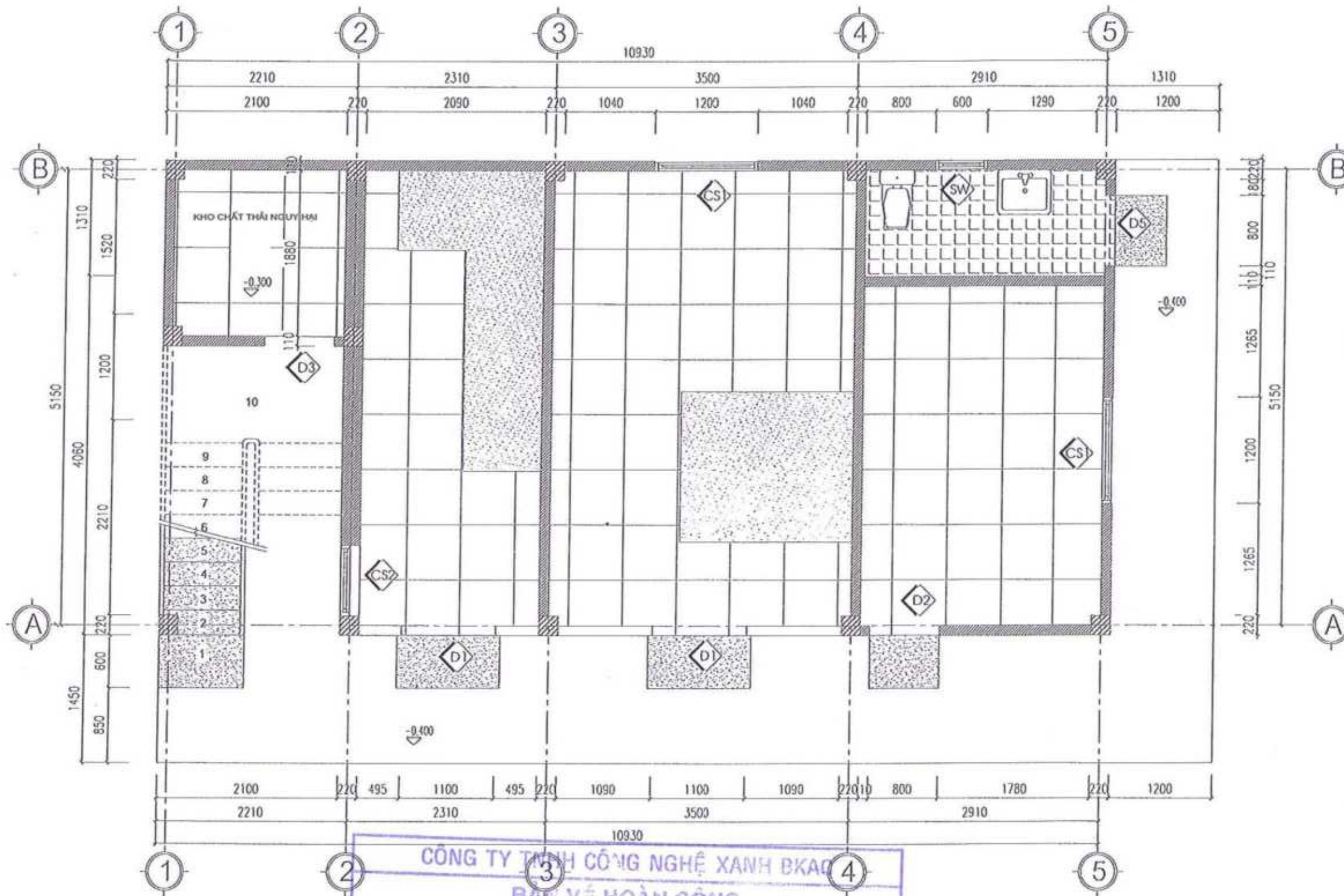
291
Any
4
Le Har' Cranc

Trần Văn Chín

Prof
Dulma Chin Dany

S1	S2	S3	S4	S5
NỀN 600X600	- BÊ TÔNG MÁC 200 DÀY 5CM	- GẠCH CHỐNG TRƠN 300X300	- VỮA LÁNG NỀN MÁC 75# DÀY 3CM	- GẠCH LÁT CHỐNG TRƠN 600X600
MÁC 50# DÀY 5CM	- CÁT TỎN NỀN DÀY 15CM	- VỮA TỎN NỀN MÁC 50# DÀY 5CM	- BÊ TÔNG NỀN M100 DÀY 10CM	- LỚP VỮA LÓT M75 DÀY 2CM
M100 DÀY 10CM	- BÊ TÔNG NỀN M100 DÀY 10CM	- BÊ TÔNG NỀN M100 DÀY 10CM	- LỚP ĐẤT TỎN NỀN ĐÀM CHẶT K90	- LỚP GẠCH CHỈ ĐẶC DÀY 18CM
NỀN ĐÀM CHẶT K90	- LỚP ĐẤT TỎN NỀN ĐÀM CHẶT K90	- LỚP ĐẤT TỎN NỀN ĐÀM CHẶT K90		- BÊ TÔNG NỀN M100 DÀY 10CM

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỬA TẦNG 1

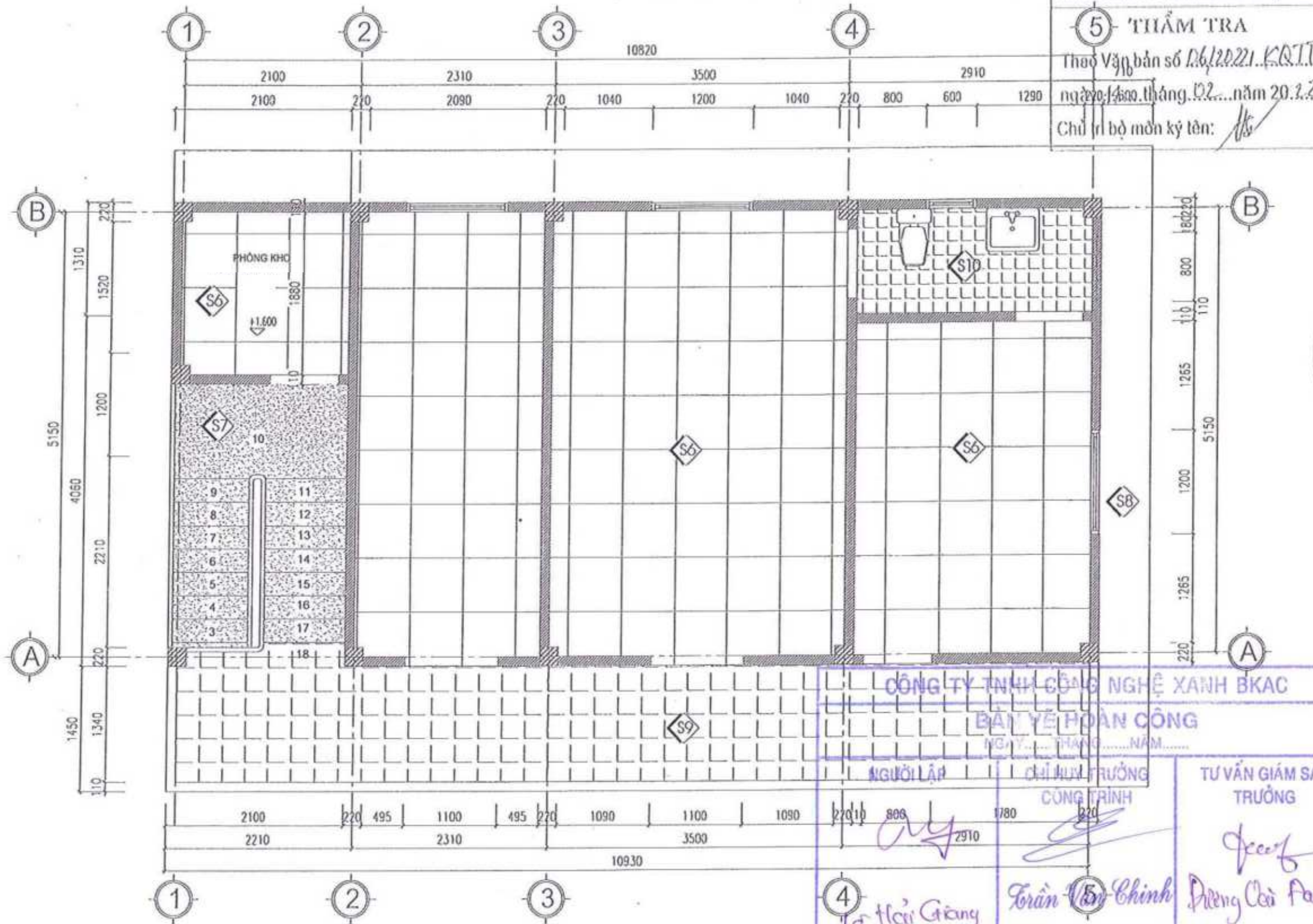


CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH ĐÀNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Le Hải Cường	Trần Văn Chính	Đặng Văn Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D
THẨM TRA
Theo Văn bản số 16/2022/KKT/Tr
ngày...14...tháng...02...năm 20...22
Chủ trì bộ môn ký tên: <i>[Signature]</i>

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Hồ Đệ, Phường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 3811 1111 - website: tlvn.vn
CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO HD CAPITAL, JSC Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội Điện thoại: 0866 157 899 - 0866 139 166 Website: http://www.hdthudo.com.vn Email: ccc@hdthudo.com.vn
TÓNG QUẢN DỰ ÁN/PROJECT MANAGER CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO ĐƯƠNG VĂN THÀNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/CHIEF DESIGN
THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES NGUYỄN HỮU THỌ
DỰ ÁN/PROJECT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2 HẠNG MỤC/ITEM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY ĐÊM
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỬA TẦNG 1
BỘ MÔN: BẢO CẢNH KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG) SETS: DESIGN DRAWINGS
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG.../2022...
KÝ HIỆU SYMBOL: KT-08
SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG NỀN TẦNG 2



CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

 ĐỊA CHỈ SỐ 1 MÔ HÌNH HỖ TRỢ CÔNG NHA, PHƯỜNG
 ĐINH CÔNG, QUẬN ĐÔNG NGÃ MÃI, TP. HÀ NỘI
 M: 0913.192.173/0913.192.174/0913.192.175

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY
HDC
 TRẦN VĂN ĐÌNH - CHỦ ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ
HD CAPITAL, JSC
 ĐỊA CHỈ: SỐ 22, PHỐ BÀ LÁ, PHƯỜNG PHỐ LÁ
 QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 ĐIỆN THOẠI/ TEL: 0666 157 899 - 0666 139 166
 WEBSITE: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN
 Email: info@hdthudo.com.vn, hdthudo@gmail.com

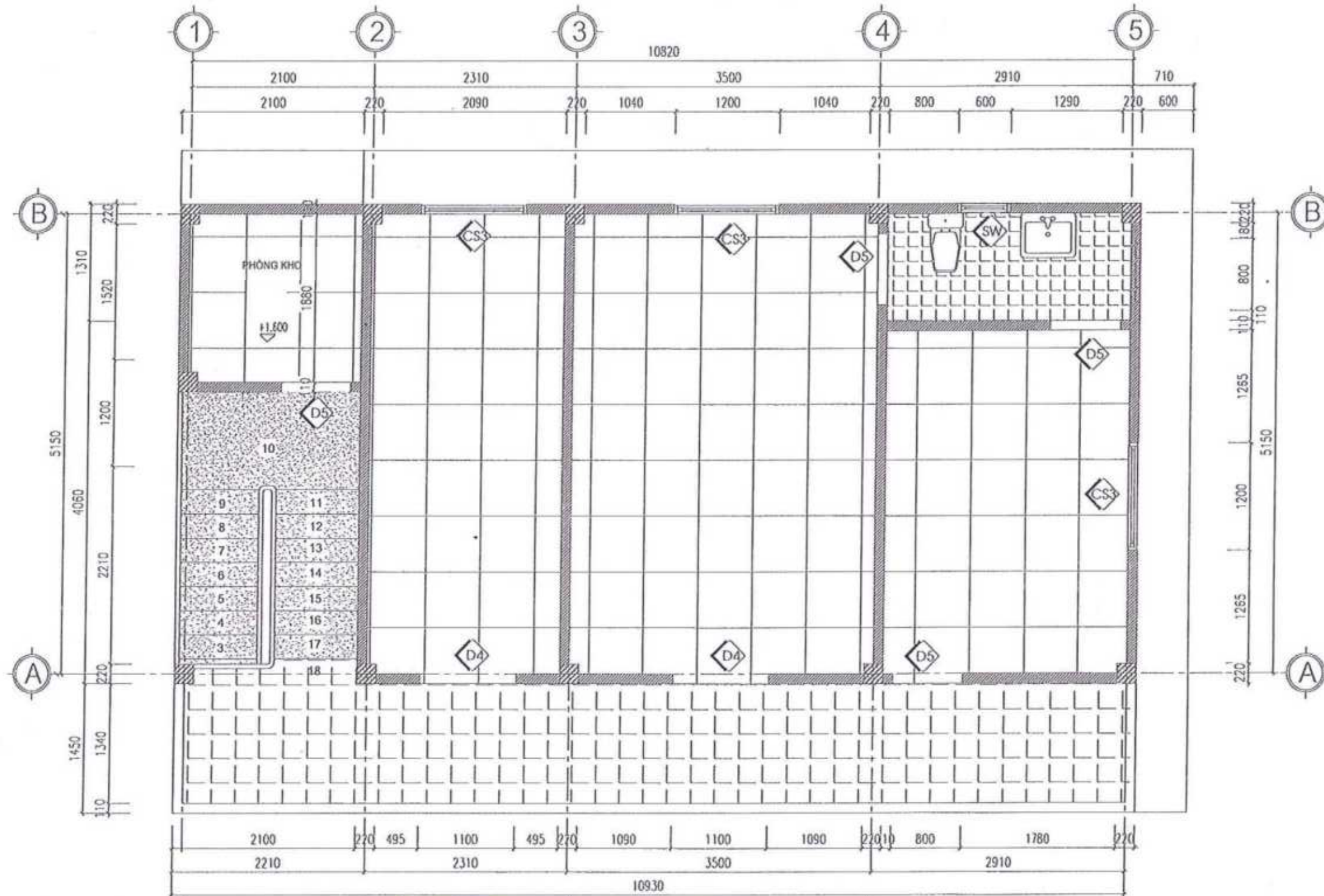
CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ
HD CAPITAL, JSC
 TÓNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL MANAGER
 DƯƠNG VĂN THÀNH
 CHAIRMAN
 DƯƠNG VĂN ĐÌNH
 THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING
 DƯƠNG VĂN ĐÌNH
 QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES
 NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2
 HẠNG MỤC/ ITEM
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 200M3/ NGÀY ĐÊM
 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE
 THÔN GIA VINH, XÃ THANH
 THỦY, HUYỆN THANH OAI,
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG NỀN TẦNG 2
 BỘ MÔN SỐ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
 (THIẾT KẾ BẢN VẼ THỦ CÔNG)
 SETS: DESIGN DRAWINGS
 HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG 02/2021
 KÝ HIỆU SYMBOL: KT-09
 SỐ LẦN SỬA:

S6	S7	S8	S9	S10
- GẠCH LÁT NỀN 600X600 - VỮA TÔN NỀN MẮC 50# DÀY 5CM - BÊ TÔNG SÀN M250 DÀY 12CM - LỚP TRÁT TRẦN DÀY 1,5CM M75#	- GẠCH LÁT CHỐNG TRƠN 600X600 - LỚP VỮA LÓT M75 DÀY 2CM - LỚP GẠCH CHỈ ĐẶC DÀY 18CM - BÊ TÔNG BÀN M250 DÀY 10CM	- VỮA LĂNG NỀN MẮC 75# DÀY 3CM - BÊ TÔNG SÀN M250 DÀY 12CM - LỚP TRÁT TRẦN DÀY 1,5CM M75#	- GẠCH CHỐNG TRƠN 600X600 - VỮA TÔN NỀN MẮC 50# DÀY 5CM - BÊ TÔNG SÀN M250 DÀY 12CM - LỚP TRÁT TRẦN DÀY 1,5CM M75#	- GẠCH CHỐNG TRƠN 300X300 - VỮA TÔN NỀN MẮC 50# DÀY 5CM - BÊ TÔNG SÀN M250 DÀY 12CM - LỚP TRÁT TRẦN DÀY 1,5CM M75#

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỬA TẦNG 2

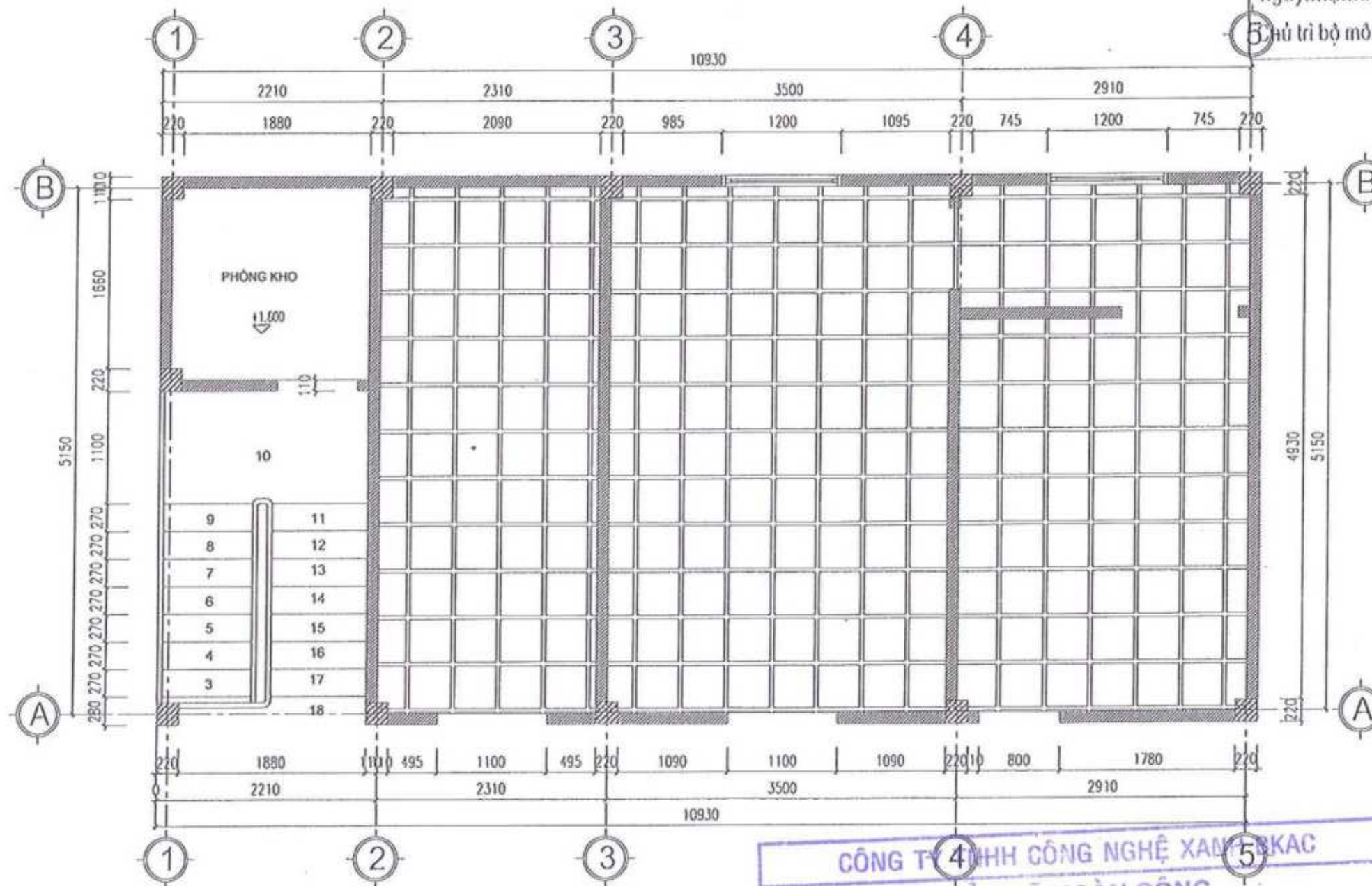


CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BÌNH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>ay</i>	<i>ay</i>	<i>ay</i>
Lê Hải Giang	Trần Văn Chính	Đặng Văn Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D	
THẨM TRA	
Theo Văn bản số 06/2022-1.K60.TV..	
ngày 17 tháng 02 năm 2022	
Chủ trì bộ môn ký tên: <i>ay</i>	

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS	
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM	
ĐỊA CHỈ: SỐ 1 NGÕ 14 PHỐ ĐOÀN CỘNG HÒA, PHƯỜNG ĐOÀN CỘNG, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI	
M: 041673988, 041673987 - email: info@thanglong.vn	
CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY	
CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO	
HD CAPITAL, JSC	
ĐỊA CHỈ: SỐ 22, PHỐ BÀ LÁ, PHƯỜNG PHỐ LÁ, QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
DIỆN THOẠI/TEL: 0466 157 899 - 0388 139 166	
WEBSITE: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN	
02 email: info@hdthuodo.com, hdnhatthudo@gmail.com	
TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER	
CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO	
DƯƠNG VĂN THÀNH	
CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ/CHAIR DESIGN	
<i>ay</i>	
DƯƠNG VĂN ĐĂNG	
THIẾT KẾ • VẼ/DESIGN • DRAWING	
<i>ay</i>	
DƯƠNG VĂN ĐĂNG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES	
<i>ay</i>	
NGUYỄN HỮU THỌ	
DỰ ÁN/PROJECT	
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG	
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP	
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2	
HẠNG MỤC/ITEM	
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
200M3/NGÀY ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE	
THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỬA TẦNG 2	
BỘ MÔN: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)	
DESIGN DRAWINGS	
HOÀN THIỆN/ISSUE DATE:	THÁNG.../2022...
KÝ HIỆU SYMBOL:	KI-10
SỐ LẦN SỬA:	

MẶT BẰNG TRẦN TẦNG 2



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & O

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/IS&T.T

ngày 14 tháng 02 năm 2022

Người trì bộ môn kỹ tên: NG

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Trần Hưng Đạo, Phường
Đống Côi, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
M: 03471999, 042111 0271 - website: thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO

HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: TEL : 0886 157 899 - 0886 139 166
Email: congtycp@hdtudo.com.vn

Website: www.hdtudo.com.vn

Manager

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO

ĐƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRÍ THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

THIẾT KẾ + VẼ DESIGN + DRAWING

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỒN THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TRẦN TẦNG 2

BỘ SỐ SƠ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THIỆN / ISSUE DATE: THÁNG 02...

KÝ HIỆU SYMBOL: KT-11

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG K&C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT

TRƯỞNG

NGUYỄN HỒN THỌ

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

GHI CHÚ

- TRẦN SỬ DỤNG TẤM THẠCH CAO CHỊU NƯỚC KÍCH THƯỚC 60X60CM
- SỬ DỤNG HỆ KHUNG XƯƠNG NỔI
- TY TREO SỬ DỤNG TY D10 CÓ ZEN VÀ TĂNG ĐƠ
- LIÊN KẾT TY TREO VỚI XÀ GỖ BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN

PHẦN CÔNG NGHỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 104/2022/QĐ-NTT

Ngày: 17 tháng 02 năm 2022

Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022.VK&T

ngày: 14 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên:

DANH MỤC BẢN VẼ CÔNG NGHỆ

STT	SỐ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	KHỔ GIẤY
01	DMBV-CN	DANH MỤC BẢN VẼ CÔNG NGHỆ	A3
02	CN-01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
03	CN-02	MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
04	CN-03	MẶT BẰNG ĐƯỜNG Bùn TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
05	CN-04	MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
06	CN-05	MẶT BẰNG ĐƯỜNG HOÁ CHẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
07	CN-06	MẶT BẰNG ĐƯỜNG THU MÙI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
08	CN-07	MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
09	CN-08	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
10	CN-09	MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
11	CN-10	MẶT CẮT NGANG, DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
12	CN-11	MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3
13	CN-12	MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	A3

STT	SỐ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	KHỔ GIẤY
14	CN-13A	MẶT BẰNG TẦNG 1 NHÀ ĐIỀU HÀNH	A3
15	CN-13B	MẶT BẰNG TẦNG 2 NHÀ ĐIỀU HÀNH	A3
16	CN-14	CHI TIẾT BỂ GOM	A3
17	CN-15	CHI TIẾT HỒ SỰ CỐ	A3
18	CN-16A	CHI TIẾT MƯƠNG QUAN TRẮC	A3
19	CN-16B	CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI	A3
20	CN-17	CHI TIẾT RỌ CHẮN RÁC	A3
21	CN-18	CHI TIẾT ỐNG TRUNG TÂM, TẮM RĂNG CỬA, MÁNG THU NƯỚC	A3
22	CN-19	CHI TIẾT THÁP XỬ LÝ MÙI	A3
23	CN-20	CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM	A3
24	CN-21	CHI TIẾT CỤM BỒN HOÁ CHẤT	A3
25	CN-22	CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM, VAN VÀ KẾT NỐI ỐNG	A3
26	CN-23	MỘT SỐ CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐIỆN HÌNH	A3

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BẮC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP Lê Hải Giang	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH Trần Văn Chính	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG Dương Văn Đăng
-------------------------------	---	--

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ SỐ 1 MỞ MÃ THỦ ĐOÀN CÔNG RA, PHƯỜNG ĐOÀN CÔNG, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

Điện thoại: 024 3811 1111 - Email: tlv@thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY

HDC

14118 - Hà Nội - Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO

HD CAPITAL JSC

ĐỊA CHỈ SỐ 22, PHỐ BA LÁ, PHƯỜNG PHÚ LÁ, QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI TEL : 0866 157 899 - 0868 139 166

Website: <http://www.hothudo.com.vn>

Email: coo@hothudo.com

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

DANH MỤC BẢN VẼ PHẦN CÔNG NGHỆ

BỘ HỒ SƠ: BẢO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG...../202.....

KÝ HIỆU SYMBOL: CN-DMBV

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

Theo Văn bản số 06/1022/KQTTtr

Chủ trì bỏ mồn ký tên:



NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hóa lý

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

LONG TRIN


THƯƠNG
Đ. 0.0

Trần Văn Chính

Page

KÝ HIỆU SYMBOL:	CN-01
SỐ LƯU SỬA:	

MẶT BẰNG THIẾT BỊ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

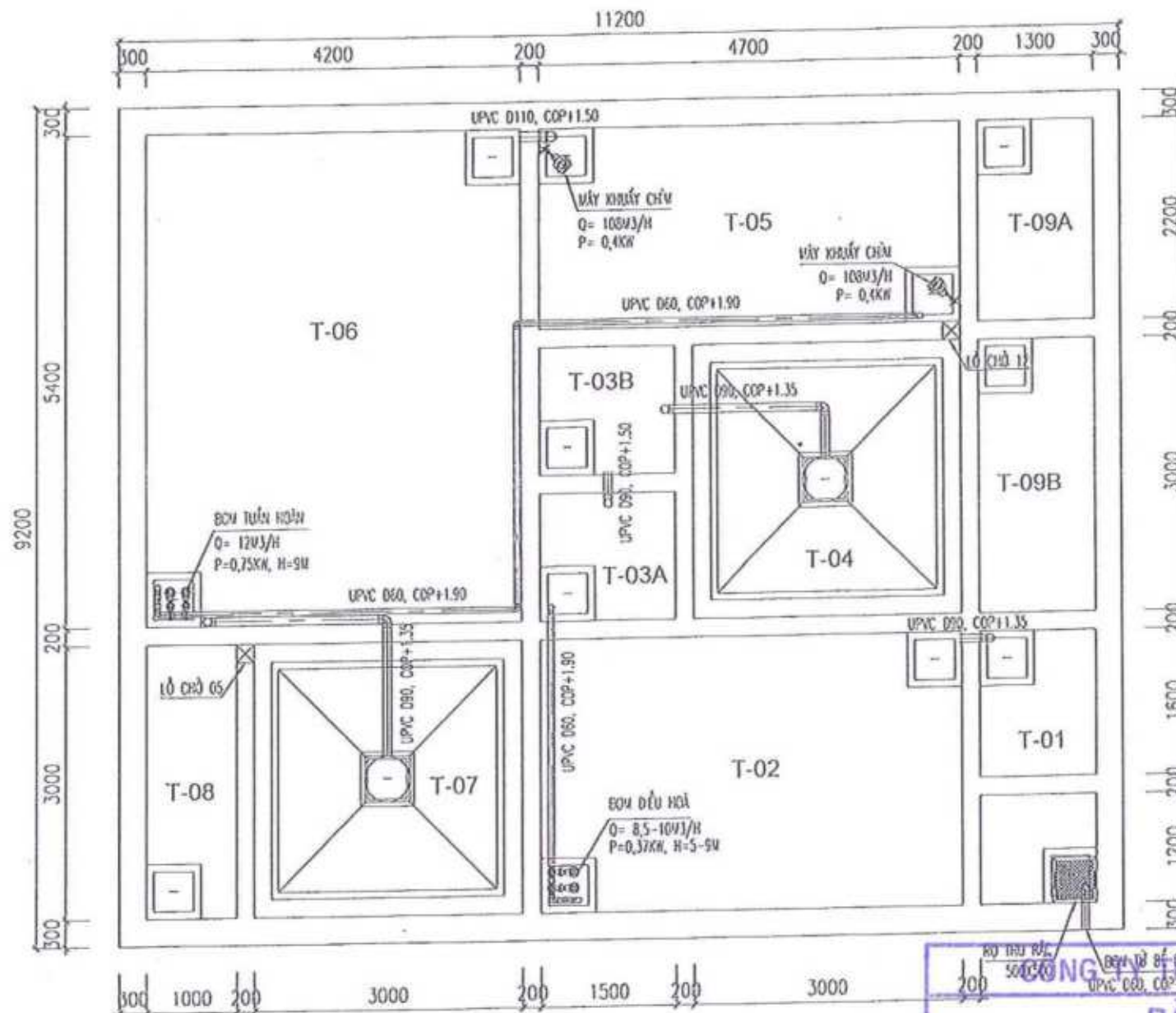
BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL:	CN-01
-----------------	-------

SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/KSTV

ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Đồng Công Hà, Phường
Đống Công, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
M: 091 571 899, 091 571 899 - Fax: 024 3 762 6767

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ

HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: TEL : 0866 157 899 - 0866 139 166
Email: côngtycp@hathudo.com.vn
Website: www.hathudo.com.vn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ DESIGN + DRAWING

NGUYỄN HỮU THỌ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

DESIGN DRAWINGS

HOÀN THIỆN / ISSUE DATE: THÁNG 02/2022

KÝ HIỆU SYMBOL: CN-02

SỐ LẦN SỬA:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

CÔNG TRÌNH

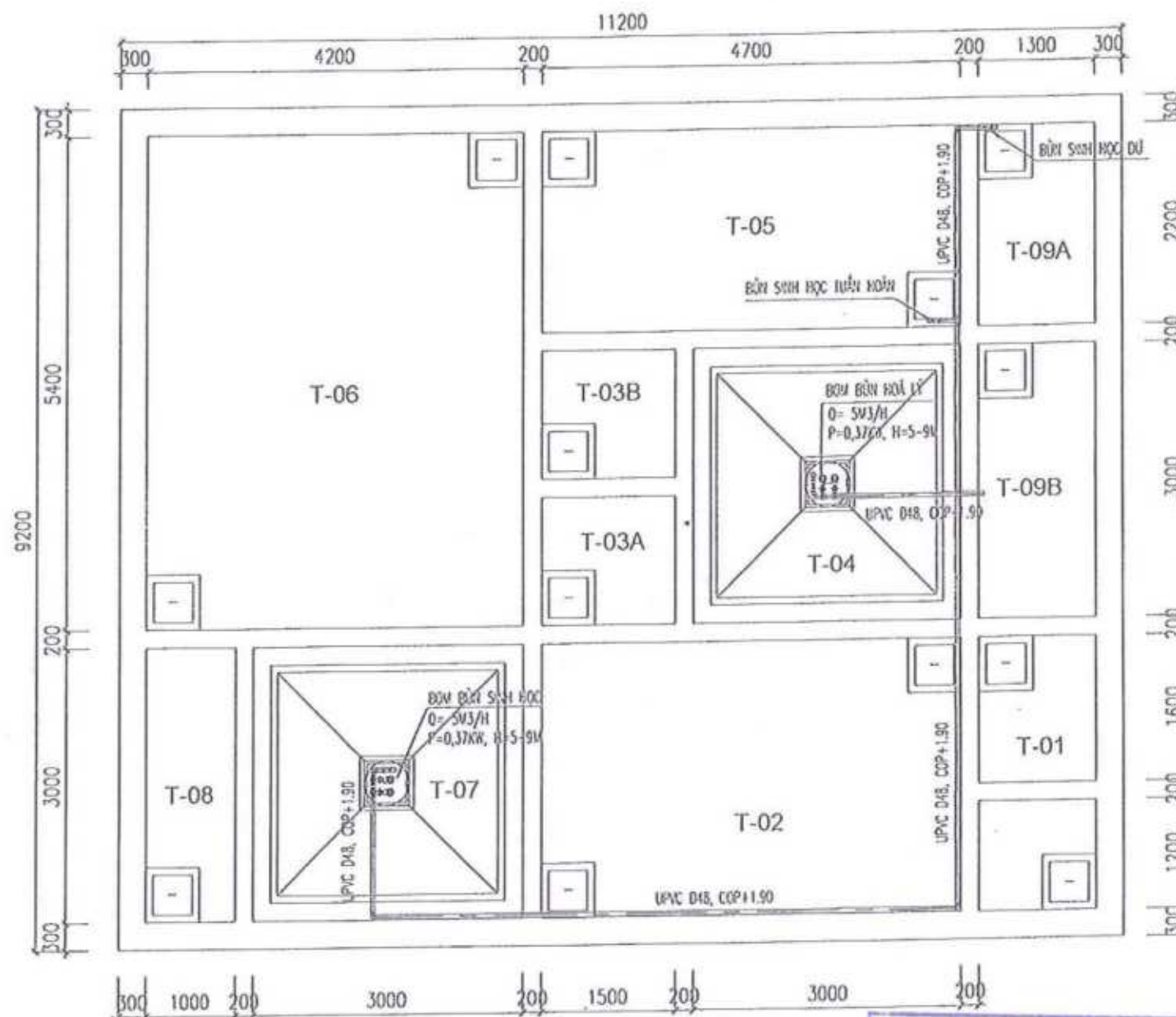
TỰ VẤN GIÁM SÁT

TRƯỞNG

Trần Văn Chính

Dương Văn Đăng

MẶT BẰNG ĐƯỜNG Bùn TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hóa lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Lê Hải Giang

Trần Văn Chính

Dương Văn Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG C & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 26/2022/K.T.T.
ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 101 Phố Ông Cờn Hạ, Phường Ông Cờn, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 09891397, 0912111111 - Email: thanglongvn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL: 0666 157 889 - 0666 139 116

Website: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN
Email: hdmh@phorhduo.com, hdmh@gmail.com

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL MANAGER

CÔNG TY

CỔ PHẦN

HD THỦ ĐÔ

THÀNH

PHỐ LA

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNICIANS

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG Bùn

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ MÔ SƠ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE:

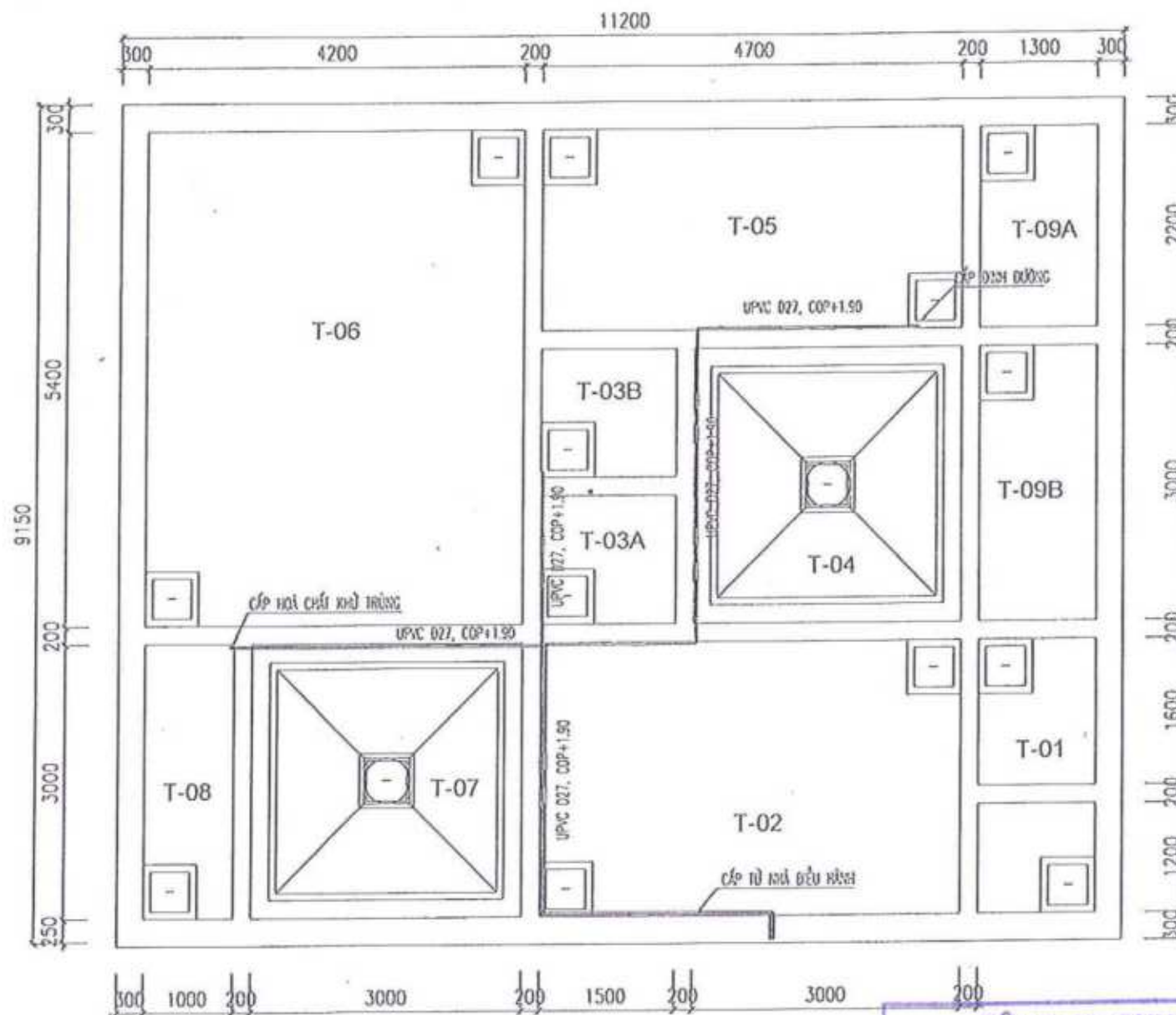
THÁNG...../202.....

KÝ HIỆU/ SYMBOL:

CN-03

SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG HOÁ CHẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, lách mở	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY THƯỜNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Lê Hải Giang

Trần Văn Chính

Dương Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 09/2022/K&D
ngày 14 tháng 12 năm 2022
Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Ngọc Hồi, Phường
Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 024 3975 4211 - 024 3975 4212

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22 Phố Bala, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 086 157 899 - 086 139 166
Website: http://www.hdthudo.com.vn
Email: coongtyhdthudo@gmail.com

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/CHIEF DESIGN

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ/CHIEF DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/DESIGN + DRAWING

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỆ THANH THỦY - GĐ2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG HOÁ CHẤT

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ SỐ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

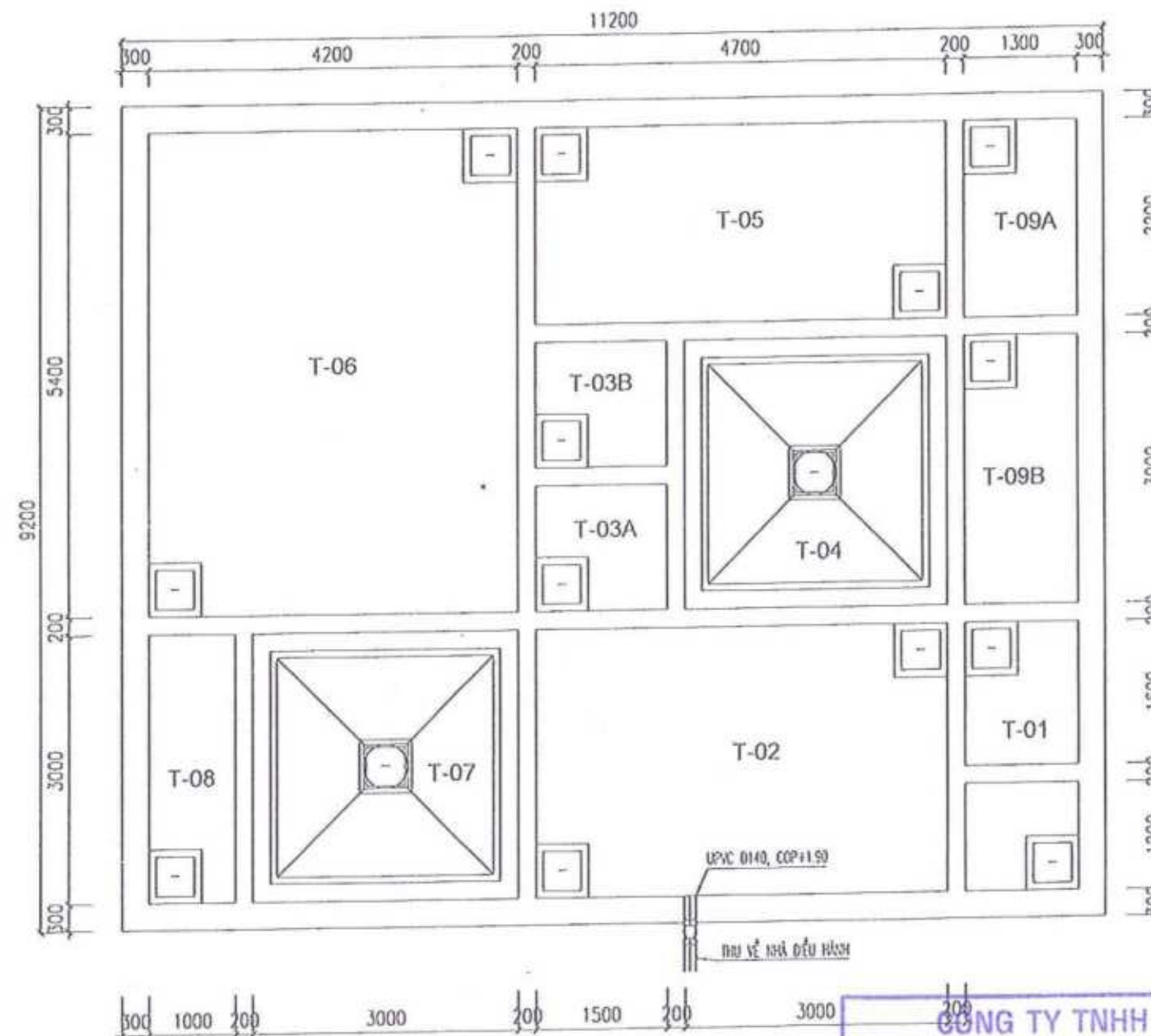
HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../202...

KÝ HIỆU SYMBOL: CN-05

SỐ LẦN SỬA:

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 101 Phố Trần Hưng Đạo, Phường
Định Công, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
ĐT: 0438.760.000, 0438.760.100 - Fax: 0438.760.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG G&A

THẨM TRA

Theo Văn bản số 66/2022-K&A/Tr
ngày 14...tháng 02...năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL, JSC
ĐỊA CHỈ: 50/22, PHỐ BÀ LÁ, PHƯỜNG PHỐ LÁ
QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0066 157 699 - 0033 139 166
WEBSITE: <http://www.hidthudo.com.vn>
Email: congtycpcphanhdtthudo@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN
 D THỦ ĐÔ
 QUANG VĂN THÀNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN



NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ • VẼ DESIGN • DRAWING

Dương Văn Dũng

DƯƠNG VĂN DŨNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES



NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT/PROJECT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GĐ2

HẠNG MỤC/ITEM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE
THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG THU MỦI
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BẢO CAO XIMI TẾ KỸ THUẬT
 (THIẾT KẾ BÀN VẼ THI CÔNG)
 SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE:	THÁNG.../202...
--------------------------	-----------------

KÝ HIỆU SYMBOL:	CN-06
-----------------	-------

SỐ LẦN SỬA:

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

BẢN VỀ HOÀN CÔNG
NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

**CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH**

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỜNG

NGƯỜI LẮP

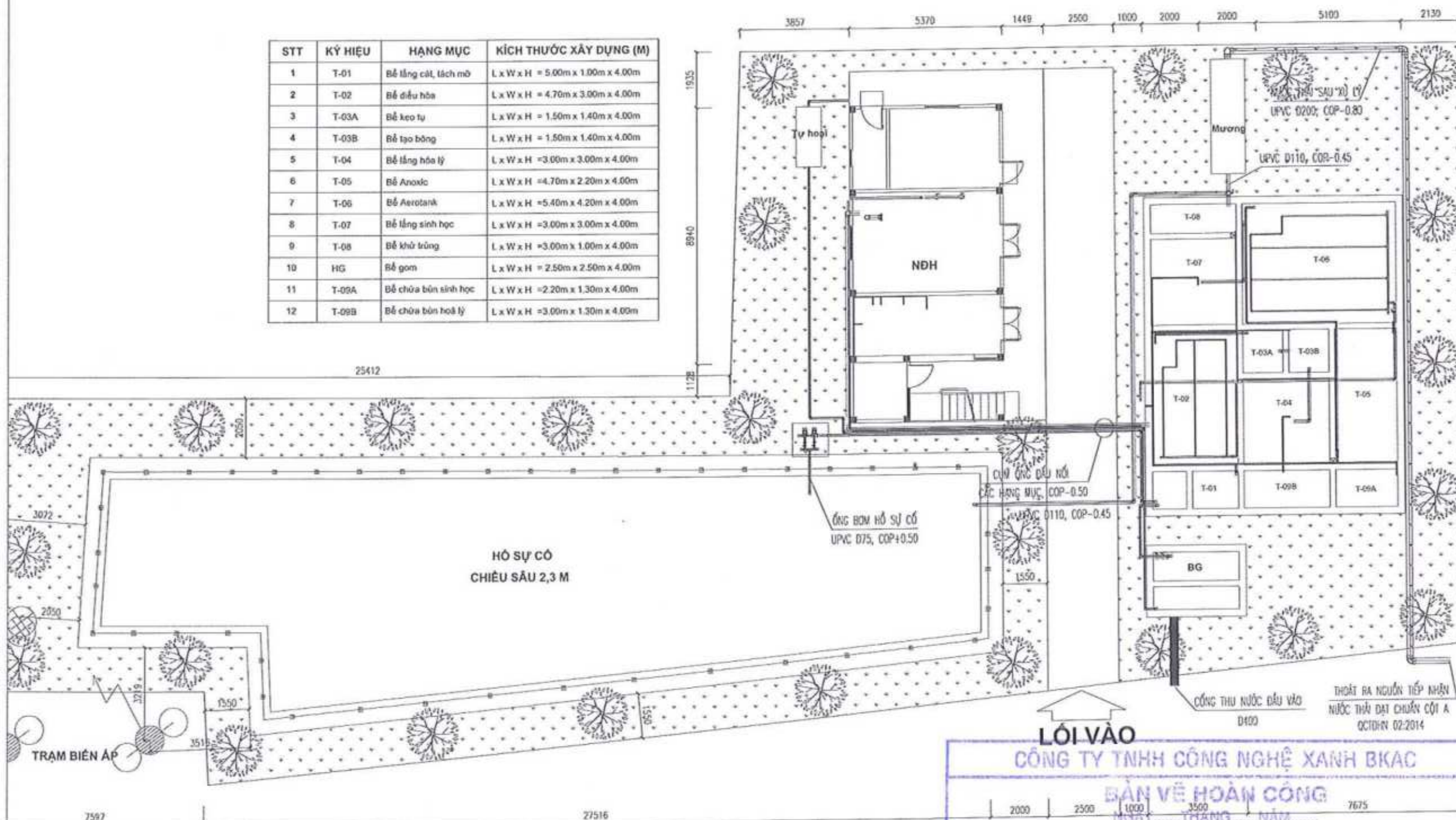
Lê Hải Giang

Trần Văn Chin

100%

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG (M)
1	T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	L x W x H = 5.00m x 1.00m x 4.00m
2	T-02	Bể điều hòa	L x W x H = 4.70m x 3.00m x 4.00m
3	T-03A	Bể keo tụ	L x W x H = 1.50m x 1.40m x 4.00m
4	T-03B	Bể tạo bông	L x W x H = 1.50m x 1.40m x 4.00m
5	T-04	Bể lắng hóa lý	L x W x H = 3.00m x 3.00m x 4.00m
6	T-05	Bể Anoxic	L x W x H = 4.70m x 2.20m x 4.00m
7	T-06	Bể Aerotank	L x W x H = 5.40m x 4.20m x 4.00m
8	T-07	Bể lắng sinh học	L x W x H = 3.00m x 3.00m x 4.00m
9	T-08	Bể khử trùng	L x W x H = 3.00m x 1.00m x 4.00m
10	HG	Bể gom	L x W x H = 2.50m x 2.50m x 4.00m
11	T-09A	Bể chứa bùn sinh học	L x W x H = 2.20m x 1.30m x 4.00m
12	T-09B	Bể chứa bùn hoá lý	L x W x H = 3.00m x 1.30m x 4.00m



LỐI VÀO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

THÁNG.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Le Hai Giang	Trần Văn Chính	Nguyễn Văn Thành

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM

[Logo]

ĐỊA CHỈ SỐ 1 NGÕ TÊN PHỐ ĐỊNH CÔNG HẠ, PHƯỜNG BÍNH CỎM, QUẬN HOÀNG MÃI, TP. HÀ NỘI

ĐT: 024 6212 1111; FAX: 024 6212 4713 - email: thanglongviet@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY

HDC

100/101 - Phố Bắc - Cầu Giấy

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ HD CAPITAL, JSC

ĐỊA CHỈ: SỐ 22, PHỐ BA LÁ, PHƯỜNG PHÚ LẠ, QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DIỆN THOẠI/ TEL : 0866 157 899 - 0866 139 166

WEBSITE: HTTP://WWW.HDTHUDO.COM.VN

Email: congtycophanhdtudo@gmail.com

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER

[Signature]

DƯƠNG VĂN THÀNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

[Signature]

NGUYỄN MẠNH DƯƠNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LĂNG NGHỆ THANH THỦY - GĐ2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ : BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG) DESIGN DRAWINGS

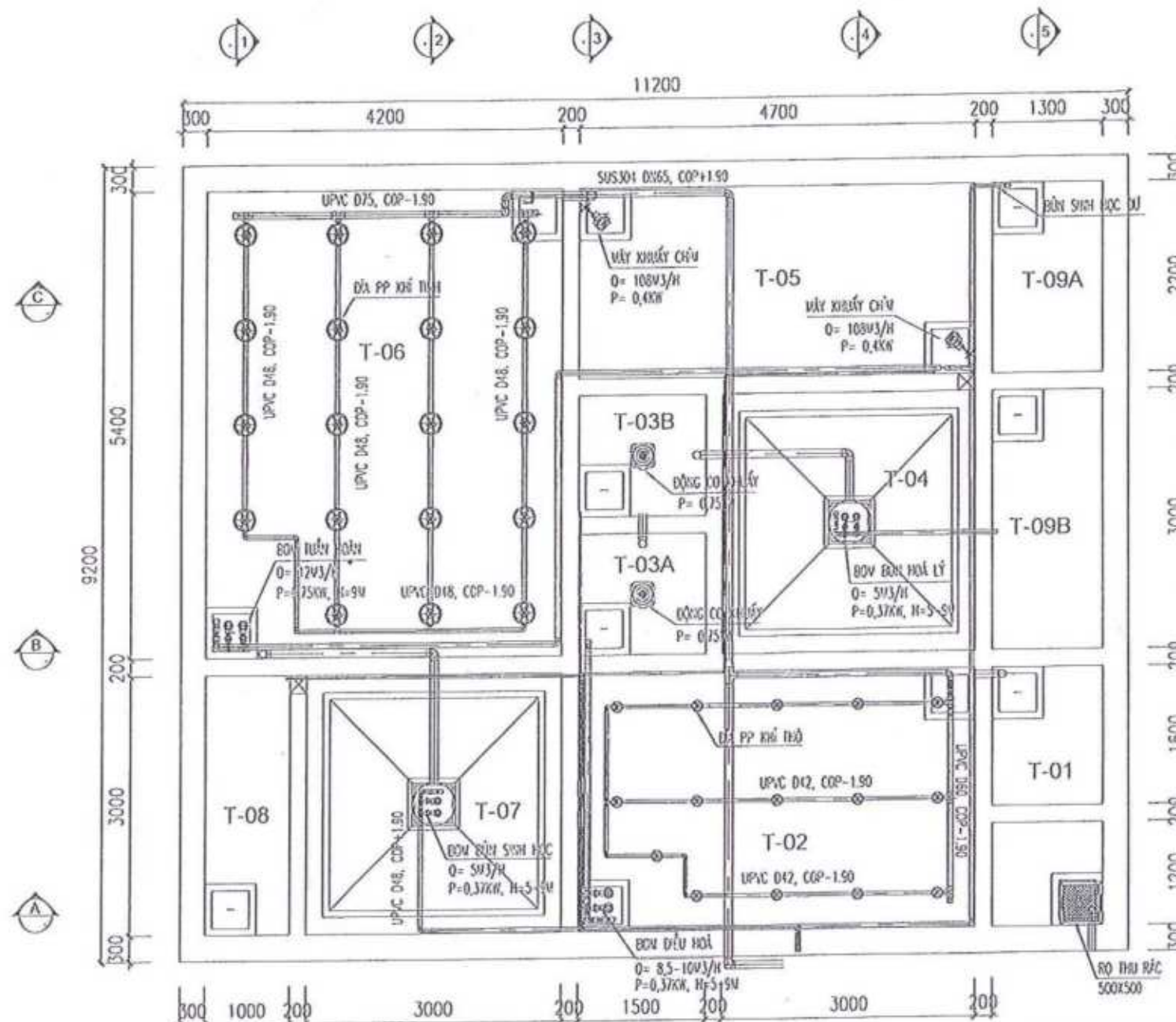
SETS:

HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG...../202.....

KÝ HIỆU/ SYMBOL: CN-07

SỐ LẦN SỬA :

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ	T-04	Bể lắng hóa lý	T-08	Bể khử trùng
T-02	Bể điều hòa	T-05	Bể Anoxic	BG	Bể gom
T-03A	Bể keo tụ	T-06	Bể Aerotank	T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-03B	Bể tạo bông	T-07	Bể lắng sinh học	T-09B	Bể chứa bùn hóa lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Trần Văn Chính

Đặng Văn Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G&D
THẨM TRA
Theo Văn bản số 06/20.221.K&T/Th
ngày...14...tháng...02...năm 20.22.
Chủ trì bộ môn kỹ tên: H/S

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Đại Cồ Việt, Phường
Đống Cày, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 0911.111.111 - Fax: 024.39.99.999

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY
HDC
HÀ NỘI - HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL JSC
Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phúc La,
Quận Hà Đông - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Điện thoại: TEL : 0985 157 899 - 0938 139 166
Website: WWW.HDTHUODO.COM.VN
Email: docthuodo@hdthuodo.com

CHỦ TRÍ THIẾT KẾ CHAIR DESIGN
NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ DESIGN + DRAWING
DƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES
NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/CONSTRUCTION SITE
THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG
CÔNG NGHỆ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ SỐ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THỊ CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

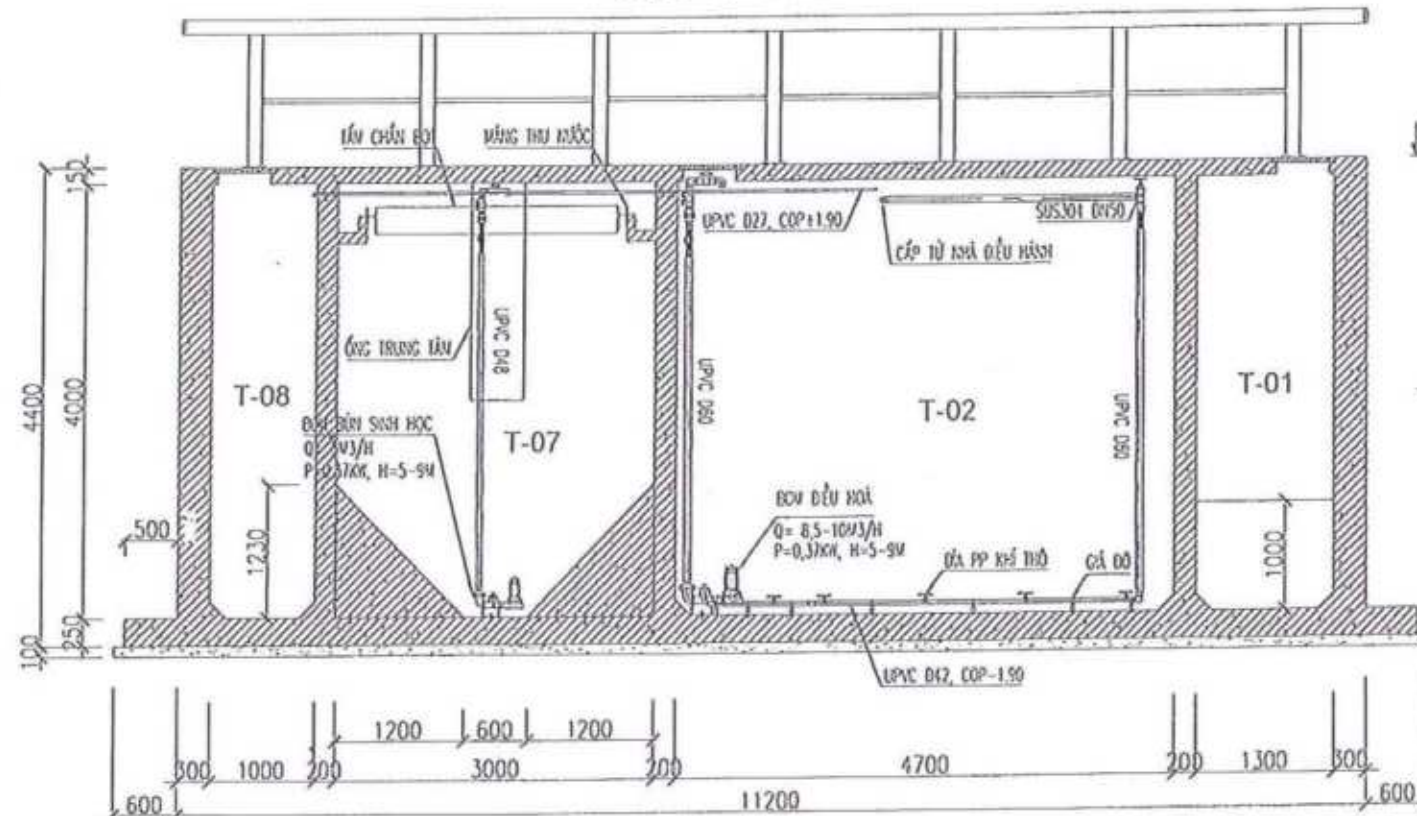
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG.../2022...

KÝ HIỆU SYMBOL: CN-08

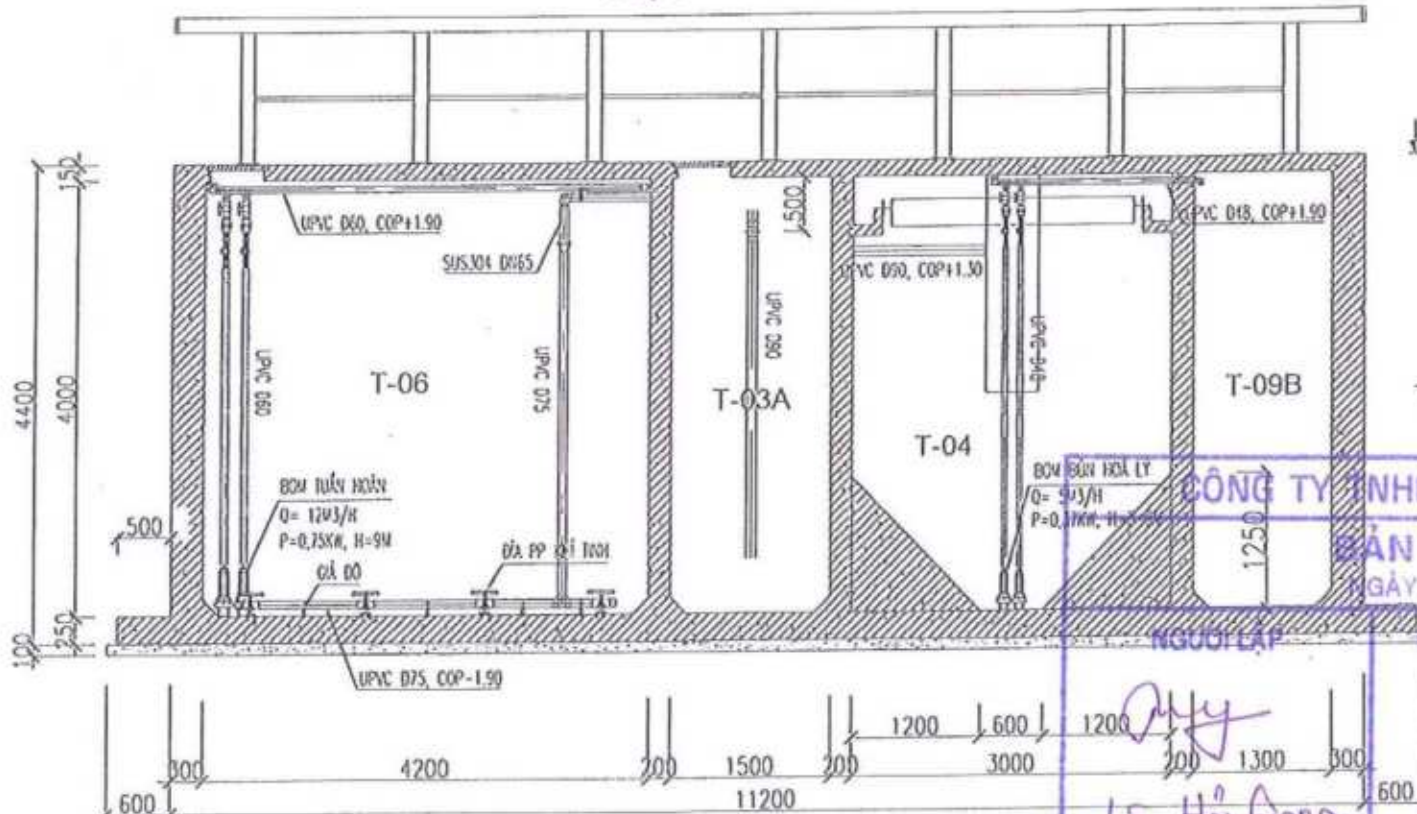
SỐ LẦN SỬA:

MẶT CẮT NGANG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 96/2022/PCQT.TP

ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chức vụ bộ môn ký tên: HS

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 2022

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Ls Hải Giang

Trần Văn Chính

Đặng Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 147 Phố Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Mã số thuế: 0311700000, Điện thoại: 024 3868 1391 - website: thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: TEL : 0866 157 899 - 0866 139 166
Website: HTTP://WWW.HDTHUODO.COM.VN
Email: info@hdthudo.com.vn

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

CHỨC VỤ: CHIEF DESIGNER/GENERAL MANAGER

Technical drawing of a laboratory layout showing three rooms: T-06, T-05, and T-09A. The drawing includes dimensions for room sizes and equipment placement.

- Room T-06:** Contains a SUS 304 D165 vertical pipe and a CÁP TỦ NHÀ ĐỀU HÓA (Temperature Control Cable).
- Room T-05:** Contains a UVC D110 vertical pipe and a MÁY KHUẤT CHU (Water Purification Machine) with specifications $Q = 100 \text{ M}^3/\text{H}$ and $P = 0,4 \text{ KW}$.
- Room T-09A:** An empty room.

Dimensions and other labels include:

- Room T-06 dimensions: 4400 (width) x 4000 (depth).
- Room T-05 dimensions: 4700 (width) x 4000 (depth).
- Room T-09A dimensions: 1300 (width) x 4000 (depth).
- Equipment labels: UVC D75, CÁP TỦ NHÀ ĐỀU HÓA, MÁY KHUẤT CHU, Q=100M3/H, P=0,4KW.
- Other labels: DĨA PP XẾ TÍNH, CẢ ĐO, UVC D75, CÁP-1.90.

The diagram shows a floor plan with two main rooms, T-06 and T-08, separated by a wall. Room T-06 contains a door labeled "CỬA ĐÓNG" and a window labeled "SUS 304 Ø165". Room T-08 features a large window labeled "UPVC Ø60, COP+1.90" and a smaller window labeled "UPVC Ø60". A central area between the rooms is labeled "BOM TỦY NƯỚC Q=12V3/H P=0,75KW, H=9M". The plan includes various dimensions: overall width of 9200mm, room widths of 5400mm and 3000mm, and heights of 4400mm and 1650mm. A scale bar at the bottom indicates distances from 600mm to 9200mm. On the right side, there are labels for "CÔNG TY TNHH", "BẢN VẼ", "NGÀY...", and "NGƯỜI LẬP" followed by a signature.

THẨM TRA
Theo Văn bản số 06/2021/KSTr
ngày 17 tháng 02 năm 2022
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY 200 THÁNG NĂM

NG101AF

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỜNG

Lê Hải Giang

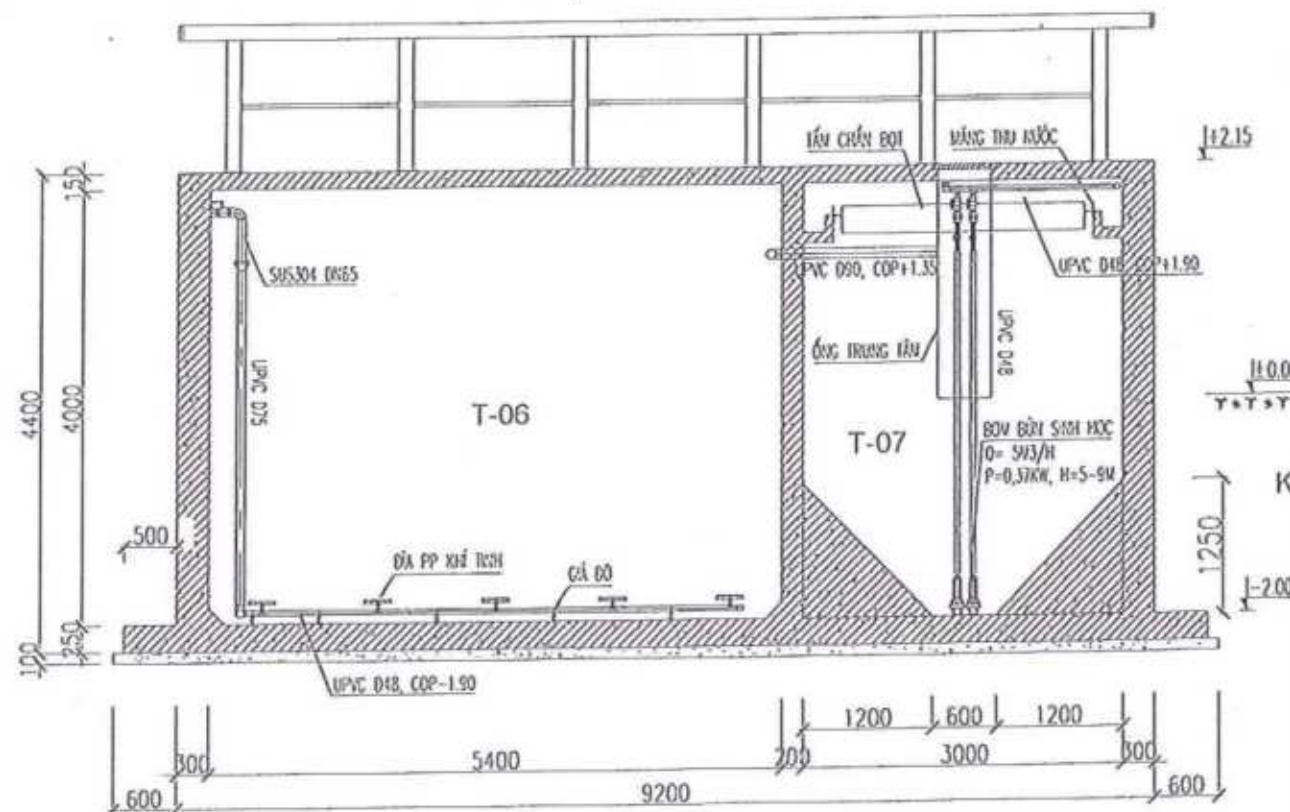
Trần Văn Chính

Đường Văn Đăng

XY HIỆU SYMBOL:	
SỐ LẦN SỬA:	

MẶT CẮT ĐỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G&D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022.1.K&T.T

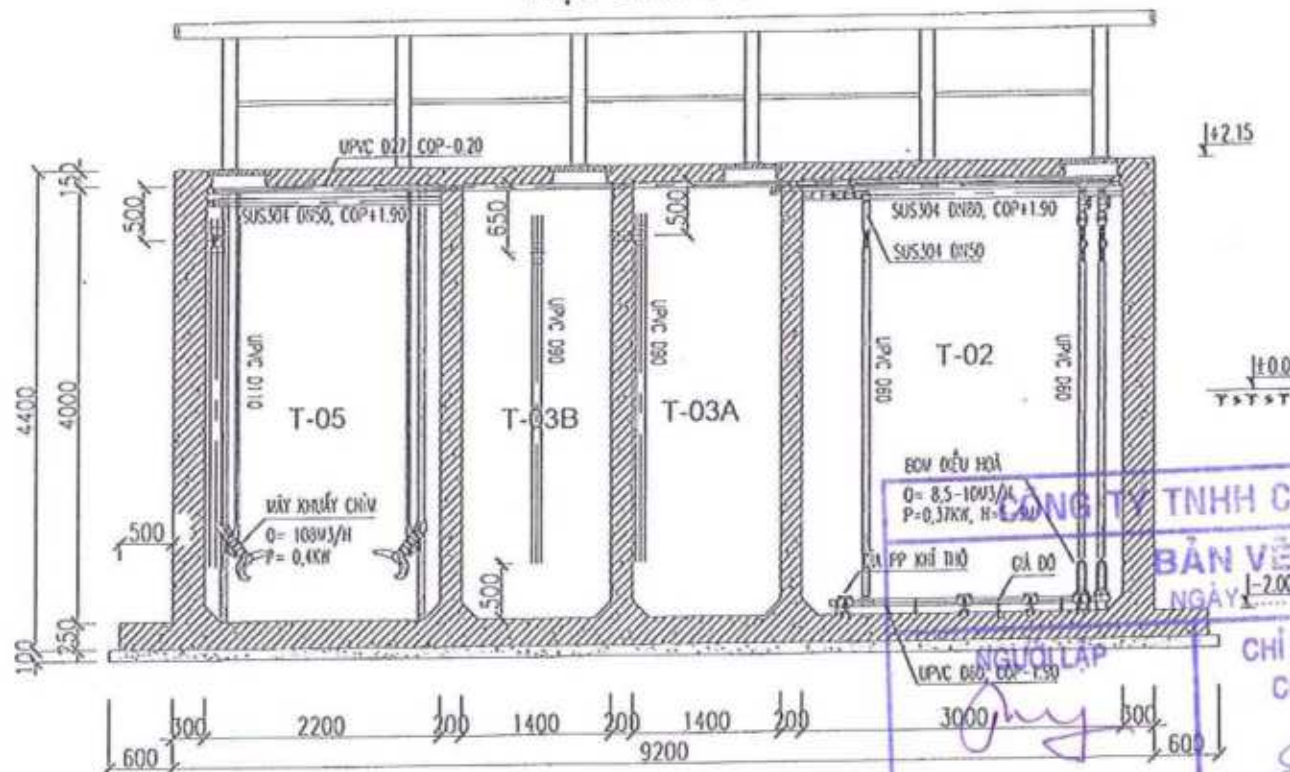
ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên: HS

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, tách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerolank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 2022

NGƯỜI LẬP: Lê Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: Trần Văn Chính

TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: Dương Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ số 1 Ngõ 10 Phố Đội Công Hà, Phường
Đội Công, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.3911.1231 - Fax: 024.3911.1232

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 0566 157 899 - 0566 139 168

Website: <http://www.hothudo.com.vn>

Email: info@hothudo.com.vn

Trưởng Giám đốc: NGUYỄN VĂN THÀNH

Chủ trì thiết kế: CHANH DESIGN

Thiết kế: NGUYỄN HỮU THỌ

Thiết kế: NGUYỄN VĂN ĐĂNG

Quản lý kỹ thuật: MANAGEMENT TECHNIQUES

Quản lý kỹ thuật: NGUYỄN HỮU THỌ

Dự án/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GĐ2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm xây dựng/CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên bản vẽ/DRAWING TITLE

MẶT CẮT ĐỌC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Bộ hồ sơ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

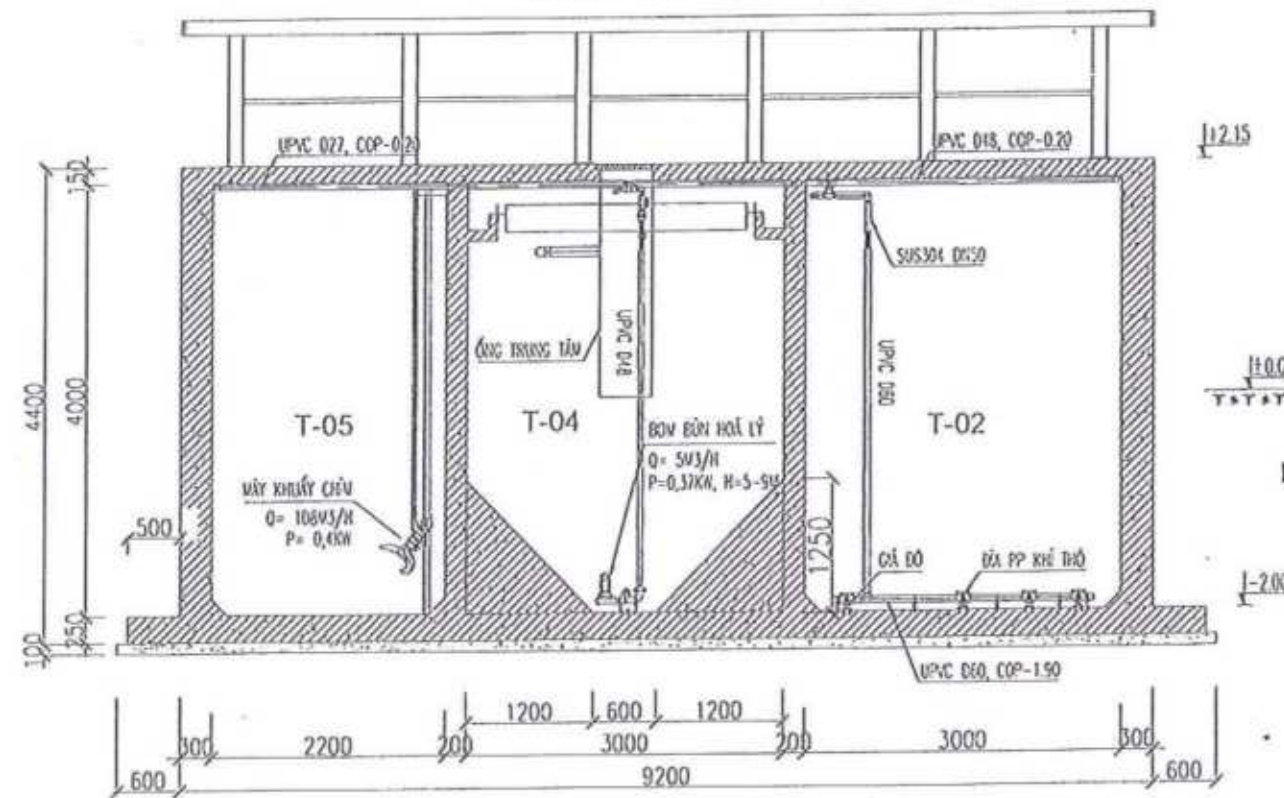
Hoàn thành/ISSUE DATE: THÁNG 02/2022

Ký hiệu symbol: CN-11

Số lần sửa:

MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 4-4



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 16/2022/KQ.T.T.

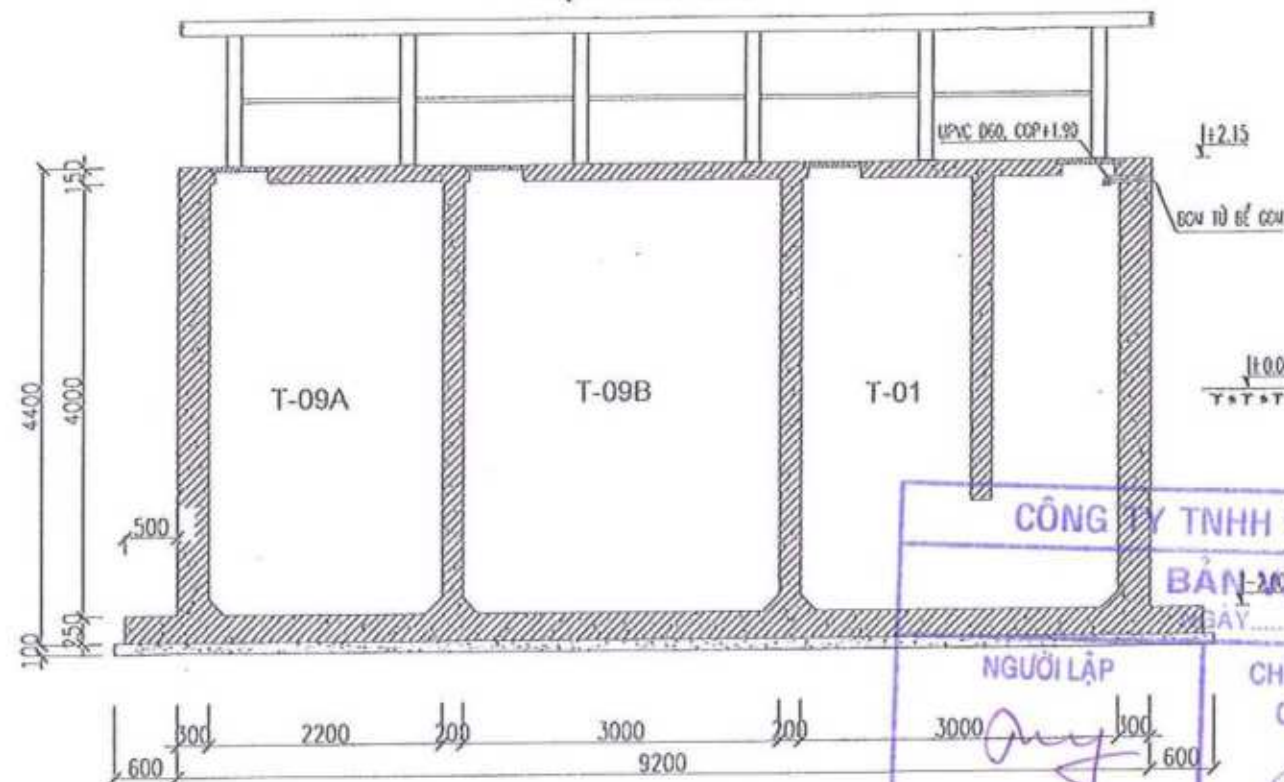
ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

KÝ HIỆU

T-01	Bể lắng cát, lách mỡ
T-02	Bể điều hòa
T-03A	Bể keo tụ
T-03B	Bể tạo bông
T-04	Bể lắng hóa lý
T-05	Bể Anoxic
T-06	Bể Aerotank
T-07	Bể lắng sinh học
T-08	Bể khử trùng
BG	Bể gom
T-09A	Bể chứa bùn sinh học
T-09B	Bể chứa bùn hoá lý

MẶT CẮT 5-5



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

THÁNG... NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

[Signature]
Lê Hải Giang

[Signature]
Trần Văn Chính

[Signature]
Dương Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM

[Logo]

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 141 Phố Đồng Tâm, Phường
Đống Cống, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 6271 3999, 024 3113 8337 - Email: thanglong.vn@gmail.com

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY

HDC

Liên A - Hồ Nội - Công

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Đa Lã, Phường Phố Lã
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/ TEL: 0866 157 890 - 0868 139 166

Website: <http://www.hdthudo.com.vn>

Email: info@hdthudo.com

[Stamp]

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỘ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

[Signature]

DƯƠNG VĂN ĐĂNG

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

MẶT CẮT DỌC
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THỰC CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE: tháng.../202...

KÝ HIỆU SYM/BOL: CN-12

SỐ LẦN SỬA:

MẶT BẰNG TẦNG 1 NHÀ ĐIỀU HÀNH

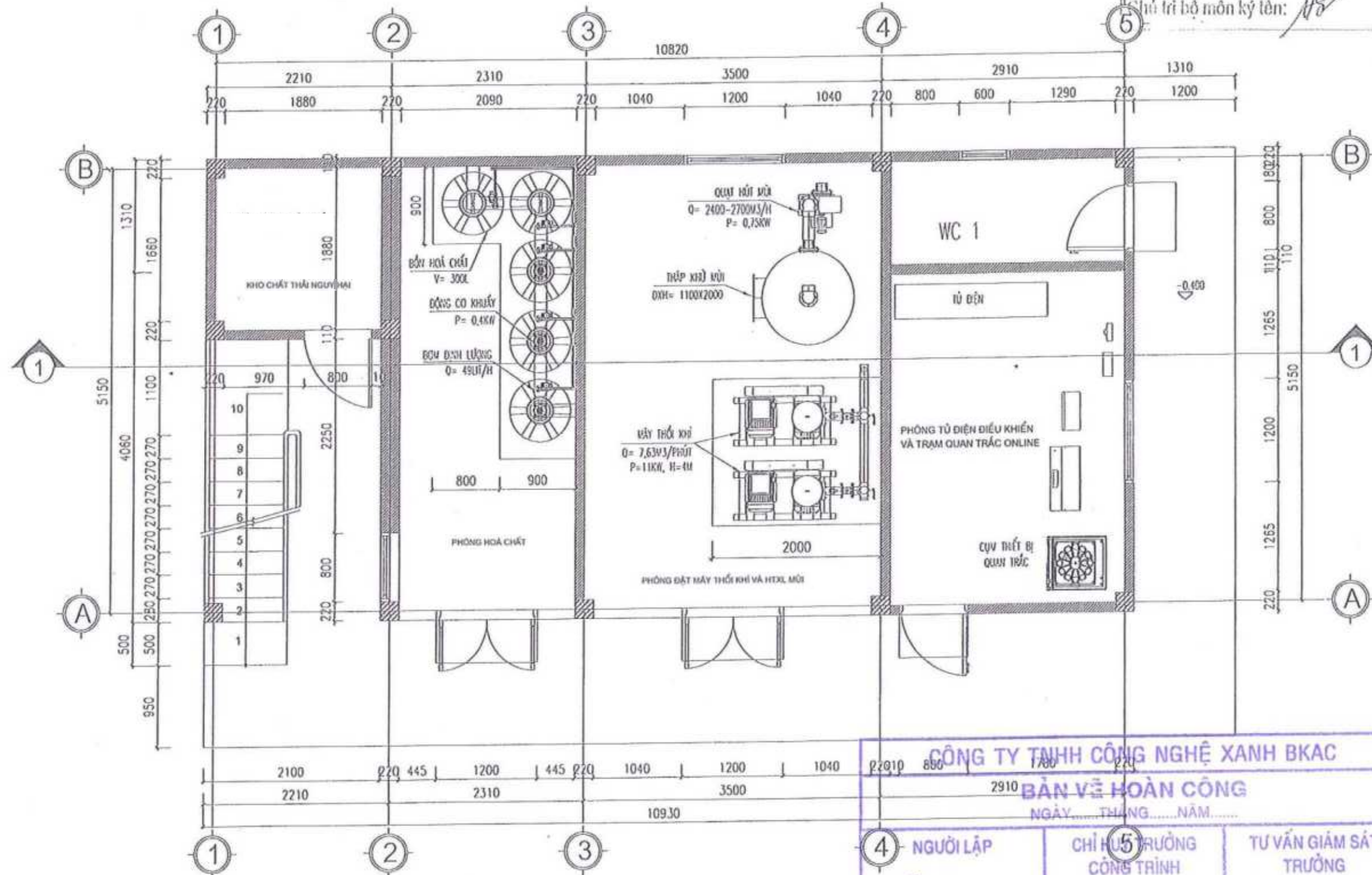
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G&D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/2022/KS.T.T.

ngày 14 tháng 02 năm 2022

Chữ ký bộ môn kỹ thuật: HS



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

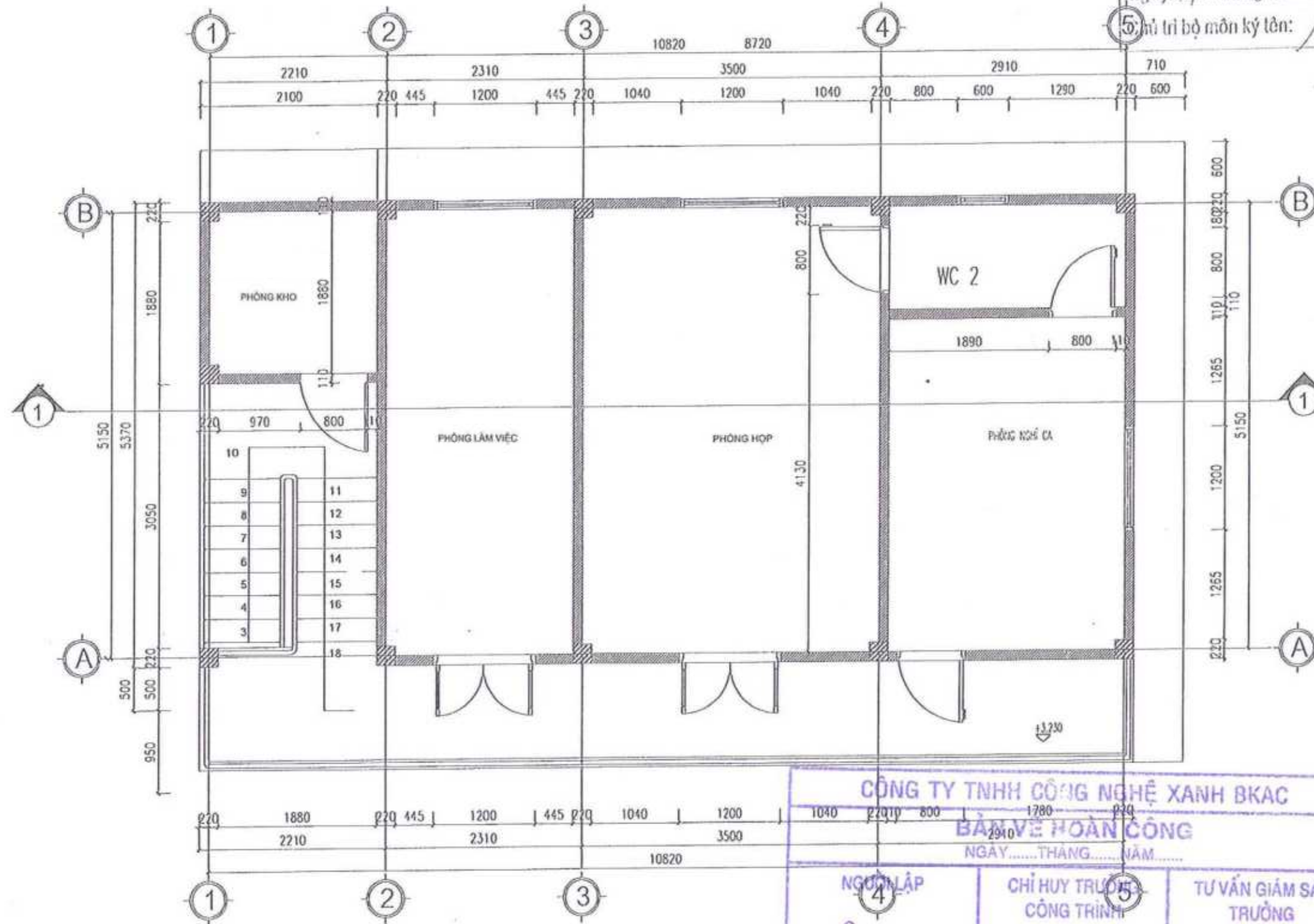
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY... THÁNG... NĂM...

4	NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
	Lê Hải Giang	Trần Văn Chính	Dương Văn Đăng

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTORS CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THƯƠNG LONG VIỆT NAM Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Đại Cồ Việt, Phường Đại Cồ Việt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 38 157 899 - 024 38 139 166 Website: http://www.hdtv.vn	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTORS CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THƯƠNG LONG VIỆT NAM Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Đại Cồ Việt, Phường Đại Cồ Việt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 38 157 899 - 024 38 139 166 Website: http://www.hdtv.vn
CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY HDC CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ HD CAPITAL JSC Địa chỉ: Số 22 Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội Điện thoại: 0366 157 899 - 0366 139 166 Website: http://www.hdthudo.com.vn	CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY HDC CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ HD CAPITAL JSC Địa chỉ: Số 22 Phố Bala, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội Điện thoại: 0366 157 899 - 0366 139 166 Website: http://www.hdthudo.com.vn
TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL MANAGER CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ DƯƠNG VĂN THÀNH CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN	TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL MANAGER CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ DƯƠNG VĂN THÀNH CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ CHAIR DESIGN
NGUYỄN HỮU THỌ	NGUYỄN HỮU THỌ
THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING	THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES
DỰ ÁN / PROJECT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỆ THANH THỦY - GD2	DỰ ÁN / PROJECT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỆ THANH THỦY - GD2
HẠNG MỤC / ITEM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY ĐÊM	HẠNG MỤC / ITEM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY ĐÊM
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / CONSTRUCTION SITE THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / CONSTRUCTION SITE THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG TẦNG 1 NHÀ ĐIỀU HÀNH	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG TẦNG 1 NHÀ ĐIỀU HÀNH
BỘ HỒ SƠ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG) SETS: DESIGN DRAWINGS	BỘ HỒ SƠ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG) SETS: DESIGN DRAWINGS
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG... NĂM...	HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG... NĂM...
KÝ HIỆU SYMBOL: CN-13A	KÝ HIỆU SYMBOL: CN-13A
SỐ LẤY SỬA:	SỐ LẤY SỬA:

MẶT BẰNG TẦNG 2
NHÀ ĐIỀU HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G&D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 66/2021/KSĐT

ngày 17 tháng 02 năm 2022

Chữ ký bộ môn ký lên: *HS*

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 10 Phố Đồng Nhân, Phường
Đống Cống, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
M: 04 971 999, 04 211 417 - Email: info@thanglong.vn

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phúc La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại/TEL: 066 157 899 - 0888 139 155
Website: www.hdthudo.com.vn
Email: info@hdthudo.com.vn

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CHỨC VỤ/POSITION: CHIEF ARCHITECT

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

Any

Lê Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG

Any

Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT

Any

Dương Văn Đăng

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG 2 NHÀ ĐIỀU HÀNH

BỘ MÔ SỐ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

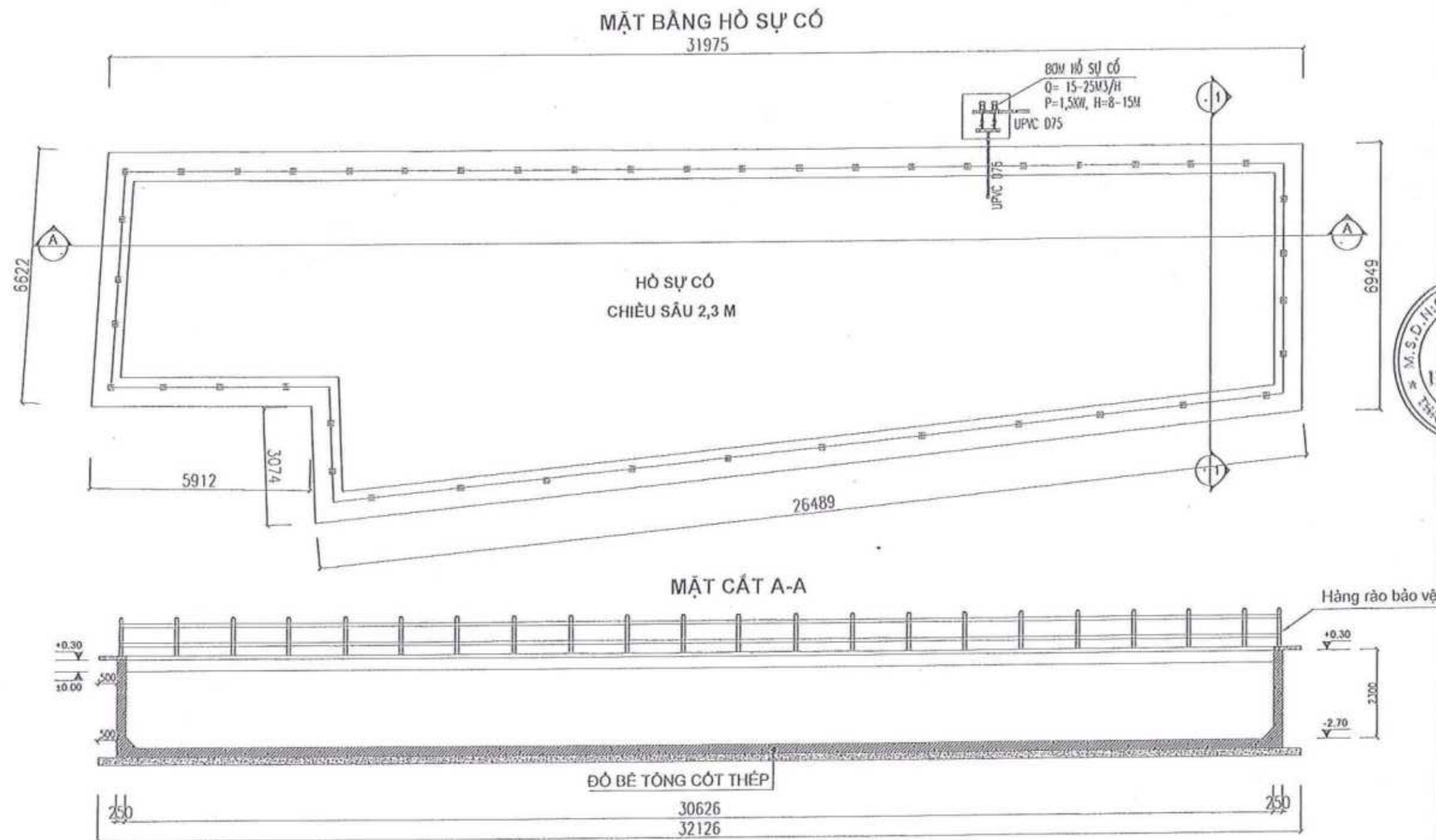
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

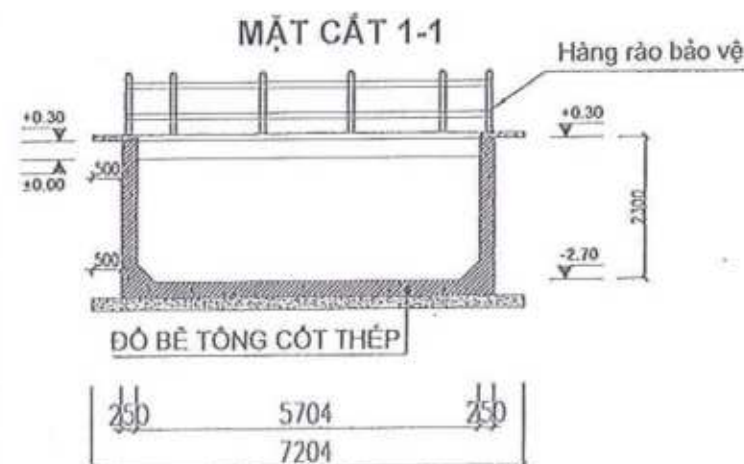
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG...NĂM...

KÝ HIỆU SYMBOL: CN-13B

SỐ LẦN SỬA:



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Any</i>	<i>Any</i>	<i>Any</i>
Lê Hải Giang	Trần Văn Chính	Nguyễn Văn Thành



THẨM TRA

Theo Văn bản số 26/2022/KKT.T.T.

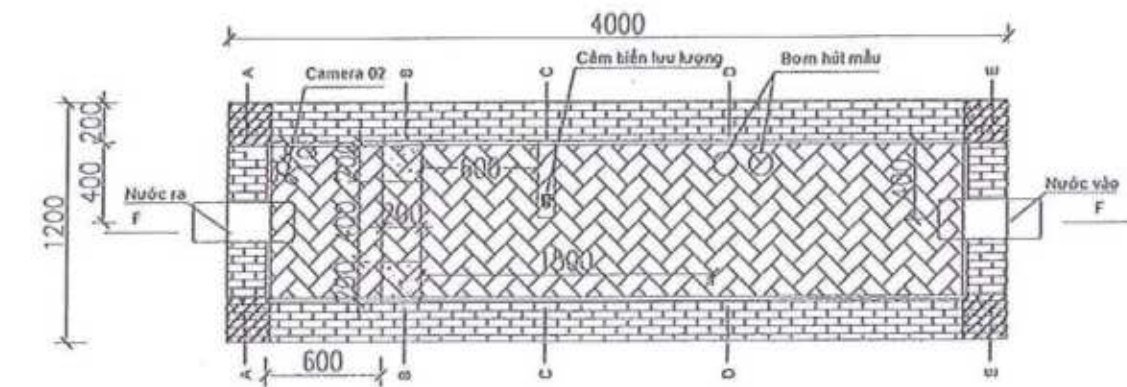
ngày 14/...tháng 02...năm 2022

Chủ trì bộ môn kỹ thuật: *Any*

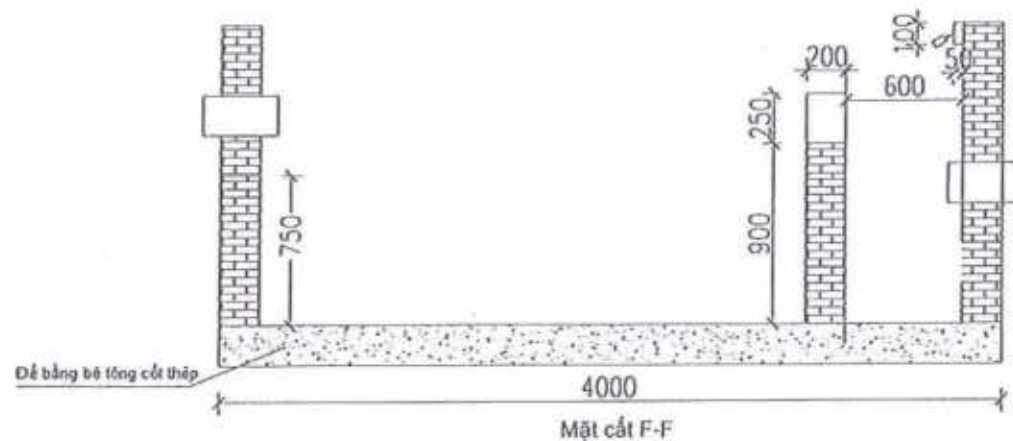
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Dục Công Hồ, Phường Dịch Cổn, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Mã số thuế: 0312111401 - Mã đăng ký: 0312111401
CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY HDC Đơn vị - Thiết kế - Giám sát CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO HD CAPITAL, JSC Địa chỉ: Số 22, Phố Ba La, Phường Phố La, Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội Điện thoại/TEL: 066 157 899 - 066 139 168 Email: info@hathudo.com.vn Website: HTTP://WWW.HATHUDO.COM.VN Email: info@hathudo.com.vn
TỔNG QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH/ PROJECT MANAGER CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐO Nguyễn Văn Thành Chủ trì Thiết kế/ CHAIR DESIGN
THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING Dương Văn Đăng Quản lý kỹ thuật/ MANAGEMENT TECHNIQUES Nguyễn Hữu Thọ
DỰ ÁN/ PROJECT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LĂNG NGHỆ THANH THỦY - GD2 HẠNG MỤC/ ITEM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/ NGÀY ĐÊM ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE THÔN GIA VINH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE CHI TIẾT HỒ SỰ CỐ
BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO XÉT KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG) SETS: DESIGN DRAWINGS HOÀN THIỆN/ ISSUE DATE: tháng 02/2022 KÝ HIỆU SYMBOL: CN-15 SỐ LẦN SỬA:

CHI TIẾT MƯƠNG QUAN TRẮC

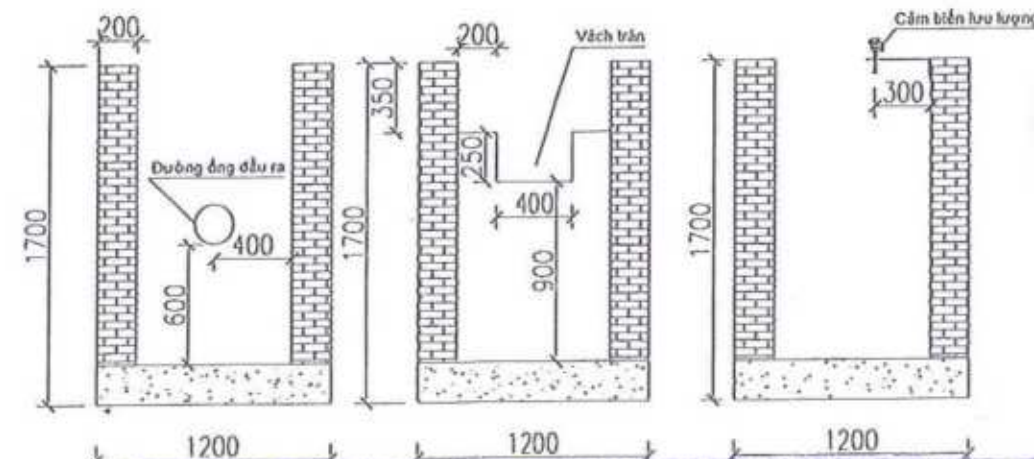
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG C & D
 THIỂM TRA
 Theo Văn bản số 06/2012 P.C&T
 ngày 14...tháng 02...năm 2022
 Chủ trì bộ môn ký tên: *Hs*



Hình chiếu bằng



Mặt cắt F-F



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BÀC
 Mặt cắt A-A Mặt cắt B-B Mặt cắt C-C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

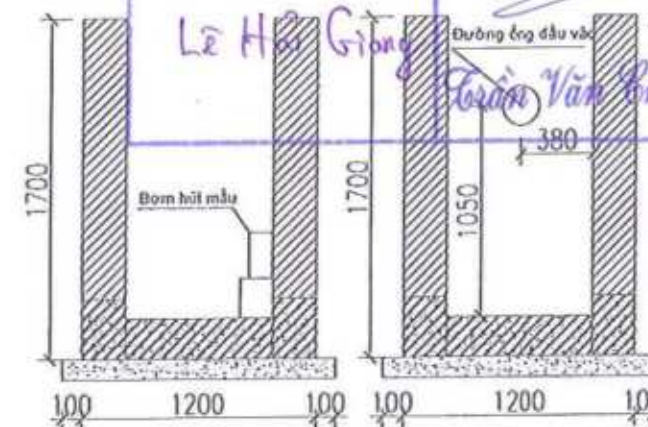
Nguyễn Hoàng

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

Trần Văn Bình

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Dương Văn Đông



Mặt cắt D-D

Mặt cắt E-E

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTORS
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
 THƯƠNG LONG VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Định Công BA, Phường
 Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
 Mã số thuế: 0311000000 - 0000000000

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANCY
 HDC
 Unit 1A - Phái đoàn - Cầu Giấy

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ
 HD CAPITAL JSC
 Địa chỉ: Số 22, Phố Bala, Phường Phố La,
 Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
 Điện thoại: 028 157 899 - 0988 139 165
 Website: HTTP://WWW.HDTHUDO.COM.VN
 Email: hdmh@hdmh.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL MANAGER
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 HD THỦ ĐỒ
 ĐƯỢC SẴN THÀNH
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / CHAIR DESIGN

Nguyễn Hữu Thọ
 NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING
Dương Văn Đông
 DƯƠNG VĂN ĐÔNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGER TECHNIQUES
Nguyễn Hữu Thọ
 NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN / PROJECT
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
 KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
 LÃNG NGHỆ THANH THỦY - GĐ2
 HẠNG MỤC / ITEM
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / CONSTRUCTION SITE
 THÔN GIA VINH, XÃ THANH
 THỦY, HUYỆN THANH OAI,
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

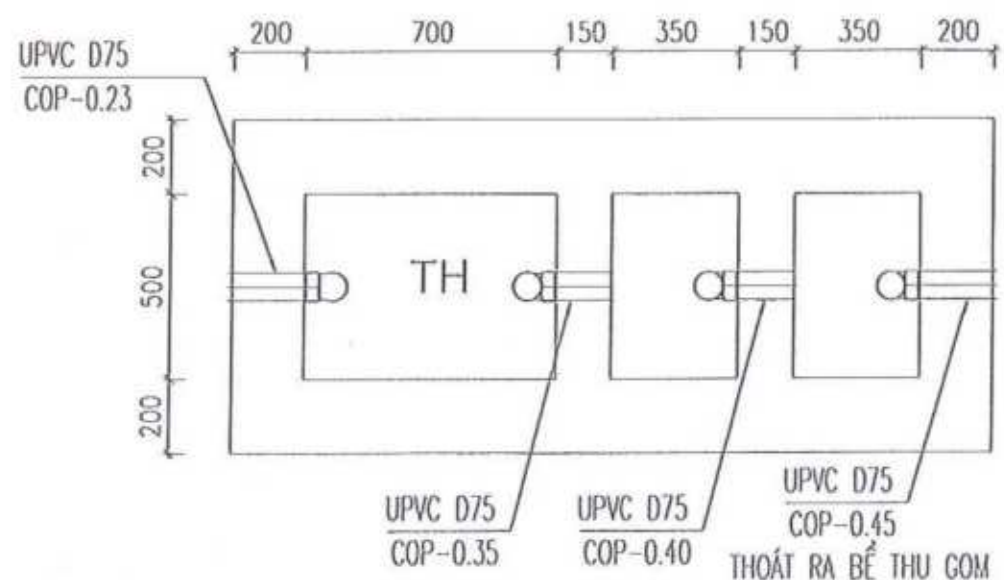
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
 CHI TIẾT MƯƠNG QUAN TRẮC

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
 (THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG)
 SETS: DESIGN DRAWINGS

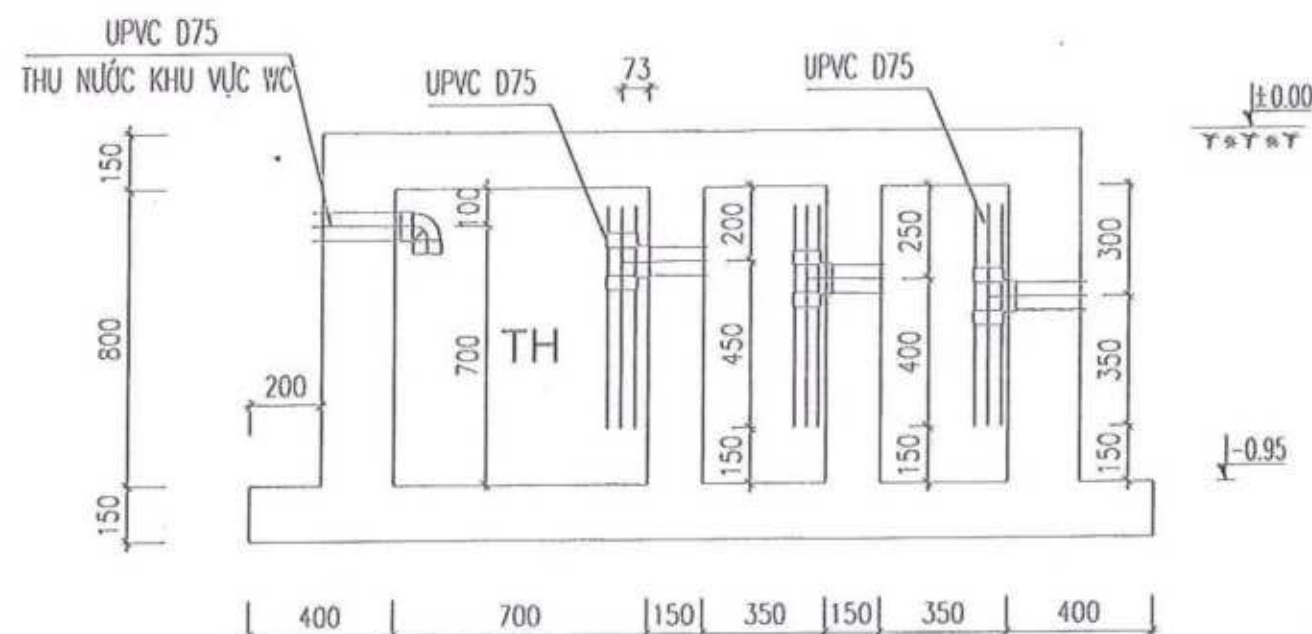
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE: THÁNG...NĂM...

KÝ HIỆU SYMBOL: CN-16A

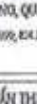
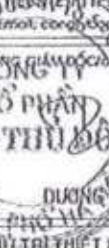
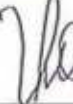
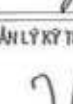
SỐ LẦN SỬA:

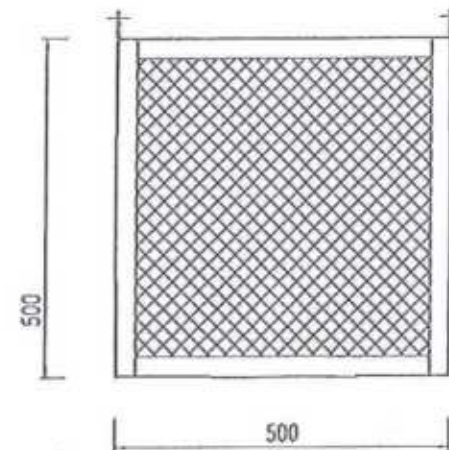


CÔNG TY CỔ PHẦN HUYỀN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D
TUẦN TRA
 Theo Văn bản số 06/2022/KĐ.T.T?
 ngày 14...tháng...02...năm 2022...
 Chủ trì bộ môn ký tên:



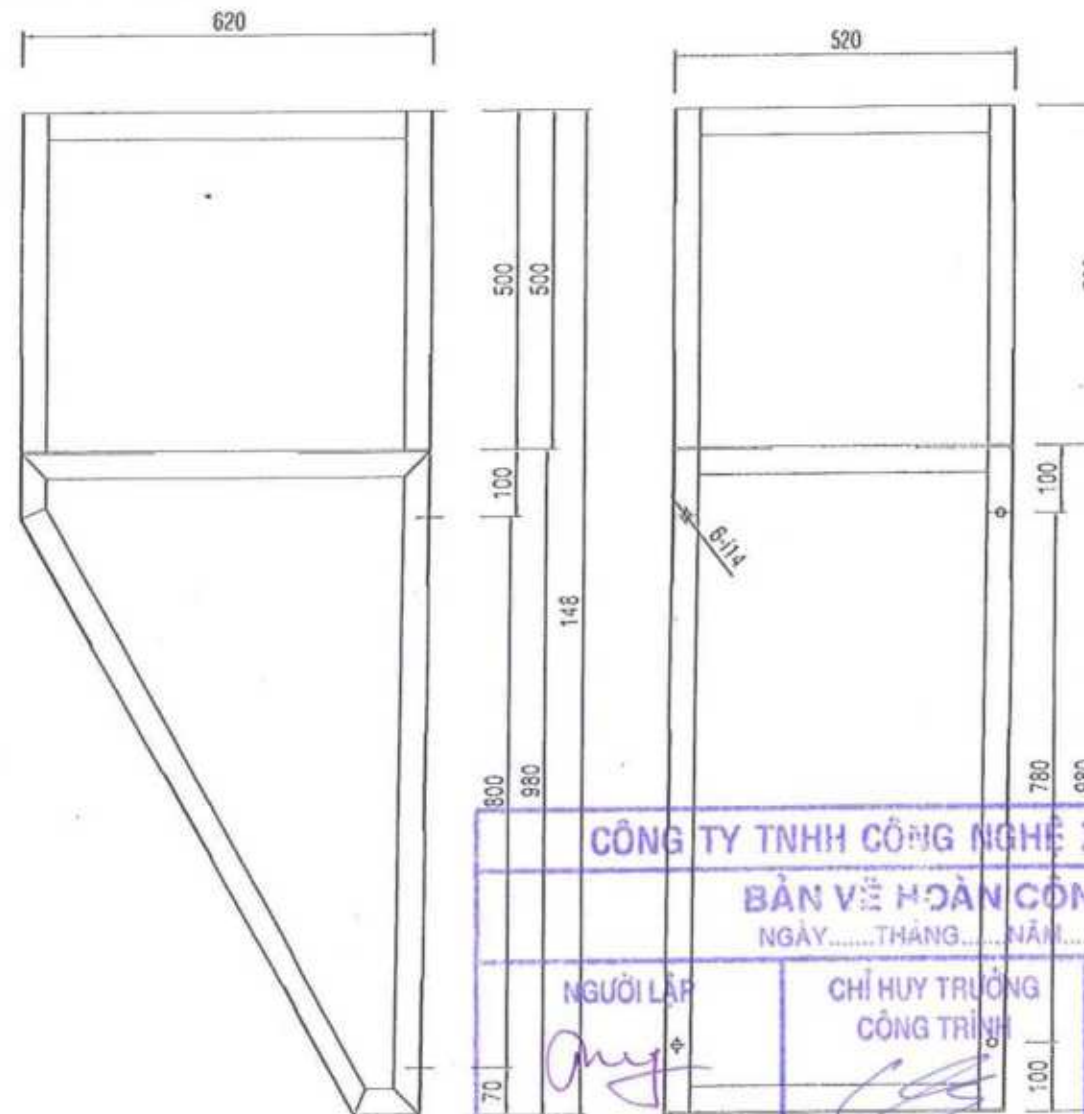
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....		
NGƯỜI LẬP  Lê Hải Giang	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH  Trần Văn Chính	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỜNG  Dương Văn Hùng

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTORS CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĂNG LONG VIỆT NAM  ĐỊA CHỈ SỐ 1 NGÕ 104 THOẠI DƯƠNG CỎNG HẠ, PHƯỜNG DƯƠNG CỎNG, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI VỀ: KINH DOANH, KINH LÝ KINH - 0903 604 604 0903 604 604	
CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANCY  ĐƠN VỊ: NGUYỄN HỮU THỌ	
CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐỒ HD CAPITAL ,, JSC ĐỊA CHỈ: 06, SỐ 22, PHỐ HÀ LA, PHƯỜNG PHỐ LA, QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐIỆN THOẠI / TEL : 0865 157 899 - 0888 139 166 WEBSITE: http://www.hdthudo.com.vn Email: congtyhdthudo@gmail.com	
 DUONG VAN THANH CHỦ TRƯ THIẾT KẾ / CHAIR DESIGN  NGUYỄN HỮU THỌ	
THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING.  DUONG VAN THANH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES  NGUYỄN HỮU THỌ	
DỰ ÁN / PROJECT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ THANH THỦY - G02 HẠNG MỤC / ITEM TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / CONSTRUCTION SITE THÔN GIA VĨNH, XÃ THANH THỦY, HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE CHI TIẾT BÊ TÔNG HỘ	
BỘ HỒ SƠ: BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT (THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG) SETS: DESIGN DRAWINGS	
HOÀN THÀNH / ISSUE DATE:	THÁNG ... / 20...
KÝ HIỆU SYMBOL:	CN-16B
SỐ LẦN SỬA:	



- VẬT LIỆU: INOX304, V30XT2MM, LƯỚI A10XD1.2MM
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

– VẬT LIỆU: INOX304, V40XT3MM
– SỐ LƯỢNG: 01 BỘ



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & B

THẨM TRA

Theo Văn bản số 06/20.221...KBT
ngày 14...tháng 02...năm 20.22

Chủ trì bộ môn ký tên: /s/

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTORS

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM**



Địa chỉ: số 1300110 Phố Ông Công Hà, Phường
Ông Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: 04121.9979, 041213.4471 - fax: 04121.9979

HDC
ĐÀO TẠO - PHÁT TRIỂN - CHIA SẺ

CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL ,, JSC
ĐỊA CHỈ: SỐ 22, MỞI BA LÁ, PHƯỜNG PHỐI LA
QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0666 157 899 - 0666 139 166
WEBSITE: [HTTP://WWW.HOTHUDO.COM.VN](http://www.hothudo.com.vn)
83623232 côngtyphanhcthudo@gmail.com

GÔNG TY
CỔ PHẦN

Đ. THỦ ĐỐ
DUONG DAN THANH

CHỨC TÀI THIẾT KẾ CHAIR DESIGN

 NGUYỄN HÒA

THIẾT KẾ + VẼ / DESIGN + DRAWING


DƯƠNG VĂN CÔNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECH

NGUYỄN HỮU

DU AN/PROJECT PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ T
KỸ THUẬT CỤM CÔNG N
LÀNG NGHỀ THANH THỦY

HANG MUC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC TH
200M3/NGÀY ĐÊM

DIK NICH VAY DANH CONSTRUCTIONAL FORM

THÔN GIA VINH, XÃ THẠCH
THỦY, HUYỆN THANH C
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	363	364	365	366	367	368	369	370	371	372	373	374	375	376	377	378	379	380	381	382	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	399	400	401	402	403	404	405	406	407	408	409	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	428	429	430	431	432	433	434	435	436	437	438	439	440	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450	451	452	453	454	455	456	457	458	459	460	461	462	463	464	465	466
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

CHI TIẾT RƠ CHẤN RẮC

100

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BÀN VẼ THI CÔNG)
SETS: DESIGN DRAWINGS

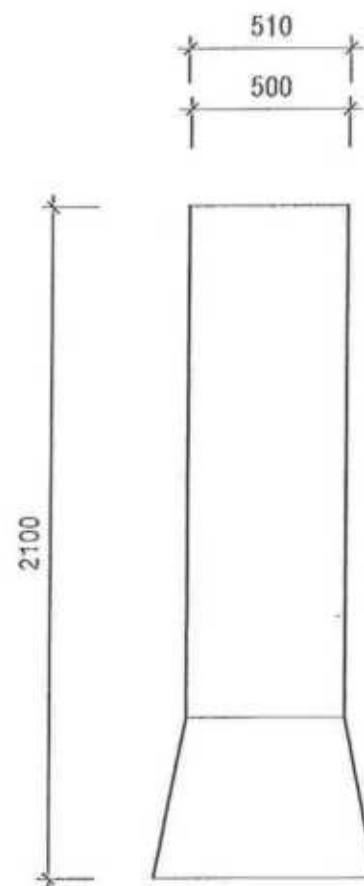
VOLUME / ISSUE DATE:		page
----------------------	--	------

FROM TRAINING/ISSUE DATE:	THWIS.

KÝ HIỆU/ SYMBOL:	CN
------------------	----

SỐ LẦN SỬA:

CHI TIẾT ỐNG LẮNG TRUNG TÂM, TẮM RĂNG CỬA MĂNG THU NƯỚC

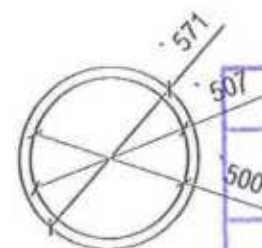


HÌNH CHIẾU CẠNH

ỐNG LẮNG TRUNG TÂM

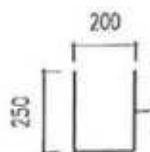
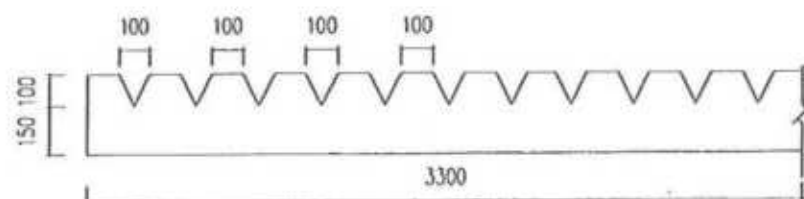
CHỈ CHỮ:

- VẬT LIỆU CHẾ TẠO: NHỰA PP DÀY 5MM
- SỐ LƯỢNG: 1 CÁI
- KÍCH THƯỚC: D x H = 700x2200MM (MIẾNG LỖ Ở DÂY D = 1000MM)
- LIÊN KẾT VỚI GIÁ DỠ BẰNG ECUBULONG INOX M6-M8 MM



HÌNH CHIẾU BẰNG

MĂNG THU NƯỚC



CHỈ CHỮ:

- VẬT LIỆU CHẾ TẠO: INOX304 DÀY 3-5MM
- KÍCH THƯỚC: L x W x H = 3300x200x250MM
- SỐ LƯỢNG: 1 CÁI
- LIÊN KẾT VỚI GIÁ DỠ BẰNG ECUBULONG INOX HOẶC TI REN TREO

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G.A.D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 16/2021.KĐ.T.H
ngày 14 tháng 02 năm 2022
Chủ trì bộ môn ký tên: /s/

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

NGƯỜI LẬP

Lê Hải Giang

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

Trần Văn Chính

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

Đường Văn Thành

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 1 Ngõ 14 Phố Đồng Cổ Xã, Phường
Đồng Cổ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Mã: 04387800, 04387801 - mã: 04387802-04387803

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 086 157 899 - 086 139 166
Email: congtycophanhathudo@gmail.com

THÀNH VIÊN COUNCIL MEMBER

CÓ PHẦN
HD THỦ ĐÔ

THÀNH VIÊN COUNCIL MEMBER

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

ĐƯƠNG VĂN ĐĂNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ MANAGEMENT TECHNIQUES

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/ PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VĨNH, XÃ THANH
THỦY, HUYỆN THANH OAI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE

CHI TIẾT ỐNG TRUNG TÂM, MĂNG
RĂNG CỬA VÀ TẮM CHÂN BỌT

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ ISSUE DATE:

THÁNG 02/2022

KÝ HIỆU SYMBOL:

CN-18

SỐ LẦN SỬA:

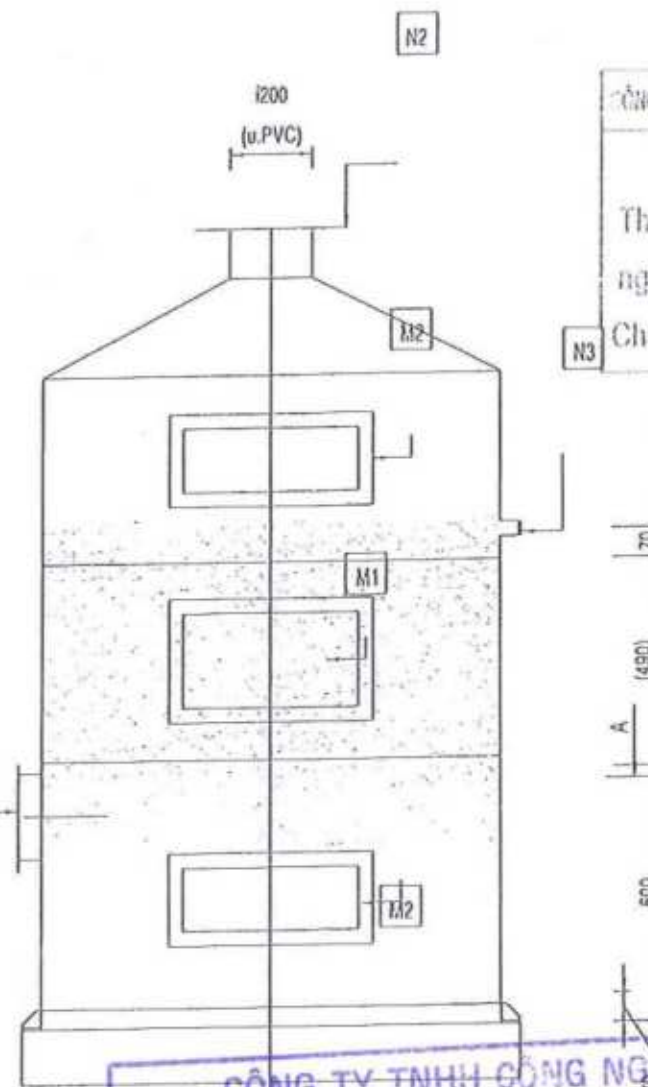
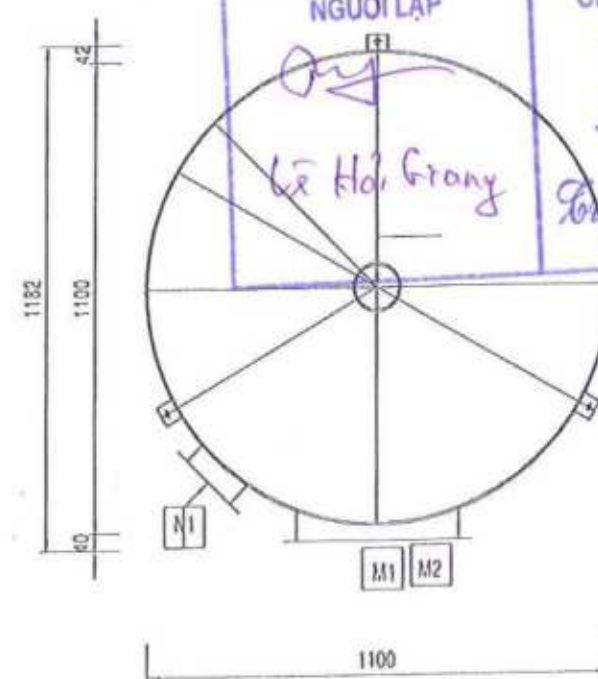
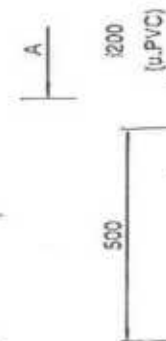
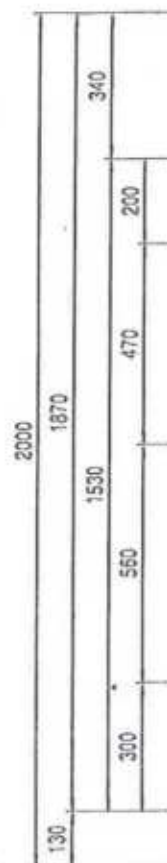
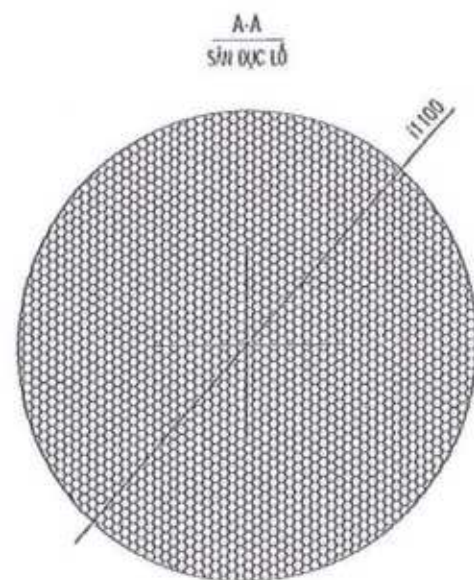
THÁP HẤP PHỤ (THAN HOẠT TÍNH)

(D1100XH2000)

CHỈ CHỮ

- N1 - ĐƯỜNG KHÍ VÀO THÁP: $\phi 125$ (U.PVC)
- N2 - ĐƯỜNG KHÍ RA KHỎI THÁP: $\phi 110$ (U.PVC)
- M1 - CỬA THĂM: 150X420
- M2 - CỬA THĂM: 220X420

VẬT LIỆU: COMPOSITE



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG G & D

THẨM TRA

Theo Văn bản số 0.6/2023/KR.T.T

ngày 17 tháng 02 năm 2022

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH BKAC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY...THÁNG...NĂM...

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

TƯ VẤN GIÁM SÁT
TRƯỞNG

[Signature]
Lê Hải Grang

[Signature]
Trần Văn Chính

[Signature]
Dương Văn Đình

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
THĂNG LONG VIỆT NAM



Địa chỉ số 1 Ngõ 10 Phố Đoàn Công Hạ, Phường
Đống Cống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

CƠ QUAN TƯ VẤN THIẾT KẾ/ DESIGN CONSULTANCY



CÔNG TY CỔ PHẦN HD THỦ ĐÔ
HD CAPITAL, JSC

Địa chỉ: Số 22, Phố Bà La, Phường Phố La,
Quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

Điện thoại/TEL : 0666 157 899 - 0666 139 166

Website/HTTP://WWW.HDTHUDO.COM.VN

Email: info@hdthudo.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL MANAGER

CÔNG TY

CỔ PHẦN

HD THỦ ĐÔ

DƯƠNG VĂN THẠNH

NGƯỜI THIẾT KẾ/ CHAIR DESIGN

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

THIẾT KẾ + VẼ/ DESIGN + DRAWING

[Signature]

DƯƠNG VĂN ĐÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / MANAGEMENT TECHNIQUES

[Signature]

NGUYỄN HỮU THỌ

DỰ ÁN/PROJECT

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG

KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

LÀNG NGHỀ THANH THỦY - GD2

HẠNG MỤC/ITEM

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

200M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG/ CONSTRUCTION SITE

THÔN GIA VINH, XÃ THANH

THỦY, HUYỆN THANH OAI,

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

CHI TIẾT THÁP KHỬ MÙI

BỘ HỒ SƠ: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG)

SETS: DESIGN DRAWINGS

HOÀN THÀNH/ISSUE DATE: THÁNG.../2022...

KÝ HIỆU/ SYMBOL: CN-19

SỐ LẦN SỬA:

